

**Khảo Cứu**  
**về**  
**Tâm Thức**  
**(A Study In Consciousness)**

**ANNIE BESANT**

**Một đóng góp vào môn**  
**Tâm Lý Học**  
**(A contribution to the Science of Psychology)**

1959

The Theosophical Publishing House  
Adyar – Madras 20 – India

*Dành cho những ai đi tìm đạo...*

## Lời nói đầu

Dụng ý của sách này là giúp cho các đạo sinh nghiên cứu về sự tăng trưởng và phát triển của tâm thức, đưa ra các gợi ý có thể giúp ích cho nhà nghiên cứu. Sách này không có kỳ vọng là một giải thích tỉ mỉ đầy đủ, mà đúng hơn, theo như tựa đề phụ của nó, chỉ là một đóng góp thêm cho khoa Tâm Lý Học mà thôi.

Trong tầm tay tôi có biết bao tài liệu cần thiết cho bất cứ một giải thích tỉ mỉ đầy đủ nào dành cho một khoa học có tầm quan trọng lớn lao bàn về việc khai mở tâm thức. Các tài liệu này từ từ được tích lũy trong tay của các đạo sinh thành tâm và cần mẫn, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nỗ lực nào để sắp xếp và hệ thống hóa các tài liệu đó thành một tổng thể có mạch lạc cả.

Trong quyển sách nhỏ này, tôi chỉ sắp xếp một phần nhỏ các tài liệu đó với hy vọng rằng bây giờ nó có thể hữu ích đối với một số người làm việc cần cù trong lĩnh vực rộng lớn này của Công Cuộc Tiến Hóa Tâm Thức, và trong tương lai, có thể dùng như là một viên đá trong việc xây dựng hoàn hảo hơn.

Cần có được một đại kiến trúc sư để dựng nên đền đài tri thức đó, và cần có được các tay thợ hồ kiệt xuất tài ba để điều khiển việc xây dựng. Hiện giờ, chúng ta chỉ đủ sức để làm công việc tập sự và chuẩn bị các hòn đá chưa được gọt dũa để cho những tay thợ thành thạo hơn nhiều sử dụng.

**Annie Besant**



# NỘI DUNG

## PHẦN I

### Tâm thức

|   | <u>Trang</u> |              |
|---|--------------|--------------|
|   | Bản Anh ngữ  | Bản Việt ngữ |
| <u>Dẫn nhập</u>                         |              |              |
| 1. Các cội nguồn                        | 1            | 9            |
| 2. Cội nguồn của Chân Thần              | 10           | 18           |
| <u>Chương I – Chuẩn bị lãnh vực</u>     |              |              |
| 1. Tạo thành nguyên tử                  | 13           | 21           |
| 2. Tinh thần – Vật chất                 | 16           | 24           |
| 3. Các cõi phụ                          | 18           | 26           |
| 5. Năm cõi                              | 22           | 30           |
| <u>Chương II - Tâm thức</u>             |              |              |
| 1. Định nghĩa từ ngữ                    | 25           | 32           |
| 2. Chân Thần                            | 35           | 42           |
| <u>Chương III – Cư dân của lãnh vực</u> |              |              |
| 1. Sự giáng thế của Chân Thần           | 45           | 52           |
| 2. Tổ chức                              | 53           | 60           |
| 3. Bảy luồng sinh hóa                   | 58           | 65           |
| 4. Các Thiên Thần (Đấng Quang Minh)     | 62           | 69           |
| <u>Chương IV – Nguyên tử thường tồn</u> |              |              |
| 1. Kết hợp của các nguyên tử            | 66           | 73           |
| 2. Sinh võng                            | 70           | 77           |
| 3. Chọn các nguyên tử thường tồn        | 72           | 79           |
| 4. Sử dụng nguyên tử thường tồn         | 75           | 81           |

|    |   |     |     |
|----|---|-----|-----|
| 5. | Tác động của Chân Thân trên NTTTT                       | 84  | 90  |
|    | <u>Chương V</u> – Hồn khóm                              |     |     |
| 1. | Định nghĩa thuật ngữ                                    | 89  | 95  |
| 2. | Phân chia của hồn khóm                                  | 93  | 99  |
|    | <u>Chương VI</u> – Sự hợp nhất của Tâm thức             |     |     |
| 1. | Tâm thức là một đơn vị                                  | 105 | 109 |
| 2. | Hợp nhất của tâm thức hồng trần                         | 108 | 111 |
| 3. | Định nghĩa hồng trần thức                               | 113 | 116 |
|    | <u>Chương VII</u> – Cơ cấu của tâm thức                 |     |     |
| 1. | Phát triển của cơ cấu                                   | 119 | 121 |
| 2. | Thể cảm dục   | 127 | 129 |
| 3. | Tương ứng trong các căn chủng                           | 131 | 132 |
|    | <u>Chương VIII</u> – Các giai đoạn đầu của con người    |     |     |
| 1. | Lần sóng sinh hoạt Thứ Ba                               | 133 | 134 |
| 2. | Phát triển con người                                    | 136 | 137 |
| 3. | Những tâm hồn và thể xác lạc lỏng                       | 141 | 141 |
| 4. | Hé mở tâm thức trên cõi cảm dục                         | 143 | 144 |
|    | <u>Chương IX</u> – Tâm thức và Ngã thức                 |     |     |
| 1. | Tâm thức  | 152 | 151 |
| 2. | Ngã thức  | 157 | 156 |
| 3. | Chân và giả   | 160 | 159 |
|    | <u>Chương X</u> – Các trạng thái tâm thức của con người |     |     |
| 1. | Tiềm thức   | 165 | 163 |
| 2. | Tâm thức lúc tỉnh thức                                  | 168 | 166 |
| 3. | Tâm thức siêu phàm                                      | 173 | 170 |
|    | <u>Chương XI</u> – Chân Thân hoạt động                  |     |     |
| 1. | Tạo các hiện thể của Chân Thân                          | 189 | 185 |

|    |   |     |     |
|----|---|-----|-----|
| 2. | Một con người tiến hóa                    | 197 | 192 |
| 3. | Tuyển yên và tuyển tùng quả               | 199 | 194 |
| 4. | Các con đường của tâm thức                | 203 | 197 |
|    | <u>Chương XII</u> – Bản chất của ký ức    |     |     |
| 1. | Đại Ngã và các Tiểu Ngã                   | 205 | 199 |
| 2. | Thay đổi trong hiện thể và trong tâm thức | 209 | 203 |
| 3. | Ký ức                                     | 212 | 205 |
| 4. | Ký ức là gì?                              | 215 | 208 |
| 5. | Nhớ và quên                               | 219 | 211 |
| 6. | Chú ý                                     | 224 | 217 |
| 7. | Tâm thức Duy Nhất                         | 226 | 218 |

## PHẦN II

### **Ý chí, Dục vọng và Xúc cảm**

|    |  |     |     |
|----|--|-----|-----|
|    | <u>Chương I</u> – Ý muốn linh hoạt       | 231 | 221 |
|    | <u>Chương II</u> – Dục vọng              |     |     |
| 1. | Bản chất của dục vọng                    | 236 | 226 |
| 2. | Khơi dậy dục vọng                        | 240 | 230 |
| 3. | Liên hệ của Dục vọng với Tư tưởng        | 243 | 233 |
| 4. | Dục vọng, Tư tưởng, Hành động            | 246 | 235 |
| 5. | Bản chất ràng buộc của Dục vọng          | 247 | 236 |
| 6. | Bẽ gãy các mối ràng buộc                 | 250 | 238 |
|    | <u>Chương III</u> – Dục vọng (tiếp theo) |     |     |
| 1. | Hiện thể của Dục vọng                    | 253 | 242 |
| 2. | Xung đột của Dục vọng và Tư tưởng        | 258 | 247 |
| 3. | Giá trị của một Lý tưởng                 | 262 | 250 |
| 4. | Thanh luyện Dục vọng                     | 265 | 253 |
|    | <u>Chương IV</u> – Xúc cảm               |     |     |
| 1. | Nguồn gốc Xúc cảm                        | 269 | 257 |
| 2. | Tác động của xúc cảm trong gia đình      | 274 | 262 |
| 3. | Nguồn gốc của Đức hạnh                   | 279 | 267 |

|    |  |     |     |
|----|--|-----|-----|
| 4. | Phải và Trái                                 | 281 | 268 |
| 5. | Đức Hạnh và Chí Phúc                         | 282 | 270 |
| 6. | Chuyển hóa xúc cảm thành Đức Hạnh và Tật xấu | 284 | 271 |
| 7. | Áp dụng Lý thuyết về Hạnh kiểm               | 287 | 274 |
| 8. | Sử dụng xúc cảm                              | 288 | 275 |
|    | <u>Chương V – Xúc cảm (tiếp theo)</u>        |     |     |
| 1. | Huấn luyện xúc cảm                           | 295 | 281 |
| 2. | Sức mạnh lệch lạc của xúc cảm                | 300 | 285 |
| 3. | Phương pháp chế ngự xúc cảm                  | 302 | 287 |
| 4. | Sử dụng xúc cảm                              | 309 | 294 |
| 5. | Giá trị của xúc cảm trong Cơ Tiến Hóa        | 314 | 298 |
|    | <u>Chương VI – Ý Chí</u>                     |     |     |
| 1. | Ý chí thắng đoạt Tự do                       | 318 | 302 |
| 2. | Tại sao tranh đấu quá nhiều                  | 329 | 313 |
| 3. | Năng lực của Ý chí                           | 334 | 318 |
| 4. | Bạch Đạo và Hắc Đạo                          | 342 | 325 |
| 5. | Tiến tới Hòa Bình                            | 343 | 327 |
|    | <u>Mục lục</u>                               | 347 | 5   |



# Phần I

## Tâm Thức

### Dẫn Nhập

Chủ đề về việc khai mở tâm thức trong các sinh linh đang tiến hóa trong một Thái Dương Hệ là một chủ đề rất khó hiểu. Hiện tại, không một ai trong chúng ta có thể hy vọng làm gì nhiều hơn là hiểu được một phần nhỏ về sự phức tạp của việc đó, tuy nhiên chúng ta có thể nghiên cứu nó theo cách nào để cho chúng ta có thể lấp đầy một số lỗ hổng trong việc suy tư của chúng ta, đồng thời cũng có thể tạo được cho chúng ta một đường nét khá rõ ràng để hướng dẫn việc tu tập sau này của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta không thể phác thảo được đường nét này theo bất cứ cách nào để làm thỏa mãn được trí óc chúng ta mà trước tiên không xem Thái Dương Hệ chúng ta như một tổng thể, đồng thời cố gắng để hiểu một ý tưởng nào đó, dù là mơ hồ đi nữa, ý tưởng đó cũng là “các mở đầu” (“the beginnings”) trong một hệ thống như thế.

#### **1- Các cõi nguồn (origins)**

Chúng ta biết rằng vật chất (matter) trong một Thái Dương Hệ tồn tại dưới bảy biến thái lớn (great modifications) hay là cõi (planes). Trong số các cõi này có ba cõi thường được nói đến như là “ba cõi thấp” (“three worlds”), đó là cõi hồng trần, cõi tình cảm (cảm dục) và cõi trí, gọi theo vũ trụ

khai tịch luận của Ấn giáo là Triloki hay là Tribhuvanam, nơi diễn ra cuộc tiến hóa bình thường của nhân loại.

Trên hai cõi kế tiếp, tức cõi tinh thần – cõi của minh triết và quyền năng, đó là cõi Bồ đề và Niết bàn – diễn ra cuộc tiến hóa đặc thù của vị Đạo đồ<sup>(1)</sup> sau lần điểm đạo thứ nhất của các Cuộc Điểm Đạo. Năm cõi này hợp thành trường tiến hóa của tâm thức, cho đến khi con người hòa nhập vào thiêng liêng.

Hai cõi vượt ngoài năm cõi trên tượng trưng cho lãnh vực hoạt động thiêng liêng, vây quanh và bao trùm tất cả, từ đó, mọi năng lượng thiêng liêng tuôn đổ ra để làm linh hoạt và bảo dưỡng toàn thể Thái Dương Hệ. Hiện giờ, hai cõi này hoàn toàn vượt ra ngoài sự hiểu biết của chúng ta, và một vài gợi ý được đưa ra liên quan đến hai cõi này có lẽ cũng đủ để cho thấy khả năng hiểu biết hạn chế của chúng ta. Chúng ta được dạy rằng hai cõi này là cõi của Tâm Thức thiêng liêng, trong đó Thượng Đế, hay Thượng Đế Ba Ngôi thiêng liêng biểu lộ và từ nơi đó Ngài tỏa chiếu với cương vị là Đấng Sáng Tạo (Creator), Đấng Bảo Tồn (Preserver) và Đấng Hủy Diệt (Dissolver), phát triển một vũ trụ, duy trì vũ trụ đó trong chu kỳ sinh hóa của nó, thu hồi vũ trụ đó vào chính Ngài vào lúc kết thúc chu kỳ sinh hóa. Chúng ta được biết tên của hai cõi này như sau: cõi thấp là Anupadaka (Đại Niết Bàn), trong cõi đó “không có hiện thể nào được tạo thành”<sup>(2)</sup>, cõi cao là Adi (Tối Đại Niết Bàn), “cõi thứ nhất”, nền tảng của một vũ trụ, nơi chõng đỡ và cội nguồn (fount) của sự sống vũ trụ. Như

---

<sup>1</sup> Đạo đồ: Đệ tử được điểm đạo - Initiate.(ND)

<sup>2</sup> Xuất phát từ Pranava-vada, một thủ bản Samskrit chưa xuất bản. (Nay đã được xuất bản dưới tên “Khoa học về Thánh Ngữ” hay Pranava-vada của Gargyayana).

3 vậy, bảy cõi của một vũ trụ, tức Thái Dương Hệ, mà, như chúng ta thấy theo cách mô tả văn tắt này, có thể được xem như tạo thành ba nhóm:

I- Trường biểu lộ của riêng Thượng Đế;

II- Trường tiến hóa siêu thường của nhân loại, tức trường tiến hóa của bậc điểm đạo;

III- Trường tiến hóa của giới hành khí, khoáng vật, thực vật, động vật và nhân loại bình thường. Chúng ta có thể thiết lập bảng sau:

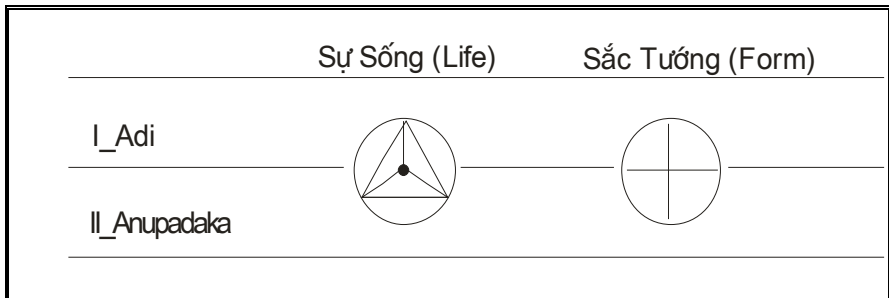
|                    |   |  |
|--------------------|---|--|
| I- Adi             | } | I- Trường biểu lộ của riêng Thượng Đế  |
| II- Anupadaka      |   |  |
| III- Atmic         | } | II- Trường tiến hóa siêu thường của nhân loại  |
| IV- Buddhic        |   |  |
| V- Cõi trí         | } | III- Trường tiến hóa của hành khí, khoáng vật, thực vật, động vật và nhân loại bình thường |
| VI- Cõi tình cảm   |   |  |
| VII- Cõi hồng trần |   |  |

Hai cõi cao nhất có thể được nhận thức như là hiện hữu trước khi Thái Dương Hệ được tạo thành, và chúng ta có thể tưởng tượng, cõi cao nhất, tức cõi Tối Đại Niết Bàn (Adi), như là gồm có rất nhiều chất liệu không gian (matter of space) – được tượng trưng bằng các dấu chấm – khi Thượng Đế đánh dấu để tạo thành nền tảng vật chất của các hệ thống mà Ngài sắp sanh hóa (produce). Giống như một công nhân chọn ra vật liệu mà y sắp nắn tạo thành sản phẩm của mình, Thượng Đế cũng chọn vật liệu và vị trí (place) cho vũ trụ của Ngài.

Một cách tương tự, chúng ta có thể tưởng tượng cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka) – được tượng trưng bằng các đường gạch ngang – như là gồm có cùng loại vật chất này được biến đổi bằng sự sống cá biệt của Thượng Đế, được tô điểm

- (coloured) – dùng một ẩn dụ có ý nghĩa – bằng Tâm Thức làm linh hoạt vạn hữu của Thượng Đế, và như vậy theo một cách nào đó không giống với cõi tương ứng trong một Thái Dương Hệ khác.

Chúng ta được dạy rằng các sự kiện tối cao của công việc chuẩn bị này có thể được hình dung thêm bằng các biểu tượng. Trong số các biểu tượng này, chúng ta có được hai nhóm (sets), một nhóm thể hiện một cách tượng trưng (images) cho biểu lộ tam phân của Tâm Thức Thượng Đế (Logic Consciousness), một nhóm là sự thay đổi tam phân trong vật chất tương ứng với Sự Sống tam phân – tức trạng thái sự sống và trạng thái sắc tướng của Ba ngôi Thượng Đế. Chúng ta có thể đặt chúng sát cạnh nhau như sau:



Ở đây, chúng ta có, dưới Sự Sống, Điểm nguyên thủy trong tâm của vòng tròn, Thượng Đế với tư cách là Đấng Duy Nhất bên trong khối cầu bao quanh do Ngài tự đặt ra bằng vật chất tinh anh nhất trong khối vật chất đó. Thượng Đế tự giới hạn Ngài với mục đích biểu lộ, tỏa chiếu từ Bóng Tối (Darkness).

Một câu hỏi tức khắc nảy sinh: Tại sao có Ba Ngôi Thượng Đế? Ở đây chúng ta động chạm đến vấn đề sâu xa nhất của siêu hình học mà muốn giải thích ra, thậm chí không được đúng lắm, cũng cần đến cả một quyển sách, dầu vậy

chúng ta cũng phải nêu ra câu hỏi để được giải đáp bằng việc suy gẫm cật lực.

- 5 Khi phân tích mọi vật đang hiện hữu, chúng ta đi đến nét khái quát lớn như sau: “Tất cả đều có thể chia thành “cái ta” (“I”) và “Không Ta” (“Not I”), “Ngã” (“Self”) và “Phi-Ngã” (“Not-Self”). Mọi vật riêng rẽ được cho là ở dưới mặt này hay mặt khác của đề mục Ngã hoặc Phi-Ngã. Không có gì mà không thể được đặt dưới một trong hai hình thức đó. “Ngã là Sự Sống, Tâm Thức; Phi-Ngã là Vật Chất, Hình Tướng (Form)”. Vậy thì, ở đây chúng ta có một nhị nguyên (duality). Nhưng Cặp Sóng Đôi (Twain) không phải là hai cái riêng biệt, cô lập và không có liên quan. Luôn luôn có mối liên hệ nằm giữa chúng, chúng luôn luôn tiến tới gần rồi tách ra xa, nhập lại và rời ra, sự tương tác này tự biểu lộ dưới hình thức vũ trụ hằng chuyển (ever-changing universe). Như vậy chúng ta có một Tam Nguyên (Trinity) chớ không phải một Nhị Nguyên, đó là Ngã, Phi-Ngã và Mối Liên Quan (Relation) giữa chúng. Nơi đây, tất cả đều được gộp chung, mọi vật và mọi mối liên hệ, đang có và có thể có, và do đó Ba (Three), không nhiều hơn mà cũng không ít hơn, là nền tảng của mọi vũ trụ trong toàn thể của chúng và của mỗi vũ trụ nói riêng<sup>1</sup>). Sự kiện căn bản này đặt lên trên mỗi Thượng Đế một tam bộ biểu lộ (triplicity of manifestation) trong một Thái Dương Hệ, và Cái Duy nhất (the One), tức Điểm (the Point), đi ra theo ba hướng đến chu vi của Vòng Vật Chất và quay trở về trên chính nó, biểu lộ một trạng thái khác ở mỗi chỗ tiếp xúc với Vòng Tròn – ba biểu lộ căn bản của Tâm Thức:

---

<sup>1</sup> Đạo sinh nên nghiên cứu kỹ “The Science of Peace” của Bhagavan Das, trong đó các vấn đề siêu hình học có liên quan được trình bày tỉ mỉ với sự khôn khéo hiếm có.

- 6 tức là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động – Tam Bộ thiêng liêng hay Ba Ngôi (divine Triad or Trinity)<sup>(1)</sup>. Vì bản ngã Đại Đồng, tức Pratyag-atma, tức “Nội Ngã” (“Inner Self”), trong khi nghĩ đến Phi Ngã, lại đồng hóa chính Ngài với nó, do đó chia sẻ với nó Bản Thể của Ngài. Đây là Hoạt Động thiêng liêng, tức Sat, hiện tồn được đưa thêm vào Phi hiện tồn, Toàn Linh Trí. Bản ngã, nhận thức chính Ngài là Minh Triết, Chit, nguyên lý bảo tồn. Bản ngã triệt thoái chính Ngài ra khỏi Phi Ngã dưới bản chất thuần khiết của chính Ngài, ấy là Bliss (Chí Phúc), Ananda, thoát khỏi sắc tướng.

- Mỗi Thượng Đế của một vũ trụ đều lập lại Ngã - Thức vũ trụ này: trong Hoạt Động của Ngài, Ngài là Trí sáng tạo, Kriya – tương ứng với Sat vũ trụ (universal Sat) – Brahma của Ấn giáo, Chúa Thánh Thần của Thiên Chúa Giáo, Chochmah của Kabbalist (tín đồ Do Thái Bí Giáo). Trong Minh Triết của Ngài, Ngài là Lý Trí an bài bảo tồn, Jnana – tương ứng với Chit vũ trụ – Vishnu của Ấn giáo, Chúa Con của Cơ Đốc giáo, Binah của Kabbalist. Trong Chí Phúc của Ngài, Ngài là Đấng Hủy Diệt (Dissolver) đối với hình hài, Ý Chí, Ichchha – tương ứng với Ananda Vũ trụ – Shiva của Ấn giáo, Chúa Cha của Cơ Đốc giáo, Kether của Kabbalist. Như vậy, trong mọi vũ
- 7

---

1 Còn một cách thích hợp khác để diễn tả tam bộ này, đó là “Quyền Năng, Minh Triết và Bác Ái” (“Power, wisdom and Love”); nhưng tam bộ này lại thiếu mất Hoạt động (Activity) và nhân đôi Bác Ái, trừ phi Bác Ái được xem như cái tương đương của nó, vì về mặt bản thể, Bác ái là hoạt động (active). Theo tôi, Minh Triết và Bác Ái dường như là cùng một trạng thái tâm thức. Những gì biểu lộ bên trên như là Minh Triết, nhận thức về sự Hợp nhất, thì sẽ biểu lộ trong cõi sắc tướng như là Bác Ái, mãnh lực thu hút vốn mang lại sự Hợp nhất trong một thế giới có các thực thể riêng biệt.

trụ đều có Thượng Đế Ba Ngôi, Ba Đấng sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt vũ trụ của các Ngài, mỗi Đấng bộc lộ chủ yếu bằng chức năng của Ngài một trạng thái (Ngôi) cai quản trong vũ trụ, hai ngôi kia phụ thuộc vào Ngôi này, dù cho luôn luôn hiện hữu, dĩ nhiên. Vậy thì mỗi Thượng Đế biểu lộ (manifested God) được nói đến như là Ba Ngôi (Trinity). Việc nối kết (joining) của Ba Ngôi này, tức là các giai đoạn biểu lộ, ở nơi các điểm tiếp xúc bên ngoài của chúng với vòng tròn, tạo ra tam giác căn bản tiếp xúc với vật chất, mà, với ba Tam giác được làm bằng các đường thẳng vạch bằng Điểm Chấm, như vậy tạo thành Tứ Linh Diệu thiêng liêng, đôi khi được gọi là Tứ Nguyên Vũ trụ, Ba Ngôi thiêng liêng tiếp xúc với vật chất, sẵn sàng để sáng tạo. Toàn bộ các Ngôi này là Đại Hồn (Oversoul)<sup>(1)</sup> của vũ trụ đang hiện tồn.

Trước tiên, chúng ta có thể xem qua tác động của các Ngôi này dưới hình thức sắc tướng khi đáp ứng với khía cạnh vật chất. Dĩ nhiên, các tác động (effect) này không do Thượng Đế của một Thái Dương Hệ, mà là do các tương ứng trong vật chất vũ trụ với các trạng thái của Bản Ngã vũ trụ. Trạng thái Chí Phúc (Bliss), hay ý chí, áp đặt trên vật chất tính chất Tĩnh (Inertia) – Tamas, năng lực đối kháng, ổn định, yên tĩnh. Trạng thái Hoạt Động mang lại cho Vật Chất tính chất đáp ứng của nó đối với hành động – Rajas, tức tính chất động (mobility). Trạng thái Minh Triết mang lại cho nó tính chất Nhịp Nhàng (Rhythm) – Satva, rung động, hài hòa. Chính nhờ sự trợ giúp của vật chất, được chuẩn bị như thế mà các Trạng Thái của Tâm Thức Thượng Đế có thể tự biểu lộ dưới hình thức các Bản Thể (Beings).

---

<sup>1</sup> Emerson

Thượng Đế – chưa phải là Ngôi Một, vì chưa có Ngôi Hai – được xem như là Huyền Điểm (Point) xạ ra một hình cầu Vật chất, vạch ra quanh Ngài dưới hình thức lãnh vực của vũ trụ tương lai tỏa chiếu với vẻ huy hoàng không thể tưởng tượng, một Núi Ánh Sáng đích thực (true Mountain of Light) theo cách nói của Đức Bàn Cổ (Manu), nhưng Ánh Sáng đó vô hình, chỉ thấy được trên các cõi tinh thần. Khối cầu vĩ đại này đã được nói đến như là Chất Liệu nguyên thủy (primary Substance): đó là Thượng Đế tự qui định (Self-conditioned Logos), bất phân ly ở mọi điểm với Vật chất mà Ngài dành riêng cho vũ trụ của Ngài, trước khi Ngài đích thân lấy ra khỏi đó một ít trong lần biểu lộ thứ hai: đó là Khối cầu của Thiên Ý tự qui định (Self-conditioning Will) vốn sẽ đưa đến Hoạt động sáng tạo. “Tôi là Cái Này” (“This”), khi “Cái Này”, tức Phi-Ngã, được nhận biết. Nói một cách tượng trưng – để đưa ra gợi ý về Sắc tướng như được nhìn thấy từ khía cạnh bên ngoài – Huyền điểm rung động giữa tâm với chu vi, nhờ vậy tạo thành Đường Thẳng (Line) đánh dấu việc tách rời của Tinh Thần và Vật Chất<sup>1</sup>), làm cho việc nhận thức có thể xảy ra, và như vậy sinh ra Hình Hai cho Trạng Thái thứ hai, Đấng (Being) mà chúng ta gọi là Thượng Đế Ngôi Hai, về mặt biểu tượng là Đường Thẳng hay Đường Kính của vòng tròn. Trong một câu nói huyền bí có nói đến Đường

---

<sup>1</sup> Ở đây cần nhớ kỹ rằng việc “tách rời” (“drawing apart”) này là tách rời chỉ trong tâm thức mà thôi: ý tưởng về Tinh thần tách rời khỏi ý tưởng về vật chất. Trong vũ trụ hiện tượng, không có Tinh thần nào mà không bị chi phối (unconditioned) bởi vật chất, không có một phần tử vật chất nào mà không được làm linh hoạt (uninformed) bằng Tinh thần. Mọi hình tướng đều có tâm thức, mọi tâm thức đều có hình tướng (forms).



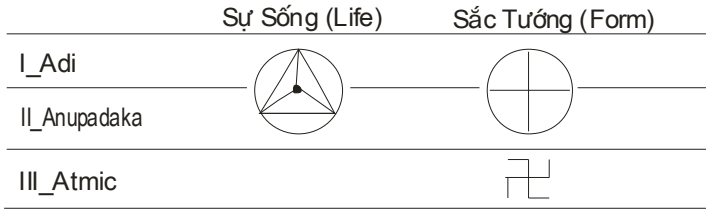
Kính này: “Ngươi là Con Ta; ngày nay Ta đã sinh Ngươi” (Psalms, ii, 7)<sup>(1)</sup> mối liên hệ của Cha và Con này nằm trong sự hợp nhất của Sự Sống Thiêng Liêng (Divine Existence) của Thượng Đế Ngôi Một và Ngôi Hai, dĩ nhiên thuộc về Ngày Biểu Lộ, tức chu kỳ sinh hoạt (Life-period) của một vũ trụ. Chính việc khai sinh ra Đấng Con (Son), tức sự xuất hiện của Thượng Đế Ngôi Hai, Minh Triết, được ghi dấu trong thế giới Sắc Tướng bằng sự phân hóa, tức tách ra, của Tinh Thần và Vật chất, tức là hai cực mà giữa hai cực đó, mạng lưới của một vũ trụ được dệt nên. Dường như là sự phân ly của dòng điện trung hòa bất động – có thể tượng trưng cho Thượng Đế Ngôi Một – thành hình thức kép của dương và âm – tượng trưng cho Thượng Đế Ngôi Hai – như vậy tạo ra cái biểu lộ vô hiện (the unmanifest manifest). Sự phân ly này bên trong Thượng Đế Ngôi Một được tiêu biểu một cách rõ ràng cho chúng ta trong việc chuẩn bị cho việc sinh sản của tế bào (cell-multiplication) mà chúng ta có thể nghiên cứu trên côi trần, trong đó chúng ta thấy các tiến trình dẫn đến sự xuất hiện của một vách phân chia, nhờ đó một tế bào duy nhất trở thành hai. Vì tất cả những gì xảy ra ở đây chỉ là hình ảnh bằng vật chất thô trực của các biến cố trên các côi cao và chúng ta có thể thường tìm thấy một cây nạng chống đỡ cho sự tưởng tượng khập khiễng của chúng ta trong các nghiên cứu của chúng ta về sự phát triển vật chất. “Trên sao, dưới vậy”. Côi trần là phản ảnh của côi tinh thần.

Kế đến, Huyền Điểm, với Đường Thẳng xoay quanh theo nó tạo ra rung động nơi các góc vuông (right angles) theo với rung động trước, và như vậy tạo thành chữ Thập (Cross) vẫn ở trong vòng tròn, như thế chữ Thập “xuất phát

---

<sup>1</sup> Psalms: Thi Thiên (thuộc Cựu Ước Kinh)

từ Cha và Con”, biểu tượng của Thượng Đế Ngôi Ba, tức Thiên Trí Sáng Tạo Hoạt Động thiêng liêng bây giờ sẵn sàng để biểu lộ dưới hình thức Đấng Sáng Tạo (Creator). Kế đến, Ngài tự biểu lộ như là Thập Giá Linh Hoạt hay là Svastika (chữ Vạn), Ngôi Một trong Ba Ngôi biểu lộ bên ngoài hai cõi cao nhất, đó là giai đoạn thứ ba của khai mở thiêng liêng.



## 2- Cội nguồn của Chân Thần

Trước khi nghiên cứu Hoạt Động sáng tạo của Thượng Đế Ngôi Ba, chúng ta phải xem xét cội nguồn của Chân Thần, tức là các Đơn vị Tâm Thức, vì sự tiến hóa của các Chân Thần trong vật chất mà trường tiến hóa của một vũ trụ phải được chuẩn bị. Chúng ta sẽ trở lại nghiên cứu Chân Thần một cách đầy đủ hơn trong chương II. Vô số các Đơn Vị Tâm Thức như thể cần được phát triển trong vũ trụ tương lai được sinh ra trong Sự Sống thiêng liêng, giống như các tế bào mầm trong cơ thể, trước khi lãnh vực dành cho sự tiến hóa của chúng được tạo ra. Về sự ban phát ra ngoài này, người ta đọc thấy: “CÁI ẤY muốn rằng: Tôi sẽ tăng gia và sẽ được sinh ra”. (“THAT willed: I shall multiply and be born”) (Chhandogyopanishat, ii, 3) và Vạn Thù (the Many) xuất phát trong Nhất Bản (the One) bằng tác động của Ý Chí. Ý Chí có hai trạng thái hút và đẩy, hút vào (inbreathing) và thở ra (outbreathing), khi trạng thái đẩy mạnh hơn (energize) thì có sự phân ly, tách rời.

Việc tăng bội bên trong Cái Duy Nhất bằng tác động của Ý Chí đánh dấu vị trí cội nguồn – Thượng Đế Ngôi Một, Đấng bất phân ly, Từ Phụ Vinh Cửu. Đây là các tia linh quang (sparks) của Tối Thượng Hỏa (supreme Fire), “Các Mảnh thiêng liêng” (“divine Fragments”) ( Trích “Ánh Sáng trên Thánh Đạo”) thường được gọi là “Chân Thần” (“Monads”). Một Chân Thần là một mảnh nhỏ (fragment) của Sự Sống thiêng liêng, tách ra dưới hình thức một thực thể cá biệt bằng một màng mỏng bằng vật chất loãng nhất, vật chất trong đó loãng đến nỗi trong khi mang lại một hình hài riêng biệt cho mỗi thực thể, vật chất đó không gây một chướng ngại nào cho việc liên giao tự do của một sự sống được đóng khung trong đó với các sự sống tương tự ở chung quanh.

Như vậy, sự sống của Chân Thần là sự sống của Thượng Đế Ngôi Một, và do đó có ba trạng thái, đó là Tâm Thức hiện hữu với tư cách Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động. Sự sống này hình thành trên cõi Biểu lộ thiêng liêng, tức cõi thứ nhì, hay Anupadaka, các con của Từ Phụ (Father) chẳng khác nào là Thượng Đế Ngôi Hai, nhưng là những

12 Đứa Con trẻ trung không có được quyền năng thiêng liêng nào để có thể hoạt động trong loại vật chất trọng trực hơn là vật chất của các cõi riêng của chúng. Trong khi Thượng Đế với bao kỳ nguyên tiến hóa đằng sau, Ngài dễ dàng thực hiện các quyền năng thiêng liêng của Ngài, “Đứa con cả giữa nhiều anh em” (Romans, VIII, 29).

Chân Thần ngự tại cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka plane), còn cội nguồn sự sống của Chơn Thần ở cõi Tối Đại Niết Bàn (Adi), cho đến nay không có các hiện thể để Chân Thần có thể tự biểu lộ trong đó, trông chờ ngày “biểu lộ của các Con Đức

Chúa Trời” (Romans, VIII, 19)<sup>(1)</sup>. Chân Thần chờ ở đây trong khi Thượng Đế Ngồi Ba bắt đầu công việc biểu lộ bên ngoài, tức công cuộc nắn tạo vũ trụ ngoại cảnh. Ngài sẽ dốc hết sự sống của Ngài vào vật chất, để nắn tạo nó thành các chất liệu thích hợp cho việc kiến tạo các hiện thể mà các Chân Thần cần dùng cho công cuộc tiến hóa của Chân Thần. Nhưng Ngài sẽ không bị tràn ngập (merged) trong công việc của Ngài, vì công việc đó dường như bao la đối với chúng ta, nhưng đối với Ngài, đó chỉ là một điều nhỏ bé: “Trong khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ này với một phần của chính Ta, Ta vẫn còn đó”. (Bhagavad-Gita, X, 42). Cá tính kỳ diệu đó không mất đi, và chỉ một phần trong đó cũng đủ cho sự sống của một vũ trụ. Thượng Đế, tức Đại Hồn, vẫn còn đó, vị Chúa Tể của vũ trụ Ngài

---

<sup>1</sup> Nguyên văn: “awaiting the day of “manifestation of the Sons of God”. Bản dịch của Thánh Kinh 2003: “trông đợi con cái Đức Chúa Trời được tỏ ra””(trang 157, phần Tân Ước).

## Chương I

### Chuẩn bị lãnh vực

13

#### 1- Tạo thành nguyên tử

Thượng Đế Ngôi Ba, tức Toàn Linh Trí, bắt đầu Hoạt động sáng tạo của Ngài bằng cách tác động trên vật chất được rút ra từ không gian vô tận theo mọi phía để tạo ra Thái Dương Hệ chúng ta. Vật chất này tồn tại trong không gian dưới những dạng thức mà ta không thể hiểu được, nhưng rõ ràng là đã được tạo ra cho các Thái Dương Hệ to lớn hơn. Bà H.P. Blavatsky đã dạy chúng ta rằng các cõi phụ nguyên tử (atomic subplanes) thuộc các cõi của Thái Dương Hệ chúng ta tạo thành cõi vũ trụ thấp nhất hay là cõi vũ trụ thứ nhất. Nếu chúng ta hình dung các nguyên tử của cõi vũ trụ đó như được tượng trưng bằng một nốt nhạc, thì các nguyên tử của vũ trụ chúng ta, do Thượng Đế Ngôi Ba tạo ra, có lẽ nên được tượng trưng bằng các họa âm (overtones) trong một nốt như thế. Điều có vẻ rõ rệt là các nguyên tử đó có liên quan chặt chẽ với "các nguyên tử không gian", tương ứng với các nguyên tử không gian này, nhưng ở dạng thức hiện nay, không thể đồng nhất với chúng. Nhưng bảy loại vật chất vốn trở thành "các nguyên tử" của vũ trụ chúng ta, đều được dẫn xuất trong vật chất rút ra từ không gian để tạo thành Thái

14 Dương Hệ, và cuối cùng được thu giảm (reducible) lần nữa để trở thành chúng. Bà Blavatsky ám chỉ đến việc phân chia thất phân được lặp lại để thành các nguyên tử ở cấp độ ngày càng thấp khi bà viết: "Nguyên tử Vũ Trụ Duy Nhất trở thành bảy nguyên tử trên cõi vật chất, và mỗi nguyên tử này

được chuyển hóa thành một trung tâm năng lượng. Cùng một nguyên tử này trở thành bảy tia (rays) trên cõi tinh thần ... riêng biệt nhau cho đến cuối thiên kiếp (kalpa) và tuy thế vẫn liên quan chặt chẽ “ (GLBN I, 696, ấn bản London 1928).

Bên ngoài các ranh giới của một vũ trụ, vật chất này ở một trạng thái rất đặc biệt; ba tính chất của vật chất là tịnh (inertia), động (mobility) và nhịp (rhythm)<sup>(1)</sup> được cân đối với nhau và ở trạng thái thăng bằng. Chúng có thể được hình dung như là đang nằm yên tĩnh trong một vòng tròn khép kín. Thực ra, theo một vài cổ thư, trong toàn bộ của nó, vật chất được mô tả ở vào trạng thái như là tịnh. Nó cũng còn được nói đến như là còn nguyên sơ (virgin); đó là Mary Đồng Trinh trên trời, đại dương vật chất nguyên sơ, nghĩa là với tác động của Thượng Đế Ngôi Ba sẽ trở thành Mẹ. Việc bắt đầu Hoạt Động sáng tạo này là phá vỡ vòng tròn khép kín đó, đưa các tính chất ra khỏi trạng thái ổn định thành trạng thái quân bình không ổn định (unstable equilibrium). Sự sống là chuyển động (motion) và Sự Sống của Thái Dương Thượng Đế – gọi một cách thi vị là Hơi Thở (Breath) của Ngài – tác động đến vật chất yên tĩnh này, đưa các tính chất của nó vào tình trạng quân bình không ổn định và do đó chúng luôn  
 15 luôn chuyển động liên quan với nhau. Trong chu kỳ sinh hoạt của một vũ trụ, vật chất bao giờ cũng ở vào tình trạng chuyển động không ngừng ở bên trong. Bà Blavatsky có nói: “Vũ trụ năng (Fohat) làm cứng lại và phân tán bảy Huynh Đệ... đưa điện năng vào sự sống và tách biệt (separate) chất liệu nguyên thủy (primordial stuff) hay hỗn nguyên khí (pregenetic matter) thành các nguyên tử” (GLBN I, 105).

---

<sup>1</sup> Tịnh: tamas, động: rajas, nhịp: satva.

Việc tạo lập (formation) nguyên tử có ba giai đoạn. Thứ nhất, ấn định ranh giới trong đó sự sống phú linh (ensouling life) – tức Sự Sống của Thượng Đế trong nguyên tử – sẽ rung động; việc hạn chế và qui định này đối với độ dài sóng (wavelength, bước sóng) của rung động, về mặt kỹ thuật được gọi là “số đo thiêng liêng” (“divine measure”)(<sup>1</sup>) việc này mang lại cho các nguyên tử của một cõi tính chất đặc thù riêng biệt của chúng.

Thứ hai, theo “số đo thiêng liêng” này, Thượng Đế vạch ra các đường (lines), để xác định hình thể (shape) của nguyên tử, các trục tăng trưởng (axes of growth) căn bản, liên hệ về góc (angular relation) của các trục này, liên hệ này định đoạt hình hài (form) đó là hình hài của nguyên tử vũ trụ tương ứng (<sup>2</sup>); sự tương đồng gần gũi nhất với các trục này là các trục của các tinh thể.

Thứ ba, do mức độ rung động và liên hệ góc của các trục tăng trưởng với nhau, kích cỡ và hình dạng của bề mặt, chúng ta có thể nói bề mặt hay vách của nguyên tử đã được định đoạt. Như vậy, trong mỗi nguyên tử, chúng ta có phạm vi của sự sống phú linh của nó, các trục tăng trưởng của nó và bề mặt (surface) hay vách bao bọc của nó.

Thượng Đế Ngôi Ba tạo ra năm loại nguyên tử khác nhau như thế, năm “số đo” (“measures”) khác nhau hàm chứa năm rung động khác nhau, mỗi loại tạo thành chất liệu căn bản (basic material) của một cõi; tuy thế, với các đối tượng (objects) khác nhau trong đó, mỗi cõi đều có loại

<sup>1</sup> Tanmatra, tức số đo (the measure) của Cái Đó - “Cái Đó” (“That”) là Đấng Thiêng Liêng (Divine Spirit)

<sup>2</sup> Một cách tổng hợp (collectively), một Tattva.

nguyên tử căn bản của riêng cõi ấy, sau rốt có thể được đưa vào bất cứ đối tượng nào của cõi ấy.

## 2- Tinh thần - Vật chất (Spirit - Matter)

Có lẽ hình dung từ Tinh thần-Vật chất sẽ được hiểu rõ hơn nếu chúng ta ngưng lại một chốc về phương pháp tạo ra nguyên tử của các cõi kế tiếp.

Vật chất của không gian chung quanh mỗi Thái Dương Hệ là Cội Rễ của Vật chất (Root of Matter, tức Hồn nguyên khí (Mulaprakriti) của Thái Dương Hệ đó (theo cách gọi thực tế của Ấn giáo). Vật chất của mỗi Thái Dương Hệ đều lấy chất liệu bao quanh đó làm căn cội hay nền tảng của nó, và vật chất đặc biệt của chính nó nảy sinh từ đó. Thượng Đế, tức Đại Hồn (Oversoul), của Thái Dương Hệ, thu hút lại quanh Ngài vật chất cần thiết từ không gian, làm cho vật chất đó sinh động (ensoul) bằng chính sự sống của Ngài, và sự sống bên trong vật chất tinh anh này (tức Hồn nguyên khí) gọi là Atma, tức Self, tức Tinh Thần (spirit), trong mọi phần tử (particle). Bà Blavatsky nói: “Fohat – năng lượng (energy) của Thượng Đế – xoi các lỗ (holes) trong Không gian”, quả không còn cách mô tả nào tinh tế và chính xác hơn nữa. Năng lượng xoay tít này tạo thành vô số vùng xoáy (vortices), mỗi vùng được hình thành bằng năng lượng thiêng liêng và các trục tăng trưởng, rồi mỗi trục được phủ bọc (shelled) bằng vật chất không gian, Atma ở trong một lớp vỏ Hồn nguyên khí, tinh thần ở trong một lớp vỏ vật chất, “các nguyên tử” của cõi Tối Đại Niết Bàn, tức cõi cao nhất, cõi thứ nhất.

Một số các nguyên tử này vẫn đóng vai trò “các nguyên tử”; một số khác nhập chung lại với nhau và hợp thành “các phân tử” (“molecules”). “Các phân tử” cũng nhập chung lại và tạo thành các kết hợp (combinations) phân tử phức tạp



hơn, và cứ thế tiếp tục cho đến khi sáu cõi phụ dưới cõi nguyên tử được tạo thành. (Điều này tương tự với những gì có thể được quan sát ở cõi dưới, vì các cõi cao nhất này đều không thể nhận biết được).

Bây giờ nói đến việc tạo lập nguyên tử ở cõi thứ nhì: Số đo và các trục tăng trưởng của chúng cũng được Thượng Đế Ngôi Ba ấn định như mô tả ở trên. Một số nguyên tử của cõi Tối Đại Niết Bàn thu hút lại chung quanh chúng một cái vỏ gồm các kết hợp của cõi phụ thấp nhất của chính chúng. Tinh thần *cộng thêm với lớp vỏ nguyên thủy của nó bằng chất vũ trụ* (Hỗn nguyên khí), hay là nguyên tử của cõi thứ nhất, là tinh thần của cõi thứ hai và thấm nhuần lớp vỏ mới, làm bằng các kết hợp ở cấp thấp nhất của chính nó. Các vỏ này khi được làm cho linh hoạt như thế, trở thành các nguyên tử của cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka plane) tức cõi thứ nhì. Bằng các tập hợp bao giờ cũng phức tạp hơn của các nguyên tử này, sáu cõi phụ còn lại cũng xuất hiện. Một số các Nguyên tử của cõi Đại Niết Bàn, với cách thức giống như thế, cũng khoắc lấy các tập hợp của cõi phụ thấp nhất của chính chúng và như thế trở thành các nguyên tử cõi Niết Bàn (atmic atoms), bây giờ Tinh Thần được khoắc bằng hai lớp vỏ bên trong vách nguyên tử của nó với các tập hợp thuộc cõi phụ thấp nhất của cõi Đại Niết Bàn, và cái Tinh Thần ban sơ hay là Sự sống, cộng với (plus) hai lớp vỏ của nó được gọi là tinh thần của cõi Niết Bàn (Atmic plane), trong khi vách của nguyên tử của nó được xem như là vật chất. Một lần nữa, nguyên tử này được bọc trong các tập hợp của cõi phụ thấp nhất của cõi Niết Bàn, lại trở thành nguyên tử của cõi Bồ Đề. Như vậy Tinh Thần trên cõi Bồ Đề đang có ba lớp mỏng bao bọc trong lớp vỏ nguyên tử của nó bằng các tập hợp thấp nhất của cõi Niết Bàn.

Trên cõi trí, tinh thần có bốn lớp vỏ bên trong vách nguyên tử, trên cõi cảm dục, Tinh thần có năm lớp vỏ và trên cõi trần là sáu lớp vỏ với vách nguyên tử trong mỗi trường hợp phụ thêm. Nhưng Tinh thần cộng với tất cả các vỏ bọc của nó (trừ lớp ngoài cùng) bao giờ cũng được xem như là Tinh thần, còn lớp vỏ ngoài cũng chỉ được xem như là sắc tướng (form) hay là xác thân (body). Chính sự tiến hóa hướng hạ (involution) này của Tinh Thần mới làm cho sự tiến hóa thăng thượng (evolution) xảy ra được, và vì sự mô tả có vẻ phức tạp, song nguyên lý thì đơn giản và có thể hiểu được dễ dàng. Giờ đây chúng ta có thể nói một cách chính xác là “tinh thần-vật chất” có ở khắp nơi.

### 3- Các Cõi Phụ (The sub-planes)






Các cực vi tử (ultimate atoms) của cõi trần không phải là các “nguyên tử” (“atoms”) của nhà hóa học hiện đại. Các cực vi tử này được tập hợp thành các nhóm điển hình liên tục (successive typical groups), tạo thành “các trạng thái của vật chất” (“states of matter”), còn các nguyên tử hóa học có thể thuộc vào trạng thái thứ năm, thứ sáu hoặc thứ bảy trong số 19 các trạng thái này tức là một chất hơi, một chất lỏng hoặc một chất đặc. Quen gọi là các trạng thái hơi, trạng thái lỏng và trạng thái đặc của vật chất, hoặc là, như chúng thường được gọi, đó là các cõi phụ hơi, lỏng và đặc bên trên trạng thái hơi là bốn trạng thái ít quen thuộc, đó là ba trạng thái dĩ thái (etheric states) của vật chất hay là ba cõi phụ dĩ thái và trạng thái nguyên tử thực sự. Các nguyên tử thực sự này được tập hợp thành các nhóm, bấy giờ các nhóm đó tác động như là các đơn vị và các nhóm này được gọi là các phân tử. Các nguyên tử trong một phân tử được giữ chung lại với nhau bằng lực hút từ điện, và các phân tử trên mỗi cõi phụ được

sắp xếp theo dạng hình học liên quan với nhau trên các trục giống với các trục tăng trưởng của nguyên tử thuộc cõi tương ứng. Bằng các tập hợp liên tục này của các nguyên tử thành các phân tử và của các phân tử đơn giản hơn thành các phân tử phức tạp hơn, các cõi phụ của mỗi cõi được tạo thành dưới Hoạt động chỉ đạo của Thượng Đế Ngôi Ba cho đến khi trường tiến hóa, gồm có năm cõi, mỗi cõi có bảy cõi phụ – còn các cõi thứ nhất và thứ nhì nằm ngoài trường tiến hóa này – được hoàn tất. Nhưng đừng nên giả định rằng bảy cõi phụ do Thượng Đế Ngôi Ba tạo ra này đều giống với các cõi phụ đang có hiện nay. Hãy lấy cõi trần làm thí dụ, các cõi phụ của cõi trần trước kia có cùng mối liên hệ với các cõi phụ của cõi trần hiện tại giống như cái mà nhà hóa học gọi là khinh khí nguyên thủy (proto-hydrogen) có mối liên hệ với yếu tố hóa học được cho là tạo thành nhờ đó.

20 Các tình trạng hiện tại không phải chỉ do công việc của Thượng Đế Ngôi Ba đem lại vì ở Ngôi này Tính Chất Hoạt Động (Activity) chiếm ưu thế, cần có thêm năng lực thu hút hoặc cố kết mạnh mẽ của Thượng Đế Ngôi Hai, vốn là Minh Triết và do đó là Bác Ái cần cho sự hội nhập sau này.

Sắc tướng

Sự sống

|                |   |   |  |                          |                     |  |                       |                      |
|----------------|---|---|--|--------------------------|---------------------|--|-----------------------|----------------------|
| Adi            |  |  |  |                          |                     |  |                       |                      |
| Anupadaka      |  |  |  |                          |                     |  |                       |                      |
| Atma (Aether)  |  |   |  |                          |                     |  |                       |                      |
| Buddhi (Phong) | Các cõi phụ nguyên tử   | Các cõi phụ á nguyên tử   |  | Các cõi phụ siêu dĩ thái | Các cõi phụ dĩ thái |  | Các cõi phụ chất hơi  |                      |
| Manas (Hỏa)    |   |   |  |                          |                     |  |                       |                      |
| Kama (Thủy)    |   |   |  |                          |                     |  |                       |                      |
| Sthula (Địa)   |   |   |  |                          |                     |  | Các cõi phụ chất lỏng | Các cõi phụ chất đặc |

Điều quan trọng cần nhớ là các cõi đều xuyên thấu vào nhau và các cõi phụ tương ứng đều trực tiếp liên quan nhau chứ không thực sự tách rời nhau bởi các lớp nằm giữa bằng vật chất trọng trực. Như vậy chúng ta đừng nên nghĩ rằng  
 21 các cõi phụ nguyên tử (atomic sub-planes) bị tách rời với nhau bởi sáu cõi phụ có độ trọng trực luôn tăng lên, mà thực ra chúng có liên hệ trực tiếp với nhau. Chúng ta hình dung được điều này trong giản đồ trên.

Cần phải hiểu rằng đây là một giản đồ (diagram) chứ không phải là một minh họa (picture), nghĩa là nó tượng trưng cho các liên hệ, chứ không phải là các sự kiện cụ thể – các liên hệ hiện có giữa các cõi do sự xuyên thấu vào nhau của chúng, chứ không phải là 49 viên gạch riêng biệt được đặt thành bảy dãy, cái này trên đỉnh cái kia.

Đây là mối liên hệ rất quan trọng vì nó hàm ý rằng sự sống có thể chuyển từ cõi này đến cõi khác bằng con đường ngắn của các cõi phụ nguyên tử thông thương nhau và tất nhiên không cần chạy vòng qua sáu cõi phụ phân tử trước khi nó có thể đạt tới cõi phụ nguyên tử kế tiếp để tiếp tục con đường đi xuống của nó. Quả vậy, ngay sau đây chúng ta sẽ thấy rằng các luồng sinh khí (life-streams) từ Chân Thần rõ ràng là đi theo con đường nguyên tử này để xuống cõi trần. Nếu bây giờ chúng ta xem xét một nguyên tử vật chất, nhìn nó như một tổng thể, chúng ta sẽ thấy một xoáy sinh lực (vortex of life), sinh lực của Thượng Đế Ngôi Ba, xoay với độ nhanh không thể tưởng tượng. Do lực hút giữa các xoáy đang xoay tròn này mà các phân tử được tạo nên, các cõi cùng với các cõi phụ của nó được thành lập. Nhưng ở bề mặt giới hạn của vòng xoáy này là các loa tuyến (spirillae), tức là các đường xoắn ốc (whirling currents), mỗi đường thẳng góc với đường bên trong nó và đường bên ngoài nó. Các đường xoắn

22 ốc này được tạo ra bằng sự sống của Chân Thần, chứ không phải bằng sự sống của Thượng Đế Ngôi Ba và hiện nay không còn ở vào giai đoạn đầu mà chúng ta đang xét. Chúng phát triển hết cái này đến cái khác thành hoạt động đầy đủ trong diễn trình tiến hóa, thông thường có một đường trong mỗi Cuộc Tuần Hoàn (Round). Thực ra các phần chưa phát triển đầy đủ (rudiments) của chúng được bổ túc vào Cuộc Tuần Hoàn thứ tư bởi tác động của Thượng Đế Ngôi Hai, nhưng luồng sinh lực của Chân Thần chỉ luân lưu trong bốn đường xoắn mà thôi, còn ba đường kia chỉ cho thấy những chất liệu yếu ớt.

Các nguyên tử thuộc các cõi cao được tạo thành theo cùng kế hoạch chung so với xoáy lực trung ương của Thượng Đế và các luồng đang bao quanh của nó, nhưng hiện nay chúng ta không biết được mọi chi tiết. Nhiều cách thực hành Yoga là nhằm vào việc mang lại sự tiến hóa nhanh hơn cho các nguyên tử bằng cách gia tốc công việc làm sinh động loa tuyến này của Chân Thần dựa vào đó. Khi các luồng sự sống Chân Thần được đưa thêm vào xoáy lực của Thượng Đế, thì nốt sự sống (note of life) trở nên ngày càng có tính chất phong phú hơn. Chúng ta có thể so sánh xoáy trung ương như là nốt căn bản, còn các luồng xoáy tròn như là các họa âm (overtones). Khi đưa thêm vào mỗi họa âm có nghĩa là gia thêm sự phong phú cho nốt căn bản. Như vậy các mảnh lực mới, các nét đẹp mới bao giờ cũng được đưa thêm vào bầy hợp âm của sự sống.

#### 4- Năm cõi giới

23 Các đáp ứng khác nhau mà vật chất của các cõi giới (planes, cảnh giới) sẽ mang lại sau đó dưới xung lực của tâm thức, tùy thuộc vào công việc của Thượng Đế Ngôi Ba, tùy

thuộc vào “số đo thiêng liêng” (“measure”) mà theo đó Thượng Đế đặt giới hạn cho nguyên tử. Như chúng ta đã thấy, nguyên tử của mỗi cõi đều có số đo riêng của nó, và điều này làm hạn chế khả năng đáp ứng của nó, tác động rung động của nó và đem lại cho nó tính chất đặc thù của nó. Giống như con mắt được cấu tạo sao cho nó có thể đáp ứng được với các rung động của chất dĩ thái trong một chừng mực nào đó, cũng thế, do cấu tạo của nó mà mỗi loại nguyên tử có thể đáp ứng với các rung động trong một chừng mực nào đó. Một cõi được gọi là cõi làm bằng “chất trí” (“mind-stuff”) bởi vì “số đo” của các nguyên tử của cõi ấy làm cho sự đáp ứng chủ yếu của chúng có thể đáp ứng được với một mức độ rung động nào đó đối với trạng thái Tri Thức của Thượng Đế khi được điều chỉnh (modified) bởi Hoạt Động Sáng Tạo<sup>(1)</sup>.

Một cõi khác được gọi là cõi của “chất dục vọng” (“desire-stuff”) bởi vì “số đo” của các nguyên tử của cõi đó làm cho sự đáp ứng chủ yếu của chúng có thể đáp ứng với một mức độ rung động nào đó của Trạng Thái Ý Chí (Ichchha) của Thượng Đế.

Như vậy mỗi loại nguyên tử có năng lực đáp ứng đặc biệt của riêng nó, được định đoạt bởi mức độ rung động của riêng nó. Trong mỗi nguyên tử có hàm tàng vô số khả năng (possibilities) đáp ứng với ba trạng thái tâm thức, và các khả năng bên trong nguyên tử này sẽ được làm lộ ra ngoài nguyên tử dưới hình thức các mãnh lực (powers) trong diễn trình tiến hóa. Nhưng khả năng (capacity) đáp ứng của vật  
24 chất và bản chất của sự đáp ứng đều được định đoạt bởi tác

---

<sup>1</sup> Chit tác động trên Kriya, nghĩa là Minh Triết tác động trên Hoạt Động tạo ra Manas, Trí Tuệ (Mind)

động ban đầu (original action) của Bản Ngã tam phân (triple Self) lên trên nó và bởi “số đo” mà Thượng Đế Ngôi Ba đặt lên các nguyên tử đó. Bằng quyền năng vô hạn của vô số năng lực rung động của chính Ngài, Thượng Đế Ngôi Ba ban một phần nào đó năng lực này cho vật chất của một Thái Dương Hệ đặc biệt trong một chu kỳ tiến hóa đặc biệt. Năng lực này được in sâu vào vật chất bởi Thượng Đế Ngôi Ba và bao giờ cũng được duy trì trong vật chất bởi sự sống của Ngài được đưa vào (infolded) trong nguyên tử. Năm trường tiến hóa để cho tâm thức phát triển được tạo thành như thế đó.

Công việc này của Thượng Đế Ngôi Ba thường được nói đến như là Luồng Sóng Sinh Hoạt Thứ Nhất (First Life-Wave).

## Chương II Tâm Thức

### 1- Ý nghĩa của từ ngữ

25

Bây giờ chúng ta hãy xét xem tâm thức (consciousness) có ý nghĩa là gì và xem coi việc nghiên cứu này có bắt được cho chúng ta “nhịp cầu” được mong đợi nhiều (vốn là nỗi thất vọng của tư tưởng hiện đại) giữa tâm thức với vật chất, để cho chúng ta có thể san bằng được “hố ngăn cách” (“gulf”) lúc nào cũng bị cho là hiện hữu giữa tâm thức với vật chất.

Bắt đầu bằng việc định nghĩa các thuật ngữ: tâm thức và sự sống đều là một (identical), hai danh xưng dành cho một sự việc duy nhất khi được xét từ bên trong lẫn từ bên ngoài. Không một sự sống nào mà không có tâm thức, không có tâm thức nào mà không có sự sống. Khi chúng ta tách biệt chúng một cách mơ hồ trong tư tưởng và phân tích những gì mà chúng ta đã làm, chúng ta thấy rằng chúng ta đã gọi tâm thức được chuyển vào trong bằng cái tên sự sống, còn sự sống được chuyển ra ngoài bằng cái tên tâm thức. Khi sự chú tâm của chúng ta được gắn chặt vào tính đồng nhất (unity) thì chúng ta gọi là sự sống; còn khi sự chú ý đó đặt vào cái đa tạp (multiplicity) thì chúng ta gọi đó là tâm thức, chúng ta quên mất rằng cái đa tạp là do bởi vật chất và là tinh túy  
26 (essence) của vật chất, tức là bề mặt phản chiếu, trong đó Nhất Bản (the One) trở thành Vạn Thù (the Many).

Khi nói rằng sự sống “có ít nhiều tâm thức”, thì đó không phải là sự sống trừu tượng thường được nghĩ đến, mà là “một vật sống” (“a living thing”) tri thức được chung



quanh nó ít nhiều. Việc tri thức được ít hay nhiều tùy thuộc vào độ dày đặc, độ trọng trọc (density) của tấm mạng bao phủ vốn làm cho nó thành một vật sống, tách biệt với đồng bọn của nó. Tiêu hủy trong tư tưởng tấm mạng che ấy tức là bạn cũng tiêu hủy luôn sự sống trong tư tưởng, mọi đối cực (opposite) đều bị tan hòa vào Cái Đó (That), tức Tổng Thể (the All).

Điều này đưa chúng ta tới quan điểm kế tiếp của chúng ta: sự hiện hữu của tâm thức hàm ý có một sự chia rẽ thành hai trạng thái của cái Đơn Nhất (unity) căn bản nằm dưới vạn hữu. Danh xưng hiện đại của tâm thức là “tri thức” (“awareness”) cũng hàm ý điều này. Vì bạn không thể treo tri thức vào chỗ trống không; tri thức hàm ý một điều gì đó được người ta nhận biết, sau rốt đó là một nhị nguyên (a duality), bằng không tri thức không hiện hữu. Nhị nguyên này nằm dưới hình thức trừu tượng cao nhất của tâm thức, của tri thức; tâm thức sẽ không còn nếu ý thức giới hạn không có, vì tâm thức dựa vào giới hạn mới tồn tại được. Về mặt thực chất, tri thức là tri thức về *cái giới hạn* (awareness of *limitation*), còn tri thức về *những cái khác* (*others*) chỉ là tri thức phụ. Tri thức về những cái khác xuất hiện cùng với cái mà chúng ta gọi là Ngã thức (self-consciousness, self-awareness). Những cái trừu tượng này Hai-trong-Một (Twain-in-One), tâm thức-giới hạn (consciousness-limitation), tinh thần-vật chất, sự sống-sắc tướng (life-form) bao giờ cũng bất khả phân ly, chúng cùng xuất hiện và cùng biến mất; chúng chỉ tồn tại nhờ liên kết với nhau; chúng tan hòa thành

27 Nhất Thể (Unity) tất nhiên không biểu lộ, cái tổng hợp tối thượng ( the supreme synthesis).

“Trên sao, dưới vậy”. Lần nữa hãy để cho “cái dưới” (“the below”) giúp chúng ta; chúng ta hãy xem tâm thức lúc

nó xuất hiện khi xét từ khía cạnh sắc tướng, khi chúng ta gặp nó trong một vũ trụ có các sự vật được nhận biết. Dòng điện chỉ biểu lộ dưới hình thức điện dương và điện âm. Khi cả hai trung hòa nhau, thì dòng điện biến mất. Trong mọi vật đều có điện, ở dạng trung hòa nên không hiện ra. Điện có thể xuất hiện từ mọi vật, nhưng không phải chỉ dưới hình thức điện dương hoặc dưới hình thức điện âm mà thôi; luôn luôn cả hai loại điện đều quân bình, dù là trái nghịch với nhau và cả hai cũng có khuynh hướng tái nhập (re-enter) vào nhau để tạo ra cái hư không bề ngoài (apparent nothingness), vốn không phải là hư không mà do cội nguồn của cả hai đều bằng nhau (the source equally of both).

Nhưng nếu điều này đúng như thế thì “hố ngăn cách” (“gulf”) trở thành gì? “Nhịp cầu” cần để làm gì? Tâm thức và vật chất tác động lẫn nhau bởi vì chúng là hai thành phần của một tổng thể, cả hai xuất hiện khi chúng tách ra, cả hai biến đi khi chúng hợp nhất, và vì tách ra nên bao giờ cũng có mối liên hệ tồn tại giữa chúng<sup>(1)</sup>. Không có cái gì gọi là một đơn vị hữu thức mà không bao gồm lưỡng nguyên bất phân ly này, một nam châm có hai cực bao giờ cũng liên quan với nhau.

28 Chúng ta nghĩ đến một cái gì đó riêng biệt mà chúng ta gọi là Tâm Thức, và thắc mắc làm sao mà nó tác động lên một cái riêng biệt khác mà chúng ta gọi là vật chất. Không hề có hai điều riêng biệt như thế đâu, tuy cả hai được tách riêng nhưng lại là các trạng thái bất phân ly của Cái Đó (That) ở

---

<sup>1</sup> Mối liên hệ đó là từ điển, nhưng từ điển ấy thuộc loại tinh tế nhất, gọi là Fohat hay Daiviprakriti, tức “Diệu Quang của Thượng Đế” (“The Light of the Logos”). Đó là Chất Liệu (Substance) và trong đó, tinh hoa của tâm thức và tinh hoa của vật chất hiện hữu, được phân cực (polarized) nhưng không tách rời.

bên ngoài cả hai, Cái Đó vô hiện (unmanifest) nên không thể biểu lộ một mình dưới trạng thái này hoặc trạng thái kia, mà đồng thời biểu lộ trong cả hai. Không khi nào có mặt trước mà không có mặt sau, có trên mà không có dưới, có ngoài mà không có trong, có tinh thần mà không có vật chất. Chúng tác động với nhau vì là các phần không thể phân ly của một cái hợp nhất, biểu lộ như là một lưỡng nguyên trong không gian và thời gian. “Hố ngăn cách” chỉ xuất hiện khi chúng ta nghĩ đến một “tinh thần” hoàn toàn phi vật chất (immaterial) và một “thể” (“body”) hoàn toàn vật chất – nghĩa là nghĩ đến hai sự việc mà không cái nào tồn tại cả. Không có tinh thần nào mà không bị bao bọc bằng vật chất, không có vật chất nào mà không được tinh thần làm cho linh hoạt. Bản Ngã tách rời <sup>(1)</sup> cao nhất cũng có lớp mỏng vật chất của nó, và dù cho một Bản Ngã như thế được gọi là “một tinh thần” bởi vì trạng thái-tâm thức chiếm ưu thế, ít nhất cũng đúng rằng nó có lớp vỏ vật chất đang rung động của nó và rằng từ lớp vỏ này phát ra mọi xung lực, xung lực đó tác động liên tiếp vào tất cả các lớp vỏ vật chất trọng trước khác. Nói như vậy không phải là để vật chất hóa (materialize) tâm thức mà chỉ là để nhận thức sự kiện rằng hai đối cực nguyên thủy, tức tâm thức và vật chất, được ràng buộc chặt chẽ vào nhau, không bao giờ tách ra cho dù ở trong Bản thể (Being) cao nhất. Vật chất là sự giới hạn, và không có sự giới hạn này thì tâm thức cũng không có nốt. Thế nên thay vì cụ thể hóa tâm thức, ta nên xem tâm thức *như là một ý niệm* tương phản rõ rệt với vật chất, nhưng nên nhận thức thêm một sự thực rằng *trong một thực thể* không thể có cái này mà không có cái kia. Vật chất trọng trước nhất, chất hồng trần, cũng có trung tâm tâm thức

<sup>1</sup> Separated Self: Bản Ngã đã tách rời Chân Thân (ND).

của nó. Chất hơi, hòn đá, kim loại đều sống động, đều có ý thức, có hiểu biết. Thế nên, ở một nhiệt độ nào đó, dưỡng khí trở nên biết được khinh khí và đổ xô vào kết hợp với khinh khí.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu tâm thức từ bên trong và xem xét ý nghĩa của câu “Vật chất là sự giới hạn” (Matter is limitation), Tâm thức là Thực Tại duy nhất (one Reality) theo ý nghĩa đầy đủ nhất của câu nói được dùng nhiều đó; theo câu này thì bất cứ thực tại nào được thấy ở bất cứ nơi đâu cũng đều được rút ra từ tâm thức. Vậy thì, mọi điều vốn suy tưởng được, đều Hiện Hữu (IS). Tâm thức mà trong đó *mọi vật* hiện hữu, mọi vật theo sát nghĩa, “có thể có” (“possible”) cũng như “có thực” (“actual”) – “*có thực*” vốn là những gì được tưởng nghĩ đến như là đang hiện tồn bằng một tâm thức riêng biệt trong thời gian và không gian, còn “*có thể có*” là tất cả những gì không thể tưởng nghĩ đến vào bất cứ giai đoạn nào trong thời gian và bất cứ điểm nào trong không gian – được chúng ta gọi là Tâm Thức Tuyệt Đối. Đó là cái Tổng Thể (the All), cái Vĩnh hằng, cái Vô Biên, cái Bất Biến (Changeless).

Khi chúng ta nghĩ đến thời gian và không gian và nghĩ đến mọi hình hài đang liên tiếp tiếp hiện hữu trong đó, thì tâm thức đó là Tâm Thức Vũ Trụ (Universal Consciousness), Đấng Duy Nhất mà Ấn Giáo gọi là Saguna Brahman – Đấng Vĩnh Hằng với các thuộc tính – Pratyag-Atma-Nội Ngã; Cơ đốc giáo gọi là Đức Chúa Trời (God); Hỏa giáo gọi là Hormuzd; Hồi giáo gọi là Allah. Tuy nhiên, khi có liên quan với một thời gian rõ rệt, dù ngắn hay dài, hoặc khi có liên quan với một không gian nhất định, dù rộng lớn hoặc có giới hạn thì đó là tâm thức cá nhân, tâm thức của một Thực Thể cụ thể, một Chúa Tể (Lord) với nhiều vũ trụ hoặc một số vũ

trụ, hoặc một vũ trụ, hoặc của bất cứ phần nào của một vũ trụ, do đó, phần của Ngài và đối với Ngài là một vũ trụ – các thuật ngữ này thay đổi theo phạm vi cùng với sức mạnh của tâm thức. Chừng nào mà tư tưởng đại đồng với tư cách một tâm thức riêng biệt có thể hoàn toàn nghĩ tưởng, nghĩa là, y có thể áp đặt lên đó thực tại của riêng y, có thể nghĩ đến như là hiện hữu giống với chính y, thì đó là vũ trụ của y.

Đối với mỗi vũ trụ, Đấng Cao Cả vốn là Chúa Tể của vũ trụ đó, ban ra một phần đóng góp của Thực Tại không thể hủy bỏ của chính Ngài; nhưng chính Ngài bao giờ cũng bị giới hạn và bị kiềm chế bởi tư tưởng của vị cao cấp hơn Ngài, tức là vị Chúa Tể của vũ trụ mà trong đó Ngài hiện hữu như một sắc tướng. Như vậy, chúng ta vốn là những con người hiện ở trong một Thái Dương Hệ, được bao quanh bởi vô số các hình tướng vốn là các hình tư tưởng của Thái Dương Thượng Đế của chúng ta, tức Đấng Ishvara hay Đấng Cai Quản (Ruler) của chúng ta; “số đo thiêng liêng” và “các trục phát triển” do Thượng Đế Ngôi Ba nghĩ ra, đang chi phối hình dạng của các nguyên tử chúng ta, và cái bề mặt (surface) do Ngài nghĩ ra dưới hình thức ranh giới của nguyên tử và mang lại sức bền cho tất cả các nguyên tử tương tự. Như thế chúng ta thu nhận vật liệu của chúng ta và không thể biến đổi vật liệu đó, trừ phi cũng dùng cách tạo vật chất bằng tư tưởng như của Thượng Đế. Chỉ khi nào tư tưởng của Thượng Đế còn nổi tiếp, thì các nguyên tử cùng với mọi thành phần cấu tạo của chúng mới còn tiếp tục hiện hữu, vì chúng không có Thực Tại nào cả, ngoại trừ cái Thực Tại đã được tư tưởng của Thượng Đế ban cho. Bao lâu mà Thượng Đế còn lưu giữ các nguyên tử lại dưới hình thức thân thể của Ngài bằng cách phán rằng: “Ta là cái này (This); các nguyên tử này là thân thể Ta; chúng chia sẻ sự sống của Ta”, thì chừng đó các

nguyên tử sẽ đặt chính chúng ta như là thực tại lên trên mọi sinh linh trong Thái Dương Hệ này với tâm thức được khoác bằng các lớp áo tương tự.

Vào cuối Ngày Biểu Lộ, Thượng Đế phán: “Ta không phải là cái này; các nguyên tử này không còn là thân thể Ta nữa; chúng không còn chia sẻ sự sống của Ta” thì bấy giờ các nguyên tử sẽ tan biến như con mơ, những gì sẽ còn lại chỉ là hình tư tưởng của Đấng Tối Cao của một Thái Dương Hệ bao la hơn.

Như vậy, giống như các Tinh Quân (Spirits), chúng ta vốn đã mang tính chất thiêng liêng không thể phủ nhận, với mọi vẻ huy hoàng và khoáng đạt mà thuật ngữ đó hàm chứa. Nhưng chúng ta được khoác trong loại vật chất vốn không phải là vật chất của chúng ta, mà là hình tư tưởng của Đấng Cai Quản (Rulers) Thái Dương Hệ của chúng ta – rồi lại bị chi phối bởi các Đấng Cai Quản của các hệ thống rộng lớn hơn mà Thái Dương Hệ chúng ta nằm trong đó – và chúng ta chỉ từ từ học cách chế ngự và sử dụng nó. Khi chúng ta hiểu được chúng ta vốn là một với Đấng Cai Quản chúng ta, thì bấy giờ vật chất sẽ không còn mãnh lực gì đối với chúng ta nữa, chúng ta sẽ xem vật chất như là phi thực tại (unreality, không có thực), nó tùy thuộc vào ý chí Thượng Đế, mà bấy giờ chúng ta sẽ biết đó cũng là ý chí chúng ta. Bấy giờ chúng ta có thể “coi thường” (“play with”) nó, vì chúng ta không thể nhất thời cho nó làm mờ mắt chúng ta bằng cái Thực Tại vay mượn của nó.

Vậy, khi nhìn tâm thức từ trong, chúng ta còn thấy rõ hơn là khi xem xét nó từ cõi sắc tướng, đó là vì không còn “hố ngăn cách” nữa và cũng không cần có một “nhịp cầu”. Tâm thức thay đổi và với mỗi thay đổi là có một rung động xuất hiện trong vật chất đang bao quanh nó, bởi vì Thượng

Đế có dự kiến cho các rung động của vật chất luôn luôn đi kèm với các thay đổi trong tâm thức, và vì vật chất chỉ là kết quả của tâm thức, còn các thuộc tính của vật chất được đặt vào nó bằng tư tưởng linh hoạt (của Thượng Đế - ND), nên bất cứ thay đổi nào trong tâm thức Thượng Đế cũng làm thay đổi các thuộc tính của vật chất trong Thái Dương Hệ, và bất cứ thay đổi nào trong một tâm thức phát xuất từ Thượng Đế cũng tự hiển lộ trong vật chất đó như là một thay đổi. Thay đổi này trong vật chất là một rung động, tức một chuyển động nhịp nhàng bên trong các giới hạn do Thượng Đế đặt ra cho tính chất động (mobility) của các khối vật chất trong mỗi liên hệ đó.

“Thay đổi trong tâm thức và mức rung động của vật chất đang giới hạn nó” là một “cặp” do tư tưởng của Thượng Đế đặt lên trên tất cả các tâm thức được nhập thể trong vũ trụ của Ngài. Sự hiện hữu của mỗi liên hệ không thay đổi như thế được chứng tỏ bằng sự kiện là một rung động trong lớp vỏ vật chất kèm theo một thay đổi trong tâm thức đang linh hoạt và gây ra một rung động tương tự trong lớp vỏ được làm linh hoạt bằng một tâm thức khác, được thấy là sẽ kèm theo bằng một thay đổi trong tâm thức thứ hai đó tương tự với thay đổi trong tâm thức thứ nhất.

33 Trong loại vật chất tinh anh hơn là vật chất hồng trần – như chất trí chẳng hạn – năng lực sáng tạo của tâm thức dễ nhận ra hơn là trong vật chất dày đặc của cõi trần. Vật chất trở nên dày đặc hoặc thưa loãng và thay đổi các kết hợp và hình thái của nó tùy theo các tư tưởng của một tâm thức linh hoạt trong đó. Trong khi các nguyên tử căn bản – do bởi tư tưởng Thượng Đế tạo ra – vẫn không thay đổi, chúng có thể được kết hợp hoặc phân tán tùy ý. Các kinh nghiệm như thế mở ra cho thể trí quan niệm siêu hình về vật chất, và cho

phép thể trí hiểu được tức khắc cái thực tại được vay mượn (borrowed reality) và tính không có thật (the nonentity) của vật chất.

Một lời cảnh báo có thể là hữu ích liên quan đến các câu nói thường được lặp lại, đó là “*Tâm thức trong một hữu thể*” (“Consciousness *in* a body”), “*Tâm thức làm linh hoạt* (ensouling) một hữu thể” và đại loại như thế. Đạo sinh hơi có khuynh hướng hình dung tâm thức như là một loại khí loãng bị nhốt trong một bình bằng vật chất, một thứ chai lọ gì đó. Nếu đạo sinh suy nghĩ cẩn thận thì sẽ hiểu được rằng cái vẻ ngoài bền chắc (resistant surface) của hữu thể đó chỉ là một hình tư tưởng của Thượng Đế, và nó *hiện hữu* nơi đó bởi vì *tư tưởng* (của Thượng Đế - ND) có nơi đó. Tâm thức xuất hiện với cương vị là thực thể hữu thức (conscious entities), bởi vì Thượng Đế tính đến những trường hợp tách biệt như thế, nghĩ đến các vách bao bọc, tạo ra các giới hạn tư tưởng như thế. Và các tư tưởng này của Thượng Đế là do bởi sự hợp nhất của Ngài với Đại Ngã Vũ trụ và chỉ là việc lặp lại bên trong khu vực của một vũ trụ đặc biệt của Ý Chí muốn tăng bội.

Nhờ nghiên ngẫm kỹ trong trí về các phân biệt được vạch ra ở trên giữa Tâm Thức Tuyệt Đối, Tâm Thức Vũ Trụ với Tâm Thức Cá Nhân (Individual Consciousness), đạo sinh sẽ không còn có những thắc mắc thường thấy: Tại sao có vũ trụ? Tại sao Toàn -Thức (All- Consciousness) lại tự giới hạn? Tại sao cái Hoàn Thiện (the Perfect) trở thành bất toàn (the imperfect), Toàn Năng (All- Power) trở thành vô năng (powerless), Thượng Đế trở thành khoáng thạch (mineral), thú vật (brute), con người? Dưới hình thức này, câu hỏi không thể giải đáp được (unanswerable) vì nó được dựa trên các tiền đề giả tạo (false premises).



Cái Hoàn Thiện là Tổng Thể (the All), Toàn Thể (Totality), Tổng Số Sinh Linh (Sum of Being). Như đã nói trên, bên trong cái vô hạn của nó có hàm chứa mọi vật, mọi tiềm năng, cũng như thực tại, của sự sống. Tất cả những gì đã có đang có, sắp có, có thể có, thì bao giờ cũng Hiện Hữu trong cái Viên Mãn (Fullness), cái Vĩnh Hằng đó. Chỉ có Chính Cái Đó (Itself) biết được Chính Cái Đó trong sự phong phú vô biên không thể tưởng tượng của Bản Thể (Being). Bởi vì Cái Đó (It) chứa mọi cặp đối hợp (pairs of opposites), và trước con mắt của lý trí, trong khi tự xác định mình, mỗi cặp đối hợp tự hủy diệt và tan biến, Cái Đó dường như là Thái Hư (Void). Nhưng các vũ trụ vô tận xuất phát trong Cái Đó chứng tỏ Cái Đó là một Thái Cực (a Plenum). Cái Hoàn Thiện này không bao giờ trở nên cái bất toàn; nó *trở thành* hư không (nothing); Cái Đó là tất cả: Tinh Thần và Vật Chất, Cương Cường và Nhu Nhược (Strength and Weakness), Hiểu Biết và Vô Minh, An Bình (Peace) và Xung Đột (strife), Hạnh Phúc (Bliss) và Đau Khổ (Pain), Hữu Lực (Power) và Vô Lực (Impotence); vô số các đối cực của biểu lộ hòa lẫn vào nhau và tan biến trong phi-biểu lộ (non-manifestation).

Tổng Thể (the All) bao hàm cái biểu lộ và phi biểu lộ, tâm trương (diastole) và tâm thu (systole) của Quả Tim vốn tượng trưng cho Hiện Tồn (Being). Cái này không đòi hỏi giải thích nhiều hơn cái kia; cái này không thể hiện hữu mà không có cái kia (one cannot be without the other). Sở dĩ nan đề xuất hiện là vì con người đứng riêng biệt về một phía của cặp đối hợp không thể tách riêng – chẳng hạn đứng về phía Tinh Thần, Sức Mạnh (strength), Tri Thức (Knowledge), Hòa Bình (Peace), Lạc Phúc (Bliss), Quyền Năng (Power) – rồi thắc mắc: “Tại sao những thuộc tính này lại sinh ra (become) các đối cực (opposites) của chúng?” *Chúng nó không sinh ra gì hết.*

Không một thuộc tính (attribute) nào tồn tại mà không có đối cực của nó; chỉ có một cặp mới có thể biểu lộ được mà thôi; mỗi mặt tiền (front) đều có một mặt hậu (back); tinh thần và vật chất cùng xuất hiện với nhau; chẳng phải tinh thần có trước, và rồi bằng cách huyền diệu nào đó, tạo ra vật chất để giới hạn và che lấp chính nó, mà tinh thần và vật chất xuất hiện cùng một lúc trong Vĩnh Hằng (Eternal) như là một thể cách Hiện Tồn của Nó (a mode of Its Being), một hình thức tự biểu hiện của Tổng Thể, Pratyagatma và Mulaprakriti, biểu hiện trong thời gian và không gian cái Phi Thời Gian (Timeless) và Phi Không Gian (Spaceless).

## 2- Chân Thân

Chúng ta đã thấy rằng do hoạt động của Thượng Đế Ngôi Ba mà năm cõi đã được tạo ra cho các Đơn Vị Tâm Thức phát triển. Mỗi Đơn Vị Tâm Thức là một mảnh, một phần nhỏ của Tâm Thức Vũ Trụ, được dự trù tách riêng dưới hình thức một thực thể cá biệt bị che lấp trong vật chất, một Đơn Vị chứa chất liệu của Thượng Đế Ngôi Một, được đưa xuống cõi thứ nhì dưới hình thức một Bản Thể (Being) riêng biệt. Các Đơn Vị như thế được gọi theo chuyên môn là các Chân Thân. Đây là các Con tồn tại từ vô thủy, từ lúc bắt đầu kỷ nguyên sáng tạo, trong lòng (Bosom) của Từ Phụ, chưa “được trở thành hoàn thiện qua đau khổ” (Hebrews, II, 10). Thật ra, mỗi Chân Thân đều “ngang bằng với Chúa Cha về tính chất thiêng liêng của mình (his Godhead), nhưng kém hơn Chúa Cha về dũng khí (manhood)” (Tín điều Athanas). Mỗi Chân Thân đều phải đi sâu vào vật chất để làm cho muôn vật phục mình (I Corinthians, XV, 28); mỗi Chân Thân “được gieo ra là yếu” (“sown in weakness”) để có thể “sống lại là mạnh” (“raised in power”) (I Corinthians, XV, 43). Từ một vị Thượng

Đế tĩnh tại (static Logos) hàm tàng mọi tiềm năng thiêng liêng, Chân Thần phải trở thành một Thượng Đế năng động (dynamic Logos) khai mở mọi quyền năng thiêng liêng. Trên cõi thứ nhì, Chơn Thần toàn tri, toàn hiện, nhưng trên tất cả các cõi khác (1) Chân Thần vẫn vô tri (unconscious), “vô cảm” (“senseless”), Chân Thần phải che cái chói sáng của mình trong vật chất, ngõ hầu có thể trở nên toàn tri, toàn hiện trên mọi cõi, có thể đáp ứng với mọi rung động thiêng liêng trong cả vũ trụ thay vì đáp ứng với các rung động đó chỉ trên cõi cao nhất mà thôi.

Ý nghĩa của lối mô tả đơn sơ về đại chân lý này có thể được đạo sinh xem qua bằng cách nghiên cứu các sự kiện của sự sống phôi thai và lúc sinh ra. Khi một linh hồn đi đầu thai, linh hồn bản khoán về người mẹ mà thân xác tương lai của nó sẽ được tạo ra trong đó, cái hiện thể mà linh hồn dùng làm trú sở sau này. Thể xác đó từ từ được kiến tạo bằng chất liệu của người mẹ, và linh hồn chỉ tác động chút ít vào việc nắn tạo đó. Ấy là một cái phôi, không biết gì về tương lai của nó, chỉ biết lơ mơ về luồng sinh khí của người mẹ, được ghi ấn tượng bằng các hy vọng, và sợ hãi, các tư tưởng và các ham muốn của người mẹ. Không có một chút gì từ linh hồn tác động đến bào thai đó cả, ngoại trừ một ảnh hưởng yếu ớt đi đến xuyên qua vi tử thường tồn hồng trần, và nó không chia sẻ được gì, bởi vì nó không thể đáp ứng với các tư tưởng có tầm mức rộng lớn, các tình cảm mong muốn của linh hồn như được linh hồn biểu lộ trong thể nguyên nhân của mình. Cái phôi đó phải phát triển, phải từ từ khoác lấy một hình người, phải đi vào một đời sống độc lập, riêng biệt với đời

---

1 H.P.Blavatsky, “Chìa Khóa đưa tới Minh Triết Thiêng Liêng” (The Key to Theosophy), trang 41.

sống người mẹ, phải qua bảy tuổi – theo cách tính thời gian của con người – với đời sống độc lập như thế, trước khi linh hồn có thể làm cho thân xác đó linh hoạt đầy đủ. Nhưng trong thời kỳ tiến hóa chậm chạp đó, với sự bơ vơ lúc ấu thơ của nó, với các khờ khạo thời thơ ấu, các vui sướng và sầu khổ, linh hồn đang tiến dần đến sự sống riêng của nó, rộng rãi hơn, phong phú hơn, và ngày càng tiến gần hơn đến việc tiếp xúc với xác thân này, chỉ trong đó, linh hồn mới hoạt động được ở cõi trần, việc tiếp xúc của linh hồn được biểu lộ bằng sự tăng trưởng của ý thức não bộ (brain-consciousness).

Tình trạng của Chân Thần liên quan với việc tiến hóa tâm thức của nó trong một vũ trụ giống với tình trạng của Chân ngã liên quan với thể xác mới của nó. Cõi riêng của Chân Thần là cõi thứ nhì tức cõi Đại Niết Bàn, nơi đó Chân Thần hoàn toàn hiểu biết bằng cái Ngã thức bao hàm tất cả đối với thế giới của Chân Thần; nhưng lúc đầu Chân Thần vẫn cách biệt không biết được “các Chân Thần khác”.

38 Chúng ta thử cố gắng xem xét các giai đoạn mà Chân Thần đang vượt qua. Trước tiên Chân Thần là một tia trong Ngọn Lửa Thiêng: “Hỡi Thiên Thần cao cả (Gurudeva), tôi hình như thấy Ngọn Lửa duy nhất (Flame); tôi thấy vô số các tia sáng không tách rời đang tỏa chiếu trong đó” (Giáo Lý Vấn Đáp Huyền Linh, trích dẫn trong GLBN 1, 145). Ngọn Lửa là Thượng Đế Ngôi Một, các tia sáng không tách rời là các Chân Thần. Ý muốn biểu lộ của Thượng Đế cũng là ý muốn biểu lộ của Chân Thần, vì Chân Thần là các tế bào mầm mống trong cơ thể Thượng Đế, mà không bao lâu nữa sẽ có một sự sống riêng biệt trong vũ trụ sắp tới của Ngài. Bị thôi thúc bởi Ý Chí này, các tia sáng chia sẻ sự thay đổi được gọi là “khai sinh ra con” (“the begetting of the Son”) và chuyển vào Thượng Đế Ngôi Hai rồi ngự trong Ngài. Rồi khi

Ngôi Ba “hoạt động” thì hiện tượng “biệt lập ngã tính tinh thần” (“spiritual individuality”) từ Ngôi Ba mới đến với các Chân Thần mà bà Blavatsky nói đến như là việc phân ly lúc đầu. Nhưng vẫn không có ý thức về “những cái khác” cần thiết để phản ứng với vai trò ý thức về “Cái Ngã” (“I”). Ba trạng thái của tâm thức, vốn chia sẻ sự sống Thượng Đế, vẫn còn “hướng vào bên trong” (nói một cách bóng bẩy), tác động lên nhau, đang hôn thụ, không tri thức được cái “bên ngoài”, chia sẻ Toàn Ngã thức (All-self Consciousness). Các Đấng Cao Cả, được gọi là các Huyền Giai Sáng Tạo (Creative Orders)<sup>(1)</sup> đánh thức chúng để tiếp xúc với sự sống “bên ngoài”. Ý Chí, Minh Triết, Hoạt Động thức tỉnh để hiểu biết được “bên ngoài”, một ý thức lơ mờ về “tia sáng khác” nổi lên, cho đến lúc các “tia sáng khác” đó có thể nhập vào cõi giới mà mọi “hình hài” trộn lẫn vào nhau và xâm nhập vào nhau, mỗi tia sáng trở thành “một vị Dhyán Chohan riêng biệt với các vị khác” (GLBN I, 285).

39 Như đã nói trên, ở giai đoạn đầu, khi Chân Thần, theo ý nghĩa đầy đủ nhất <sup>(2)</sup> của thuật ngữ đó, chưa tách rời, với tư cách “các tế bào mầm mống trong cơ thể Thượng Đế”, thì các trạng thái Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động trong Chân Thần còn tiềm tàng, không hiển lộ. Ý Chí biểu lộ của Thượng Đế cũng là ý chí của Chân Thần, nhưng ý chí này còn vô tri thức của Chân Thần. Nhờ có Ngã thức (Self-conscious), Thượng Đế biết rõ mục tiêu và đường lối của Ngài; còn Chân Thần

---

<sup>1</sup> Xem “Phổ hệ con người” (Pedigree of Man), trang 11, 12 của A. Besant.

<sup>2</sup> “Ý nghĩa đầy đủ nhất”, nghĩa là không có cá tính riêng, thực ra là không tách rời, vẫn ở bên trên, bao giờ cũng chiếu rọi trong Linh Hóa.

chưa có Ngã thức, với tư cách là các phần của cơ thể Thượng Đế, Chân Thần có trong nó năng lượng hoạt động (moving energy) của Thiên Ý, mà sau đó sẽ trở thành Ý Muốn Linh Hoạt cá biệt của riêng Chân Thần và thúc đẩy Chân Thần vào tình trạng có được sự sống có Ngã thức riêng biệt, thay vì chỉ có sự sống trong Toàn Ngã Thức. Việc này đưa Chân Thần đến giai đoạn hai ở trong sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai và Ngôi Ba. Bấy giờ, một cách tương đối riêng biệt, việc khơi hoạt của các Huyền Giai Sáng Tạo mang lại các ý thức lơ mơ về “những kẻ khác” (“others”) và về “Cái Tôi”, và kèm với cái này là một háo hức muốn có được ý thức rõ rệt hơn về “Cái Tôi” và về “tha nhân”, đây chính là “ý muốn linh hoạt cá biệt” và ý muốn này đưa Chân Thần đi vào các cõi trọng trược hơn và chỉ nơi đây mới có thể có được sự minh định sắc sảo hơn.

Điều quan trọng cần hiểu rõ là sự tiến hóa của “Cái Tôi” cá biệt là một hoạt động tự chọn. Chúng ta ở đây bởi vì chúng ta Muốn Được Linh Hoạt (we will to live) chứ “không hề có sự ép buộc nào cả” (“none else compels”). Khía cạnh tâm thức này, tức Ý Chí, sẽ được bàn đến trong các chương sau của sách này, còn ở đây, chúng ta chỉ cần nhấn mạnh sự kiện rằng Chân Thần tự hành động, tự định đoạt khi tiến vào các cõi vật chất thấp, tức lĩnh vực biểu lộ, vũ trụ ngũ phân của Chân Thần. Đối với các hiện thể của mình trong đó, Chân Thần vẫn ở cương vị như là Chân Ngã (Ego) đối với thể xác của nó, với sự sống thiêng liêng tỏa chiếu của các hiện thể trong các cõi cao, nhưng bảo dưỡng các hiện thể thấp của chúng và biểu lộ ngày càng nhiều trong các hiện thể này khi chúng trở nên ngày càng dễ uốn nắn hơn. Bà Blavatsky nói đến điều này như sau: “Chân Thần theo chu kỳ đi xuống nhập vào vật chất”. (GLBN, 1, 267).

Khắp nơi trong Thiên Nhiên, chúng ta đều thấy có cùng nỗ lực tìm cách biểu lộ sự sống sung mãn hơn, đây là Ý-muốn-linh-hoạt hằng có (constant will to live). Khi bị chôn trong đất thì hạt giống sẽ đẩy điểm tăng trưởng của nó hướng lên phía ánh sáng. Mầm hoa, bị nhốt kín trong đài hoa bọc ngoài sẽ phá vỡ cái nhà ngục của nó và mở rộng ra dưới ánh nắng. Gà con bên trong quả trứng sẽ tách cái vỏ giam nhốt nó làm đôi. Khắp nơi nơi sự sống đều đang tìm cách biểu lộ, năng lực tìm cách tự phát huy. Hãy xem nhà họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thi sĩ, với tài năng sáng tạo đang sôi sục bên trong họ, sự sáng tạo gây ra thú vui tinh tế nhất, hương vị thích thú nhất cho họ.

Một thí dụ khác về bản chất toàn hiện của sự sống, dù là trong Thượng Đế, trong kẻ siêu tài hay là trong sinh vật phù du chỉ sống một ngày cũng thế. Mọi niềm vui đều nằm trong phúc lạc để linh hoạt và mọi tạo vật đều cảm thấy linh hoạt nhất khi chúng tự sinh sôi nảy nở bằng sự sáng tạo. Cảm thấy sự sống tự biểu lộ, nở rộ, tràn ngập, tăng trưởng, đây là kết quả trước mắt của Ý Chí-Muốn-Sống (will-to-live) và kết quả của nó nằm trong Niềm Phúc Lạc là muốn được linh hoạt.

Một số Chân Thân tự nguyện trải qua các công việc vất vả (toils) thuộc năm cõi còn lại của vũ trụ đó để chế ngự vật chất, rồi đến lượt sáng tạo ra một vũ trụ nơi đó, nên giáng nhập vào năm cõi thấp này để tiến hóa thành Thượng Đế nơi đây, một Cây Sự Sống (tree of life), một Suối Nguồn Vạn Vật (Fount of Being) khác nữa. Công cuộc sáng tạo một vũ trụ gọi là Ngày Thoát Ly (Day of Forth-going); đang sống là đang biến dịch; sự sống biết được chính mình bằng sự thay đổi.

Có các Chân Thân khác không muốn trở thành những kẻ chế ngự vật chất (masters of matter), các đấng sáng tạo (creators) nên vẫn ở lại trong phúc lạc yên tĩnh của mình,

không nhập vào năm cõi thấp của vũ trụ, không biết đến các hoạt động của năm cõi thấp đó.

Cần nên nhớ rằng tất cả bảy cõi đều thấu nhập vào nhau và Tâm thức trên bất cứ cõi nào cũng có nghĩa là năng lực để đáp ứng với các rung động của cõi đặc biệt đó. Giống như con người có thể có ý thức trên cõi trần bởi vì thể xác con người được cấu tạo để tiếp nhận và truyền đạt cho con người các rung động của cõi này, nhưng con người hoàn toàn không có ý thức đối với các cõi cao mặc dù rung động của các cõi đó vẫn đang tác động vào con người, bởi vì con người chưa sắp đặt các thể cao của mình một cách đầy đủ để tiếp nhận và chuyển cho con người các rung động của các thể đó; cũng thế Chân Thần, tức Đơn Vị Tâm Thức có khả năng biết được trên cõi thứ nhì, nhưng hoàn không có ý thức trên năm cõi thấp hơn.

42 Chân Thần sẽ phát triển tâm thức của mình trên các cõi này bằng cách lấy từ mỗi cõi một số chất liệu của cõi đó, bọc chính mình bằng chất liệu này và nắn tạo nó thành một cái vỏ (sheath) nhờ đó Chân Thần có thể đến tiếp xúc được với cõi đó, lần lần sắp đặt lớp vỏ vật chất này thành một thể (body) có thể hoạt động trên cõi riêng của nó dùng làm một biểu lộ của chính nó, thu nhận các rung động của cõi đó và chuyển rung động đó đến cho Chân Thần, nhận các rung động nơi Chân Thần và chuyển đến cho cõi đó. Vì Chân Thần tự bọc lấy mình bằng chất liệu của mỗi cõi kế tiếp nên Chân Thần mất đi một ít tâm thức, tâm thức về những gì quá đời tình anh để thu nhận hay tạo nên các rung động trong vật chất của cõi đó. Chân Thần có được trong chính mình bảy khả năng rung động điển hình – mỗi khả năng có thể tạo ra một số rung động phụ không rõ rệt thuộc loại riêng của nó – và bảy khả năng này bị đóng lại hết cái này đến cái khác khi



Chân Thần khoác vào hết bức màn này đến bức màn khác bằng chất liệu thô hơn. Các năng lực trong tâm thức để tự biểu lộ theo vài cách điển hình – dùng từ ngữ “năng lực” theo ý nghĩa toán học, tâm thức đối với “chiều đo thứ ba”, tâm thức đối với “chiều đo thứ tư” v.v... – được nhìn thấy trong vật chất dưới hình thức những gì mà chúng ta gọi là chiều đo (dimensions).

Ở cõi trần, năng lực của tâm thức có thể biểu lộ trong “vật chất ba chiều đo” (“three-dimensional matter”), trong khi ở cõi cảm dục, cõi trí và các cõi khác, năng lực của tâm thức cần các chiều đo khác của vật chất mới biểu lộ được.

Khi nói đến Chơn Thần, chúng ta có thể tưởng chừng như chúng ta đang bàn đến một cái gì xa xôi. Tuy nhiên, Chân Thần rất gần với chúng ta, Chân Ngã chúng ta, chính là căn nguyên của sự hiện tồn của chúng ta, nguồn cội thân cận nhất của sự sống chúng ta, tức Thực Tại duy nhất. Ẩn tàng, không biểu lộ, bị bao trùm trong thanh lặng và âm u là Bản Ngã (Self) của chúng ta, nhưng tâm thức chúng ta là sự biểu lộ có giới hạn của Bản Ngã đó, tức Thượng Đế biểu lộ trong vũ trụ dưới các thể của chúng ta, các thể này là trang phục của Ngài. Giống như Đấng Vô Hiện (the Unmanifest) biểu lộ một phần trong Thượng Đế dưới hình thức Tâm Thức Thiêng Liêng và trong vũ trụ dưới hình thức Cơ Thể (Body) của Thượng Đế, cũng thế, Bản Ngã vô hiện của chúng ta biểu lộ một phần trong tâm thức chúng ta với tư cách là Thượng Đế của hệ thống cá nhân của chúng ta, và trong cơ thể chúng ta với tư cách vũ trụ khoác lấy tâm thức. Quả là “trên sao, dưới vậy”.

Bản Ngã ẩn tàng này chính là Chân Thần, đích thực là Đấng Duy Nhất. Chính nó mới mang lại ý nghĩa tinh tế của sự hợp nhất mà bao giờ cũng tồn tại trong chúng ta giữa mọi

đổi thay; ý thức về thực tướng (sense of identity) có cội nguồn của nó nơi đây, vì đây là cái Vĩnh Hằng trong chúng ta. Ba tia sáng tuông ra vốn xuất phát từ Chân Thần – sẽ được bàn đến ngay sau đây – là ba trạng thái của Chân Thần, tức là phương thức hiện tồn (modes of being), hay là ngôi vị (hypostases), sản sinh ra Thượng Đế của một vũ trụ, Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động vốn là ba biểu hiện chính yếu của tâm thức được biểu hiện, tức là Atma-Buddhi-Manas quen thuộc của nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophist).

44 Tâm thức này bao giờ cũng tác động như một đơn vị trên các cõi khác nhau, nhưng đều biểu lộ ba trạng thái của nó trên mỗi cõi. Khi chúng ta nghiên cứu tâm thức hoạt động trên cõi trí, chúng ta thấy Ý Chí hiện ra dưới hình thức chọn lựa (choice), Minh Triết hiện ra dưới hình thức phân biệt (discrimination), Hoạt Động lộ ra dưới hình thức nhận thức (cognition). Trên cõi cảm dục, chúng ta thấy Ý Chí xuất hiện dưới hình thức dục vọng (desire), Minh Triết dưới hình thức bác ái (love), còn Hoạt Động xuất hiện dưới hình thức cảm giác (sensation). Trên cõi trần, khí cụ của Ý Chí là cơ quan phát động (karmendriyas), khí cụ của Minh Triết là các bán cầu não (cerebral hemispheres), khí cụ của Hoạt Động là cơ quan cảm giác (jnanendriyas)<sup>(1)</sup>.

Biểu lộ đầy đủ của ba trạng thái tâm thức này dưới các hình thức cao nhất của chúng xảy ra trong con người theo cùng trật tự như là biểu lộ của Thượng Đế Ba Ngôi trong vũ trụ. Ngôi Ba, tức Hoạt Động, biểu lộ dưới hình thức trí sáng

---

<sup>1</sup> Việc nêu ra này chỉ có tính cách thăm dò. Vì vật chất là khía cạnh âm, Sarasvati, thuộc về Brahma, dường như để chỉ cơ quan cảm giác, và Durga, cơ quan phát động.

tạo, dưới hình thức tác nhân gom góp (gatherer) kiến thức, là trạng thái thứ nhất để hoàn thiện các hiện thể của nó đồng thời cho thấy các năng lực sung mãn của nó. Ngôi Hai, tức Minh Triết, biểu lộ dưới hình thức Lý Trí Thuần Túy và Đức Từ Bi, là trạng thái thứ hai để làm tỏ rạng Đức Krishna, Đức Phật, Đức Christ, nơi con người.

Ngôi Một, tức Ý Chí, là trạng thái cuối cùng để tự khai mở Quyền năng thiêng liêng của Chân ngã, mà dưới hình thức viên mãn không thể bác bỏ được của nó, chính là Toàn Phúc (Beatitude), là An Bình (Peace).

## Chương III

### Cư dân của khu vực

#### 1- Chân Thần giáng hạ

45

Khi năm khu vực đã sẵn sàng, khi năm cõi, mỗi cõi với bảy cõi phụ của nó được hoàn tất xét về mặt cấu tạo sơ khởi của chúng, thì bấy giờ bắt đầu công cuộc hoạt động của Thượng Đế Ngôi Hai, tức là Đấng Kiến Tạo (Builder) và Đấng Bảo Tồn (Preserver) hình hài sắc tướng. Hoạt động của Ngài được nói đến như là Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai, tuân theo Minh Triết và Bác Ái. Minh Triết tức là mãnh lực hướng dẫn, cần cho việc tổ chức và tiến hóa của sắc tướng, còn Bác Ái tức là mãnh lực thu hút, cần cho việc nắm giữ hình hài lại với nhau cho vững vàng đầu cho các tổng thể (wholes) có phức tạp đến đâu đi nữa.

Khi luồng sinh lực vĩ đại này của Thượng Đế tuôn đổ vào năm cõi biểu lộ, thì nó đưa các Chân Thần vào hoạt động, các Đơn Vị Tâm Thức này sẵn sàng để bắt đầu công việc tiến hóa, sẵn sàng để khoác lấy vật chất.

Tuy nhiên, nói rằng Chân Thần hoạt động thì có phần không được chính xác; nói rằng Chân Thần tỏa chiếu, phóng ra các tia sự sống thì đúng hơn. Vì Chân Thần bao giờ cũng “ở trong lòng của Từ Phụ”, trong khi các tia sự sống (life rays) của Chân Thần mới phải lao vào trong đại dương vật chất và chiếm lấy các chất liệu nơi đó cần để Chân Thần có thể linh hoạt trong vũ trụ. Vật chất phải được chiếm hữu, làm

46

cho dễ uốn nắn, để được nắn tạo thành các hiện thể thích hợp.

Bà Blavatsky có mô tả việc tủa chiếu của Chân Thần bằng các thuật ngữ bóng gió sinh động, bằng cách dùng một biểu tượng diễn tả được nhiều hơn là những ngôn từ theo nghĩa đen như sau: “Tam giác nguyên thủy – ngay khi nó đã phản chiếu chính nó trong “Thiên Nhân” ( “Heavenly Man”) cái cao nhất trong bảy cái thấp – biến mất bằng cách quay lại vào “Tịch Lặng và Thâm U”; và con người đầu tinh, mà Chân Thần (Atma) cũng được tiêu biểu bằng một tam giác, như nó phải trở thành một tam nguyên trong các thời chuyển tiếp hữu thức ở Devachan”. (GLBN III, 444). Tam giác nguyên thủy tức là Chân Thần tam diện gồm Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, “phản chiếu chính nó” trong “Thiên Nhân” dưới hình thức Atma-Buddhi-Manas, và kể đó “quay lại vào Tịch Lặng và Thâm U”. Atma – thường được nói đến như Chân thần của con người hạ đẳng hay con người đầu tinh – phải trở thành một tam bộ, tức là một đơn vị có ba mặt bằng cách đồng hóa với Buddhi và Manas. Từ ngữ “phản chiếu” (“reflection”) ở đây cần được giải thích. Nói chung, thuật ngữ “phản chiếu” được dùng khi một mãnh lực đã biểu lộ trên một cõi cao rồi tự hiện lại (shows itself again) trên một cõi thấp và bị chi phối bởi một loại vật chất thô hơn trong biểu lộ 47 thấp đó, cho nên một ít hiệu năng (effective energy) của mãnh lực đó bị mất đi và lực đó tự hiện ra dưới hình thức yếu ớt hơn. Còn bây giờ được dùng trong một trường hợp đặc biệt, thì từ ngữ đó hàm ý rằng một luồng sự sống của Chân Thần tuôn ra, lấy dạng như là cái ống để chứa trong đó một nguyên tử từ mỗi một trong ba cõi cao của năm cõi tiến hóa – đó là cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm – như thế tạo ra “Thiên Nhân”, “Chủ Thể Sinh Động, Bất Tử” (“Living Ruler,

Immortal”), Khách Hành Hương (Pilgrim), kẻ phải tiến hóa, vì sự tiến hóa đó mà Thái Dương Hệ được hình thành.

“Nếu như các rung động mãnh liệt của Mặt Trời xô đẩy vật chất vào các rung động mà chúng ta gọi là các tia sáng mặt trời (các tia này thể hiện thành nhiệt năng, điện năng và các năng lượng khác nữa của mặt trời), thì cũng thế Chân Thần (Monad) làm cho vật chất vi tử (atomic matter)<sup>(1)</sup> của các cõi Niết Bàn, Bồ Đề và cõi trí – đang bao quanh Chân Thần giống như là dĩ thái của không gian bao quanh Mặt Trời – trở nên rung động, và như vậy bắt buộc chính Chân Thần trở thành một Tia Sáng (Ray), gồm ba phần giống y như bản chất tam phân của chính Chân Thần. Trong công việc này, Chân Thần được sự trợ giúp của các Thiên Thần (Devas) thuộc một vũ trụ trước, vì trước đây các Ngài đã trải qua một kinh nghiệm tương tự như thế rồi. Các Thiên Thần này hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái -Ý Chí đến vi tử cõi Niết Bàn, để rồi vi tử Niết Bàn này nhờ rung động theo trạng thái Ý Chí, trở thành Linh Thể (Atma). Các Thiên Thần nói trên cũng hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái – Minh Triết đến vi tử cõi Bồ Đề, để rồi vi tử Bồ Đề nhờ rung động theo trạng thái –Minh Triết, trở thành Tuệ giác thể (Buddhi). Các Thiên thần trên cũng lại hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái -Hoạt động đến vi tử cõi trí, để rồi vi tử cõi trí, nhờ rung động theo trạng thái –Hoạt động, trở thành Thượng Trí (Manas). Như vậy Atma-Buddhi-Manas, tức là Chân Thần trong thế giới biểu lộ, được tạo thành, đó là Tia Sáng của Chân Thần, đi vào năm cõi của vũ trụ <sup>(2)</sup>. Đây là

48

---

<sup>1</sup> Vật chất vi tử là vật chất ở cõi phụ cao nhất của tất cả 7 cõi trong Thái Dương Hệ. (ND)

<sup>2</sup> Vũ trụ này chỉ là Thái Dương Hệ của chúng ta - (ND)

bí mật của Đấng Quán Sát (Watcher), Vị Khán Quan (Spectator), Atma bất động (actionless Atma), Đấng bao giờ cũng ngự trong bản chất tam phân của ngài trên cõi riêng của ngài và sinh hoạt trong thế giới con người bằng Tia Sáng của ngài, Tia Sáng này đang làm sinh động các hình bóng của ngài, tức là các kiếp sống phù du trên cõi trần... Các hình bóng này đảm trách công việc trên các cõi thấp và được Chân Thần thúc đẩy qua Hình Ảnh (Image) hay là Tia Sáng của Chân Thần, lúc đầu yếu ớt đến nỗi ảnh hưởng của Chân Thần hầu như không thể nhận ra được, sau đó ngày càng mạnh mẽ thêm lên”<sup>(1)</sup>

Atma-Buddhi-Manas là Thiên Nhân, Con Người Tinh Thần (Spiritual Man) và con người này là hình thức biểu lộ (expression) của Chân Thần, mà trạng thái Ý Chí được phản chiếu của Chân Thần là Atma, trạng thái Minh Triết được phản chiếu của Chân Thần là Buddhi, trạng thái Hoạt Động được phản chiếu của Chân Thần là Manas. Do đó chúng ta có thể xem Atma của con người như là trạng thái-Ý Chí của Chân Thần làm linh hoạt một vi tử tiên thiên khí (akashic atom); Buddhi của con người như là trạng thái-Minh-triết của Chân Thần làm linh hoạt một vi tử khí (ngọn lửa thiêng); Manas của con người (human Manas) như là trạng thái-Hoạt Động của Chân Thần làm linh hoạt một vi tử lửa (fiery atom).

Như vậy trong Atma-Buddhi-Manas, tức Tam Thượng Thể Tinh Thần, hay Thiên Nhân, chúng ta có ba trạng thái hay năng lượng, của Chân thần, được nhập thể (embodied)

---

<sup>1</sup> “Phả Hệ Của Con Người”, trang 25,27; sửa đổi một cách sơ sài, theo trong sách, đoạn trên chỉ đề cập đến Dãy hành tinh thứ tư thôi.

vào vật chất vi tử, và đây là “Tinh Thần” trong con người, tức  
 49 Jivatma hay Life-Self, Bản Ngã tách biệt (separated self) <sup>(1)</sup>. Đó là Tinh Thần mờ mờ và dưới trạng thái thứ ba của nó là “Chân Ngã thơ ấu” (“baby Ego”). Về bản chất, thì nó giống với Chân Thần, là *Chân Thần*, nhưng sức mạnh và hoạt động bị giảm thiểu do các bức màn vật chất (veils of matter) bao quanh nó. Việc giảm thiểu năng lực này không làm chúng ta quên được sự đồng nhất về bản chất. Bao giờ chúng ta cũng phải nhớ rằng tâm thức con người là một đơn vị và, mặc dù sự biểu lộ của nó có thay đổi đi nữa thì các biến đổi này chỉ là do sự vượt trội của trạng thái này hoặc trạng thái kia của nó và do mật độ tương đối của các chất liệu mà trạng thái đó được tạo thành. Như vậy, do chính bị chi phối mà các biểu lộ của nó có thay đổi, nhưng chính nó lúc nào cũng là một.

Kế đó, từng phần như thế của tâm thức Chân Thần, vì có thể tự biểu lộ trong năm cõi tiến hóa, nên trước tiên nhập vào chất liệu cao của cõi tiến hóa này, tự nhập thể vào một nguyên tử của một trong ba cõi cao này; như thế do phóng chiếu tia sáng xuống các cõi dưới và chiếm lấy các nguyên tử này để sử dụng, Chân Thần đã bắt đầu công việc của mình. Do bản chất tinh anh của riêng nó, cho đến nay, Chân Thần không thể giáng xuống dưới cõi Đại Niết Bàn được, do đó người ta nói Chân Thần ở trong “Tịch Lặng và Thâm U”, tức là không biểu lộ. Nhưng Chân thần vẫn trú lại đồng thời hoạt động trong và nhờ vào các nguyên tử đã bị chiếm hữu này, các nguyên tử hợp thành lớp bao (garment) cho sự sống của

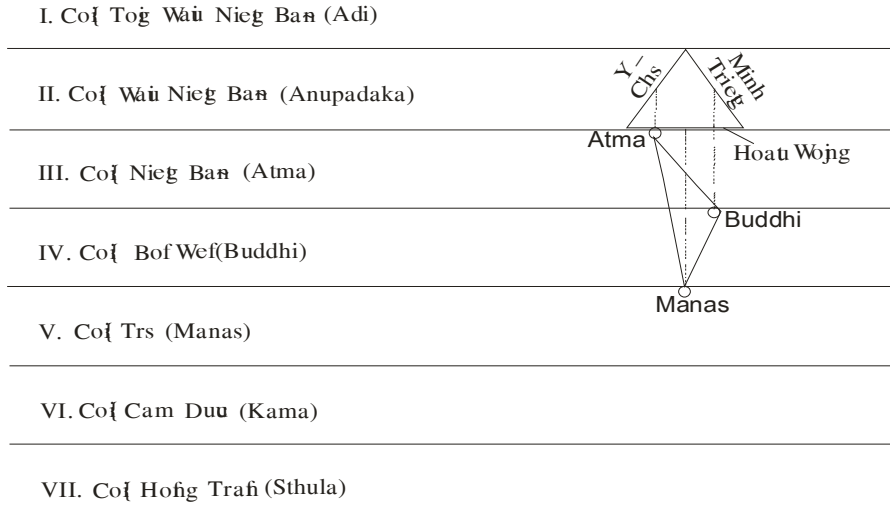
---

<sup>1</sup> Dĩ nhiên thuật ngữ Jivatma cũng có thể được dùng chỉ Chân Thần, nhưng thường được dùng nhiều hơn để chỉ hình ảnh (reflection) của Chân Thần



Chân Thân trên cõi gần nhất với mình. Chúng ta có thể hình dung hoạt động này như sau:

50



Tam Thượng Thể Tinh Thần này thường được gọi là Atma-Buddhi-Manas tức Jivatma, được mô tả như là hạt giống, cái mầm, của Sự Sống Thiêng Liêng chứa các tiềm năng của Cha trên trời của nó, tức Chân Thân, phải được khai mở thành các quyền năng trong diễn trình tiến hóa. Đây là “dũng khí” (“manhood”) của Đứa Con Thiêng Liêng của Thượng Đế Ngôi Một, được làm linh hoạt bởi “Chúa Cha” (“Godhead”) tức Chân Thân, quả là một bí nhiệm, mà là bí nhiệm được lặp lại dưới nhiều hình thức chung quanh ta.

51 Và giờ đây cái bản chất, vốn được tự do trong vật chất tinh anh thuộc cõi riêng của nó, trở nên bị ràng buộc bởi vật chất trọng trược hơn và các năng lực nhận thức của Chân Thân, cho đến nay, vẫn không thể hoạt động trong bức màn che kín này. Trong đó, Chân Thân giống như một cái mầm,

một cái phôi, bất lực, vô cảm, trợ trợ, trong khi ở trên cõi riêng của mình, Chân Thần có oai lực, có ý thức, có khả năng nếu xét về sự sống bên trong của Chân Thần. Một đàng là Chân Thần trong Vĩnh Cửu, đàng kia là Chân Thần trong thời gian và không gian. Cái tích chứa (content) của Chân Thần vĩnh cửu lại trở thành tầm mức (extent) của Chân Thần thuộc thời gian và không gian. Sự sống phôi thai hiện nay sẽ phát triển thành một sự sống phức tạp (complex being), biểu hiện của Chân Thần trên mỗi cõi của vũ trụ. Cho dù có toàn năng ở bên trong, trên cõi tinh anh của riêng mình, lúc đầu Chân Thần vẫn bị vô lực (powerless), bị xiềng xích, bị bơ vơ, khi phải chịu bao phủ ở bên ngoài bằng vật chất trọng trực, không thể thu nhận hay phát ra các rung động qua lớp vật chất đó. Nhưng lần lần Chân Thần sẽ chế ngự được vật chất mà lúc đầu đã bắt Chân Thần làm nô lệ. Một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, Chân Thần sẽ uốn nắn vật chất đó để tự biểu lộ (self-expression). Chân Thần được sự trợ giúp và trông nom của Thượng Đế Ngôi Hai hằng duy trì và bảo tồn, cho đến khi Chân Thần có thể sinh hoạt trong đó một cách đầy đủ như khi sinh hoạt ở cõi trên và đến phiên Chân Thần trở thành một Thượng Đế sáng tạo và khai sinh ra một vũ trụ của chính mình. Quyền năng để sáng tạo một vũ trụ chỉ đạt được tùy theo mức độ Minh Triết, bằng cách đưa vào trong Bản Ngã tất cả những gì mà sau đó được phát huy ra. Một Thượng Đế không sáng tạo bằng cái trống không, mà vạn vật tiến hóa từ chính Ngài; và từ các kinh nghiệm mà hiện giờ chúng ta đang trải qua, chúng ta đang gom lại các chất liệu để nhờ đó chúng ta có thể kiến tạo một Thái Dương Hệ trong tương lai.

Nhưng Tam Thượng Thể Tinh Thần này, tức jivatma, vốn là Chân Thần trong năm cõi biểu lộ, không thể tự mình

bắt đầu ngay bất cứ hoạt động tự điều khiển riêng biệt nào. Cho đến nay Chân Thần không thể gom lại quanh chính mình bất cứ tập hợp chất liệu nào, mà chỉ có thể tồn tại trong lớp áo nguyên tử của nó thôi. Đối với Chân Thần, sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai cũng như tử cung của bà mẹ đối với bào thai, việc kiến tạo bắt đầu nơi đây. Một cách thật chính xác, chúng ta có thể xem giai đoạn tiến hóa này, trong đó Thượng Đế tạo hình, bảo dưỡng và phát triển mầm sự sống cho Thiên Nhân, hay đúng hơn cái Thiên Phôi (Heavenly Embryo), một giai đoạn tương ứng với sự sống trước khi sinh ra của một con người, trong đó con người từ từ có được một thân xác vốn được nuôi dưỡng đồng thời bằng các luồng sinh khí của người mẹ và được tạo hình bằng chất liệu của mẹ. Cũng y như thế đối với Jivatma đang bao bọc sự sống của Chân Thần. Chân Thần phải chờ kiến tạo các thể của mình trên các cõi thấp và không thể xuất hiện ra khỏi sự sống tiền sinh và được “ra đời” cho đến khi có một thể xác được kiến tạo trên các cõi thấp. Việc “ra đời” xảy ra vào lúc thành lập linh hồn thể, khi Thiên Nhân được biểu lộ dưới hình thức một Chân Ngã ấu thơ, một Biệt Ngã đích thực, ngự trong một thân xác trên cõi trần. Với một chút suy tư cẩn thận người ta sẽ thấy được sự tương đồng chặt chẽ biết bao giữa sự tiến hóa của kẻ hành hương với sự tiến hóa của mỗi lần tái sinh kế tiếp. Trong trường hợp sau, Jivatma chờ tạo thành thể xác để làm trú sở, còn trong trường hợp trước, các Tam Thượng Thể Tinh Thần, với tư cách một Tổng Hợp (Collectivity), chờ kiến tạo Tứ hạ thể (Quaternary) theo kế hoạch.

Cho đến khi hiện thể trên cõi thấp đã sẵn sàng, mọi sự đều được chuẩn bị cho công cuộc tiến hóa, đúng hơn là chính cuộc tiến hóa – thường được gọi là tiến hóa giáng hạ (involution).

Sự tiến hóa của tâm thức phải bắt đầu bằng các tiếp xúc do hiện thể ngoài cùng của nó nhận được, nghĩa là nó phải bắt đầu trên cõi trần. Nó chỉ có thể trở nên biết được bên ngoài bởi các va chạm lên chính nó từ bên ngoài. Cho đến lúc đó nó chỉ mơ màng trong chính nó mà thôi, vì các rung động yếu ớt ở bên trong bao giờ cũng dâng trào ra ngoài từ Chân Thân, tạo ra những sức ép nhẹ nhàng hướng ra ngoài trong Jivatma, giống như một con suối ngầm tìm đường thoát lên mặt đất.

## 2- Tổ Chức (wearing)

Trong khi chuẩn bị cho việc khơi hoạt (awakening), tức là ban phát các đặc tính (qualities) cho vật chất, điều này có thể ví như việc tạo ra các mô (tissues) của cơ thể tương lai, do quyền năng sinh hóa (life-power) của Thượng Đế Ngôi Hai tạo ra – Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai tuôn đổ qua hết cõi này đến cõi khác, phân phát các tính chất riêng của nó cho vật chất thất-phân nguyên-sơ đó (sevenfold proto-matter).

Như đã nói trên, Làn Sóng Sinh Hoạt mang các Jivatmas đi theo với nó đến tận cõi phụ nguyên tử<sup>(1)</sup> của cõi thứ năm, tức cõi của Hỏa, cõi của mãnh lực sáng tạo đã được biệt ngã hóa, cõi của trí tuệ. Ở đây, mỗi Jivatma đã có một nguyên tử, tức là bức màn trí tuệ (mental veil) của Chân Thân, Thượng Đế đang thẩm nhuận các Jivatmas và các nguyên tử còn lại của cõi thứ năm bằng sự sống của Ngài. Tất cả các nguyên tử này, vốn dĩ tạo thành toàn thể cõi phụ nguyên tử, dù ở trạng thái tự do hay ở trạng thái có gắn liền và các Jivatmas, cũng

---

<sup>1</sup> Xin nhắc lại “cõi phụ nguyên tử” (atomic subplane) là cõi phụ cao nhất của một cõi chính. (ND).

đều có thể được gọi rất đúng là Tinh Chất Chân Thân (Monadic Essence). Nhưng theo như trong diễn trình tiến hóa, được giải thích ngay sau đây, có nhiều dị biệt giữa các nguyên tử ở trạng thái có gắn liền với các nguyên tử ở trạng thái không gắn liền với Jivatma, thuật ngữ Tinh Chất Chân Thân thường được dùng cho nguyên tử ở trạng thái không gắn liền, trong khi các nguyên tử ở trạng thái gắn liền được gọi là các “vi tử thường tồn” ( vì các lý do sẽ được giải thích sau). Vậy thì chúng ta có thể định nghĩa Tinh Chất Chân Thân như là vật chất vi tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai. Chính lớp áo (clothing) của Ngài giúp làm linh hoạt và giữ các hình hài chung lại với nhau; Ngài được bọc lại bằng vật chất vi tử. Với cương vị Thượng Đế, Sự Sống của chính Ngài tách biệt với sự sống của Atma-Buddhi-Manas trong con người, tách biệt với bất cứ sự sống nào trên cõi giới đó – mặc dầu Ngài cư mang, thấm nhuần và bao hàm tất cả các sự sống kia – chỉ được khoác trong vật chất vi tử, và chính điều này được nói đến bằng thuật ngữ Tinh Chất Chân Thân. Vật chất của cõi đó, (tức cõi trí- ND) đã được tạo ra theo bản chất của các nguyên tử của cõi đó <sup>(1)</sup> có khả năng đáp ứng bằng các rung động hợp với các thay đổi linh hoạt của tư tưởng, được đưa ra bởi Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai thành các kết hợp vật chất (combinations, phức hợp

55 vật chất) thích hợp để biểu lộ các tư tưởng – các tư tưởng trừu tượng hợp với vật chất tinh anh, tư tưởng cụ thể hợp với vật chất thô thiển. Các kết hợp vật chất của cõi phụ cao thứ hai và thứ ba tạo ra Giới Hành Khí Thứ Nhất. Các kết hợp vật chất trên bốn cõi phụ thấp (cũng thuộc cõi trí- ND) tạo ra Giới Hành Khí Thứ Hai. Vật chất được giữ lại trong các phức

---

<sup>1</sup> Bởi Tanmatras, các Số Đo thiêng Liêng (divine Measures).

hợp vật chất như thế được gọi là Tinh Chất Hành Khí (Elemental Essence) và có thể được nắn tạo thành các hình tượng. Đạo sinh đừng nên lầm lộn Tinh Chất Hành Khí với Tinh Chất Chân Thần (Monadic Essence); một bên có cấu tạo nguyên tử, bên kia có cấu tạo phân tử.

Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai lúc đó mới tuôn đổ vào cõi thứ sáu, cõi của Thủy (water), cõi của cảm giác cá nhân, cõi của dục vọng (dục giới). Các Thiên Thần, nói ở trước, kết nối các nguyên tử gắn với Jivatma hay các nguyên tử thường tồn của cõi thứ năm, vào một số các nguyên tử tương ứng trên cõi thứ sáu, và Thượng Đế Ngôi Hai xạ vào các nguyên tử này và các nguyên tử còn lại bằng Sự Sống của chính Ngài – nhờ thế các nguyên tử này trở thành Tinh Chất Chân Thần như đã giải thích ở trên.

Làn sóng sinh hoạt tiếp tục tiến xuống, tạo ra trên mỗi cõi phụ các phức hợp vật chất (combinations) thích hợp để biểu lộ các cảm giác. Các phức hợp vật chất này tạo thành Giới Hành Khí Thứ Ba, và vật chất được giữ trong phức hợp như thế được gọi là Tinh Chất Hành Khí giống như trước, và trên cõi thứ sáu này có thể được nắn tạo thành các hình-dục vọng (desire-forms).

Như thế ta thấy Tinh Chất Hành Khí gồm có các tập hợp vật chất (aggregations of matter) ở trên mỗi một trong số sáu cõi phụ phi-nguyên tử (non-atomic) của cõi trí và cõi cảm dục, các tập hợp này chính chúng không được dùng như các hình hài cho bất cứ thực thể nào trú ẩn, mà được dùng như chất liệu nhờ đó hình hài như thế có thể được kiến tạo.

Kế đó, làn sóng sinh hoạt đi vào cõi thứ bảy, tức cõi trần, cõi của các hoạt động được cá thể hóa, cõi của hành động. Giống như trước kia, các nguyên tử gắn với Jivatma hay nguyên tử thường tồn của cõi thứ sáu, được gắn với một

số nguyên tử tương ứng trên cõi thứ bảy, và Thượng Đế Ngôi Hai xạ vào (flood) các nguyên tử này và các nguyên tử còn lại bằng sự sống của chính Ngài – như thế tất cả các nguyên tử này trở thành Tinh Chất Chân Thần. Làn sóng sinh hoạt lại tiến tới, tạo ra trên mỗi cõi phụ, các kết hợp vật chất thích hợp để tạo thành thể xác, các nguyên tố hóa học (chemical elements) trong tương lai, như chúng được gọi thể trên ba cõi phụ thấp.

Nhìn vào công việc này của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai một cách tổng quát, chúng ta thấy rằng việc đi xuống của làn sóng này có liên quan đến những gì có thể được gọi một cách chính xác (fairly) là tạo ra các mô (tissues) đầu tiên, để sau này các thể tinh anh và các thể trọng trực được tạo thành tiếp theo sau. Trong một số cổ thư, nó được gọi rất đúng là “tổ chức” (“weaving”) (1), theo nghĩa đen của nó. Thượng Đế Ngôi Ba sắp đặt (prepare) vật liệu cho Thượng Đế Ngôi Hai dệt thành sợi và thành vải để làm ra bộ áo sau này – tức các thể tinh anh và trọng trực. Cũng như một người tách riêng ra sợi lanh (flax), bông vải, tơ lụa – các phức hợp của chính chúng thuộc loại đơn giản hơn – và dệt chúng lại thành vải lanh, thành bông vải hoặc tơ lụa, đến lượt, các vải vóc này được cắt may thành trang phục, Thượng Đế Ngôi Hai se chất sợi (matter-thread) này, dệt lại thành vải và kể đó tạo hình cho chúng. Ngài là Thợ Dệt Muôn Đời (Eternal Weaver), trong khi đó chúng ta có thể nghĩ đến Thượng Đế Ngôi Ba như là nhà Hóa Học Vĩnh Cửu (Eternal Chemist). Trong thiên nhiên, Thượng Đế Ngôi Ba làm công việc như trong một phòng thí nghiệm, còn Ngôi Hai làm việc như trong một nhà

---

<sup>1</sup> Tổ: nối lại, kết lại. Chức: dệt lại. Nghĩa đen của “tổ chức”: nối và dệt lại. Nghĩa bóng: xếp đặt công việc.

máy. Cách so sánh này tuy có tính cách vật chất, nhưng chớ coi thường, vì chúng là những cặp nặng để giúp chúng ta cố gắng đi khắp khiêng trên con đường tìm hiểu.

“Cách dệt” (“tổ chức, weaving”) này mang đến cho vật chất các tính chất riêng của nó, cũng như tính chất của sợi vải khác với tính chất của nguyên liệu, cũng như tính chất của vải khác với tính chất của sợi vải. Thượng Đế dệt hai loại vải bằng chất thượng trí (manasic matter), và bằng chất trí (mind-stuff), để rồi từ hai chất này làm ra thể nguyên nhân và thể hạ trí. Ngài cũng dệt loại vải bằng chất cảm dục (astral matter), tức chất dục vọng (desire-stuff), nhờ đó, sau này thể dục vọng mới được tạo ra. Điều này có nghĩa là các kết hợp vật chất (combinations of matter), sau khi được tạo ra và được kết hợp lại (held together) bằng Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai, lại có được các tính chất vốn sẽ tác động lên Chân Thần khi Chân Thần lập liên lạc với các kết hợp vật chất khác và sẽ cho phép Chân Thần tác động lên chúng. Thế nên Chân Thần có thể tiếp nhận tất cả các loại rung động thuộc trí óc, thuộc cảm giác v.v...

58 Các tính chất này tùy thuộc vào bản chất của các tập hợp vật chất (aggregations). Có bảy loại tập hợp vật chất chính do bản chất của nguyên tử ấn định, trong đó có vô số loại phụ. Tất cả đều dùng vào việc tạo ra chất liệu cho bộ máy (mechanism) của tâm thức, bộ máy này sẽ bị chi phối bởi tất cả các cấu trúc, các sắc thái, các mật độ này.

Trong lượt đi xuống của làn sóng sinh hoạt xuyên qua cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy, xuống đến vật chất trọng trước nhất, ở điểm đó làn sóng bắt đầu trở lên; như vậy chúng ta phải nghĩ đến công việc của nó như là công việc để tạo ra các kết hợp vật chất vốn sẽ biểu lộ các tính chất, và như thế đôi khi chúng ta nói đến công việc này như là việc mang

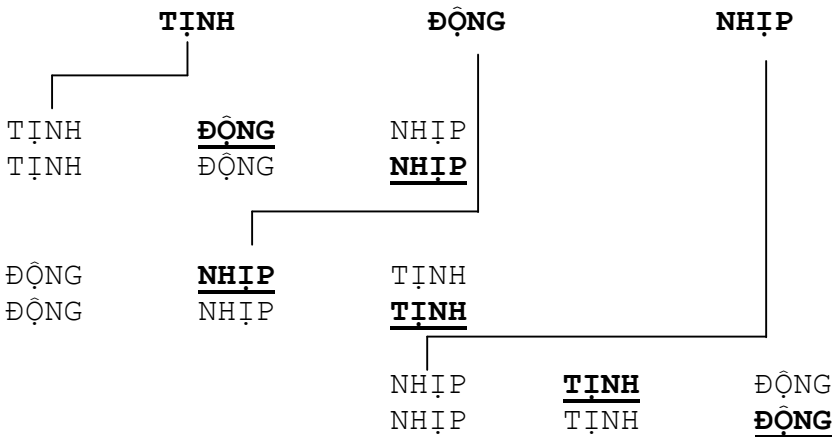


lại cá tính (qualities). Trên con đường đi lên, chúng ta sẽ thấy rằng các thể (bodies) được kiến tạo bằng vật liệu đã được chuẩn bị như thế. Nhưng trước khi nghiên cứu việc nắn tạo các thể này, chúng ta phải xét cách phân chia thất phân của làn sóng sinh hoạt này trên đường đi xuống của nó và việc đi lên của các “Đấng Quang Minh”, các “Thiên Thần”, các “Tinh Linh” vốn cũng thuộc về làn sóng đi xuống này. Đây là các “Tiểu Thần” (“Minor Gods”) mà Plato nói đến, nhờ các Ngài mà con người mới có được các thể bất hoại (perishable bodies).

### 3- Bảy Luông Thần Lược (The Seven Streams)

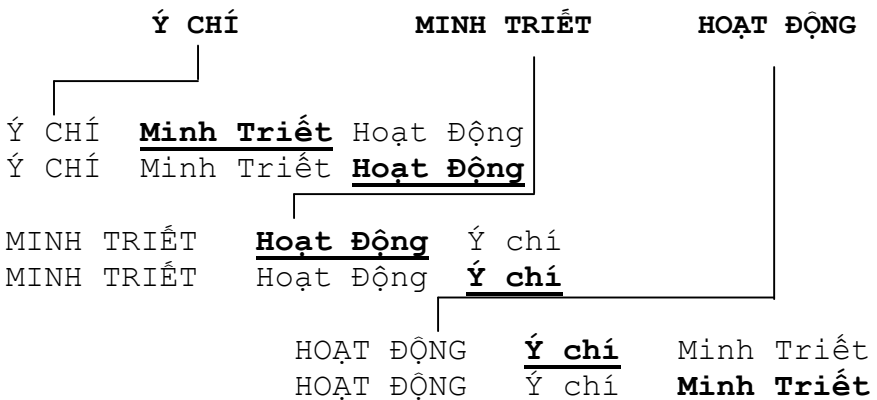
Câu hỏi thường được đưa ra: Tại sao các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng luôn luôn đề cập đến con số bảy? Chúng ta trả lời rằng số bảy là “số căn cội (root-number) của Thái Dương Hệ chúng ta”, và có một lý do hiển nhiên giải thích tại sao con số này sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc phân nhóm (grouping) các sự việc, khi chúng ta quan tâm tới các nhóm ba (tripticilies) có nói đến và giải thích trước đây. Một bộ ba (triad) đương nhiên tạo ra một bộ bảy (septenate) bởi các liên quan bên trong của chính nó, vì ba yếu tố của nó có thể tự tập hợp thành bảy cách không hơn không kém. Như chúng ta đã nói, ở ngoài các ranh giới của một vũ trụ, vật chất (matter) có ba tính chất, đó là tịnh, động và nhị ở trong trạng thái quân bình. Khi Sự Sống của Thượng Đế khởi động, tức khắc chúng ta có thể có bảy nhóm, vì trong bất cứ nguyên tử hoặc nhóm nguyên tử đã cho nào, tính chất này hay tính chất kia có thể nhận được sinh lực nhiều hơn các tính chất khác, như thế một tính chất chiếm ưu

thế sẽ hiện ra. Thế là chúng ta có thể có ba nhóm; ở nhóm một tính chất Tĩnh (inertia) sẽ chiếm ưu thế, trong nhóm hai, tính chất Động (mobility) chiếm ưu thế, trong nhóm ba, tính chất Nhịp (rhythm) chiếm ưu thế. Mỗi một trong ba nhóm này, lại chia nhỏ nữa tùy theo ưu thế trong đó của một trong hai tính chất còn lại; như vậy ở một trong hai nhóm Tĩnh, tính chất Động có thể vượt trội hơn tính nhịp, và trong nhóm Tĩnh còn lại, tính chất Nhịp vượt trội hơn tính động, cũng y như thế đối với hai nhóm Động và nhóm Nhịp còn lại. Đây là nguồn cội các kiểu mẫu đã được biết rõ, được phân loại theo tính chất ưu thế, thường được nêu ra bằng tiếng Bắc Phạn (sanskrit) là satvic, rajasic và tamasic tức nhịp, động và tĩnh, và chúng ta cũng có các thức ăn, động vật, con người có tính chất nhịp, động, tĩnh nữa v...v... Như vậy chúng ta có được bảy nhóm trong mọi vật: sáu tổ phân của ba tính chất và nhóm thứ bảy trong đó cả ba tính chất này đều linh hoạt ngang nhau. (Các biến thái của kiểu mẫu được dự tính một cách đơn giản để đánh dấu trong mỗi bộ ba các năng lượng tương đối của các tính chất).



Sự Sống của Thượng Đế xạ vào vật chất này, tự biểu lộ thành bảy luồng thần lực hay bảy cung (seven streams or rays).

Một cách tương tự bảy cung này xuất phát từ ba trạng thái Tâm Thức có trong Thượng Đế, cũng như trong tất cả mọi tâm thức, vì tất cả đều là các biểu lộ của Đại Ngã (Universal Self). Ba Trạng Thái Tâm Thức này là Toàn Phúc (Bliss) hay Ichchha, Ý Chí; Hiểu Biết (Cognition) hay Jnanam, Minh Triết; Hiện Tồn (Existence) hay Kriya, Hoạt Động. Thế nên ta có bảy luồng thần lực hay bảy cung của Sự Sống Thượng Đế:



61 Mọi vật có thể được xem như được tập hợp dưới bảy nhóm này, tức bảy luồng thần lực của sự sống Thượng Đế, tạo thành Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Nhì và chúng ta có thể nghĩ đến nó như là đang tuôn đổ qua bảy cõi. Thế nên, nếu chúng ta vẽ các mặt phẳng nằm ngang, thì Làn Sóng sinh hoạt sẽ xạ xuống các cõi theo đường thẳng đứng. Hơn nữa, trong mỗi luồng thần lực chính sẽ có bảy luồng thần lực phụ cấp một, tùy theo loại vật chất liên quan và bên trong các luồng thần lực phụ cấp hai này, tùy theo tỷ lệ của các tính

chất trong mỗi loại và cứ thế mà có vô số các biến thái. Chúng ta không cần đi vào chi tiết. Chỉ cần ghi nhớ là có bảy loại vật chất và bảy loại tâm thức. Bảy luồng thần lực của Sự Sống Thượng Đế hiện ra dưới hình thức bảy loại tâm thức và trong mỗi luồng này có bảy loại kết hợp vật chất (matter-combinations). Người ta thấy có bảy loại riêng biệt thuộc mỗi một trong ba Giới Hành Khí và trên cõi trần.

Trong bộ Giáo Lý Bí Nhiệm, bà Blavatsky có bàn đến con người, dẫn chứng từ các câu kinh của Thiên Kinh (Book of Dzyan) như sau: “Bảy Đấng Sáng Tạo (Creators) mỗi Đấng ở khu vực của Ngài” tạo ra bảy mẫu người và bảy mẫu người này được chia nhỏ ra: “Bảy lần bảy cái bóng của con người tương lai được sinh ra” (Sách đã dẫn, 11, 18,81,95). Đây là nguồn gốc các tính tình khác nhau của con người.

62

#### 4- Các Đấng Quang Minh

Bây giờ chúng ta nghiên cứu kết quả khác của Làn Sóng Sinh Hoạt đi xuống. Chúng ta đã thấy Làn Sóng này mang lại các đặc tính (qualities) cho các tập hợp vật chất trên cõi thứ năm và thứ sáu, và trong Giới Hành Khí thứ nhất, vật chất sẵn sàng khoác lấy các tư tưởng trừu tượng; trong Giới Hành Khí thứ hai, vật chất sẵn sàng khoác lấy các tư tưởng cụ thể; trong Giới Hành Khí thứ ba, vật chất sẵn sàng khoác lấy dự vọng.

Ngoài việc ban phát các đặc tính cho các tập hợp vật chất; trong giai đoạn đi xuống, Thượng Đế Ngôi Hai còn khai sinh ra các sinh linh này hợp thành các cư dân bình thường và điển hình của ba giới hành khí nói trên. Các sinh linh này đã được Thượng Đế mang đến từ một chu kỳ tiến hóa trước, và được phân ra từ kho Sự Sống của Ngài để cư trú ở các cõi

thích hợp với trình độ phát triển của các sinh linh đó và để cộng tác với Ngài và sau đó với con người, hầu thể hiện kế hoạch tiến hóa của Ngài. Các sinh linh này có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo các tôn giáo, nhưng tất cả các tôn giáo đều nhận thức được sự thật về sự hiện hữu cùng với công việc của các vị này. Danh xưng theo Bắc Phạn là Devas – tức Các Đấng Quang Minh (Shining Ones) – là tên gọi thông dụng nhất mô tả một cách thích hợp đặc điểm nổi bật nhất về ngoại diện các vị này, một vẻ sáng rực rỡ <sup>(1)</sup>. Do Thái Giáo, Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo gọi các Ngài là Nhất Đẳng Thiên Thân (Archangels) và Thiên Thân (Angels). Nhà nghiên cứu Minh Triết Thiên Liêng – muốn tránh các dẫn chứng có tính thiên vị – nên gọi tên các vị này theo trú sở của các Ngài là Tinh Linh Thiên Nhiên (Elementals). Tên gọi này có thêm cái lợi là nó nhắc nhở người nghiên cứu về sự liên quan của các vị này với năm “hành tố” (“elements”, bản tố) của thế giới xưa, đó là Hậu thiên khí (Aether), Phong (Air), Hỏa (Fire), Thủy (Water) và Thổ (Earth, Địa), chẳng hạn có các sinh linh tương tự thuộc loại cao trên cõi Niết Bàn và Bồ Đề, đó là các Hỏa Tinh Linh và Thủy Tinh Linh của cõi trí và cõi cảm dục và các Tinh Linh dĩ thái (ethereal Elementals) của cõi trần. Các thực thể này có cơ thể (bodies) được làm bằng tinh chất hành khí thuộc về giới của chúng, đó là các cơ thể có nhiều màu sắc chớp lóe, hình dạng thay đổi theo ý muốn của thực

---

<sup>1</sup> Nếu diễn dịch thuật ngữ này là “God” sẽ đưa đến nhiều sai lầm trong tư tưởng Đông Phương. “330 triệu Vị Thần” không phải là các Vị Thần (Gods) theo nghĩa Phương Tây của thuật ngữ, mà là tương đương của Bản Ngã Đại Đồng (Universal Self) và đứng sau các Thượng Đế (the Logoi), mà là các Thiên Thân, Các Đấng Quang Minh.

thể bên trong. Chúng hợp thành một tập đoàn lớn, bao giờ cũng linh hoạt, cần cù làm việc với tinh chất hành khí để cải thiện phẩm tính của nó, dùng nó để tạo ra các cơ thể của chính chúng, thải bỏ nó đi và lấy các phần khác của nó, để làm cho nó dễ đáp ứng hơn. Chúng cũng luôn luôn bận rộn trong việc nắn tạo hình hài, trong việc giúp Linh hồn con người trên đường luân hồi bằng cách kiến tạo các thể mới cho họ, mang lại các vật liệu thuộc loại cần thiết và giúp sắp xếp vật liệu đó. Linh hồn càng ít tiến hóa thì công việc chỉ huy của Thiên thần càng nặng nề hơn. Với loài vật, các Thiên thần làm hầu hết mọi công việc, còn với thực vật và khoáng vật thì các ngài hoàn toàn làm hết mọi việc.

64 Các ngài là các vị thừa hành tích cực trong công việc của Thượng Đế, thi hành tất cả mọi chi tiết trong thiên cơ của Thượng Đế và giúp cho vô số sinh linh tiến hóa tìm được chất liệu cần thiết dùng làm lớp vỏ của họ. Vào thời xa xưa, mọi người đều nhận biết được công việc rất cần thiết mà các Ngài đã làm trong nhiều cõi. Ở Trung Hoa, Ai Cập, Ấn Độ, Ba Tư (Persia) <sup>(1)</sup>, Hy Lạp, La Mã đều có các chuyện kể như thế. Niềm tin vào các vị này không những thấy có trong mọi tôn giáo mà còn trong ký ức của dân gian, trong các câu chuyện về các “Tinh linh thiên nhiên”, các “Tiểu Tiên”, “Tinh Linh của đất” (“Gnomes”, thổ thần), các “chú lùn tinh ranh” (“Trolls”) và dưới nhiều tên gọi khác nữa. Con người sẽ biết được những điều này khi nào họ ít bám chặt vào vật chất và nhạy cảm hơn với các ảnh hưởng mà các cõi tinh anh tác động vào họ. Hễ càng tập trung vào các quan tâm vật chất cần cho việc tiến hóa hiện hữu, thì con người càng khép lại tâm thức tinh thức của mình trước các Tinh Linh thiên nhiên.

---

<sup>1</sup> Nay là nước Iran. (ND)

Dĩ nhiên, điều này không ngăn được việc làm của các Tinh Linh, mặc dù thường làm cho công việc đó trở nên ít hiệu quả hơn trên cõi trần.

Tuy nhiên, ở giai đoạn mà chúng ta đang xem xét đây, mọi công việc này, ngoại trừ việc cải thiện tinh chất hành khí, còn nằm trong tương lai xa xăm, nhưng các Thiên Thần này đang cần mẫn làm công việc cải thiện đó.

Như vậy có một công cuộc chuẩn bị to tát được hoàn thành trước khi bất cứ điều gì trong việc tạo tác các hình hài thể chất như chúng ta biết có thể xảy ra. Công việc to tát là lo  
 65 về mặt Hình Hài cho vạn vật trước khi tâm thức có thể nhập vào, ngoại trừ Thượng Đế và các Thiên Thần của Ngài, không ai có thể làm được chút gì cả. Những gì mà ngày sau sẽ trở thành tâm thức con người, thì hiện nay, chỉ là một hạt giống được gieo trên các cõi cao, vô tri thức đối với tất cả những gì bên ngoài nó. Dưới sự ấm áp đang thôi thúc của Sự Sống Thượng Đế, nó đưa ra ngoài một rễ con bé nhỏ hướng xuống dưới, rễ con này tìm đường đi vào các cõi thấp, một cách dò dẫm, một cách vô tri thức và cái rễ con này là đề tài nghiên cứu sắp tới của chúng ta.

## Chương IV

### Nguyên tử thường tồn

66

#### 1- Liên Kết của các nguyên tử

Chúng ta hãy nghiên cứu Tam Thượng Thể Tinh Thần, tức tam nguyên tử Atma-Buddhi-Manas, tức Jivatma, hột giống của tâm thức, nhiệt khí (warmth) của luồng sinh lực Thượng Đế đang bao quanh nó, tạo ra các rung động yếu ớt đáp ứng với sự sống. Đây là các rung động bên trong, chuẩn bị cho các hoạt động bên ngoài. Sau thời gian dài chuẩn bị, một tuyến bé nhỏ, giống như một rễ con xuất hiện, bắt nguồn từ phân tử có ba nguyên tử (tri-atomic molecule) này bao bọc lấy tâm thức, đó là sinh mệnh tuyến màu vàng được bọc trong lớp vỏ bằng chất Bồ Đề. Có vô số tuyến như thế xuất hiện từ vô số Jivatmas, trước tiên phát phơ một cách vô định trong bảy luồng thần lực vĩ đại và kế đó bám trụ lại (anchored) – tạm dùng cách diễn tả như thế – bằng cách gắn chặt vào một phân tử hay đơn vị đơn lẻ trên cõi phụ thứ tư của cõi trí. Việc bám trụ này – giống như việc bám trụ trước kia vào ba nguyên tử cao và giống như các lần bám sau này vào các nguyên tử cảm dục và hồng trần – xảy ra do tác động của các Thiên Thần. Chung quanh đơn vị được liên kết này là các tập hợp tạm bợ của tinh chất hành khí thuộc Giới Thứ Hai, phát tán ra và gom trở lại, lặp đi lặp lại nhiều lần, bao giờ cũng cùng với đơn vị gắn liền đóng vai trò là trung tâm. Trung tâm ổn định này được dùng cho một chuỗi vô tận gồm các hình hài thay đổi phức tạp, được khơi hoạt từ từ bằng các rung động của các hình hài này thành các đáp ứng yếu ớt, các



đáp ứng này lại rung động một cách yếu ớt hướng lên đến hạt giống của Tâm thức và sản sinh ra trong đó các chuyển động nội tại rất mơ hồ. Không thể nói rằng mỗi trung tâm luôn luôn có chung quanh nó một hình thức riêng của nó; vì một tập hợp tinh chất hành khí có thể có nhiều hay rất nhiều các trung tâm này bên trong nó, hay là lại có thể chỉ có một, hoặc không có trung tâm nào cả. Như vậy với sự chậm chạp không thể tưởng tượng, các đơn vị kết hợp này trở thành những tác nhân sở hữu một số tính chất, nghĩa là có được khả năng rung động theo một vài cách, vốn gắn liền với việc suy tư và trong tương lai sẽ làm cho các tư tưởng có thể hiện ra. Các Thiên Thần của Giới Hành Khí Thứ Nhì cũng tác động lên chúng, hướng vào chúng các rung động mà chúng từ từ bắt đầu đáp ứng lại, và bao quanh chúng bằng loại tinh chất hành khí được phóng phát ra từ chính các thể của các Ngài (1). Hơn nữa mỗi một trong bảy nhóm điển hình được phân cách với các nhóm khác bằng một bức vách tinh vi làm bằng tinh chất Chân Thân (vật chất nguyên tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai) mở đầu cho vách của Hồn Khóm sau này.

68 Toàn bộ tiến trình này được lặp lại khi Giới Hành Khí Thứ Ba được tạo thành. Sinh mệnh tuyến cực nhỏ được bọc bằng lớp vỏ bồ đề có nguyên tử thường tồn hạ trí của nó gắn vào, bây giờ hướng vào cõi cảm dục và tự gắn vào một nguyên tử cảm dục đơn độc, đưa thêm nguyên tử này vào chính nó để tạo thành trung tâm ổn định cho nó trên cõi cảm dục. Giờ đây, chung quanh nguyên tử này là các tập hợp tạm của tinh chất hành khí thuộc Giới Thứ Ba, rải ra và tái tập

---

<sup>1</sup> Xem quyển “Tiến hóa của Sự Sống và Sắc Tướng” (Evolution of Life and Form), tác giả Annie Besant, trang 132-133.

hợp như trước kia. Các kết quả tương tự tiếp theo sau dưới hình thức vô số chuỗi các hình hài bao bọc lấy trung tâm ổn định này, đánh thức nó hướng tới các đáp ứng yếu ớt tương tự, mà đến phiên chúng rung động một cách yếu ớt hướng lên hạt giống của Tâm thức, một lần nữa tạo ra trong đó các chuyển động rất mơ hồ ở bên trong. Như vậy, một lần nữa, các nguyên tử liên kết này từ từ trở nên có được một số đặc tính, nghĩa là có được khả năng rung động theo một vài cách liên quan đến cảm giác và từ đây về sau có thể tiếp nhận được cảm giác. Tới đây, cũng các Thiên Thần của Giới Hành Khí Thứ Ba hợp tác vào công việc, bằng cách sử dụng các năng lực rung động phát triển cao hơn của các ngài để tạo ra trong các nguyên tử chưa phát triển này một khả năng đáp ứng nhờ hiện tượng đồng cảm, và, như có nói ở trước, đem lại cho các nguyên tử chất liệu của chính các ngài. Vách ngăn cách của mỗi một trong bảy nhóm cần có một lớp thứ hai, được làm bằng tinh chất Chân Thần của cõi cảm dục, như vậy tiến tới một giai đoạn gần hơn với vách của Hồn Khóm tương lai.

- 69 Một lần nữa, tiến trình được lặp lại khi làn sóng vĩ đại tiến vào cõi trần. Sinh mệnh tuyến bé nhỏ được bọc bằng chất bồ đề, có các nguyên tử thường tồn của thể hạ trí và thể cảm dục gắn vào, lại tiến tới trước và đón nhận thêm nguyên tử thường tồn cõi trần (physical atom) vào chính nó, tạo thành trung tâm vững vàng trên cõi trần. Các phân tử dĩ thái tập hợp lại chung quanh trung tâm này, nhưng vật chất hồng trần nặng nề hơn nên kết chặt nhiều hơn là chất tinh anh của các cõi cao và kỳ hạn sự sống kéo dài lâu hơn. Bấy giờ – khi các kiểu mẫu tinh anh của kim loại nguyên sơ (proto-metals), và sau đó là các kim loại nguyên sơ, kim loại, các yếu tố phi-kim loại (non-metallic elements) và các khoáng chất được tạo

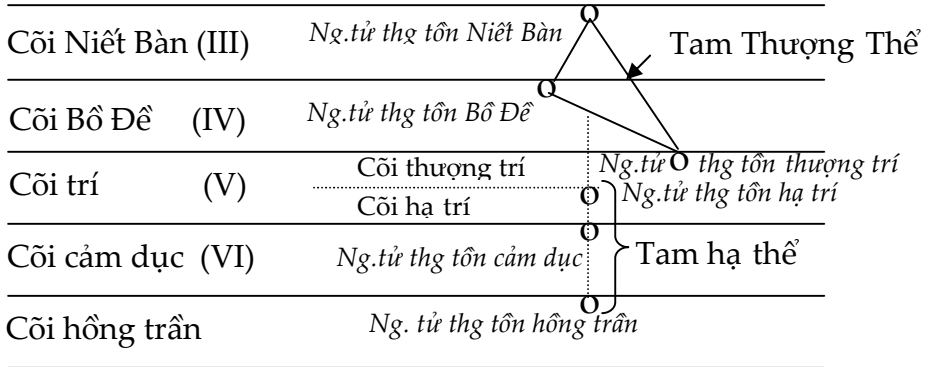
ra – các Thiên Thân thuộc Giới Dĩ Thái hồng trần (Ethereal Physical Kingdom) làm chìm ngập các nguyên tử được liên kết này trong các lớp vỏ dĩ thái của các ngài thành một trong bảy kiểu mẫu tinh anh mà chúng lần lượt tùy thuộc vào và chúng bắt đầu công cuộc tiến hóa vật chất lâu dài của chúng.

Trước khi có thể đi sâu vào việc khảo cứu này, chúng ta phải xem xét các Hồn Khóm, các Hồn Khóm này tiếp nhận lớp bọc thứ ba của chúng trên cõi phụ nguyên tử. Nhưng tốt hơn hết nên ngừng lại một chốc lát về bản chất và nhiệm vụ của các nguyên tử thường tồn này, các đơn vị gồm ba phần (tri-units) hay các bộ ba (triads) vốn có vai trò như là một hình ảnh trên các cõi thấp của các Tam Thượng Thể Tinh Thần trên cõi cao và mỗi bộ ba này được liên kết với một Tam Thượng Thể Tinh Thần, tức Jivatma của nó. Mỗi bộ ba gồm có một nguyên tử thường tồn hồng trần, một nguyên tử thường tồn cảm dục và một nguyên tử thường tồn hạ trí, luôn luôn được nối kết bởi sợi chỉ vàng bằng chất Bồ đề vào Tam Thượng Thể Tinh Thần. Sợi chỉ này đôi khi được gọi là Ngân Quang Tuyến (Sutratma), Chân Ngã Tuyến (Thread-Self), bởi vì các nguyên tử thường tồn được xỏ vào trên đó như là “các hạt chuỗi trên một sợi dây”<sup>(1)</sup>.

Chúng ta có thể dùng sơ đồ sau đây để chỉ mối liên hệ này:

---

<sup>1</sup> Thuật ngữ này được dùng để chỉ nhiều điều khác nhau nhưng luôn luôn có cùng ý nghĩa: đó là sợi dây nối liền các phần tử riêng biệt. Nó được dùng để chỉ Chân Ngã luân hồi, giống như sợi dây được gắn vào nhiều kiếp sống riêng biệt; đối với Thượng Đế Ngôi Hai thì đó là Linh Tuyến (Thread) mà các sinh linh trong vũ trụ của Ngài được xỏ vào, và v...v... Thuật ngữ này chỉ một chức năng (function) hơn là một thực thể đặc biệt hoặc một hạng thực thể nào.



## 2- Sinh võng

Như đã nói, việc nối kết (giữa Tam Hạ Thể- ND) với Tam Thượng Thể Tinh Thần là nhờ chất bồ đề, và sự liên lạc này được chỉ ra trong sơ đồ bằng đường chấm (dotted line) nối liền các nguyên tử thường tồn đi xuống bằng đường nối  
 71 trong cõi Bồ Đề, chớ không phải từ nguyên tử thường tồn thượng trí (manasic atoms). Chính chất bồ đề được dùng dệt nên sinh võng (Web of life, lưới sự sống) kỳ diệu này để nâng đỡ và đem sinh lực đến cho tất cả các thể của chúng ta. Nếu các thể này được quan sát bằng nhãn thông bồ đề (buddhic vision) thì chúng biến mất tất cả, ở vị trí của chúng người ta chỉ thấy một tấm lưới màu vàng lơ mờ, có độ tinh xảo khó tưởng tượng và một vẻ đẹp tinh tế, có họa tiết ở tất cả các phần của chúng, trong một mạng lưới có các mắt lưới rất nhỏ. Lưới này được làm bằng chất bồ đề, bên trong các mắt lưới này có các nguyên tử thô được kết lại cùng nhau. Xem xét kỹ hơn thì thấy toàn thể mạng lưới này được làm bằng một sợi duy nhất, đó là phân nối dài của Kim quang tuyến (sutratma). Lúc đưa bé chưa ra đời, thì tuyến này ló ra khỏi nguyên tử thường tồn thể xác và phân nhánh ra mọi hướng,

việc tăng trưởng này tiếp tục cho đến khi thể xác phát triển đầy đủ. Khi sống ở cõi trần, thì prana, tức sinh khí (life-breath) luôn luôn chạy dọc theo sợi đờ, đi theo tất cả các nhánh và các mắt lưới (meshes) của nó. Lúc chết, tuyến này bị rút ra, bỏ mặc cho các phần tử của xác thân phân tán ra. Người ta có thể thấy nó từ từ tự tháo ra khỏi chất hồng trần trong trược, sinh khí đi theo với nó và cũng tự quấn lại ở tâm chung quanh nguyên tử thường tồn. Khi nó rút đi thì tứ chi bị bỏ trống trở nên lạnh – sự vắng mặt của nó tạo ra hiện tượng “lạnh như xác chết” (“death-chill”). Ngọn lửa tím vàng của sinh khí chiếu sáng chung quanh nó ở trái tim, còn ngọn lửa và sinh võng màu vàng, cùng với nguyên tử thường tồn

72 đi lên theo từ-lực-đạo trung hỏa kỳ kinh (sushumna-nadi) thứ nhì <sup>(1)</sup> lên đầu, đi vào não thất thứ ba. Đôi mắt trở nên mờ dần khi sinh võng rút ra và toàn bộ được gom lại chung quanh nguyên tử thường tồn trong não thất thứ ba, kể đó toàn bộ đi lên một cách chậm chạp vào điểm giáp mỗi của đường khớp của xương đỉnh (parietal) và xương chẩm (occipital) và rời bỏ thể xác – đó là cái chết. Như vậy Kim quang tuyến này bao quanh nguyên tử thường tồn giống như cái vỏ vàng – nhắc chúng ta nhớ đến ổ kén được dệt một cách khít khao của con tằm – cứ bọc lại như thế cho đến khi một thể xác mới được tạo thành nó mới mở ra trở lại.

Các nguyên tử thường tồn của thể cảm dục và thể hạ trí cũng theo cùng tiến trình như trên, thế nên khi các thể này

---

<sup>1</sup> Trong tiếng Anh không có tên gọi để chỉ lối đi (passage) này. Đó là mạch (vessel) hay con kênh (canal), chạy từ tim đến não thất thứ ba (third ventricle). Tất cả những người nghiên cứu yoga đều quen thuộc với tên gọi này. Trung hỏa kỳ kinh nguyên sơ là ống xương sống (spinal canal).

tan rã, thì tam hạ thể (lower-triad) có thể được nhìn thấy như là một cái nhân sáng lấp lánh bên trong linh hồn thể, một cái vẻ ngoài được ghi nhận từ lâu trước khi cần quan sát tỉ mỉ hơn mới biết được ý nghĩa của nó.

### 3- Chọn lựa các nguyên tử thường tôn

Chúng ta hãy trở lại việc chiếm hữu ban đầu của Chân Thần đối với các nguyên tử thường tôn của ba cõi cao và tìm hiểu đôi điều về công dụng của chúng, về mục đích của việc chiếm hữu các nguyên tử đó. Các nguyên tắc này cũng được áp dụng đối với các nguyên tử thường tôn của mỗi cõi.

73 Trước tiên, cần nhớ rằng vật chất (matter) của mỗi cõi đều có bảy loại chính, thay đổi tùy theo ưu thế của thuộc tính này hoặc thuộc tính khác trong số ba thuộc tính lớn của vật chất: tịnh, động và nhịp. Do đó, các nguyên tử thường tôn có thể được chọn trong số bất cứ một trong các loại này, nhưng dường như tất cả các nguyên tử thường tôn được chọn trong cùng một loại bởi một Chân Thần duy nhất. Hơn nữa, dường như là trong khi sự ràng buộc hiện tại của các vi tử thường tôn vào sinh mệnh tuyến (life-thread) trên ba cõi cao là công việc của các Huyền Giai được nói đến trước đây, thì việc chọn lựa vốn chi phối việc chiếm hữu được chính Chân Thần đưa ra. Chính Chân Thần thuộc về một trong bảy nhóm Sự Sống đã được nói đến. Đứng đầu của mỗi nhóm là một Hành Tinh Thượng Đế (Planetary Logos), Ngài “nhuộm màu” toàn thể nhóm, và các Chân Thần được tập hợp lại bởi các sắc thái này, mỗi Chân Thần được nhuộm màu bởi “Ngôi Sao Từ Phụ” (“Father Star”) của mình (1). Đây là đặc điểm quyết định quan trọng thứ nhất của mỗi người trong chúng ta, “sắc thái”

---

<sup>1</sup> Xem “Phả Hệ Của Con Người”, của Annie Besant, trang 24.

(“colour”) căn bản của chúng ta hay là “chủ âm” (“key-note”) hay “tâm tính” (“temperament”) của chúng ta. Chân Thần có thể chọn cách sử dụng cuộc hành hương mới của mình để làm mạnh thêm và gia tăng tính chất đặc thù này; trong trường hợp đó, các Huyền Giai (Hierarchies) sẽ gắn vào sinh mệnh tuyến các nguyên tử thuộc về nhóm có chất liệu tương ứng với nhóm Chân Thần đó. Việc lựa chọn này sẽ đưa đến kết quả là có được “sắc thái”, hay “chủ âm” hay “tâm tính” thứ hai và làm nổi rõ và làm mạnh thêm sắc thái thứ nhất, để rồi, trong cuộc tiến hóa sau, các quyền năng và các khuyết điểm của sắc thái kép đó sẽ tự biểu lộ với sức mạnh to tát hơn. Hoặc là Chân Thần có thể chọn cách dùng cuộc hành hương mới của mình để khai mở khía cạnh khác của bản chất mình. Lúc bấy giờ các Huyền Giai sẽ gắn vào sinh mệnh tuyến các nguyên tử thuộc về nhóm vật chất tương ứng với nhóm sự sống khác, trong đó khía cạnh mà Chân Thần muốn phát triển chiếm ưu thế. Việc chọn lựa này đưa đến kết quả là Chân Thần có được “sắc thái” hay “chủ âm” hay “tâm tính” thứ hai biến cái thứ nhất với kết quả tương ứng trong lần tiến hóa sau. Sự lựa chọn sau này rất thường thấy và nó có khuynh hướng đưa đến sự phức tạp rất nhiều về tính chất, nhất là trong các giai đoạn tiến hóa cuối cùng của con người, khi ảnh hưởng của Chân Thần được cảm nhận mạnh mẽ hơn nhiều.

Như đã nói ở trên, dường như là tất cả các vi tử thường tồn đều được chọn từ cùng nhóm vật chất, cho nên các nguyên tử của Tam hạ thể đều tương ứng với các nguyên tử của Tam thượng thể. Nhưng trên các cõi thấp, ảnh hưởng của các nguyên tử này trong việc định đoạt loại vật chất được dùng trong các thể mà chúng là các trung tâm phát sinh – vấn đề mà hiện giờ chúng ta phải chuyển sự chú ý của chúng ta

vào đó – lại rất giới hạn và bị các nguyên nhân khác chen vào. Trên các còi cao, các thể tương đối được bền bỉ một khi  
 75 được kiến tạo xong, và tạo ra một cách rõ rệt chủ âm (key note) của các vi tử thường tồn của chúng, tuy nhiên chủ âm đó có thể được làm cho phong phú thêm bằng các họa âm (overtones) bao giờ cũng tăng thêm mức tinh tế của hòa âm (harmony). Nhưng trên các còi thấp, trong khi chủ âm của các vi tử thường tồn đều như nhau, thì nhiều nguyên nhân khác lại đến để định đoạt việc lựa chọn các chất liệu cho các thể, đó là điều sẽ được bàn tới ngay sau đây.

#### **4- Công dụng của các nguyên tử thường tồn**

Có thể tóm lược công dụng này trong một câu: Công dụng (use) của các vi tử thường tồn là để bảo tồn trong chính chúng, dưới hình thức khả năng rung động, các kết quả của tất cả mọi kinh nghiệm mà chúng đã trải qua. Có lẽ hay hơn hết là chọn vi tử thường tồn hồng trần làm thí dụ, vì vi tử này có thể giải thích dễ dàng hơn là các vi tử ở các còi cao.

Một tác động ở còi trần thuộc bất cứ loại nào cũng sẽ tạo nên các rung động tương ứng với chính rung động của nó trên thể xác mà nó tiếp xúc. Các rung động này có thể có tính cục bộ (local) hay lan rộng (general) tùy theo bản chất và sức mạnh của tác động. Nhưng dù cục bộ hoặc lan rộng, các rung động đó cũng sẽ đến được vi tử thường tồn thể xác, được truyền đi bằng sinh vông trong tất cả các trường hợp, còn trong các tác động mạnh mẽ thì chỉ bằng sự chấn động (concussion) cũng đủ.

Được áp đặt (forced) lên nguyên tử từ bên ngoài, rung động này (vibration) trở thành khả năng rung động



(vibratory power) trong nguyên tử – một khuynh hướng lặp lại nơi đó.

76 Qua toàn thể kiếp sống của xác thân, có vô số các va chạm (impacts) tác động vào xác thân; nhưng không có một va chạm nào mà không để lại dấu vết của nó trên vi tử thường tồn, không một va chạm nào mà không để lại cho vi tử đó một khả năng rung động mới. Tất cả các kết quả của các kinh nghiệm ở cõi trần vẫn được lưu giữ trong vi tử thường tồn này dưới hình thức các năng lực rung động. Vào lúc kết thúc một kiếp sống hồng trần, vi tử thường tồn này đã tích chứa vô số năng lực rung động như thế, nghĩa là nó đã học được cách đáp ứng bằng vô số đường lối với thế giới bên ngoài, để tái tạo lại trong chính nó các rung động được áp đặt lên nó bởi các đối tượng xung quanh. Vào lúc chết, thể xác tan rã, các phân tử của thể xác phân tán ra, tất cả đều mang theo với chúng kết quả của các kinh nghiệm mà chúng đã trải qua – vì thật ra tất cả các phân tử của xác thân chúng ta ngày ngày không ngừng chết đi trong một thể (body) này và không ngừng sinh ra vào một thể khác. Nhưng vi tử thường tồn của xác thân vẫn còn nguyên. Đó là nguyên tử duy nhất đã trải qua tất cả các kinh nghiệm của khối kết hợp (conglomerations) luôn luôn thay đổi mà chúng ta gọi là thân xác chúng ta và thân xác đó đã thu thập tất cả các kết quả của mọi kinh nghiệm nói trên. Bị bao phủ trong cái ổ kén vàng của nó, nó ngủ yên qua bao năm dài trong lúc đó Jivatma vốn làm chủ nó đang linh hoạt qua các kinh nghiệm khác trong các thế giới khác. Nó vẫn không bị tác động bởi các kinh nghiệm này, vẫn không có khả năng để đáp ứng lại với

chúng, và nó ngủ suốt đêm dài của nó trong giấc ngủ không bị quấy rối. (1)

77 Khi đến giờ phút tái sinh, sự hiện hữu của vi tử thường tồn làm cho việc thụ tinh của noãn (ovum) xảy ra, từ noãn châu, một thân xác mới được phát triển (2), chủ âm của vi tử đó ngân lên, và là một trong các mãnh lực dẫn dắt nhà kiến tạo dĩ thái (ethereal builder), tức là tinh linh (elemental) phụ trách việc kiến tạo thể xác, chọn các vật liệu thích hợp cho công việc của mình, vì tinh linh này không thể sử dụng những gì không có được một mức độ điều hợp nào đó với vi tử thường tồn. Nhưng đó chỉ là *một* trong các nghiệp lực mà thôi. Nghiệp quả của các tiền kiếp, về mặt trí tuệ, tình cảm và trong mối liên hệ với những kẻ khác đòi hỏi các chất liệu có khả năng biểu lộ đa dạng nhất. Do bởi karma đó, các Nghiệp Quả Tinh Quân mới chọn lựa những gì có tính chất thích hợp, nghĩa là những gì có thể được biểu lộ qua một thể xác có nhóm chất liệu đặc biệt; khối nghiệp quả thích hợp này định đoạt nhóm chất liệu, quan trọng hàng đầu là vi tử thường tồn và do bởi nhóm đó được tinh linh chọn lựa sao cho các chất liệu như thế có thể rung động hài hòa với vi tử thường tồn, hoặc là nếu có thiếu hài hòa thì sức mạnh của chúng cũng không bị gián đoạn. Do đó như đã nói, vi tử thường tồn chỉ là

---

<sup>1</sup> Bà Blavatsky có đưa ra một ám chỉ về các “nguyên tử ngủ” (“sleeping atoms”) này trong GLBN II, 710.

<sup>2</sup> Bà Blavatsky gọi các nhân thường tồn (permanent nucleus) của hai cõi ruồi (2 một phần hai) thấp là “nguyên tử sống” (“life atoms”); bà nói: “Các nguyên tử sống của nguyên khí sống (life-principle) của chúng ta (prana) không bao giờ mất hoàn toàn khi con người chết”; chúng “được truyền từ cha đến con”. (GLBN, II, 709).

78 một trong các mãnh lực định đoạt “sắc thái” thứ ba hoặc “chủ âm” hoặc “tính khí” thứ ba vốn tiêu biểu cho (characterizes) mỗi người trong chúng ta. Tùy theo “tính khí” này mà thân xác chúng ta được ấn định thời điểm (time) lúc ra đời. Xác thân phải được sinh ra vào lúc mà các ảnh hưởng vật chất của hành tinh trở nên thích hợp với tính khí thứ ba của nó và như vậy xác thân đó được sinh ra “dưới” (“under”) “Ngôi Sao” chiếu mạng (astrological “star”) của nó. Không nên nói chính ngôi sao chiếu mệnh ấn định tính khí mà chính tính khí mới ấn định thời kỳ để ra đời dưới Ngôi Sao đó. Nhưng ở đây có ẩn tàng cách giải thích về các tương ứng giữa các Tinh Tú – Tinh Tú Thiên Thần, tạm gọi thế – và tính tình, đây là điều nên làm, vì nếu một lá số tử vi được “chấm” (drawn) một cách khéo léo và kỹ càng sẽ có ích cho mục đích giáo dục dưới hình thức hướng dẫn tâm tính cá nhân của một đứa trẻ.

Trước những kết quả phức tạp như thế, tức là có thể ghi các tính chất đặc biệt của con người lên vật chất chung quanh, có thể xảy ra chỉ trong một không gian vô cùng nhỏ như là một nguyên tử, quả thật người ta dường như không thể tưởng tượng được. Và điều đáng lưu ý là khoa học thông thường lại tán thành cái ý tưởng tương tự, vì các đơn vị sống siêu phân tử (biophors) vô cùng nhỏ trong tế bào mầm của Weismann lại được cho là đem lại cho con cháu các tính chất của dòng giống tổ tiên. Trong khi một bên thì mang lại cho thể xác các tính chất riêng biệt về thể xác của nó từ tổ tiên của nó, thì bên kia lại cung cấp các tính chất mà con người tiến hóa đã thu hoạch được trong cuộc tiến hóa riêng của mình. Bà Blavatsky có nói về điều này một cách rõ ràng như sau: “Nhà triết học kiêm phôi sinh học (embryologist-

philosopher) Đức – vượt qua khỏi Hippocrates (1) và Aristotle (2) của Hy Lạp, hai ông này hậu thuẫn cho giáo lý của người Aryans thời cổ – chứng minh một tế bào vô cùng nhỏ trong số hàng triệu tế bào khác đang hoạt động để tạo thành một cơ thể, chỉ một mình và không có sự trợ giúp nào, bằng cách luôn luôn phân cắt (segmentation) và tăng bội, đã định đoạt cái hình ảnh chính xác của con người hoặc con vật tương lai, theo các đặc tính thể chất, trí tuệ và tâm linh của người hay con vật đó.... Hãy bỏ túc dịch tương thể xác (physical plasm) đã nói ở trên, tức “tế bào mầm” (“germinal cell”) của con người cùng mọi tiềm năng vật chất của nó, với “dịch tương tâm linh” (“spiritual plasm”), tạm gọi như thế, tức là lưu chất (fluid) có chứa năm nguyên khí thập của Vị Thiên Quân có sáu nguyên khí (six-principled Dhyani) – thì bạn sẽ có được cái mật nhiệm, nếu bạn phát triển tâm linh đủ để hiểu được điều đó”. (GLBN I,243, 244)

Một nghiên cứu nhỏ về cách di truyền thể chất dưới ánh sáng của học thuyết Weismann sẽ đủ để thuyết phục đạo sinh về các khả năng của một thể (body) dùng làm vi tử thường tồn. Một người tái tạo lại các nét đặc trưng của một tổ tiên lâu đời, như vậy người ấy chứng tỏ là có một tính chất riêng biệt về thể xác vốn là nét đặc trưng cho một tổ tiên cách đây nhiều thế kỷ. Chúng ta có thể lần theo dấu sóng mũi (nose) của Stuart qua một chuỗi dài các chân dung và vô số các trường hợp giống nhau như thế cũng được tìm thấy. Thế thì tại sao có chuyện lạ thường trong cái ý tưởng là một nguyên tử lại có

---

<sup>1</sup> Hippocrates (460 ? - ? 377 trước TC) thầy thuốc Hy Lạp, được xem như là “Tổ của y học” (“Father of Medicine”) (Từ Điển Tiểu Sử Webster- ND).

<sup>2</sup> Aristotle (384-322 trước T.C.) triết gia Hy Lạp (ND).

thể tập hợp vào chính nó không phải các đơn vị sống siêu phân tử như trong tế bào mầm, mà là các khuynh hướng lặp lại vô số các rung động đã được trải qua. Không có khó khăn nào về mặt không gian (spacial difficulty) hiện ra nơi đây, không có gì khác hơn là trong trường hợp của một dây đàn (string), nhiều nốt nhạc có thể phát ra từ đó nếu bấm dây đàn ở các điểm khác nhau, mỗi nốt chứa nhiều họa âm (overtones, bội âm). Chúng ta đừng nên nghĩ tưởng đến cái không gian bé nhỏ của một nguyên tử như là chứa đầy với vô số các vật thể đang rung động, mà hãy nghĩ đến một số giới hạn các vật thể (bodies), mỗi cái có khả năng tạo nên vô số rung động.

Tuy thế, thật ra ngay cả cái khó khăn về không gian cũng là ảo tưởng, vì không có bất cứ ranh giới nào đối với cái nhỏ cũng như đối với cái lớn. Hiện nay khoa học hiện đại thấy trong nguyên tử có một hệ thống các thế giới đang quay, mỗi thế giới đều ở trong quỹ đạo riêng của nó, toàn thể giống như một Thái Dương Hệ. Bậc thầy (master) của ảo tưởng, tức Không Gian, giống như huynh đệ bậc thầy của nó, tức Thời Gian, không thể làm chúng ta ngã lòng ở điểm này. Không có giới hạn nào đối với các khả năng phân chia nhỏ trong tư tưởng và do đó không có giới hạn nào trong cách biểu lộ tư tưởng (thought-expression) mà chúng ta gọi là vật chất.

Bình thường số đường xoắn ốc (spirillae) đang hoạt động trong các vi tử thường tồn trong Cuộc Tuần Hoàn này là bốn, giống như trong các nguyên tử vật chất thông thường không gắn liền với Jivatma nói chung ở giai đoạn tiến hóa này. Chúng ta hãy xét vi tử thường tồn trong thể xác của một người tiến hóa rất cao, một người tiến hóa xa hơn các huynh đệ của mình. Trong trường hợp người đó, ta thấy vi tử thường tồn có năm vòng xoắn ốc đang hoạt động, và có thể tìm cách học hỏi sự liên quan của sự kiện này với các chất

liệu chung của xác thân người ấy. Trong thai nhi trước khi sinh, việc có mặt của vi tử thường tồn có năm vòng xoắn hoạt động này sẽ khiến cho tinh linh kiến tạo <sup>(1)</sup> phải chọn lựa các vật liệu nào cho hài nhi có hội đủ các nguyên tử giống như thế để tạo ra thân xác đứa bé. Thông thường tiểu thần kiến tạo này buộc lòng phải dùng bất cứ nguyên tử nào mà ngài có thể tìm thấy, nghĩa là các nguyên tử tạm thời có liên quan với bất cứ cơ thể (body) nào có trung tâm là một vi tử thường tồn có năm vòng xoắn ốc đang hoạt động. Sự hiện diện của nguyên tử này có khuynh hướng khơi dậy trong các nguyên tử khác một hoạt động tương ứng, nhất là – có lẽ là trường hợp duy nhất – nếu chúng tạo ra bộ phận của óc não hoặc dây thần kinh của người (tenant, chủ thể) tiến hóa cao. Vòng xoắn ốc thứ năm trở nên linh hoạt ít nhiều nơi các nguyên tử này, và mặc dù nó sẽ rơi trở lại vào trạng thái bất động sau khi rời bỏ một cơ thể như thế, hoạt động tạm thời của nó đã an bài cho nó đáp ứng dễ dàng hơn trong tương lai với dòng sự sống Chân Thân. Bấy giờ, các nguyên tử như thế sẽ được tinh linh kiến tạo dành riêng cho công việc của ngài khi nào có thể được. Nếu có cơ hội thì ngài cũng lấy từ cơ thể của người cha hoặc người mẹ, nếu cha mẹ thuộc về hạng tiến hóa cao, bất cứ các nguyên tử nào có tính chất như thế, nếu ngài có được cơ hội và dùng các nguyên tử đó vào việc xây dựng của ngài. Sau khi sinh ra và suốt trọn kiếp sống, một cơ thể như thế sẽ thu hút vào chính nó bất cứ các nguyên tử tương tự nào lọt vào trong trường thu hút (magnetic field) của nó. Khi ở trong nhóm người tiến hóa cao, một cơ thể như thế sẽ hưởng được lợi ích đến một mức phi thường, nhờ sự gắn gũi mà cơ thể này chiếm hữu được bất cứ nguyên tử có năm

---

<sup>1</sup> Building elemental: tinh linh kiến tạo hay là tiểu thần xây dựng.

vòng xoắn đang linh hoạt nào vốn hiện hữu trong các hạt (particles) được phóng như mưa ra khỏi cơ thể của những người tiến hoá cao, và như thế có lợi về mặt thể chất (physically) cũng như về mặt trí tuệ (mentally) và đạo đức (morally) nhờ gắn gũi với nhóm người tiến hóa cao đó.

Vi tử thường tồn cảm dục có mang cùng mối liên hệ với thể cảm dục cũng như vi tử thường tồn xác thân có liên hệ với xác thân vậy. Vào cuối kiếp sống ở Kamaloka – luyện ngục (purgatory) – sinh võng màu vàng rút ra khỏi thể cảm dục để cho thể này tan rã, giống như sự việc đã xảy ra cho người bạn thể xác của nó trước kia, và sinh võng bọc lấy vi tử thường tồn cảm dục trong giấc ngủ dài của nó. Một liên hệ tương tự cũng xảy ra với thể hạ trí do vi tử thường tồn hạ trí trong kiếp sống của thể xác, thể cảm dục và thể hạ trí. Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu của con người, ít có sự cải thiện trong vi tử thường tồn hạ trí bởi các kiếp sống ngắn ngủi ở Devachan, không những vì thời gian ngắn ngủi của nó, mà còn vì bởi các hình tư tưởng yếu ớt được tạo ra bởi trí tuệ chưa phát triển tác động rất ít đến vi tử thường tồn. Nhưng khi năng lực tư tưởng phát triển cao hơn, thì kiếp sống ở Devachan là một thời kỳ cải thiện quan trọng và vô số năng lượng rung động được dự trữ và biểu lộ giá trị của chúng khi đến lúc tạo ra một thể hạ trí mới cho chu kỳ luân hồi sắp tới. Vào cuối kiếp sống của thể trí ở Devachan, tấm lưới vàng (golden web) rút ra khỏi thể hạ trí để cho thể này cũng tan rã, trong khi đó tấm lưới bọc lấy vi tử thường tồn hạ trí; tam hạ thể chỉ còn lại có các vi tử thường tồn làm kẻ đại diện cho ba hạ thể. Như đã nói trước kia, các vi tử này được giữ lại để làm thành một hạt nhân chiếu sáng bên trong linh hồn thể. Như vậy chúng là tất cả những gì còn lại cho Chân Ngã với các thể của chân ngã trong các cõi thấp, khi chu kỳ

học hỏi kinh nghiệm đó được hoàn tất, vì chúng là các phương tiện liên lạc của chân ngã với các cõi thấp trong kiếp sống của các thể này.

Khi đến chu kỳ tái sinh, một rung động của sự sống từ Chân Ngã khơi dậy nguyên tử thường tồn hạ trí; sinh võng (life-web) bắt đầu mở ra trở lại, và nguyên tử thường tồn đang rung động, tác động như một nam châm, kéo về phía nó các chất liệu có các năng lực rung động tương tự hoặc phù hợp với rung động của chính nguyên tử. Các Thiên Thần thuộc Giới Hành Khí Thứ Hai mang lại các chất liệu có mức rung động tương tự như thế đặt trong tâm ảnh hưởng của nguyên tử thường tồn hạ trí. Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu, các ngài nắn tạo chất liệu đó thành đám mây rời rạc chung quanh vi tử thường tồn, nhưng khi sự tiến hóa diễn ra liên tục, thì Chân Ngã áp đặt lên việc nắn tạo đó một ảnh hưởng ngày càng tăng thêm. Khi thể hạ trí được tạo ra một phần, thì rung động của sự sống (life-thrill) làm thúc động nguyên tử cảm dục với cùng một phương thức diễn ra như trên. Sau cùng việc tiếp xúc với sự sống (life-touch) đạt tới vi tử thường tồn hồng trần, và nó tác động theo cùng cách đã được mô tả nơi trang 77-79. (số trang trong bản Anh ngữ-ND).

Đôi khi có người hỏi: làm sao mà các vi tử thường tồn này có thể được chứa trong linh hồn thể mà không mất đi bản chất hồng trần, cảm dục và hạ trí của chúng, vì linh hồn thể tồn tại trên cõi cao, nơi mà thể hồng trần bằng chất hồng trần không thể đạt tới được? Kề đưa ra câu hỏi đó nhất thời quên  
84 rằng tất cả các cõi đều xuyên thấu vào nhau và linh hồn thể sẽ không gặp khó khăn gì nhiều khi bao bọc ba nguyên tử thường tồn thuộc các cõi dưới hơn là bao bọc hàng trăm triệu nguyên tử hợp thành thể hạ trí, thể cảm dục và thể xác thuộc



về nó trong chu kỳ sự sống hồng trần. Tam hạ thể tạo thành một hạt rất nhỏ bên trong linh hồn thể; mỗi thành phần cấu tạo thuộc về cõi riêng của nó, nhưng, vì các cõi đều có các điểm gặp gỡ khắp nơi, nên không có khó khăn nào xảy ra trong việc đặt gần nhau. Tất cả chúng ta đều ở trên tất cả mọi cõi vào mọi lúc.

### 5- Tác động của Chân Thần trên vi tử thường tồn

Ở đây chúng ta có thể nêu ra câu hỏi: có tên gọi nào thích hợp để chỉ tác động của Chân Thần (monadic action) – tác động của Chân Thần trên cõi Đại Niết Bàn – lên trên vi tử thường tồn không? Đối với tác động trực tiếp thì tuyệt nhiên không, cũng như không thể có tác động nào cho tới khi Tam Thượng Thể Tinh Thần còn phôi thai đạt đến một giai đoạn tiến hóa cao. Về tác động gián tiếp, tức là tác động trên Tam Thượng Thể Tinh Thần, để rồi đến phiên, ba thể cao sẽ tác động lại trên ba thể thấp, sự việc diễn ra liên tục. Nhưng về phía các mục đích thực tiễn, chúng ta có thể xem việc đó như là tác động của Tam Thượng Thể Tinh Thần, mà, như chúng ta đã thấy, chỉ vì Chân Thần bị che lấp trong vật chất trọng trọng hơn là vật chất của cõi quê quán của Chân Thần.

85 Tam Thượng Thể Tinh Thần đang thu hút phần lớn năng lượng của Chân Thần và mọi khả năng điều khiển năng lượng đó từ Thượng Đế Ngôi Hai, được thẩm nhuận trong luồng sinh khí đó. Những gì có thể được gọi là hoạt động đặc thù của chính nó thì không liên quan đến mọi hoạt động tạo hình và kiến thiết của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai, mà được hướng đến sự tiến hóa của chính nguyên tử kết hợp với Thượng Đế Ngôi Ba. Năng lượng từ Tam Thượng Thể Tinh

Thân này tự giới hạn vào các cõi phụ nguyên tử <sup>(1)</sup>, và cho đến cuộc Tuần Hoàn thứ tư, năng lượng đó dường như hầu hết được dùng cho các vi tử thường tồn. Trước tiên nó được hướng đến việc tạo hình (shaping) và kể đó đến việc làm sinh động vòng xoắn ốc vốn đang tạo ra vách của nguyên tử. Xoáy lực (vortex), vốn là nguyên tử, là nguồn sống (life) của Thượng Đế Ngôi Ba; nhưng vách của đường xoắn ốc được từ từ thành lập trên mặt ngoài của xoáy lực này trong khi Ngôi Hai giáng xuống. Ngôi Hai không làm cho vách này sinh động mà chỉ vạch ra một cách yếu ớt trên bề mặt của xoáy lực đang xoay này. Đối với Thượng Đế Ngôi Hai thì các xoáy lực này chỉ là các vận hà mỏng manh vô dụng, nhưng ngay sau khi sự sống của Chân Thần tuôn đổ xuống, thì sự sống đó tác động vào vận hà thứ nhất trong các vận hà này, làm cho vận hà đó sinh động và biến đổi nó trở thành một phần hoạt động của nguyên tử thường tồn. Sự việc này cứ tiếp tục qua các Cuộc Tuần Hoàn kế tiếp, và vào lúc chúng ta đạt đến Cuộc Tuần Hoàn thứ tư, thì chúng ta có được bốn luồng sinh lực riêng biệt từ mỗi Chân Thần, chạy vòng qua bốn nhóm vòng xoắn ốc (sets of spirillae) trong các vi tử thường tồn của riêng nó. <sup>86</sup> Hiện nay trong khi Chân Thần hoạt động trong nguyên tử thường tồn và nó được đưa ra như là cái nhân của một cơ thể, thì Chân Thần bắt đầu hoạt động một cách tương tự trong các nguyên tử được gom về chung quanh nguyên tử thường tồn đó và đến lượt làm sinh động loa tuyến (vòng xoắn ốc) của chúng, nhưng sự sinh động đó chỉ tạm thời chớ không được liên tục như trong trường hợp của nguyên tử thường tồn. Như vậy Chân Thần làm linh hoạt các lớp mỏng

---

<sup>1</sup> The atomic sub-planes: cõi phụ nguyên tử, tức là cõi phụ cao nhất của mỗi cõi chính (ND)

(films) yếu ớt và lò mờ này do Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì tạo ra, và khi sự sống của cơ thể kết thúc, các nguyên tử được kích thích như thế lại trở về đại khối của vật chất nguyên tử, được cải thiện và được vạch ra bởi sự sống mà nhờ sự liên quan của chúng với vi tử thường tồn, đã làm cho chúng được linh hoạt. Nhờ được phát triển như thế, các vận hà có khả năng nhiều hơn để dễ dàng tiếp nhận luồng thần lực khác giống như thế khi chúng đi vào một cơ thể khác và ở đó tiếp xúc với một vi tử thường tồn thuộc về một Chân Thần nào khác. Công việc này luôn luôn tiếp diễn trên cõi trần và cõi cảm dục và trong cấu tử của chất trí trên cõi trí, cải thiện các chất liệu mà nhờ đó các Chân Thần thường xuyên hoặc tạm thời có liên hệ và cuộc tiến hóa này của các nguyên tử luôn luôn diễn ra dưới ảnh hưởng của các Chân Thần. Các vi tử thường tồn tiến hóa một cách nhanh chóng hơn nhiều bởi vì chúng luôn luôn liên hệ với Chân Thần, trong khi các nguyên tử khác chỉ được hưởng lợi bằng việc liên kết tạm thời được lặp lại với các nguyên tử thường tồn mà thôi.

87 Trong cuộc Tuần Hoàn thứ nhất của Dây Địa Cầu, nhóm loa tuyến thứ nhất của các nguyên tử thường tồn cõi trần trở nên linh hoạt do sự sống của Chân Thần tuôn đổ qua Tam Thượng Thể Tinh Thần. Đây là nhóm loa tuyến được sử dụng bởi dòng sinh lực (pranic currents) hay sinh khí (life-breath) tác động lên phần trọng trực của thể xác.

Tương tự như vậy, trong Cuộc Tuần Hoàn thứ hai, nhóm loa tuyến thứ hai trở nên linh hoạt và từ đây tác động vào các dòng sinh lực gắn liền với thể dĩ thái.

Trong cả hai Cuộc Tuần Hoàn này người ta không thấy được điều gì liên quan đến bất cứ hình thức nào có thể được gọi là cảm giác vui sướng và đau khổ cả.

Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ ba, nhóm loa tuyến thứ ba trở nên linh hoạt và ở đây lần đầu tiên xuất hiện cái được gọi là khả năng thụ cảm (sensibility), vì qua các loa tuyến này mà năng lượng dục vọng mới có thể tác động vào thể xác, prana cảm dục (kamic prana) có thể tác động vào các loa tuyến và như vậy làm cho thể xác giao tiếp trực tiếp với thể cảm dục.

Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ tư, nhóm loa tuyến thứ tư trở nên linh hoạt, prana trí cảm (kama-manasic prana) tác động lên các loa tuyến đó và làm cho chúng thích hợp để được dùng cho việc kiến tạo một bộ óc có thể hoạt động như là dụng cụ cho tư tưởng.

Khi một người vượt ra khỏi giai đoạn tiến hóa bình thường và bắt đầu giai đoạn tiến hóa khác thường của nhân loại, bao hàm việc chuẩn bị và tiến nhập vào Thánh Đạo vốn nằm ngoài con đường tiến hóa bình thường, thì bấy giờ người ấy liên lạc được với các vi tử thường tồn của mình, một công việc cực kỳ khó khăn. Y phải làm linh hoạt nhiều nhóm  
88 loa tuyến hơn là các loa tuyến đã được làm linh hoạt nơi nhân loại vào thời của Y. Bốn nhóm loa tuyến đã sẵn sàng cho y sử dụng với cương vị là người của cuộc tuần hoàn thứ tư. Y bắt đầu làm linh hoạt nhóm loa tuyến thứ năm và như vậy đưa vào biểu lộ loại nguyên tử thuộc Cuộc Tuần Hoàn thứ năm trong khi y vẫn còn hoạt động trong một thể xác thuộc Cuộc Tuần Hoàn thứ tư. Trong một số sách Minh Triết Thiêng Liêng thuở ban đầu có nói bóng gió đến điều này ấy là “Người của Cuộc Tuần Hoàn thứ Năm” (“Fifth Rounders”) và “Người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Sáu” (“Sixth Rounders”) đang xuất hiện trong nhân loại chúng ta hiện nay. Thật ra đó là những người đã phát triển được nhóm loa tuyến thứ năm và thứ sáu trong các nguyên tử thường tồn của họ, nhờ vậy là họ có được một dụng cụ hữu hiệu để dùng

cho tâm thức đã phát triển cao của họ. Việc thay đổi này có thể xảy ra bằng vài cách tập luyện yoga, mà khi tập luyện như thế, cần phải đề phòng thật cẩn thận, vì sợ có thể xảy ra việc gây tổn hại cho não bộ. Khi xảy ra chuyện như thế thì việc tiến bộ xa hơn theo con đường đặc biệt đó bị chấm dứt trong lần luân hồi hiện tại.

## Chương V Hồn – Khóm

89

### 1- Định nghĩa danh từ

Nói một cách tổng quát, Hồn-Khóm (Group-Soul, Hồn Tập Thể) là một tập hợp các bộ tam thường tồn (permanent triads) trong vỏ bọc gồm ba lớp bằng tinh chất Chân Thần.

Cách mô tả này tuy đúng với tất cả các Hồn-Khóm đang hoạt động trên cõi trần, nhưng không đem lại ý niệm nào về tính chất vô cùng phức tạp của vấn đề Hồn Khóm. Vì lẽ chúng luôn luôn phân chia và chia nhỏ ra, nên các hồn đơn (contents) của mỗi đại phân (division) và tiểu phân (subdivision) có số lượng giảm đi khi sự tiến hóa tiếp tục, cho đến lúc sau cùng một “Hồn-Khóm” chỉ bọc lấy có một bộ tam duy nhất (a single triad), bộ ba duy nhất này có thể tiếp tục nhiều lần sinh tồn nữa để thi hành chức năng bảo vệ và nuôi dưỡng của một Hồn-Khóm, trong lúc đó nói về mặt kỹ thuật thì không thể mô tả như thế được, vì “khóm” (“Group”) đã tách ra thành các phần cấu tạo riêng biệt của nó rồi.

90 Có bảy nhóm Hồn-Khóm, hoạt động trên cõi trần, trước khi có bất cứ hình hài nào xuất hiện. Trước tiên chúng tự hiện ra dưới các dạng mơ hồ, mong manh, một nhóm ở trong mỗi dòng của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì, trên cõi trí, trở nên ngày càng có đường nét rõ ràng hơn trên cõi cảm dục và còn rõ hơn nữa trên cõi trần. Chúng bèn bồng trong đại dương vật chất như các bong bóng có thể trôi trong biển. Quan sát chúng kỹ càng hơn, chúng ta thấy có ba lớp vật chất riêng biệt, tạo thành một bọc (envelope) chứa vô số tam bộ (triads). Trước khi có bất cứ việc nhập vào khoáng thạch (inminera-

lization) nào xảy ra, dĩ nhiên không có sinh võng màu vàng nào có thể thấy được chung quanh các tam bộ này, chỉ có các sợi chỉ vàng chiếu sáng nối liền chúng với các Jivatma phụ mẫu của chúng là được nhìn thấy, đang tỏa chiếu với ánh sáng kỳ lạ tùy theo sinh quán (birth-plane) của chúng. Lớp trong cùng của ba lớp này gồm có tinh chất Chân Thần cõi trần, nghĩa là lớp được làm bằng các nguyên tử của cõi trần, được làm linh hoạt bằng sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai. Mới nhìn qua thì các lớp trong cùng này dường như giống hệt nhau trong bảy nhóm Hồn-Khóm, nhưng quan sát kỹ hơn sẽ thấy mỗi lớp được làm bằng các nguyên tử của một loại duy nhất trong bảy nhóm vật chất được mô tả ở trước. Do đó, mỗi nhóm Hồn-Khóm đều có cấu tạo vật chất khác với tất cả các nhóm còn lại và số tam bộ chứa trong mỗi nhóm tùy thuộc vào cùng nhóm vật chất.

Lớp thứ hai của bọc Hồn-Khóm do tinh chất Chân Thần cõi cảm dục tạo thành, thuộc về cùng nhóm vật chất như lớp thứ nhất.

Lớp thứ ba của bọc Hồn-Khóm làm bằng chất trí của cõi phụ thứ tư của cõi trí với cùng nhóm vật chất.

Ba lớp bọc này che chở và nuôi dưỡng các tam bộ nằm 91 bên trong nó, đích thực là những cái phôi, cho đến nay, không có khả năng hoạt động độc lập riêng biệt.

Chẳng bao lâu bảy nhóm Hồn-Khóm sinh sôi nhiều thêm (multiply), sự phân chia (division) luôn luôn tiếp tục với việc gia tăng số kiểu phụ khác loại (distinct sub-types), chẳng hạn khi các nguyên tố đi tiên phong của hóa học xuất hiện, thì chính các nguyên tố đó được kế tục và các khoáng chất được tạo ra từ chúng. Thí dụ, các định luật về không gian – ngoại trừ sự chuyên biệt hóa của các hồn đơn trong

Hồn-Khóm, tức các tam bộ thường tồn, có thể đưa đến việc phân chia của nó.

Như thế một mạch vàng ở Úc Châu chẳng hạn có thể đưa đến việc nhập vào khoáng chất của nhiều tam bộ như thế bên trong một cái bọc duy nhất, khi đó một mạch khác được hình thành ở một chỗ xa, thí dụ ở Rocky Mountain (bên Bắc Mỹ-ND), có thể đưa đến việc phân chia cái bọc này và chuyển một phần hồn đơn của nó sang Mỹ châu trong cái bọc riêng của chúng. Nhưng các nguyên nhân quan trọng hơn đưa đến các chia nhỏ này sẽ được giải thích sau.

Hồn-Khóm và các hồn đơn (contents) của nó chia nhỏ bằng cách phân đôi (by fission), giống như một tế bào thông thường: một thành hai, hai thành bốn v.v... Tất cả các tam bộ đều phải trải qua giới khoáng chất, tức là nơi mà vật chất đạt đến hình thức thô nhất của nó và là nơi mà làn sóng vĩ đại đạt đến giới hạn đi xuống của nó và bắt đầu đi lên. Chính nơi đây mà hồng trần thức phải được khơi hoạt, bây giờ sự sống dứt khoát phải chuyển ra ngoài và nhận được sự tiếp xúc với các sự sống khác ở thế giới bên ngoài.

92 Bây giờ sự tiến hóa của mỗi sinh linh trong các giai đoạn ban đầu này tùy thuộc hầu hết vào Sự Sống áp ủ của Thượng Đế và một phần vào sự hợp tác dắt dẫn của các Thiên Thần và một phần vào sức ép vô tình chống lại các giới hạn của hình hài đang bị giam nhốt của sinh linh.

Tôi đã so sánh sự tiến hóa của giới khoáng vật, thực vật và động vật với giai đoạn tiền sinh, quả vậy cả hai rất giống nhau. Nếu đứa trẻ được nuôi dưỡng bằng các dòng sinh khí của người mẹ như thế nào, thì cái bọc che chở của Hồn-Khóm cũng nuôi dưỡng các sự sống bên trong nó như thế đó, bằng cách thu nhận và phân phối các kinh nghiệm đã thu thập được. Sự sống đang lưu chuyển là sự sống của cha mẹ, từ



trước đến giờ các cây non, thú nhỏ và con người non trẻ chưa sẵn sàng cho cuộc sống độc lập mà phải có sự bảo dưỡng của cha mẹ. Và thế là các sự sống mầm mống này trong giới khoáng vật được nuôi dưỡng bởi các Hồn-Khóm, bởi các bọc bằng tinh chất Chân Thần, đang rung động theo Sự Sống Thượng Đế. Một minh họa rõ ràng về giai đoạn này có thể được nhìn thấy trong lá noãn (carpel) của một cái cây, trong đó noãn (ovules) dần dần xuất hiện ngày càng trở nên không lệ thuộc vào cây nữa.

Để có được một ý niệm rõ ràng, chúng ta có thể nhìn qua các thay đổi mà Hồn-Khóm trải qua khi các hồn đơn của nó tiến hóa, trước khi đi sâu vào chi tiết.

Trong giai đoạn tiến hóa khoáng chất, trú sở của Hồn khóm có thể được coi như là trú sở của cái bọc trọng trực nhất của nó, đó là cái bọc hồng trần, hoạt động linh hoạt nhất của nó là ở trên cõi trần. Khi các hồn đơn của Hồn Khóm chuyển vào giới thực vật để tiến lên, thì cái bọc hồng trần từ từ biến mất – dường như là bọc đó bị các hồn đơn hấp thu để củng cố các thể dĩ thái của chúng – đồng thời hoạt động của nó được chuyển vào cõi cảm dục để nuôi dưỡng các thể cảm dục của các tam bộ chứa trong đó. Khi các hồn đơn phát triển hơn và đi vào giới động vật, thì bọc cảm dục cũng được hấp thu một cách tương tự, hoạt động của Hồn-Khóm được chuyển vào cõi trí và nó nuôi dưỡng các thể hạ trí còn phôi thai và từ từ nắn tạo chúng thành các đường nét rõ ràng hơn. Khi Hồn-Khóm chỉ còn chứa có một tam bộ duy nhất và đã nuôi nấng tam bộ này để chuẩn bị sẵn sàng tiếp nhận luồng phân thân thứ ba (third outpouring), thì những gì còn lại của nó sẽ tan rã thành vật chất của cõi phụ thứ ba và trở thành một phần cấu tạo của linh hồn thể được tạo thành bằng dòng thần lực tuôn xuống (downpouring) từ trên cao gặp gỡ với

dòng hướng lên từ bên dưới – dùng cách so sánh gọi hình là vòi nước phun lên. Bây giờ Chân ngã luân hồi ra đời thành biểu lộ độc lập, sự sống được bảo bọc trước khi ra đời chấm dứt.

## 2- Phân chia Hôn-Khóm

94 Chính ngay trên cõi trần, tâm thức trước tiên phải tiến hóa thành Ngã thức, phải trở nên biết được ngoại giới vốn đang tác động lên nó, phải học cách qui các tác động này vào ngoại giới và nhận thức rằng các thay đổi mà nó đang hứng chịu do hậu quả của các tác động này là của riêng nó. Nhờ kinh nghiệm nhiều lần, nó học được cách đồng nhất hóa với chính nó cái cảm giác vui sướng hoặc đau khổ theo sau sự tác động, đồng thời phải xem những gì động chạm vào bên ngoài của nó như không phải là chính nó. Như vậy nó sẽ phải có cái phân biệt thô sơ đầu tiên về “Phi-Ngã” (“Not-I”) và “Ngã” (“I”). Khi kinh nghiệm tăng thêm, cái “Ngã” sẽ rút lui mãi mãi vào nội tâm, rồi bức màn vật chất hết cái này đến cái khác sẽ bị lột xuống vì nó thuộc về cái “Phi-Ngã”. Nhưng trong khi các hàm ý của nó thay đổi, thì sự phân biệt căn bản này giữa chủ thể (subject) với khách thể (object) bao giờ cũng vẫn còn. “Ngã” là tâm thức tự nguyện, có suy tư và linh hoạt, trong khi “Phi-Ngã” là tất cả những gì mà nó muốn, về những gì mà nó tưởng nghĩ và về những gì mà nó hành động. Sau đây chúng ta sẽ xem xét cách thức mà tâm thức trở thành Ngã-thức, nhưng hiện nay chúng ta chỉ bận tâm đến biểu hiện của nó trong các hình hài và vai trò mà các hình hài này nắm giữ.

Tâm thức này thức tỉnh trên cõi trần và biểu hiện của nó là nguyên tử thường tồn. Trong nguyên tử này tâm thức

đang yên ngủ: “Tâm thức yên ngủ trong khoáng thạch”, và trong đó phải có một số tinh thức đi vào giấc ngủ nhẹ nhàng hơn, thế nên tâm thức có thể tinh thức ra khỏi giấc ngủ sâu không mộng mị này và trở nên đủ linh hoạt để đi vào giai đoạn kế tiếp: “Tâm thức mơ mộng trong thực vật”.

95        Bây giờ, khi tác động vào vỏ bọc Hồn-khóm, Thượng Đế Ngôi Hai đem lại sinh lực cho các vi tử thường tồn hồng trần và, nhờ sự trung gian của các Đấng Quang Minh (Thiên Thần) như chúng ta đã thấy, đưa đẩy chúng vào các tình huống khác nhau mà giới khoáng thạch đang gặp phải, nơi mà mỗi Hồn-Khóm gắn vào chính nó nhiều cấu tử khoáng thạch. Cùng một lúc ở đây chúng ta thấy nhiều thứ va chạm rộng lớn có thể xảy ra, dẫn đến nhiều thứ kinh nghiệm khác nhau và thế là ngay sau đó dẫn đến các đường rạn nứt trong một Hồn-Khóm. Một số khoáng thạch bị xoay tít trên trời cao, rồi rơi xuống thành các dòng thác dung nham cháy đỏ, một số bị phoi ra trước cái giá buốt ở địa cực, một số khác phoi ra trước sức nóng ở vùng nhiệt đới; một số bị nghiền nát và bị bao phủ trong kim loại nóng chảy, trong lòng đất; một số nằm trong cát, bị những cơn sóng to (billows) nhồi dập dữ dội. Vô số thứ va chạm khác nhau bên ngoài như thế đó sẽ khuấy động, va đập, nung đốt và làm giá băng sẽ giúp cho tâm thức đang say ngủ đáp ứng lại một cách mơ hồ với các rung động đồng cảm. Khi bất cứ nguyên tử thường tồn nào đạt đến một mức độ đáp ứng nào đó, hoặc khi một hình hài khoáng thạch, nghĩa là các cấu tử (particles) mà một nguyên tử thường tồn có ràng buộc chính nó vào đó, bị phá vỡ, thì Hồn-Khóm rút nguyên tử đó ra khỏi cái bọc chứa nó. Tất cả các kinh nghiệm mà nguyên tử đó thu thập được – và điều đó có nghĩa là các rung động mà nó bắt buộc phải thể hiện – vẫn còn lại dưới hình thức là các năng lực rung động theo những

96 cách đặc biệt, hay với tư cách là “khả năng rung động” (“vibratory powers”). Đó là thành quả của kiếp sống của nó trong một hình hài. Do mất đi vật biểu hiện (embodiment) của nó và còn lại một mình, dường như là vi tử thường tồn ở trong Hồn-Khóm của nó trong một thời gian và tiếp tục lặp lại các rung động này để kiểm tra lại trong chính nó các kinh nghiệm sống của nó, tạo ra các mạch động (pulses) chạy suốt cái bọc (envelope) của Hồn-Khóm và nhờ thế mà truyền chuyển đến các nguyên tử thường tồn khác, như vậy mỗi nguyên tử thường tồn đều có ảnh hưởng và trợ giúp cho tất cả các nguyên tử khác trong khi vẫn là chính nó. Nguyên tử thường tồn nào có được kinh nghiệm có tính chất giống nhau sẽ có tác động với nhau mạnh hơn là các nguyên tử có kinh nghiệm rất khác nhau, và như vậy sẽ có một sự tách biệt nào đó (segregation) diễn ra bên trong Hồn-Khóm và ngay sau đó một vách ngăn cách mỏng sẽ phát triển bên trong bọc và chia các nhóm tách riêng này ra khỏi nhau, thế là sẽ có một số Hồn-Khóm ngày càng tăng với các hồn đơn (contents) biểu lộ sự khác nhau (distinction) ngày càng nhiều về tâm thức, trong khi các tính chất căn bản vẫn chia đều.

Bây giờ, các đáp ứng của tâm thức đối với kích thích bên ngoài trong giới khoáng thạch có tầm quan trọng hơn là nhiều người vẫn tưởng. Một số trong các đáp ứng này có bản chất cho thấy rằng cũng có một sự hé mở tâm thức trong nguyên tử thường tồn cảm dục. Với các nguyên tố hóa học đang lộ rõ tính chất thu hút lẫn nhau một cách rõ rệt, các liên hệ hóa học mật thiết luôn luôn bị xáo trộn do sự xâm nhập (intrusion) của các cặp đôi (couples), cặp này hoặc cặp khác có ái lực (affinity) mạnh hơn so với một trong các đối tác 97 trong lần phối hợp trước kia hơn là cái đơn lẻ ban đầu. Thí dụ một cặp từ trước đến giờ vẫn kết chặt nhau tạo ra một muối

bạc (silver salt), thành linh tỏ ra không còn gắn bó vào nhau nếu một cặp khác là acid clohydric xen vào gia đình đầm ấm của chúng, lúc đó chất bạc (silver) sẽ bắt lấy chất clor (chlorin) và chọn chất clor như là vợ, thích chất này hơn là bạn phối ngẫu trước kia của nó, tạo thành một gia đình mới là clorua bạc (silver chloride), để lại hydrogen cô độc cho làm bạn với kẻ cộng tác (partner) bị bỏ rơi của nó.

Khi nào các hoán đổi (interchanges) linh hoạt này còn tiếp diễn, thì có một kích động nhẹ trong nguyên tử thường tồn cảm dục, kết quả là các rung động hồng trần dữ dội được tạo ra bằng việc giật mạnh và hình thành, với các ràng buộc mật thiết, và các rung động mơ hồ bên trong xuất hiện. Tâm thức cõi cảm dục phải được đánh thức bằng tâm thức hồng trần, và tâm thức trên cõi trần chẳng bao lâu sẽ chiếm hàng đầu trong cơ tiến hóa. Tuy nhiên, một đám mây nhỏ bằng chất cảm dục được thu hút lại chung quanh nguyên tử thường tồn cảm dục bởi các rung động nhẹ này, nhưng nó được giữ một cách rất lỏng lẻo và dường như hoàn toàn không được tổ chức. Ở giai đoạn này dường như không có bất cứ rung động nào trong nguyên tử thường tồn hạ trí.

Sau bao thiên kỷ thu thập kinh nghiệm trong giới khoáng thạch, một số các nguyên tử thường tồn sẽ sẵn sàng chuyển vào giới thực vật và do sự can thiệp của các Thiên thần, sẽ được phân phối lên giới thực vật. Chớ nên phỏng đoán rằng mọi ngọn cỏ, thân cây đều có một vi tử thường tồn 98 bên trong nó, đang phát triển tới mức con người trong kiếp sống của Thái Dương Hệ này. Giống như trong giới khoáng thạch, ở đây cũng thế; giới thực vật tạo thành trường tiến hóa cho các nguyên tử thường tồn này, và các Thiên Thần hướng dẫn chúng đến hết trú sở này đến trú sở khác để chúng có thể kinh qua được các rung động tác động đến thế giới thực vật

và lần nữa tích chứa các rung động này dưới hình thức các năng lực rung động theo cùng một phương cách như trước. Các nguyên tắc hoá đổi lẫn nhau và nguyên tắc lọc lựa tiếp theo sau vẫn diễn tiến như trước đây, và các Hồn-Khóm trong mỗi luồng tiến hóa trở nên đông đúc hơn và dị biệt nhiều hơn trong các đặc điểm hàng đầu của chúng.

Ở giai đoạn hiểu biết hiện nay của chúng ta, các định luật mà theo đó các nguyên tử thường tồn trong một Hồn-Khóm được đẩy sâu vào các giới của thiên nhiên đều không rõ ràng chút nào. Nhiều điều dường như cho thấy rằng sự tiến hóa của giới khoáng thạch, thực vật và phân thấp nhất của giới động vật tùy thuộc nhiều vào sự tiến hóa của chính địa cầu hơn là vào sự tiến hóa của các Jivatmas đại diện cho các Chân Thân đang tiến hóa trong Thái Dương Hệ, và vào đúng lúc, tiến nhập vào địa cầu này để theo đuổi công cuộc tiến hóa riêng của chúng bằng cách sử dụng các tình trạng của trái đất. Loài cỏ và cây nhỏ đủ loại dường như có liên hệ với địa cầu giống như tóc của con người có liên hệ với thân thể của người đó chứ không có liên quan gì với các Chân Thân, được tiêu biểu bằng các Jivatmas trong vũ trụ ngũ phân của chúng ta. Sự sống trong các Jivatmas, giữ cho chúng ở chung với nhau dưới dạng thức là các sắc tướng, dường như là Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai, còn sự sống trong các nguyên tử và phân tử tạo thành chúng dường như là Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Ba, được Đức Hành Tinh Thượng Đế của các Dây Hành Tinh (chains) trong Thái Dương Hệ chúng ta thích dụng (appropriate, dùng vào mục đích thích hợp) và cải biến (modify), rồi một lần nữa được thích dụng và biến cải bởi Tinh Linh của Địa Cầu (Spirit of the Earth) – một thực thể còn bị phủ trong cái đại nạn đê. Các giới hạn này cố gắng hiển một lĩnh vực dành cho sự tiến hóa thực sự của

các Jivatmas, nhưng bề ngoài không hoàn toàn dành cho mục đích này. Chúng ta thấy các nguyên tử thường tồn được phân tán khắp giới khoáng thạch và giới thực vật, nhưng không thể nào hiểu rõ các lý do đang chi phối sự phân phối của chúng. Một nguyên tử thường tồn có thể tìm thấy trong một viên ngọc trai (pearl), một viên hồng ngọc (ruby), trong một viên kim cương (diamond). Nhiều nguyên tử thường tồn có thể được thấy rải rác khắp các mạch mỏ (veins of ore)v.v... Mặt khác, nhiều khoáng thạch dường như không chứa nguyên tử thường tồn nào. Nhưng ở loài thực vật sống lâu năm, như các đại thụ (trees) thì luôn luôn có các nguyên tử thường tồn. Nhưng ở đây, một lần nữa, đời sống của loại cây to (đại thụ) dường như có liên quan chặt chẽ với cuộc tiến hóa Thiên Thân (Deva-evolution) nhiều hơn là sự tiến hóa của tâm thức mà nguyên tử thường tồn được ràng buộc vào. Dường như sẽ là điều khá thuận lợi nếu chọn cách tiến hóa của sự sống và tâm thức trong loài cây lớn để giúp cho nguyên tử thường tồn: dường như nguyên tử thường tồn sống nơi đó dưới hình thức là một vật ký sinh nhiều hơn, nó lợi dụng được sự sống tiến hóa cao mà nó được đắm mình vào đó. Thực ra sự hiểu biết của chúng ta về các điều này còn quá rời rạc và có giới hạn.

100 Trong khi nguyên tử thường tồn thể xác thu tập kinh nghiệm trong giới thực vật, thì có thêm hoạt động có thể cảm nhận được trong nguyên tử thường tồn cảm dục. Nguyên tử thường tồn cảm dục này thu hút lại quanh nó chất cảm dục mà các Thiên thần đã sắp đặt theo một cách khá phân minh.

Trong kiếp sống dài của một cây rừng, khối chất cảm dục đang lớn tự phát triển theo mọi hướng với vai trò là thể cảm dục (astral form) của cây đó, còn tâm thức gắn liền vào các nguyên tử thường tồn, ở mức độ nào đó, sẽ chia sẻ tâm

thức của môi trường chung quanh nó, nhờ thể cảm dục đó mà tâm thức mới trải qua được các rung động, tạo ra một số đáng kể cái ưa thích và không ưa thích, các rung động này vốn là kết quả của các rung động được tạo ra trong thân cây vật chất do bởi nắng, bão, gió, mưa, lạnh, nóng. Với biết bao bất lợi mà cây phải chịu như thế, nguyên tử thường tồn cảm dục rút lui vào Hồn-Khóm của nó, giờ đây được thiết lập trên cõi cảm dục với lượng dự trữ lớn lao phong phú các kinh nghiệm, vốn được chia sẻ theo cách thức đã được mô tả trước đây.

Hơn nữa, khi tâm thức trở nên ngày càng đáp ứng nhiều hơn trên cõi cảm dục, thì nó gửi các rung động nhỏ nhỏ xuống cõi trần, các rung động này làm phát sinh các cảm giác được cảm nhận như thể ở cõi trần, nhưng thực ra xuất phát từ cõi cảm dục. Khi nào có một cuộc sống riêng biệt lâu dài, như khi ở trong loài cây lớn, nguyên tử thường tồn hạ trí cũng sẽ bắt đầu thu hút chung quanh nó một đám mây nhỏ bằng chất trí, trên đám mây này, việc lặp lại (recurrence) các mùa tiết (seasons) sẽ từ từ tự tạo ấn tượng dưới hình thức một ký ức yếu ớt, mà sau này tất trở thành một khả năng tiên báo yếu ớt<sup>(1)</sup>.

Sau rốt, một số các nguyên tử thường tồn hồng trần sẵn sàng bước vào giới động vật, và một lần nữa, nhờ sự can thiệp của các Thiên Thần, chúng được dắt dẫn vào hình hài con vật. Trong các giai đoạn tiến hóa sau này trong giới thực vật, dường như có qui luật rằng mỗi tam bộ (triad) – tức các nguyên tử thường tồn hồng trần, cảm dục và nguyên tử

---

<sup>1</sup> Xem “Quyền Năng Tư Tưởng. Cách kiểm soát và vun bồi” (“Thought-Power, Its Control and Culture) tác giả A. Besant, trang 59-62.



thường tồn hạ trí – sẽ tiếp nhận một kinh nghiệm kéo dài trong một hình hài duy nhất, ngõ hầu một số rung động của đời sống trí tuệ có thể được trải qua và như vậy tam bộ có thể được chuẩn bị để hưởng được ích lợi nhờ kiếp sống có di chuyển (wandering) của con thú. Nhưng cũng dường như là trong một số trường hợp, việc chuyển qua giới động vật được tiến hành ở một giai đoạn sớm hơn, và rung động đầu tiên trong nguyên tử thường tồn hạ trí xảy ra trong một số hình hài ổn định của kiếp sống động vật, và trong các cơ thể động vật rất thấp kém.

Trong các loại động vật thấp kém nhất, các tình trạng tương tự với các tình trạng đã được mô tả hiện có trong các giới khoáng thạch và thực vật cũng dường như rất phổ biến. Loài vi trùng, loài a-mip, thủy tức (hydrae)<sup>(1)</sup> vv... và vv..., chỉ thỉnh thoảng mới thấy có nguyên tử thường tồn giống như một khách vãng lai, và hiển nhiên là sự sống và sự tăng trưởng không có cách nào tùy thuộc vào nguyên tử này được, cũng như chúng cũng không tan rã khi nguyên tử thường tồn bị rút đi. Chúng là các tộc đoàn (hosts), không phải là các cơ thể (bodies) được tạo thành chung quanh một nguyên tử thường tồn. Và ở giai đoạn này, điều đáng chú ý là sinh vông 102 màu vàng không tiêu biểu cho cách cấu tạo cơ thể của tộc đoàn, mà chỉ hành xử như là các rễ con hoạt động trong đất, nối kết các phần tử của đất vào chính chúng và từ đó hút lấy chất dinh dưỡng. Các nguyên tử thường tồn trong giới động vật thu tập và dự trữ nhiều kinh nghiệm trước khi các kinh nghiệm này được các Thiên Thần dùng làm các trung tâm để tạo ra các hình hài chung quanh đó.

---

<sup>1</sup> Thủy tức: một loại động vật đơn bào (chỉ có một tế bào) sống trong nước ngọt.(ND).

Không cần nói rằng trong giới động vật, các nguyên tử thường tồn nhận được các rung động đa dạng hơn là trong các giới thấp và tất nhiên biến phân một cách nhanh chóng hơn nhiều, số tam bộ trong Hồn-Khóm biến mất một cách mau lẹ khi sự biến phân này tiếp diễn và sự tăng bội của Hồn-Khóm do đó tiếp tục diễn ra với tốc độ ngày càng tăng. Khi sắp tới giai đoạn có ngã tính (individuality) thì mỗi tam bộ riêng biệt trở nên sở hữu cái bọc của riêng nó, nhận được từ Hồn-Khóm và liên tiếp thu nhận các hiện thân kế tiếp dưới hình thức một thực thể riêng biệt, mặc dầu vẫn còn ở trong cái vỏ bọc để bảo vệ và nuôi dưỡng tinh chất Chân Thần.

Một số lớn các động vật cao cấp ở tình trạng thuần hóa đã đạt đến giai đoạn này và đã thực sự trở thành các thực thể tái sinh riêng biệt, mặc dù cho đến giờ chưa có được linh hồn thể – tức là dấu hiệu của điều thường được gọi là biệt lập ngã tính (individualization). Cái bọc nhận được từ Hồn-Khóm đáp ứng được mục đích của linh hồn thể, nhưng chỉ có lớp thứ ba được tạo ra như có nói ở trước, và do đó được cấu tạo bằng các phân tử thu được từ chất trí ở cõi phụ thứ tư, nên nó đáp ứng được với chất dĩ thái thô nhất (tức dĩ thái 4 - ND) của cõi trần. So sánh với sự sống của con người trước khi sinh, chúng ta thấy rằng giai đoạn này tương ứng với hai tháng cuối cùng trước khi sinh. Một thai nhi được bảy tháng có thể ra đời được và vẫn sống được, nhưng nó sẽ cứng cáp khỏe mạnh hơn nếu nó có được thêm hai tháng ở dưới sự che chở và bảo dưỡng của người mẹ. Việc phát triển bình thường của Chân Ngã sẽ tốt đẹp hơn nếu nó không quá hấp tấp xé rách cái bọc Hồn-Khóm mà vẫn thu hút sinh lực qua cái bọc này và bằng các cấu tử của bọc đó, làm vững chắc hơn cái phần tinh anh nhất thuộc thể hạ trí của chính nó. Khi thể đó đã đạt đến giới hạn phát triển của nó dưới các tình trạng

được che chở này, cái bọc sẽ tan rã thành các phân tử tinh anh hơn của cõi phụng bên trên nó, và, như đã nói, trở thành thành phần của linh hồn thể. Chính việc hiểu rõ các sự kiện này khiến cho nhà huyền linh học đôi khi khuyến cáo người nào quá yêu thương thú vật đừng nên có tình thương thái quá đối với con thú, cũng đừng biểu lộ tình thương đó bằng những cách thiếu khôn ngoan. Sự phát triển của con thú có thể bị thôi thúc một cách không lành mạnh và việc sinh ra ngã tính của nó bị thúc đẩy không đúng lúc. Muốn làm tròn vai trò của mình trong cõi đời, con người phải tìm hiểu thiên nhiên và làm việc theo các luật của thiên nhiên, thực sự thúc đẩy hoạt động của thiên lực bằng sự cộng tác sáng suốt của mình, chớ không thúc đẩy sự phát triển không lành mạnh để cho ra sản phẩm èo uột (frail) và “trái mùa” (“out of season”). Đúng là Đấng Chúa Tế Sự Sống (Lord of Life) cần sự hợp tác của con người để hoàn tất cơ tiến hóa, nhưng sự cộng tác đó phải theo đúng các đường lối mà mức Minh Triết của Ngài đã vạch ra.

## Chương VI

# SỰ ĐỒNG NHẤT CỦA TÂM THỨC (Unity of Consciousness)

105

### 1-Tâm thức là một đơn vị

Khi nghiên cứu các biểu lộ rất đa dạng của tâm thức, chúng ta thường quên mất hai điều quan trọng:

Thứ nhất, tâm thức của mỗi người là một Đơn Vị (a unit) mặc dầu các biểu lộ của nó có thể dường như riêng biệt và khác nhau.

Thứ hai, tất cả các đơn vị này đều là các phần của tâm thức Thượng Đế, do đó chúng phản ứng một cách giống nhau dưới những tình huống giống nhau.

Chúng ta không thể luôn luôn tự nhắc nhở chúng ta rằng tâm thức là duy nhất; rằng tất cả các tâm thức bề ngoài thì riêng biệt, nhưng thật ra chỉ là một, giống như một biển nước có thể tuôn đổ qua nhiều lỗ hổng nơi một con đê (embankment). Nước biển đó có thể chảy ra từ các lỗ bị nhuộm màu khác nhau, nếu con đê được làm bằng nhiều loại đất có màu khác nhau, nhưng tất cả cùng là một thứ nước biển. Khi được phân tích, tất cả đều cho ra các muối có tính chất như nhau. Cũng thế, tất cả các tâm thức đều xuất phát cùng một đại dương tâm thức và có nhiều sự đồng nhất chính yếu. Khi bị che lấp trong cùng loại vật chất giống nhau, chúng sẽ tác động theo cùng cách thức giống nhau và lộ ra sự đồng nhất căn bản về bản chất của chúng.

106

Tâm thức cá nhân có vẻ phức tạp thay vì đồng nhất khi xét về các biểu lộ của nó, còn tâm lý học hiện đại thì nói đến con người có hai cá tính, ba cá tính và nhiều cá tính, mà không thấy được cái đồng nhất căn bản ở trong cái hỗn độn của cái đa dạng. Tâm thức của chúng ta vẫn thực sự là một Đơn Vị, còn trạng thái đa dạng là do bởi chất liệu mà tâm thức đang tác động trong đó.

Tâm thức tỉnh thức thông thường của một người là tâm thức tác động qua bộ óc xác thịt ở một tốc độ nào đó do nó áp đặt, bị chi phối bởi tất cả các tình trạng của bộ óc đó, bị hạn chế bởi tất cả các giới hạn của nó, bị cản trở (balked) bởi các chướng ngại khác mà nó mang lại, bị ngăn chặn bởi một cục máu đông, bị tắt nghẽn bởi sự suy thoái của mô tế bào. Lúc nào bộ óc cũng cản trở các biểu lộ của tâm thức, nhưng đồng thời chính nó cũng là dụng cụ duy nhất cho phép có sự biểu lộ trên cõi trần.

Khi tâm thức chuyển sự chú ý của nó ra khỏi cõi hồng trần bên ngoài, không biết đến phần trọng trực của bộ óc xác thân nữa và chỉ sử dụng các phần dĩ thái, thì từ đó các biểu lộ của nó tức khắc thay đổi tính chất. Trí tưởng tượng sáng tạo tự thư giãn trong chất dĩ thái và lôi cuốn theo nó các điều tích lũy (accumulated contents), nhận được từ ngoại giới bằng bộ óc trọng trực của nó, nó sắp xếp các điều tích lũy này, phân tích ra và tái phối hợp chúng lại theo các tưởng tượng của chính nó và tạo ra các thế giới thấp kém của mộng tưởng.

Khi tâm thức vứt bỏ một thoáng chốc, cái lớp áo dĩ thái của nó, chuyển hoàn toàn sự chú ý của nó ra khỏi thế giới hồng trần và cởi bỏ các xiềng xích bằng chất hồng trần của nó, thì tâm thức lại phiếm du (roam) qua cõi cảm dục một cách tùy ý, hoặc trôi giạt một cách không cố ý qua cõi đó,

chuyển tất cả mọi chú tâm của nó vào các điều tích lũy của riêng nó, nhận được nhiều tác động từ cõi cảm dục đó, mà nó không hay biết hoặc tiếp thu được theo mức độ tiến hóa của nó hoặc khí chất của nó vào lúc đó – Nếu tâm thức đó tự biểu lộ đối với một kẻ quan sát bên ngoài – như khi xảy ra trạng thái xuất thân – thì tâm thức đó biểu lộ các năng lực cao siêu hơn các năng lực mà nó biểu lộ được khi bị giữ trong bộ óc xác thịt, nếu chỉ phán đoán bằng kinh nghiệm hồng trần thì kẻ quan sát đó có lý khi xem nó như là một tâm thức khác.

Lại còn trường hợp khi thể cảm dục ở vào trạng thái xuất thân, thì con Thiên Điều (Bird of Heaven) <sup>(1)</sup> bay vút vào các vùng trời cao, chuyển bay huy hoàng làm say mê kẻ quan sát đến nỗi y tưởng rằng đó là một thực thể mới (new being) và không còn là cùng một thực thể đã bò lê trong cõi trần nữa. Tuy nhiên, thực sự bao giờ nó cũng là một và như nhau, các dị biệt cũng ở trong chất liệu mà tâm thức được tiếp cận và qua đó nó hoạt động chớ không phải ở trong chính nó.

Về nhân tố quan trọng thứ nhì đã nói ở trên, con người chưa đủ phát triển để đánh giá bất cứ bằng chứng nào về sự  
108 hợp nhất của tâm thức trong các hoạt động cao hơn cõi trần, còn sự hợp nhất của nó trên cõi trần đang được minh chứng.

## 2- Tính đồng nhất của tâm thức hồng trần

Giữa vô số các thứ loại của các giới khoáng thạch, thực vật, động vật và nhân loại, tính đồng nhất (unity) của tâm thức hồng trần ở bên dưới đã bị bỏ quên mất và các đường rạn nứt to lớn đã được dựng lên, mà thực ra không hề có. Sự sống hoàn toàn bị phủ nhận đối với khoáng thạch và miễn cưỡng đồng ý (grudged) đối với thực vật, còn Bà H.P.

---

<sup>1</sup> Thiên Điều tức là tâm thức (ND).

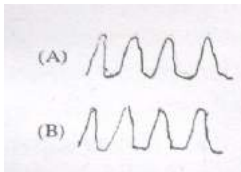
Blavatsky thì bị chế nhạo khi bà tuyên bố rằng có Sự Sống Duy Nhất, Tâm Thức Duy Nhất làm linh hoạt (vivified) và đem lại sức sống (informed) cho vạn vật.

“Mỗi ngày qua, sự đồng nhất (identity) giữa con thú với con người vật chất, giữa cây cỏ với con người, thậm chí giữa loài bò sát và hang ổ của nó, tức tảng đá với con người ngày càng hiện ra rõ ràng hơn, các thành phần cấu tạo vật lý và hóa học của mọi sinh linh đang được thấy là đồng nhất. Môn hóa học có thể đúng khi nói rằng không có sự dị biệt giữa vật chất tạo thành con bò với vật chất tạo ra con người. Còn giáo lý huyền linh giải thích rõ ràng hơn nhiều. Giáo lý này cho biết: Không những các hợp chất hóa học giống nhau, mà các sự sống vô hình vô cùng nhỏ cấu thành các nguyên tử của các khối núi (bodies of the mountain) và đóa hoa cúc, của con người và con kiến, của con voi và của thân cây đang che nắng cho nó cũng đều như nhau cả. Mỗi phần tử – dù bạn gọi nó là hữu cơ hay vô cơ – đều là một Sự Sống” (GLBN 1,281).

Nếu điều này đúng thì có thể có được từ nơi khoáng thạch, thực vật, động vật và con người đang sống, bằng chứng về sự đồng nhất của sự sống, của cảm thức, của sự đáp ứng với các kích thích. Trong khi chúng ta có thể sẵn sàng thừa nhận rằng chúng ta sẽ mong mỏi tìm thấy các mức độ cảm thức, rằng khi chúng ta leo lên nấc thang sự sống, chúng ta sẽ hy vọng các biểu lộ trở nên đầy đủ hơn và phức tạp hơn, tuy nhiên một số biểu lộ rõ rệt của cảm thức (sentience) sẽ được tìm thấy trong tất cả những ai chia sẻ Sự Sống Duy Nhất. Khi bà Blavatsky viết điều này thì bằng chứng hãy còn thiếu, nhưng bây giờ đã có rồi, đó là bằng chứng của một nhà Khoa học phương Đông, người mà năng lực phi thường của ông khiến cho phương Tây phải kính nể.

Giáo sư Jagadish Chandra Bose, Cao học (M.A.), Tiến Sĩ Khoa Học (D.Sc.) của Đại Học Calcutta <sup>(1)</sup> đã chứng minh một cách chắc chắn rằng cái được gọi là “chất vô cơ” (“inorganic matter”) cũng đáp ứng với sự kích thích, và rằng sự đáp ứng đó đều giống nhau đối với kim loại, thực vật, động vật, và – ở chừng mức có thể thực nghiệm được – đối với con người.

Ông chế ra cỗ máy để đo sự kích thích được thí nghiệm, máy cho thấy các đường cong, được vạch trên một trục quay tròn chỉ sự đáp ứng từ nơi vật thể (body) nhận được kích thích. Kế đó, ông so sánh các đường cong nhận được nơi thiếc (tin) và nơi các kim loại khác với các đường cong nhận được nơi cơ bắp, thì thấy rằng các đường cong nhận được từ thiếc giống với các đường cong nhận được từ cơ bắp, đồng thời các kim loại khác cũng cho các đường cong có hình dạng giống như thế chỉ khác ở giai đoạn phục hồi.



(A) Loạt các wáp | ng wéj wôgvzi ksch thl zc cz hou lich tieg vzi thz+ gian C phut z thieg

(B) Wáp | ng cz hou trong cz bắp (muscle)

Sự cơ giật, cả hoàn toàn lẫn bất toàn, do các va chạm lặp lại, được tạo ra và các kết quả tương tự nảy sinh, trong khoáng thạch cũng như trong cơ bắp.

Các kim loại cũng để lộ hiện tượng mỏi (fatigue), ít hơn hết là thiếc. Các thuốc thử hóa học (chemical reagents) như các dược phẩm chẳng hạn, tạo ra các kết quả tương tự trên

<sup>1</sup> Sir Jagadish Chandra Bose (1858-1937), nhà Vật lý học và Sinh học thực vật Ấn Độ, nhà sáng lập và Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Bose, tác giả của “Cơ cấu thần kinh của Thực vật” (The Nervous Mechanism of Plants) và nhiều sách nữa. (Từ Điển Tiểu Sử Webster 1971).



kim loại, các thuốc này cũng cho kết quả nơi động vật như kích thích, giảm hoạt động (depressing) và hủy diệt (deadly) (hủy diệt ở đây có nghĩa là phá hủy (destruction) khả năng đáp ứng).

Một chất độc sẽ làm chết (kill) kim loại, dẫn tới tình trạng bất động, cho nên không thể nhận được đáp ứng nào.

- 111 Nếu kim loại bị đầu độc, kịp thời nhận được thuốc giải độc (antidote), thì sự sống của nó có thể được vãn hồi. Kết quả tương tự đối với



(A) co giật không hoàn toàn

(B) co giật hoàn toàn

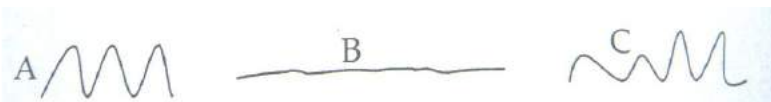
} Nơi thiếc



(A') co giật không hoàn toàn

(B') co giật hoàn toàn

} Nơi cơ bắp



(A) đáp ứng bình thường

(B) khi bị chất độc

(C) phục hồi nhờ thuốc giải độc

Một tác nhân kích thích sẽ làm tăng sự đáp ứng, các liều lượng lớn hoặc nhỏ của thuốc men cũng có thể gây hại hoặc kích thích một cách tương ứng khi tác động trên các kim loại.

- 112 Giáo Sư Bose hỏi: “Giữa các hiện tượng như thế làm sao chúng ta có thể vạch ra một đường ranh?” rồi ông đáp:

“Ở đây, tiến trình vật lý (physical process) kết thúc, còn ở kia tiến trình sinh lý (physiological process) bắt đầu chẳng?”. Không có các ranh giới như thế. (1).

Giáo sư Bose đã tiến hành một loạt các thí nghiệm tương tự trên thực vật và nhận được các kết quả tương tự. Một cọng cải bắp còn tươi, một chiếc lá mới hái hoặc thân cây khác, có thể được kích thích và sẽ cho các đường cong tương tự; nó có thể bị mỏi, bị kích thích, bị đè đấn (depressed), bị đầu độc (poisoned). Có một chút hơi thương tâm khi thấy cách mà đốm sáng nhỏ, vốn ghi nhận các nhịp rung (pulses) trong cây, di chuyển theo các đường cong ngày càng yếu dần khi cây ở dưới ảnh hưởng của chất độc, rơi xuống thành đường thẳng tuyệt vọng và kết thúc. Cây bị chết. Người ta cảm thấy như vừa phạm tội sát nhân – vì thực sự là thế.(2)

Trên một nền tảng rõ rệt của các sự kiện vật lý, loạt các thí nghiệm này đã minh chứng cho giáo lý của khoa Huyền linh học về tính chất phổ cập (universality) của sự sống.

Ông Marcus Reed đã có các quan sát trên kính hiển vi  
 113 chứng tỏ có sự hiện hữu của tâm thức trong giới thực vật. Ông đã quan sát được các triệu chứng như là sợ hãi (fright) khi mô của chúng bị tổn thương, và hơn nữa ông nhận thấy các tế bào dương và âm đang trôi nổi trong nhựa cây, trở nên

---

<sup>1</sup> Các chi tiết này được rút ra từ một bản tường trình do Giáo Sư Bose đưa ra ở Viện Hoàng Gia (Royal Institution) ngày 10-5-1901, tựa đề “Đáp ứng của chất vô cơ đối với kích thích”.

<sup>2</sup> Giáo sư không có xuất bản bài thuyết trình này, nhưng các dữ liệu nằm trong quyển “Đáp ứng trong Vật sống (Living) và Vật Không sống (Non-Living)”. Tôi (bà Besant-ND) có cơ may chứng kiến các thí nghiệm được lặp lại nơi nhà ông, nơi đây người ta có thể thấy tận mắt các thí nghiệm đó.

biết được sự hiện diện của nhau mà không cần tiếp xúc; việc lưu thông trở nên nhanh hơn và chúng hướng về phía nhau.<sup>(1)</sup>

Hơn ba năm sau khi công bố các thí nghiệm của Giáo sư Bose, thì một số xác nhận lý thú về các quan sát của ông xuất hiện trong giáo trình nghiên cứu của ông Jean Becquerel về các tia sáng N (N-rays), được ông thông báo cho Hàn Lâm Viện Khoa Học Paris. Dưới tác động của chất gây mê (chloroform), các con vật ngưng lại không phát ra các tia này nữa, và các tia này cũng không bao giờ được xác chết phát ra. Thông thường, hoa cũng phát ra các tia này, nhưng ở dưới chất chloroform, sự phát xạ ngưng lại. Thế thì con vật, đóa hoa và kim loại đều phát ra các tia này và ngưng phát các tia đó khi ở dưới tác dụng của chất chloroform. <sup>(2)</sup>

### 3- Ý nghĩa của tâm thức hồng trần

Thuật ngữ “tâm thức hồng trần” (“physical consciousness) được dùng theo hai nghĩa riêng biệt và có thể hữu ích nếu dùng lại một chút để định nghĩa nó.

Thuật ngữ này thường được dùng để chỉ những gì được gọi ở trên là “tâm thức tỉnh thức thông thường” (“ordinary waking consciousness”), nghĩa là tâm thức của con người, của Jivatma – hay nếu gọi đúng hơn, thì đó là tâm thức của Chân Thần đang hoạt động qua Jivatma và ba nguyên tử thường tồn của Tam hạ thể. Nó cũng được dùng theo nghĩa

<sup>1</sup> “Tâm thức trong Chất thực vật”, tạp chí Pall Mall, tháng 6-1902.

<sup>2</sup> Quang tuyến N do bởi các rung động trong dĩ thái hình (etheric double), gây ra các làn sóng (waves) trong chất dĩ thái xung quanh. Chất gây mê trục (expels) dĩ thái hình ra, do đó không còn làn sóng nào nữa. Lúc từ trần, dĩ thái hình (thể dĩ thái) rời bỏ xác thân, tất nhiên quang tuyến cũng không còn nữa.

mà nó được dùng ở đây, đó là tâm thức hoạt động trong vật chất hồng trần, đang thu nhận và đáp ứng với các tác động hồng trần, không bận tâm đến bất cứ sự truyền chuyển xung lực nào hướng lên các cõi cao, hoặc là không bận tâm đến bất cứ xung lực nào từ các cõi cao đưa đến thể xác.

Theo nghĩa hẹp và chính xác hơn này, tâm thức hồng trần bao gồm:

a) Bất cứ các rung động bên ngoài (out-thrillings) từ các nguyên tử và các phân tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Ba.

b) Bất cứ các rung động bên ngoài tương tự nào từ các hình hài có tổ chức (organized forms), được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai.

c) Bất cứ các rung động bên ngoài tương tự nào từ Sự Sống của Chân Thần, xuất phát từ các nguyên tử thường tồn, trong đó, các loa tuyến không có liên hệ trực tiếp. Khi loa tuyến được linh hoạt thì “tâm thức tinh thức bình thường” được tác động. Thí dụ, khi mũi hít phải khí am-mô-niắc (ammonia) thì có hai hậu quả xảy ra: có sự tiết dịch (secretion) nhanh chóng, đó là sự đáp ứng của các tế bào trong ống khứu giác (olfactory tract); kế đó là sự “ngửi” (“smell”), nghĩa là kết quả của một rung động chạy lên đến các trung tâm cảm giác trong thể cảm dục và được nhận biết trong tâm thức. Sự thay đổi trong tâm thức tác động vào nhóm loa tuyến thứ nhất trong các nguyên tử của ống khứu giác, và như vậy đạt đến “tâm thức tinh thức” – tức là tâm thức hoạt động trong bộ óc hồng trần. Chỉ nhờ các loa tuyến mà các thay đổi trong tâm thức trên các cõi cao mới mang lại các thay đổi trong “tâm thức tinh thức”.

Cần nên nhớ rằng vì Thái Dương Hệ là một trường tiến hóa của tất cả các tâm thức đang phát triển bên trong đó, cho

nên cũng có các khu vực nhỏ hơn bên trong đó được dùng làm các trường tiến hóa nhỏ hơn. Con người là tiểu thiên địa của vũ trụ, thân thể con người được coi như một trường tiến hóa cho vô số các tâm thức kém tiến hóa hơn tâm thức con người. Như vậy ba hoạt động được nói đến ở trên theo các mục (a), (b), (c) đều hiện hữu trong thân xác con người, và tất cả đều nhập vào hồng trần thức đang hoạt động nơi đó, còn *những gì có liên quan đến loa tuyến của nguyên tử thì không thuộc về hồng trần thức, mà thuộc về tâm thức của Jivatma*. Hiện giờ các hoạt động của hồng trần thức không trực tiếp tác động đến “tâm thức tinh thức” trong loài vật cao cấp hoặc trong con người. Chúng tác động đến hồng trần thức trong phần đầu của sự sống phôi thai trong Hồn-Khóm trong khi tâm thức trong Thượng Đế Ngôi Hai đang “bảo dưỡng” tâm thức vừa hé mở xuất phát từ đó. Nhưng hiện giờ hồng trần thức đã chìm dưới “ngưỡng của tâm thức”, trong khi tự biểu lộ như là “ký ức của tế bào” giống như hành động chọn lọc trong các tuyến và gai cảm giác (papillae), một cách tổng quát, trong việc xúc tiến các chức năng cần cho việc chống đỡ xác thân. Đó là hoạt động thấp nhất của tâm thức và (khi tâm thức hoạt động ngày càng tích cực hơn trên cõi cao) các hoạt động thấp nhất của nó không còn thu hút sự chú ý của nó nữa; chúng trở nên cái mà chúng ta gọi là tự động.

Chính hồng trần thức là cái mà các thí nghiệm của Giáo sư Bose nhắc đến, và chính sự đáp ứng của tâm thức này ở trong tấm thiết và trong con vật đều y như nhau, và hiện ra trong hiện tượng mạch động (pulse) được chỉ ra bằng các đường cong. Con vật cảm nhận được sự kích thích trong khi tấm thiết thì không – đó là kết quả của hoạt động phụ của tâm thức trong chất cảm dục.

Vậy chúng ta có thể khẳng định rằng, trong khi hoạt động trong chất hồng trần, tâm thức đáp ứng với các loại kích thích khác nhau, và, sự đáp ứng đều giống nhau dù cho sự đáp ứng đó nhận được từ khoáng thạch, thực vật hoặc động vật. Khi ở dưới cùng sự tác động thì tâm thức biểu lộ các tính chất như nhau.

Như đã nói, các dị biệt mà chúng ta quan sát được khi chúng ta tiến lên, nằm trong việc cải thiện bộ máy xác thân, một bộ máy để cho các hoạt động cảm dục và hạ trí – không thuộc xác thân – của tâm thức tự biểu lộ trên cõi trần. Con người và con vật cảm nhận và suy tư hữu hiệu hơn là khoáng thạch và thảo mộc, bởi vì tâm thức đã tiến hóa cao của hai giới này đã nắn tạo ở trên cõi trần cho chính nó cái bộ máy đã được cải thiện nhiều này. Nhưng dù sao đi nữa, các thể của chúng ta cũng đáp ứng như là các thể thấp đáp ứng với cùng kích thích và *tâm thức thuần túy hồng trần này đều như nhau trong mọi vật.*

Hiện giờ, trong khoáng thạch, chất cảm dục liên quan với nguyên tử thường tồn cảm dục rất ít hoạt động và tâm thức đang ngủ say trong đó đến nỗi không có hoạt động nào có thể được cảm nhận từ thể cảm dục đến thể xác.

Trong các thực vật cao cấp, dường như là có một loại tính chất phôi thai của một hệ thần kinh, nhưng nó phát triển quá kém cỏi và có hiệu năng quá ít không thể dùng cho bất cứ việc gì trừ các mục tiêu rất đơn giản. Hoạt động được đưa thêm vào trên cõi cảm dục làm cải thiện thể cảm dục của cây, các rung động của thể cảm dục tác động đến hệ dĩ thái của cây và luôn cả vật chất trọng trực của nó nữa. Đó là tính chất phôi thai (forthshadowing) của hệ thần kinh đã nói ở trên.

Khi tiến đến giai đoạn động vật, hoạt động rất nhiều của tâm thức trên cõi cảm dục tạo nên các rung động mạnh mẽ hơn. Các rung động này truyền qua thể dĩ thái của con vật, nhờ các rung động dĩ thái được tạo ra như thế mà hệ thần kinh được thành lập. Việc tạo ra (shaping) hệ thần kinh là do Thượng Đế thông qua Hồn-Khóm, và do sự hợp tác tích cực của các Thiên Thần của giới Hành Khí Thứ Ba (Third Elemental Kingdom), đang điều khiển công việc của các Tinh Linh dĩ thái (ethereal Nature-Spirits). Nhưng xung lực đến từ tâm thức trên cõi cảm dục tác động trong nguyên tử thường 118 tồn và lớp vỏ bằng chất cảm dục bị nó thu hút, do Hồn-Khóm thúc đẩy vào hoạt động. Khi bộ máy rất đơn giản đầu tiên được tạo ra, thì các tác động tế nhị hơn từ bên ngoài mới có thể nhận thức được, các tác động này cũng giúp vào việc tiến hóa. Tác động và phản tác động nối tiếp nhau, cơ cấu luôn luôn cải thiện theo khả năng tiếp nhận và truyền đạt.

Ở giai đoạn này tâm thức không kiến tạo được gì nhiều trên cõi cảm dục, ở đó nó còn hoạt động trong một lớp vỏ chưa được tổ chức. Việc tổ chức được thực hiện trên cõi trần do các nỗ lực của tâm thức tự biểu lộ – các nỗ lực này được tập hợp một cách mơ hồ – được trợ giúp và hướng dẫn bởi Hồn-Khóm và các Thiên Thần. Công việc này phải được hoàn tất ở mức độ lớn trước khi Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Ba tuôn xuống vì “người thú” đã tiến hóa, có được não bộ và hệ thần kinh, trước khi luồng đại phân thân (great outpouring) đổ đến ban cho Jivatma một thể hoạt động được (working body) và giúp cho con người có thể tiến hóa cao hơn.

## Chương VII

### Cơ Cấu của Tâm Thức

119

#### 1- Phát triển của cơ cấu

Theo một ý nghĩa rất xác thực thì toàn bộ các thể của con người hợp thành cơ cấu của tâm thức, dưới hình thức các cơ quan để ước muốn, để suy tư và để hành động. Nhưng bộ máy thần kinh có thể được gọi là cơ cấu đặc biệt của tâm thức, vì nhờ đó mà nó kiểm soát và điều khiển mọi việc trong xác thân. Mỗi tế bào trong cơ thể đều được tạo thành bằng vô số các sự sống vô cùng bé nhỏ (tiny lives), mỗi sự sống đều kèm theo tâm thức còn phôi thai của chính nó (1). Mỗi tế bào đều có tâm thức mới hé lộ của riêng nó, đang kiểm soát và sắp xếp các sự sống vô cùng nhỏ này. Còn về cái tâm thức quản trị ở trung tâm, tâm thức này sử dụng toàn bộ xác thân

---

<sup>1</sup> Thuật ngữ “các sự sống” (“lives”) có nghĩa là Các Đơn Vị Tâm Thức, nhưng không chỉ rõ loại tâm thức được tách biệt như thế, tất nhiên nó cũng không hàm ý có sự hiện diện của một Jivatma. Nó chỉ hàm ý là một “giọt nước” có khả năng nhận thức (a cognizable “drop”) của đại dương tâm thức, một nguyên tử hay tập hợp các nguyên tử được tâm thức làm cho linh hoạt và hành xử như là một đơn vị. Một nguyên tử là một “sự sống”, có tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Ba. Một con vi trùng là một “sự sống”, có tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Hai, như có nói trước đây, được Hành Tinh Thượng Đế và Tinh Linh Địa Cầu biến cải và làm cho thích dụng.



rồi đến lượt nó điều khiển và sắp xếp xác thân đó và cơ cấu mà nó dùng hoạt động cho mục đích này là cơ cấu thần kinh.

120 Cơ cấu thần kinh này là kết quả của các xung lực cảm dục, và tâm thức phải được linh hoạt trên cõi cảm dục trước khi nó có thể được kiến tạo. Các xung lực được tâm thức tạo ra – sẵn sàng học hỏi kinh nghiệm và nỗ lực một cách mơ hồ để đem lại kết quả cho ý muốn này – gây nên các rung động trong chất dĩ thái, do chính bản chất của vật chất <sup>(1)</sup> các rung động này trở thành điện lực, từ lực, nhiệt lực và các năng lượng khác nữa. Đây là những người thợ xây dựng (masons), làm việc dưới sự thúc đẩy của vị Tổng xây dựng (master builder), đó là Tâm thức. Nhà Tổng xây dựng (thợ cả) thôi thúc, thợ phụ thi hành. Cho đến giờ, tâm thức chưa có được trí khôn điều khiển (directive intelligence), trí khôn này chỉ được Sự Sống Thượng Đế trong Hồn-Khóm và được các Tinh Linh thiên nhiên (đang hoạt động dưới sự dẫn dắt của các Thiên Thần thuộc Giới Hành Khí Thứ Ba) cấp cho, như đã nói.

Vậy thì, chúng ta phải hiểu rằng chất thần kinh (nervous matter) được tạo ra trên cõi trần dưới các thôi thúc từ cõi cảm dục, các mãnh lực kiến tạo trực tiếp thực ra thuộc cõi trần, nhưng việc hướng dẫn và khởi động các mãnh lực này thì thuộc về cõi cảm dục, nghĩa là bắt nguồn từ tâm thức đang linh hoạt trên cõi cảm dục. Năng lượng sự sống, tức prana, tuôn tràn theo các lượn sóng màu hồng, chạy dọc theo chất dĩ thái trong mọi dây thần kinh, không ở trong các vỏ tủy (medullary sheaths) mà ở ngay trong chất liệu của chúng, từ cõi cảm dục đi xuống trực tiếp, nó được rút ra từ kho chứa

---

<sup>1</sup> Tanmatra và tattva của cõi, với sáu tanmatras phụ và tattvas phụ của nó.

121 sự sống vĩ đại, tức Thượng Đế, được chuyên biệt hóa trên cõi cảm dục và từ đó được đưa vào hệ thần kinh, nơi đây nó được hòa lẫn với từ lực, điện lực và các dòng thần lực khác để tạo thành sinh lực (prana) thuần túy hồng trần, được rút ra từ cùng kho chứa, nhưng xuyên qua Mặt Trời, tức là thể hồng trần của Thượng Đế.

Nếu quan sát kỹ ta sẽ thấy rằng các thành phần (constituents) của prana thuộc giới khoáng thạch thì ít và có cách sắp xếp kém phức tạp hơn là các thành phần của prana trong giới cao hơn là giới thực vật, rồi prana thực vật lại ít phức tạp hơn là prana trong giới động vật và giới nhân loại. Sự dị biệt này là do bởi prana cõi cảm dục trộn lẫn trong prana của con người và con vật chó không trộn lẫn trong prana thảo mộc – ít nhất với mức độ có thể nhận ra. Sau khi linh hồn thể được thành lập, sự phức tạp của prana luân lưu trong hệ thần kinh của thể xác tăng nhiều thêm và dường như trở nên phong phú hơn nữa trong diễn trình tiến hóa của con người. Vì khi tâm thức trở nên linh hoạt trên cõi trí, thì prana của cõi đó cũng hòa lẫn với prana cõi thấp hơn, và cứ thế tiếp tục khi sự hoạt động của tâm thức được xúc tiến trong các cõi cao.

Chúng ta có thể ngưng lại trong chốc lát về từ ngữ “prana” mà trước đây tôi có dịch ra là “năng lượng sự sống” (“life-energy”, sinh năng). Pran là ngữ căn Bắc Phạn, có nghĩa là thở (to breathe), sống (to live), thổi (to blow), khi được ghép lại với an, có nghĩa là thở, hoạt động (move), sống (và vì vậy là Tinh Thần, kết hợp với tiền tố pra nghĩa là hướng về trước (forth). Như vậy pra-an, pran, có nghĩa là thở ra (to breath forth) và sinh khí (life-breath) hay sinh năng (life-energy), là tên gọi trong Anh ngữ gần sát nghĩa với Bắc Phạn ngữ (Sanskrit) nhất.

Theo quan điểm Ấn giáo thì chỉ có một Sự Sống Duy Nhất, một Tâm Thức Duy Nhất, hiện hữu khắp nơi, thuật ngữ Prana được dùng để chỉ Bản Ngã Tối Cao (Supreme Self), Linh Khí duy trì vạn vật (all-sustaining Breath). Đó là năng lượng được ban ra ngoài (forth-giving energy) của Đấng Duy Nhất: đối với chúng ta, đó là Sự Sống của Thượng Đế. Vậy thì Sự Sống Thượng Đế trên mỗi cõi có thể được xem như là Prana của cõi đó; prana đó trở thành sinh khí trong mỗi tạo vật (creature). Trên cõi trần, nó là năng lượng, hiện ra dưới nhiều hình thức như là điện lực, nhiệt, ánh sáng, từ lực vv... có thể biến đổi qua lại được bởi vì về mặt căn bản chúng chỉ là một. Trên các cõi khác chúng ta không có danh xưng nào khác để dựa theo đó mà đặt tên cho prana, nhưng bao ý tưởng trên cũng đủ rõ ràng rồi. Khi được một thực thể chiếm hữu, thì prana có cái nghĩa hẹp thường được dùng trong văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng, đó là sinh khí của con người (individual's life-breath). Đó là sinh năng (vital energy), tức sinh lực (vital force) mà tất cả các năng lượng khác, như hóa năng, điện năng và bao cái còn lại, chỉ là các dẫn xuất (derivatives) và là các phần vụn vặt của nó. Thật là một điều hơi lạ đối với nhà huyền linh học khi nghe các nhà khoa học nói vanh vách (glibly) về hóa năng hoặc điện năng, rồi lại tố giác nguồn gốc (parent) của chúng, tức sinh năng (vital energy) là một "thứ mê tín cần xóa bỏ" ("exploded superstition"). Các biểu lộ từng phần (partial manifestations) này của sinh năng chỉ là do cách sắp xếp của vật chất mà sinh năng tác động trong đó, ngăn chặn tính chất này hoặc tính chất kia, hay có thể tất cả các tính chất, chỉ để lại có một tính chất, giống như một cái ly màu xanh sẽ ngăn lại tất cả các tia sáng ngoại trừ các tia sáng màu xanh, còn cái ly đỏ sẽ ngăn lại các tia khác ngoại trừ tia đỏ.

Trong bộ GLBN, bà Blavatsky có nói đến mối liên hệ của prana với hệ thần kinh. Bà trích dẫn và một phần bà hậu thuẫn, một phần bà chỉnh lại quan niệm về “dĩ thái thần kinh” (“nervous ether”) do Tiến Sĩ B.W. Richardson đưa ra như sau: Lực-Mặt Trời (Sun-force) là “nguyên nhân đầu tiên của mọi sự sống trên địa cầu” (GLBN 1,577) và Mặt Trời là “Kho chứa sinh lực, vốn là thực tượng (noumenon) của điện lực (GLBN 1,579).

“Dĩ thái thần kinh” là nguyên khí (principle) thấp nhất của Bản-Thể Nguyên Thủy (Primordial Essence) vốn là Sự Sống. Chính sinh lực của con thú được khuếch tán (diffused) trong cả Thiên Nhiên (all Nature) và tác động tùy theo tình trạng mà nó tìm thấy cho hoạt động của nó. Nó không phải là một “sản phẩm của con vật” (“animal product”), mà chính con vật đang sống (living animal), cành hoa và thân cây đang sống mới là các sản phẩm của nó”. (GLBN1,586).

Trên cõi trần, prana này, tức sinh lực, tạo ra mọi khoáng thạch, và là tác nhân kiểm chế trong các thay đổi sinh lý hóa học (chemico-physiological changes) trong nguyên sinh chất, vốn đưa đến sự biến phân và kiến tạo các mô khác nhau của thân cây, thân thể con vật và con người. Chúng cho thấy sự hiện hữu của prana bằng khả năng đáp ứng với sự kích thích, nhưng trong một thời gian khả năng này không được kèm theo bằng cảm tính riêng biệt, vì tâm thức không đủ khai mở để cảm nhận vui sướng và đau khổ.

124 Khi luồng prana từ cõi cảm dục mang theo thuộc tính hữu cảm thức của nó, hòa lẫn với luồng prana ở cõi trần, nó bắt đầu tạo ra một sắp xếp mới đối với vật chất – đó là sắp xếp thần kinh. Về mặt căn bản, sắp xếp thần kinh này (nervous arrangement) là một tế bào, các chi tiết về nó có thể được nghiên cứu trong bất cứ sách giáo khoa hiện đại nào

bàn đến đề tài này <sup>(1)</sup>, và sự phát triển gồm có các thay đổi bên trong và các chồi bằng vật chất của tế bào, các chồi này lại được bọc bên ngoài trong chất tủy và sau đó hiện ra như là các sợi. Dù có phức tạp đến mấy, mỗi hệ thần kinh cũng gồm có các tế bào và các chồi của chúng, các chồi này trở nên nhiều hơn, và bao giờ cũng hợp thành các điểm tiếp nối đa phương giữa các tế bào, khi tâm tức cần phải có một hệ thần kinh ngày càng tinh tế hơn mới biểu lộ được. Ở căn cội của các chi tiết phức tạp như thế, người ta tìm thấy sự đơn giản căn bản này ngay cả trong con người, kẻ sở hữu một cơ cấu thần kinh tiến hóa cao nhất. Nhiều triệu hạch thần kinh <sup>(2)</sup> trong não và trong cơ thể, tất cả đều được sản xuất vào cuối tháng thứ ba của bào thai, chúng phát triển bằng cách mở rộng, và chồi có chất liệu của chúng trở thành các sợi. Sự phát triển này trong cuộc sống, về sau là do bởi hoạt động của tư tưởng. Khi một người suy nghĩ một cách cật lực và một cách liên tục thì các rung động của tư tưởng gây ra hoạt động hóa học, và các thụ - trạng (dendrons: nhánh có hình cây, đuôi gai) <sup>(3)</sup> mọc ra khỏi tế bào, tạo thành các chỗ nối và các nối chéo (cross-connections) theo mọi hướng, tức là các con đường theo nghĩa đen, mà prana chạy theo đó – bây giờ prana bao

---

<sup>1</sup> Như là “Mô học” (“Histology”) của Schafer trong “Giải Phẫu Học” của Quain, ấn bản thứ 10, “Cẩm Nang sinh lý học” của Halliburton, 1901. “Tế bào trong sự phát triển và kế thừa” của Wilson.

<sup>2</sup> Neusal ganglia: Các nhóm tế bào thần kinh (nerve cells).

<sup>3</sup> Các mấu (processes), hay tia (prolongations), hay chỗ u ra (out-frowths) ở dây thần kinh, gồm có chất của tế bào được bọc trong một vỏ tủy (medullary sheath).

gồm các yếu tố của cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí – và các rung động của tư tưởng cũng đi theo các đường này.

Chúng ta đi ra ngoài một chút, để xem xét coi nơi giới nhân loại việc kiến tạo hệ thần kinh theo các xung lực rung động từ cõi cảm dục, bắt đầu và được xúc tiến như thế nào.

Chúng ta tìm thấy một nhóm nhỏ tế bào thần kinh và các mấu nối nhỏ nối liền chúng. Nhóm tế bào này được tạo ra bằng tác động của một trung tâm đã xuất hiện trước kia trong thể cảm dục (điều này sẽ được nói tới sau), một tập hợp chất cảm dục được bố trí để tạo thành một trung tâm tiếp nhận và đáp ứng với các xung lực từ bên ngoài. Từ trung tâm cảm dục đó, các rung động di chuyển vào thể dĩ thái, tạo ra các xoáy dĩ thái nhỏ, các xoáy này thu hút vào chúng các phân tử chất hồng trần trọng trực, sau cùng tạo thành một tế bào thần kinh và các nhóm tế bào thần kinh. Các trung tâm hồng trần này, nhận các rung động từ ngoại giới, gửi các xung lực đi ngược trở lại các trung tâm cảm dục, bằng cách làm tăng thêm các rung động của chúng; như vậy các trung tâm hồng trần và cảm dục tác động và phản ứng lẫn nhau, và mỗi trung tâm trở nên phức tạp hơn và hiệu quả hơn.

126 Khi chúng ta đi ngược trở lại giới động vật, chúng ta thấy hệ thần kinh vật chất luôn luôn cải thiện và ngày càng trở nên yếu tố chi phối trong xác thân, và ở động vật có xương sống thì hệ thần kinh được tạo ra trước tiên này trở nên hệ giao cảm, kiểm soát và đem sinh lực cho các cơ quan linh hoạt như tim, phổi, ống tiêu hóa. Bên cạnh nó là hệ não tủy, phát triển một cách chậm chạp, có liên hệ chặt chẽ trong các hoạt động thấp với hệ giao cảm và từ từ trở nên ngày càng chiếm ưu thế, trong khi nó cũng trở nên (dưới hình thức phát triển quan trọng nhất của nó) cơ quan bình thường để biểu lộ “tâm thức tỉnh thức”. Hệ não tủy được tạo ra do các

xung lực xuất phát trong cõi trí, chứ không phải trong cõi cảm dục và chỉ có liên quan gián tiếp với cõi cảm dục qua hệ giao cảm, được tạo nên từ cõi cảm dục. Sau đây, chúng ta sẽ thấy sự liên quan của hệ giao cảm nơi sự bén nhạy với cõi cảm dục của thú vật và người phát triển chậm, việc biến mất độ bén nhạy này đi cùng với sự phát triển của trí tuệ và sự tái xuất hiện của nó nơi người tiến hóa cao.

Các nguyên tử thường tồn tạo thành vận hà (con kênh) tuy chưa hoàn hảo, nhưng lại là con kênh trực tiếp duy nhất giữa tâm thức đang biểu lộ dưới hình thức Tam Thượng Thể Tinh Thần với các hình hài có liên quan với Tam Thượng Thể này. Trong trường hợp loài thú cao cấp, các nguyên tử này cực kỳ linh hoạt và chỉ trong thời gian ngắn giữa các kiếp sống hồng trần đã có các thay đổi đáng kể xảy ra trong các nguyên tử này. Khi sự tiến hóa tiếp diễn, dòng sinh lực ngày càng tăng từ Hồn-Khóm và thông qua nguyên tử thường tồn, cũng như tính phức tạp ngày càng tăng của bộ máy xác thân, nhanh chóng làm tăng thêm mức độ nhạy bén của con vật. Tương đối có ít sự nhạy bén trong sự sống của động vật hạ đẳng, và còn ít hơn nữa trong loài cá mặc dầu chúng cũng có hệ thần kinh não tủy. Khi sự tiến hóa nối tiếp, các trung tâm cảm giác tiếp tục phát triển trong thể cảm dục và nơi động vật cao cấp, các trung tâm này được tổ chức chặt chẽ và cảm giác trở nên bén nhạy. Nhưng cùng với sự bén nhạy này, lại có sự ngăn ngại về cảm giác, và ngoại trừ với các động vật cao cấp nhất, có một ít yếu tố trí tuệ xen vào để củng cố sự nhạy cảm lâu dài liên tục và ngày càng tăng đối với cảm giác.

## 2- Thể cảm dục

Sự tiến hóa của thể cảm dục ( astral body or desire body) phải được nghiên cứu liên quan đến thể xác, vì, như

chúng ta đã thấy, trong khi thể cảm dục đóng vai trò của một tác nhân sáng tạo trên cõi trần, sự phát triển thêm nữa của chính nó phần lớn tùy thuộc vào các xung lực nhận được qua chính cơ cấu mà nó đã tạo ra. Trong một thời gian dài, nó không hưởng được một cuộc sống độc lập của chính nó trên cõi riêng của nó và các tổ chức thể cảm dục liên quan với thể xác là một vấn đề hoàn toàn khác hẳn và rất cuộc sớm hơn là cách tổ chức của thể đó có liên quan với cõi cảm dục.

128 Ở Đông Phương người ta gọi thể cảm dục và thể trí có tâm thức khi hoạt động liên kết với thể xác là Koshas hay là các lớp vỏ (sheaths) và dùng thuật ngữ sharira, hay là thể (body) để chỉ một hình thể có khả năng hoạt động độc lập trong cõi hữu hình lẫn vô hình. Sự phân biệt này có thể giúp ích cho chúng ta ở đây.

Lớp vỏ cảm dục của khoáng thạch chỉ là một đám mây bằng chất cảm dục biệt dụng và không có bất cứ dấu hiệu nào là có tổ chức. Đối với đa số thực vật thì trường hợp cũng giống như thế, nhưng trong một số thực vật dường như có một số chỉ dẫn về các tập hợp vật chất (aggregatims) và các đường nét (lines) mà dưới ánh sáng của thuyết tiến hóa sau này, dường như là dấu hiệu đầu tiên (dawn) của tổ chức mới nảy sinh. Trong một số cổ thụ ở trong rừng, các tập hợp vật chất riêng biệt bằng chất cảm dục này có thể thấy được ở một vài điểm. Nơi các động vật, các tập hợp vật chất này trở nên được đánh dấu rõ rệt, tạo thành các trung tâm trong thể cảm dục thuộc loại thường xuyên và được chuyên hóa.

Các tập hợp vật chất trong lớp vỏ cảm dục (astral sheath) này là các khởi điểm của các trung tâm vốn sẽ tạo thành các cơ quan cần thiết trong thể xác và không phải là các chakras hay luân xa (wheels) như người ta thường gọi, Luân xa thuộc về cơ cấu của chính thể cảm dục (astral body) và làm



cho thể đó thích hợp để hoạt động trên cõi riêng của nó liên kết với lớp vỏ bằng chất trí (mental sheath), đóng vai trò là loại thể thấp mà Đông Phương gọi là sukshma sharira hay là thể tinh anh (subtle body). Các luân xa cảm dục có liên quan với các giác quan cảm dục, cho nên người nào có được luân xa cảm dục khai mở thì có thể thấy, nghe v.v... trên cõi cảm dục. Chúng còn ở xa mức tiến hóa mà chúng ta đang bàn, cái mức mà nơi đó khả năng tinh tế của tâm thức chưa có bất cứ cơ quan nào thậm chí trên cõi trần, để biểu lộ.

Khi các tập hợp vật chất này trong lớp vỏ cảm dục xuất hiện, các xung lực của tâm thức trên cõi cảm dục, như có giải thích trước đây, tác động lên thể dĩ thái, tạo ra các xoáy dĩ thái đã có nói đến, đồng thời các trung tâm tương ứng xuất hiện trong lớp vỏ cảm dục và thể xác, như vậy hệ thần kinh giao cảm được thành lập. Hệ này luôn giữ liên hệ trực tiếp với các trung tâm cảm dục, cho đến sau khi hệ thần kinh não tủy đã phát triển.

Từ các tập hợp vật chất ở phần trước của lớp vỏ cảm dục, mười trung tâm quan trọng được thành lập, chúng trở nên tiếp cận với bộ óc qua hệ giao cảm, và từ từ trở nên các cơ quan chiếm ưu thế đối với các hoạt động của tâm thức hồng trần hay là tâm thức lúc tỉnh thức – nghĩa là đối với phần tâm thức đang hoạt động một cách bình thường qua hệ não tủy. Năm trong số mười trung tâm đó dùng để nhận các ấn tượng đặc biệt từ ngoại giới và là các trung tâm mà nhờ đó tâm thức dùng làm các khả năng nhận thức của nó. Trong tiếng Bắc Phạn, chúng được gọi là Jnanendriyas, nghĩa đen là “các giác quan hiểu biết” (“knowledge-senses”), nghĩa là các giác quan (senses) hay là các trung tâm-nhận thức (sense-centres) nhờ đó để thu thập hiểu biết. Như có giải thích ở trước, các trung tâm này tạo nên năm xoáy dĩ thái riêng biệt,

và như vậy tạo ra năm trung tâm trong bộ óc hồng trần; đến lượt năm trung tâm này hình thành một cách riêng biệt và vẫn gắn liền với các cơ quan cảm giác thích hợp của chúng. Như vậy nảy sinh ra năm cơ quan cảm giác: mắt, tai, mũi, lưỡi, da, được chuyên hóa để tiếp nhận cảm giác từ ngoại giới, tương ứng với năm khả năng nhận thức là thấy, nghe, nếm, ngửi và sờ (feeling). Năm giác quan này là các cách chuyên hóa trong các giới thấp nhờ đó cái phần của khả năng nhận thức của tâm thức, tức khả năng của nó để nhận các tiếp xúc bên ngoài, được thực thi. Chúng thuộc về các giới thấp và thuộc về các hình thức vật chất thô sơ nhất kín tâm thức bên trong, ngăn chặn nó, như vậy che lấp nó không cho biết những sự sống khác; chúng là các lỗ mở ra (openings) trong bức màn vật chất trọng trực này, cho phép các rung động đi vào và đến được tâm thức bị bao phủ.

Năm trong số mười trung tâm cảm dục còn lại dùng để truyền các rung động từ tâm thức đến ngoại giới; chúng là các ngõ ra, giống như các giác quan tri thức (knowledge-senses) là các ngõ vào vậy. Chúng được gọi là Karmendriyas, nghĩa đen là giác quan hành động (action-senses), tức các giác quan hay các trung tâm cảm giác (sense-centers) tạo ra hành động. Các giác quan này phát triển giống như các giác quan khác, tạo ra các xoáy dĩ thái, các xoáy này tạo ra các trung tâm vận động (motor-centers) trong não bộ hồng trần; lần nữa các trung tâm vận động này hướng dẫn và vẫn liên kết với các cơ quan vận động thích hợp như tay, chân, thanh quản, các cơ quan sinh sản và bài tiết.

<sup>131</sup> Bây giờ chúng ta có một lớp vỏ cảm dục có tổ chức, đồng thời tác động và phản tác động xảy ra không ngừng giữa lớp vỏ cảm dục với thể xác, cải thiện cho cả hai, và cả hai cùng tác động trên tâm thức và tâm thức phản ứng lên trên

chúng, cả hai lại có lợi nhờ tác động hỗ tương này. Và như chúng ta đã thấy, các thúc đẩy mù quáng này của tâm thức đều được hướng dẫn bằng sự tác động qua lại (play) của chúng trên vật chất bởi Sự Sống của Thượng Đế trong Hồn-Khóm và bởi các Tinh Linh Thiên Nhiên. Luôn luôn chính sự sống, tâm thức, tìm cách nhận ra chính mình trong vật chất, còn vật chất đáp ứng nhờ bởi các tính chất cố hữu của riêng nó, được làm cho linh hoạt bằng tác động của Thượng Đế Ngôi Ba.

### 3- Tương ứng trong các căn chủng

Một sự kế tục tương tự trong Cuộc Tuần Hoàn hiện tại, Cuộc Tuần Hoàn thứ tư, đánh dấu sự tiến hóa của các giới trong Thiên Nhiên, các đặc tính chính của các Cuộc Tuần Hoàn trước dường như được lặp lại trong các Căn Chủng (Root-Races), giống như lịch sử tiến hóa đã xảy ra trong các kỷ nguyên dài được lặp lại trong lúc sự sống còn ở trạng thái phôi của mỗi xác thân mới.

Trong sự sống của hai giống dân đầu, các điều kiện về nhiệt độ làm cho sự bén nhạy với bất cứ biểu lộ sự sống nào cũng đều tiêu mất, nên các giống dân này không tỏ ra bén nhạy với vui sướng và đau khổ trên cõi trần.

Trong giống dân thứ ba có sự bén nhạy với các va chạm dữ dội, tạo ra các vui sướng và đau khổ thô thiển, nhưng chỉ có một số các giác quan được phát triển, đó là thính giác, xúc giác, và thị giác. Các giác quan này chỉ ở trình độ thấp, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây.

Bây giờ trong hai giống dân đầu có thể thấy các khởi đầu của các tập hợp vật chất trong chất cảm dục của các lớp vỏ và nếu các lớp vỏ này có thể tự liên kết với chất hồng trần thích hợp, thì sẽ có trong tâm thức hồng trần, tức là các cảm

giác vui thích và đau khổ, Nhưng các liên kết thích hợp ấy không xảy ra. Giống dân thứ nhất có được thính giác yếu ớt, giống dân thứ hai có đáp ứng mơ hồ với các va chạm tức xúc giác sơ khai.

Ở giai đoạn tiến hóa này, Tam Thượng Thể Tinh Thần không có cảm giác gì với rung động đến từ vật chất bên ngoài đến nỗi chỉ khi nào nó nhận được các rung động dữ dội được tạo ra bởi các va chạm trên cõi trần nó mới bắt đầu đáp ứng một cách chậm chạp.

Đối với Tam Thượng Thể Tinh Thần, mọi sự việc đều bắt đầu trên cõi trần.. Tam Thượng Thể không đáp ứng một cách trực tiếp, mà chỉ gián tiếp, qua trung gian của Sự Sống Thượng Đế, và chỉ khi bộ máy hồng trần đầu tiên được thành lập thì các xung lực tinh anh hơn mới đi đến với sức mạnh đủ để tạo ra vui thích và đau khổ. Các rung động dữ dội từ cõi trần gây ra rung động đáp ứng trên cõi cảm dục và Tam Thượng Thể trở nên hiểu biết một cách lờ mờ đối với cảm giác.

## Chương VIII

### Các bước đầu của nhân loại

133

#### 1- Làn sóng sinh hoạt thứ ba

Khi đến giữa Căn Chủng thứ ba, bộ máy thần kinh của người thú đã được kiến tạo đến một mức mà sau đó nó cần được cải thiện thêm để cho dòng tư tưởng từ Tam Thượng Thể Tinh Thần có liên kết với nó đến trực tiếp hơn. Hồn-Khóm đã hoàn tất công việc của nó đối với các sản phẩm tiến hóa cao này với vai trò làm trung gian, nhờ đó sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai bảo vệ và nuôi dưỡng các con còn ấu trĩ của Ngài. Bây giờ là lúc tạo nên móng cho linh hồn thể, tức là cái phễu mà sự sống tuôn đổ xuống phải được thu nhận vào đó; đây là thời kỳ được gọi là sự sống tiền sinh (ante-natal life) của Chân Thần, và thời kỳ này trở nên chín muồi là lúc Chân Thần sinh vào cõi thấp. Sự sống căn cội (mother-life) của Thượng Đế đã tạo ra cho Chân Thần các thể mà giờ đây Chân Thần có thể sống trong các thể đó dưới hình thức là một thực thể riêng biệt trong thế giới sắc tướng, Chân Thần phải trực tiếp đến chiếm các thể đó để bắt đầu công cuộc tiến hóa trong nhân loại.

Chúng ta đã thấy rằng Chân Thần do Thượng Đế Ngôi Một sinh ra và ngự trên cõi Đại Niết Bàn, tức cõi thứ nhì, trong biết bao thiên kỷ. Chúng ta cũng đã thấy rằng, với sự trợ giúp của các vị thừa hành khác nhau, Chân Thần chiếm hữu được ba nguyên tử thường tồn. Các nguyên tử thường tồn này, dưới danh xưng là Jivatmas, đại diện cho Chân Thần

134

trên các cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm (1), và cũng các nguyên tử thường tồn tạo thành tam hạ thể (lower triad) trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy(2).

Tất cả mọi thông thương của Chân Thần với các cõi nằm dưới cõi Chân Thần đều đi xuyên qua Sutratma, tức sinh mệnh tuyến (life-thread), nơi mà các nguyên tử thường tồn được xâu vào đó. Sinh mệnh tuyến đó – được làm bằng chất liệu của cõi thứ nhì – (tức cõi Đại Niết Bàn - ND) đi từ nguyên tử thường tồn cõi Niết Bàn (cõi thứ ba - ND) đến nguyên tử thường tồn cõi Bồ Đề (cõi thứ tư - ND), từ nguyên tử thường tồn cõi Bồ Đề đến nguyên tử thường tồn cõi thượng trí (3 phần trên của cõi thứ năm - ND) và từ cõi thượng trí tái nhập vào cõi Niết Bàn, như thế tạo thành “Tam Giác Ánh Sáng” (“Triangle of Light”) trên các cõi cao. Chúng ta cũng đã thấy thêm rằng từ một cạnh của Tam giác này trên cõi Bồ Đề phát ra một sợi chỉ (thread) tức Sutratma của các cõi thấp, tam hạ thể được treo trên đó.

Giờ đây ta tìm hiểu sự thông thương đầy đủ hơn của sợi chỉ tinh anh dưới dạng ban đầu của nó, dường như là nó nói rộng ra thêm. Đây chỉ là một cách mô tả vụng về sự kiện Tia Sáng Từ Chân Thần tỏa chiếu và nở ra khoác lấy hình dạng của một cái phễu (funnel): “Kim quang tuyến (thread) giữa Đấng Quán Sát Thình Lặng (Silent Watcher) với cái bóng của mình trở nên mạnh mẽ và rục rở hơn” (GLBN 1, 285). Dòng chảy xuống của Sự Sống Chân Thần được kèm theo bởi dòng chảy tăng thêm nhiều giữa các nguyên tử thường tồn cõi Bồ  
135 Đề với cõi trí, và nguyên tử thường tồn cõi trí dường như

<sup>1</sup> Tức cõi Niết Bàn (thứ ba), Bồ Đề (thứ tư) và Thượng Trí (thứ năm)

<sup>2</sup> Tức cõi hạ trí (thứ năm), cõi cảm dục (thứ sáu) và cõi hồng trần (thứ bảy). Muốn hiểu rõ, xin xem lại đồ hình trang 77 - ND

thức tỉnh, đưa ra các rung động theo mọi hướng. Các nguyên tử và phân tử khác của cõi trí tụ tập lại chung quanh nó, và một trốt xoáy được nhìn thấy trên ba cõi phụ cao của cõi trí. Một chuyển động xoáy tương tự được nhìn thấy trong cái khối mờ đục đang bao quanh nguyên tử thường tồn hạ trí gắn liền bên dưới, được bọc trong lớp còn lại của Hồn-Khóm, như đã mô tả ở trước. Lớp này bị xé tan và bị cuốn hút vào vùng xoáy nói trên, nơi đó nó bị tan rã và linh hồn thể được tạo thành, tức một cái bọc mỏng thanh nhẹ, khi trốt xoáy hạ chậm lại. Dòng chảy xuống này của Sự Sống (đưa tới việc tạo thành linh hồn thể) được gọi là Luồng Sóng Sinh Hoạt Thứ Ba và được quy vào Thượng Đế Ngôi Một, vì lẽ các Chân Thần đều xuất phát từ Ngôi Một và tiêu biểu cho sự sống Tam Vị Nhất Thể (triune life) của Thượng Đế.

Khi linh hồn thể được tạo ra, thì Tam Thượng Thể Tinh Thần có được một hiện thể trường tồn (permanent vehicle) để tiến hóa xa hơn, và khi Tâm Thức trở nên có thể hoạt động một cách thoải mái (freely) trong hiện thể này thì Tam Thượng Thể sẽ có thể kiểm soát và điều khiển sự tiến hóa của các thể thấp một cách có hiệu quả hơn là từ trước đến giờ.

Tuy nhiên, các nỗ lực để kiểm soát lúc đầu này thuộc loại không mấy sáng suốt, không hơn là các cử động ban đầu của thân xác của đứa trẻ con cho thấy là chúng không được điều khiển bằng sự sáng suốt nào, mặc dầu chúng ta biết là nó vẫn có liên quan với sự sáng suốt. Bây giờ, theo một nghĩa rất xác thực, Chân Thần được sinh ra trên cõi trần, nhưng nó vẫn phải được xem như một đứa trẻ con nơi cõi đó, và phải trải qua một thời gian dài đặng đặng trước khi sức mạnh của Chân Thần trên thể xác không còn được xem là trẻ con nữa.

## 2- Phát triển con người

Nơi cõi trần, Chân Thần được xem như em bé, điều này được thấy rõ nếu chúng ta xem xét con người vào những ngày đầu. Chẳng hạn giống dân Lemurians đã tuyệt diệt từ lâu. Ngoại trừ những người đã phát triển tâm thức đến một mức đáng kể và chịu thác sinh vào thể xác của người Lemuria<sup>(1)</sup> vụng về ngỗ hầu dẫn dắt sự tiến hóa của nhân loại, giống dân này rất kém phát triển về các cơ quan cảm giác. Khứu giác và vị giác của họ không phát triển mà chỉ mới ở trong tiến trình hình thành, sự nhạy bén đối với vui thích và đau khổ của họ rất yếu ớt.

Trong giống dân Atlanteans<sup>(2)</sup>, các giác quan linh hoạt hơn nhiều, thị giác rất tinh tường (keen) và thính giác bén nhạy, còn vị giác phát triển nhiều hơn so với người Lemurians, nhưng vẫn còn chưa phát triển cao. Những thức ăn kém coi và hôi hám họ cũng hoàn toàn dung nạp được và thậm chí còn thấy ngon lành nữa, còn những vật phẩm trong chế độ ăn uống như là thịt hư thối, ươn (decaying meat) thì được ưa thích nhiều hơn là các thức ăn có mùi dễ chịu (delicate viands) mà họ xem là không có mùi (tasteless). Thân thể họ không đau đớn lắm khi bị thương tích, các vết thương nặng không gây đau đớn nhiều, cũng không đưa tới ngã quì (prostration) – ngay đến những chỗ rách toạc rộng lớn cũng không làm yếu người bị thương – và rất mau lành. Các tàn tích của giống dân Lemurian đang tồn tại hiện nay, cũng như giống dân Atlantean đang lan tràn rộng khắp, vẫn tỏ ra

---

<sup>1</sup> Giống dân Lemuria (Lemurian Race) là giống dân chính thứ ba - ND

<sup>2</sup> Giống dân Atlantis tức là giống dân chính thứ tư - ND



tương đối không có cảm giác trước cái đau đớn và chịu được sự tàn phế ở mức độ rất cao như các vết rách toạc lớn trên thân thể mà một người thuộc giống dân thứ năm hoàn toàn không thể chịu nổi. Một Người Da Đỏ (Indian) ở Bắc Mỹ có tường thuật rằng trong lúc đánh nhau, anh ta bị cắt đi một bên đùi, sau độ mười hai hoặc mười lăm giờ gì đó, anh ta ra trận trở lại. Đặc điểm này của cơ thể giống dân thứ tư giúp cho một người bán khai chịu nổi đau đớn một cách điềm tĩnh và phục hồi lại nhanh chóng sau các tra tấn hành hạ, trong khi một người thuộc giống dân thứ năm sẽ gục ngã do các chấn động của thân kinh.

Các dị biệt này phần lớn là do các phát triển khác nhau của nguyên tử thường tồn, tức phần cốt lõi (nucleus) của thể xác. Trong Căn Chủng thứ năm, có một luồng sinh lực sung mãn đang tuôn đổ xuống, khiến cho sự phát triển bên trong của nguyên tử thường tồn trở nên nhiều và tăng thêm lên khi sự phát triển đó nối tiếp. Khi sự tiến hóa tiếp tục, thì tính chất phức tạp của các sức mạnh rung động trong nguyên tử thường tồn hồng trần tăng thêm lên, sự gia tăng tương tự cũng xảy ra trong nguyên tử thường tồn cảm dục và lần nữa trong nguyên tử thường tồn hạ trí. Hết kiếp này đến kiếp khác, các hạt nhân nguyên tử thường tồn này được phóng ra trên mỗi cõi để gom lại xung quanh chúng các lớp bao mới bằng chất trí, cảm dục và hồng trần. Các nguyên tử thường tồn ngày càng phát triển cao, càng thu hút chung quanh chúng các nguyên tử phát triển cao trên cõi mà chúng đang ở, và như vậy tạo nên một bộ máy thần kinh hoàn hảo hơn để cho luồng tâm thức lúc nào cũng tăng tiến có thể tuôn đổ qua được dễ dàng. Bộ máy thần kinh có cấu tạo một cách tinh vi của con người thuộc giống dân thứ năm được tạo ra theo lối này.

Nơi con người thuộc giống dân thứ năm, sự phân hóa bên trong của các tế bào thần kinh tăng lên nhiều, sự thông thương với nhau càng nhiều thêm. Nói một cách tổng quát, tâm thức của con người thuộc giống dân thứ năm đang hoạt động trên cõi cảm dục và được tách ra khỏi xác thân ngoại trừ đối với những gì thuộc về hệ thần kinh não tủy. Việc kiểm soát các cơ quan quan trọng của cơ thể thì bị bỏ mặc cho hệ thần kinh giao cảm, được luyện tập qua bao thiên kỷ dài để thi hành công việc này, và giờ đây vẫn được tiếp tục bằng các xung lực từ các trung tâm cảm dục khác với mười trung tâm trước, không có sự thận trọng chú ý từ tâm thức bị bận rộn chuyện khác, dù là đương nhiên do tâm thức đó duy trì. Tuy nhiên, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây, nó hoàn toàn có thể lại lôi kéo sự chú ý của tâm thức vào phần này của cơ cấu của nó và đảm trách lại việc kiểm soát nó một cách sáng suốt. Nơi những người tiến hóa cao của giống dân thứ năm, các thôi thúc chính của tâm thức được đưa xuống từ cõi hạ trí, tác động xuống xuyên qua cõi cảm dục, đến cõi trần và kích thích hoạt động thần kinh xác thân ở nơi đó. Đây là tâm thức bén nhạy, tinh anh, sáng suốt, được thôi thúc bằng các ý tưởng nhiều hơn là bằng các cảm giác và tự biểu lộ một cách linh hoạt trong các trung tâm não bộ thuộc trí tuệ và tình cảm nhiều hơn là trong các trung tâm liên hệ đến hiện tượng cảm giác và vận động.

Các cơ quan cảm giác (sense-organs) của con người thuộc giống dân thứ năm đều ít linh hoạt và tinh tường (acute) hơn là các cơ quan cảm giác của người tiến hóa cao nhất thuộc giống dân thứ tư khi đáp ứng với các va chạm (impacts) thuần vật chất. Thị giác, thính giác, xúc giác không đáp ứng với các rung động vốn thường tác động đến các cơ quan cảm giác của giống dân thứ tư. Một điều cũng có ý

nghĩa là các cơ quan này nhạy bén nhất vào đầu thời ấu thơ và giảm đi tính bén nhạy từ khoảng sáu tuổi trở đi. Mặt khác, trong khi ít bén nhạy trong việc thu nhận các va chạm thuần túy cảm giác, thì chúng lại trở nên bén nhạy hơn với các cảm giác có trộn lẫn với các tình cảm, và các tế nhị của màu sắc và của âm thanh, dù là của thiên nhiên hay của nghệ thuật, lôi cuốn chúng một cách hiệu quả hơn. Tổ chức của các trung tâm cảm giác trong bộ óc và trong thể cảm dục càng cao siêu và càng phức tạp thì dường như càng mang lại sự bén nhạy với cái đẹp của màu sắc, hình dạng và âm thanh, nhưng sự đáp ứng bị giảm bớt trước các cảm giác mà các xúc cảm không đóng góp phần nào trong đó.

140 Cơ thể của giống dân thú năm cũng nhạy cảm với sự kích xúc (shock) nhiều hơn là cơ thể của các giống dân thú ba và thú tư, vốn phụ thuộc nhiều vào tâm thức để bảo quản nó. Một kích xúc thần kinh được cảm nhận mạnh mẽ hơn nhiều và kéo theo sự kiệt quệ trầm trọng hơn. Một vết thương nặng không còn là vấn đề chỉ có cơ bắp bị tổn thương, các mô bị đứt, mà còn do chấn động thần kinh nguy hiểm nữa. Hệ thần kinh có tổ chức tinh vi sẽ chuyển tín hiệu đau đến các trung khu trong não, rồi từ đó được đưa đến thể cảm dục, gây rối loạn và làm xáo trộn tâm thức cõi cảm dục. Tiếp theo sau là sự xáo trộn trên cõi trí; sự tưởng tượng được khơi dậy, ký ức làm kích động sự tiên đoán, rồi sự đổ xô đến của các xung lực ở thể trí làm cho mạnh thêm và kéo dài các cảm giác (sensations). Một lần nữa, các cảm giác này lại kích động và kích thích hệ thần kinh, rồi sự kích thích quá mức của nó tác động lên các cơ quan trọng yếu, tạo ra sự xáo trộn trong cơ quan đó, do đó làm giảm sinh lực và chậm phục hồi.

Thế nên, cũng trong cơ thể của giống dân thú năm tiến hóa cao, các tình trạng trí tuệ phần lớn chi phối thể xác. Sự lo

âu quá mức, đau khổ và ưu phiền về tâm trí, tạo ra căng thẳng thần kinh, dễ dàng gây xáo trộn cho sự hoạt động của các cơ quan và đưa tới suy nhược hoặc bệnh hoạn.

Do đó, sự lành mạnh (strength) và thanh thản (serenity) trong tâm trí trực tiếp làm tăng tiến sức khỏe thể chất, và khi tâm thức đã dứt khoát ăn sâu trên cõi cảm dục hoặc cõi trí, thì các xáo trộn tình cảm và trí tuệ làm cho sức khỏe suy sụp nhiều hơn là bất cứ sự mất mát (privations) nào mà xác thân phải hứng chịu. Người tiến hóa thuộc giống dân thứ năm tại cõi trần theo nghĩa đen chỉ sống trong hệ thần kinh của họ.

141

### 3- Những linh hồn và thể xác thiếu hài hòa

Giờ đây, chúng ta nên chú ý đến một sự kiện có ý nghĩa liên quan đến một vấn đề quan trọng nhất, đó là sự liên hệ của cơ cấu thần kinh với tâm thức. Khi tâm thức con người chưa tăng trưởng vượt qua mẫu người Lemurian cuối (căn chủng thứ ba - ND) hoặc mẫu người Atlantean đầu (căn chủng thứ tư - ND), nhưng được sinh vào một cơ thể thuộc căn chủng thứ năm, thì việc đó mang lại cho ta một cơ hội học hỏi lạ lùng và lý thú. (Ở đây không thể bàn rộng về các lý do khiến sinh ra kiểu đó. Nói một cách vắn tắt, khi những quốc gia tiến hóa nhiều đi thôn tính đất đai của những bộ lạc kém phát triển và giết hại người của các bộ lạc này một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Lập tức, dân tộc bị xua ra khỏi xác thân của họ như thể phải tìm kiếm các trú sở mới. Các tình trạng bán khai thích hợp cho họ trở nên ngày càng hiếm dưới làn sóng ngày càng bành trướng của các giống dân cao hơn, vì vậy họ phải chịu sinh ra dưới các tình trạng thấp kém nhất hiện có, đó là các khu ổ chuột của các thành phố lớn, trong các gia đình thuộc hạng tội phạm. Họ bị lôi cuốn về phía quốc gia đi chinh phục tất nhiên là do nghiệp quả).

Những người như thế tái sinh vào trong các thân xác thuộc giống dân thứ năm với loại chất liệu tẻ nhất đang có. Bấy giờ, trong các thân xác thuộc giống dân thứ năm này, họ để lộ các tính chất thuộc về đầu giống dân thứ tư hoặc cuối giống dân thứ ba, và mặc dầu họ có được cơ cấu thần kinh hồng trần bên ngoài, họ lại không có sự phân hóa bên trong của chất thần kinh, việc này chỉ xảy đến với sự tác động trên chất hồng trần bằng các năng lượng đến từ cõi cảm dục và cõi trí. Chúng ta quan sát thấy nơi họ không có sự đáp ứng với các cảm giác đến từ bên ngoài, trừ phi các cảm giác này thuộc loại mãnh liệt. Đây là dấu hiệu cho thấy mức phát triển thấp của tâm thức cá nhân.

Chúng ta nhận thấy tâm thức họ rơi trở lại vào trạng thái bất động khi thiếu một kích thích vật chất mãnh liệt: khi nhu cầu vật chất nổi lên, ham muốn lại tái phát vì có kích thích dữ dội như thế. Dưới sự tác động mãnh liệt vào các cơ quan cảm giác, thì trí não mới có được hoạt động yếu ớt. Còn khi các cơ quan cảm giác yên nghỉ thì chỉ có sự trống không (blankness). Họ hoàn toàn không có bất cứ sự đáp ứng nào với một tư tưởng hoặc một tình cảm cao thượng – không phải vì bác bỏ chúng, mà là vì không biết đến chúng. Thông thường, sự kích động hay cảm xúc mãnh liệt nơi những người như thế được tạo ra bởi tác nhân ở bên ngoài – thí dụ có một điều gì đó đến với y bằng phương tiện vật chất, thì trí khôn vừa hé mở của y nối kết với khả năng để làm thỏa mãn một tham dục nào đó mà y nhớ và muốn cảm nhận trở lại. Một người như thế không có chủ tâm cướp bóc hoặc sát nhân chút nào, nhưng y có thể bị kích động vào hành động như trên chỉ vì y trông thấy một người qua đường ăn mặc tươm tất, dáng điệu là kẻ có tiền – mà tiền bạc có nghĩa là thỏa mãn được cái ăn, cái uống hoặc tính dục. Tức khắc y có ngay yếu

tổ kích thích để tấn công kẻ qua đường kia và hành động theo sau tức thì, trừ phi y thấy có một nguy hiểm về mặt vật chất một cách rõ rệt như là thấy một viên cảnh sát chẳng hạn. Chính cái cảm dỗ vật chất hiện ra làm cho y nảy sinh ý tưởng phạm vào tội ác. Còn một người dự liệu một hành động tội ác trước, là một người tiến hóa cao hơn. Một người đã man đơn thuần chỉ phạm tội vì sự thúc đẩy tức thời, y sẽ không phạm tội nếu y gặp một biểu hiện vật chất khác, thí dụ biểu hiện của một sức mạnh mà y sợ. Và khi đã phạm tội rồi thì y lờ đi (impervious) trước mọi tiếng kêu xấu hổ, ăn năn, y chỉ có thể bị cảm thấy sợ hãi mà thôi.

Dĩ nhiên các nhận xét này không áp dụng được cho loại tội phạm thông minh, mà chỉ dùng cho loại bần sinh dần độn và tàn bạo, tức là người bán khai thuộc giống dân thứ ba hoặc thứ tư mang thể xác của giống dân thứ năm.

Khi các chân lý của Minh Triết Nghìn Xưa ngày càng tác động đến tư tưởng hiện đại, thì giữa các sự việc khác nhau đó, các chân lý này tất nhiên sẽ giúp thay đổi cách đối xử với kẻ phạm tội. Như thế các tội nhân được nói đến ở trên sẽ không bị trừng phạt một cách nghiêm khắc mà luôn luôn sẽ được giữ tuân theo kỷ luật chặt chẽ, và chừng nào có thể làm được, họ sẽ được giúp đỡ để phát triển nhanh hơn là khi còn ở dưới tình trạng đời sống bán khai của họ.

Nhưng nếu bàn thêm nữa về đề tài này thì, chúng ta có thể đi quá xa đề tài nghiên cứu chính yếu của chúng ta. Bây giờ chúng ta quay trở lại các hoạt động của tâm thức trên cõi cảm dục khi chúng tự biểu lộ trong động vật cao cấp và các mẫu người tiến hóa thấp.

#### **4- Hé mở tâm thức trên cõi cảm dục**

144 Chúng ta đã thấy cơ cấu cảm dục có trước và nắn tạo ra hệ thần kinh của thể xác, còn bây giờ chúng ta hãy xét coi điều này có ảnh hưởng đến sự hoạt động của tâm thức ra sao. Chúng ta hy vọng thấy rằng ở trên cõi cảm dục, tâm thức sẽ trở nên biết được các va chạm lên lớp vỏ cảm dục của nó một cách mơ hồ và không chính xác, cũng như trong khoáng thạch, thực vật và các động vật thấp kém nhất, nó có thể biết được các va chạm trên thể xác của nó. Việc nhận biết được các va chạm cảm dục này hy vọng sẽ có trước bất cứ cơ cấu nhất định nào trong lớp vỏ cảm dục, tức là cầu nối giữa thể trí với thể xác, những gì sẽ từ từ biến đổi nó thành một thể cảm dục, cái hiện thể riêng biệt của tâm thức trên cõi cảm dục. Và như chúng ta đã thấy cách tổ chức đầu tiên trong lớp vỏ cảm dục là việc đáp ứng với các va chạm nhận được qua thể xác và có liên quan với thể xác trong sự tiến hóa của nó. Cách tổ chức này không có liên quan trực tiếp với sự tiếp nhận, sự phối kết và sự hiểu biết về các va chạm cảm dục, nhưng có tham gia vào thực thể tác động lên trên bởi, và tái tác động trên hệ thần kinh của xác thân. Tâm thức ở nơi đâu cũng đi trước ngã thức, và sự tiến hóa của tâm thức trên cõi cảm dục diễn biến cùng lúc với sự tiến hóa của Ngã thức – sẽ được bàn đến ngay sau đây – trên cõi trần.

145 Các va chạm trên lớp vỏ cảm dục từ cõi cảm dục tạo ra các làn sóng rung động ngang qua toàn bộ lớp vỏ cảm dục, và tâm thức bị bao bọc trong đó dần dần trở nên biết được một cách mơ hồ các làn sóng dâng trào (surging) này mà không biết liên kết chúng với bất cứ nguyên nhân bên ngoài nào. Nó đang dò dẫm sau nhiều va chạm dữ dội hơn ở cõi trần và năng lực chú ý như thế, một khi nó đã phát triển, được chuyển vào cho chúng. Các tập hợp chất cảm dục có liên quan đến các hệ thần kinh của thể xác, đương nhiên có

dự phần vào các làn sóng dâng trào chung của lớp vỏ cảm dục, và các rung động do các sóng dâng trào này gây ra sẽ trộn lẫn với các sóng dâng trào đến từ thể xác, và cũng ảnh hưởng đến các rung động do tâm thức gửi xuống cho nó thông qua các tập hợp chất cảm dục này. Như vậy một liên hệ được thiết lập giữa các va chạm ở cõi cảm dục với hệ thần kinh giao cảm và chúng góp một phần đáng kể vào sự phát triển của hệ giao cảm đó. Khi tâm thức đang hoạt động trong thể xác bắt đầu từ từ nhận biết thế giới bên ngoài, thì các va chạm từ cõi cảm dục này – dần dần được phân loại theo năm giác quan như là các va chạm từ cõi trần – trộn lẫn với các va chạm của cõi trần và không còn phân biệt được sự khác nhau ở cội nguồn của chúng nữa. Việc nhận biết này thuộc về nhãn thông bậc thấp, vốn đi trước, trước khi thể trí đạt đến mức tiến hóa cao. Chừng nào mà hệ thần kinh giao cảm còn hoạt động như là bộ máy chủ chốt của tâm thức thì chừng đó cội nguồn từ cõi cảm dục hoặc cõi trần của các va chạm vẫn như nhau đối với tâm thức. Ngay cả các động vật cao cấp – nơi loài vật này hệ thần kinh não tủy rất phát triển, nhưng chúng vẫn chưa có được cơ cấu chính yếu của tâm thức, ngoại trừ trong các trung tâm cảm giác của nó – cũng không phân biệt được cảnh vật và âm thanh giữa cõi trần với cõi cảm dục v.v... Thí dụ, khi thấy cái thi thể bằng chất cảm dục (astral body), con ngựa sẽ nhảy vọt qua giống như đó là một thi thể bằng chất hồng trần vậy. Con mèo sẽ cạ mình vào chân của một cái bóng bằng chất cảm dục (astral figure). Con chó sẽ gầm gừ trước một hình dạng tương tự như thế. Nòi chó và ngựa cũng bắt đầu có một cảm giác bồn chồn nào đó, lộ ra bằng việc sợ sệt của chó và bằng sự rụt rè của ngựa trước các hình bóng như thế. Tính nhút nhát của loài ngựa bất chấp những gì mà chúng được luyện tập để đối diện với các nguy



hiểm của chiến trường, và thậm chí đối với giống ngựa Ả Rập được dạy cách nhặt lên và đem đi người đang cưỡi nó bị ngã xuống để vượt qua chỗ nguy hiểm – dường như chủ yếu là do sự lẫm lẫm và hoang mang của ngựa đối với môi trường chung quanh nó và việc nó không thể phân biệt giữa cái mà người ta gọi là “thực tại biểu lộ ra ngoài cảnh” (“objective realities”) có thể làm tổn thương nó, với các “hảo huyền” (“delusions”) hay “ảo giác” (“hallucinations”) mà thân thể nó có thể đi qua không chút tổn thương (unscathed). Đối với con ngựa, tất cả đều là “thực” (“real”), và sự dị biệt trong cách hành xử của chúng đều làm ngựa hoảng sợ. Trong trường hợp một con ngựa thông minh khác thường thì trạng thái hết hoảng xảy ra thường dữ dội hơn khi ngựa bắt đầu có được ý thức về sự dị biệt trong chính các hiện tượng, và điều này trước tiên vì không hiểu được, nên còn gây lo sợ cho con vật.

Người bán khai, sinh hoạt nhiều bằng hệ thần kinh não tủy, biết phân biệt giữa hiện tượng ở cõi trần với hiện tượng cõi cảm dục, mặc dầu, đối với y, hiện tượng cõi cảm dục cũng  
 147 “thật” như hiện tượng cõi trần. Y liên kết các hiện tượng này vào một thế giới khác, y hạ tầm mức quan trọng của tất cả những gì không hành xử theo cách mà y xem là bình thường. Y không biết rằng, đối với các điều này, y chỉ biết qua hệ thần kinh giao cảm chứ không qua hệ thần kinh não tủy; y biết đến chúng tất cả chỉ có thể.

Giống dân Lemurians và đầu giống dân Atlanteans hầu như biết thế giới cảm dục nhiều hơn là thế giới hồng trần. Các tác động ở cõi cảm dục, đưa toàn bộ lớp vỏ cảm dục vào các lượn sóng, đi qua các trung tâm cảm giác của thể cảm dục đến các trung tâm giao cảm trong thể xác và họ tri thức về chúng một cách rõ rệt. Các kiếp sống của họ bị chi phối bởi các giác quan và các thú dục nhiều hơn là bởi trí khôn, và bộ

máy đặc biệt của thể cảm dục, tức hệ thần kinh giao cảm, bấy giờ trở thành cơ cấu nổi bật của tâm thức.

148 Khi hệ thần kinh não tủy trở nên được tinh vi và ngày càng đảm trách vị thế đặc biệt của nó là bộ máy chính yếu của tâm thức trên cõi trần, thì sự chú ý của tâm thức ngày càng đặt nhiều vào cõi trần, và trạng thái hoạt động của nó, với cương vị là trí cụ thể, trở nên ngày càng nổi bật hơn. Hệ thần kinh giao cảm trở thành phụ thuộc, các dấu chỉ của nó ngày càng ít được để ý đến, mà bị chìm ngập trong cơn hồng thủy của các va chạm nặng nề và thô kệch từ ngoài cõi trần. Vậy thì khi tâm thức ở cõi cảm dục giảm đi thì trí tuệ lại tăng lên, mặc dầu trong hầu hết mọi người vẫn còn một ý thức mơ hồ về các cảm giác không hiểu được thỉnh thoảng còn nhận được.

Ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, hình thức nhân thông thấp này vẫn còn thấy được nơi con người, nhưng chỉ xảy ra nơi những người có trí khôn rất giới hạn; họ ít có ý niệm về căn nguyên của việc có nhân thông đó và ít kiểm soát được tác động của nó. Các cố gắng làm tăng hình thức nhân thông thấp đó thường gây ra các rối loạn thần kinh thuộc loại rất khó trị, đã vậy các cố gắng này lại đi ngược với Luật tiến hóa, Luật này bao giờ cũng tác động hướng về mục đích cao siêu chớ không đi lùi. Vì luật này không thể thay đổi, nên các cố gắng đi ngược lại nó chỉ gây xáo trộn và đau ốm mà thôi. Chúng ta không thể trở lại tình trạng mà hệ thần kinh giao cảm chiếm ưu thế, vì như vậy sẽ gây tổn hại cho sức khỏe và khó phát triển cao về trí tuệ. Như vậy, việc theo các hướng dẫn mà ngày nay đã được truyền bá khắp nơi, đó là thiền định về bí huyết nhật tùng (solar plescus, đơn điền) và các trung tâm thần kinh giao cảm khác, thì thật vô cùng nguy hiểm.

Một số trong các cách thực hành đó đã thâm nhập vào phương Tây, được hệ thống hóa (systematized) thành Hatha Yoga ở Ấn Độ. Việc kiểm soát các cơ tron (involuntary muscles, cơ hoạt động không tùy ý) được phục hồi, cho nên người đó có thể đảo ngược được nhu động (peristaltic action), ngăn không cho tim đập, nôn mửa tùy ý và vv... Phải 149 phải biết bao thì giờ và công sức trước khi có thể có được các thành tích như thế, để rồi cuối cùng con người chỉ đưa trở lại, dưới sự kiểm soát của ý chí, các cơ bắp mà từ lâu đã được trao lại cho hệ thần kinh giao cảm. Vì việc chuyển giao này được thực hiện bằng việc từ từ chuyển đổi sự chú ý, thế nên chính do sự tập trung chú ý lên các bộ phận liên hệ mà thành quả trước kia bị đảo ngược. Vì các thành quả (performances) như thế chỉ xảy đến với kẻ thiếu hiểu biết, tức là kẻ xem các thành quả đó như là các bằng chứng của sự vĩ đại về tâm linh, các thành quả đó thường được thực hành bởi những người ham muốn quyền năng và không thể có được quyền năng đó bằng một đường lối chính đáng hơn. Hơn nữa, các thành quả đó là hình thức dễ đạt được nhất của Hatha yoga, và là hình thức dễ tập luyện hơn, và ít chịu đau đớn hơn là động tác duỗi thẳng tay lên trời cho đến khi cánh tay khô đét, hoặc nằm trên bàn chông (bed of spikes).

Khi hệ thần kinh não tủy tạm thời ngưng hoạt động thì các thôi thúc từ lớp vỏ cảm dục xuyên qua hệ giao cảm, khiến cho chính các thôi thúc này được cảm nhận trong tâm thức. Đó là "trạng thái minh mẫn" ("lucidity") trong con xuất thần (trance), do mình tự gây ra hay được áp đặt, khả năng để đọc trong cõi cảm dục bằng cách dùng các viên pha lê (crystals) và các dụng cụ tương tự khác. Việc ngưng chỉ một phần hoặc toàn thể hoạt động của tâm thức trong hiện thể cao khiến cho nó trực tiếp chú ý vào hiện thể thấp.

Ở đây cần bổ túc một điều để ngăn chặn một quan niệm sai lầm, đó là nhãn thông bậc cao đi theo sau, thay vì đi trước, việc phát triển trí tuệ và không thể xuất hiện mãi cho tới lúc  
 150 việc cấu tạo thể cảm dục (astral body), khác hẳn với lớp vỏ cảm dục (astral sheath), đã được xúc tiến tới một mức đáng kể. Khi điều này được thực hiện bằng sự tác động của trí tuệ và sự hoàn thiện bộ máy trí tuệ hồng trần, thì lúc đó các giác quan thực sự của thể cảm dục, đã nói đến trước đây, được gọi là các chakras hay luân xa (wheels), do hình dáng tròn xoay của chúng, từ từ được phát triển. Trên cõi cảm dục, các luân xa này phát triển dưới hình thức các giác quan và cơ quan cảm dục và được kiến tạo, cũng như kiểm soát từ cõi trí, giống như các trung tâm của bộ óc được kiểm soát từ cõi cảm dục vậy. Bây giờ tâm thức hoạt động trên cõi trí và tạo ra cơ cấu cảm dục của nó, giống như trước kia nó hoạt động trên cõi cảm dục, trong khi tạo ra cơ cấu hồng trần của nó vậy. Nhưng giờ đây nó hoạt động với năng lực to tát hơn và với sự hiểu biết rộng lớn hơn, nhờ khai mở được rất nhiều quyền năng của nó. Hơn nữa, nó nắn tạo các trung tâm trong thể xác từ các hệ thần kinh giao cảm và hệ thần kinh não tủy, để hoạt động như là bộ máy ở cõi trần hầu đem lại cho ý thức não bộ các rung động từ các cõi cao. Khi các trung tâm này trở nên linh hoạt, thì kiến thức được “mang tới” (“brought through”), nghĩa là có sẵn cho việc sử dụng của tâm thức đang hoạt động trong hệ thần kinh của thể xác. Như đã nói, đây là nhãn thông cao, kết quả của việc tập luyện sáng suốt và biết tự điều khiển các quyền năng của tâm thức trong thể cảm dục.

Bây giờ, trên con đường đi lên này, các quyền năng của tâm thức được khơi hoạt trên cõi trần và kể đó, được khai mở  
 151 rộng rãi trên cõi cảm dục và cõi trí. Các lớp vỏ của thể cảm dục và thể trí phải được phát triển cao trước khi chúng có thể

được phát triển rộng hơn thành thể tinh anh, hoạt động một cách độc lập trên các cõi cao, và kế đó tạo ra cho chính nó bộ máy cần thiết để thực thi các quyền năng cao này trên cõi trần. Và ngay tại cõi trần này khi bộ máy đã sẵn sàng, được kiến tạo bằng tư tưởng trong sạch và ước muốn trong sạch, nó cũng phải được làm cho linh hoạt trên cõi trần bằng luồng hỏa Kundalini, được khơi dậy và được điều khiển bằng tâm thức đang tác động trong bộ óc hồng trần.

## Chương IX

### Tâm thức và ngã thức

152

#### 1- Tâm thức

Trong thời gian dài dằng dặc – suốt từ cuối cuộc tiến hóa thực vật và động vật và suốt cuộc tiến hóa của nhân loại bình thường đến tận ngày nay – như ta đã thấy, lớp vỏ cảm dục hay lớp vỏ dục vọng lệ thuộc vào thể xác, xét về các tác động của tâm thức. Bây giờ chúng ta hãy theo dấu việc khai mở của tâm thức, của sự sống đang trở nên nhận thức được môi trường chung quanh nó. Trong khi hệ thần kinh được nói đến là thật sự được tạo ra từ cõi cảm dục, tuy thế, nó lại được tạo ra để biểu lộ tâm thức trên cõi trần và để hoạt động một cách hiệu quả trên cõi đó. Chính tại cõi trần này mà tâm thức được trở thành Ngã thức (self-consciousness) lần đầu tiên.

153 Khi các rung động của ngoại giới tác động lên lớp vỏ hồng trần của Bản ngã còn ấu trĩ được bọc bên trong, tức Jivatma, Tia Sáng của Chân Thân, thì trước tiên chúng tạo ra các rung động đáp ứng bên trong bản ngã đó một tâm thức hé mở trong chính nó, một cảm giác mà Bản ngã đó không liên kết với bất cứ điều gì ở ngoài mặc dầu được tạo ra bởi các va chạm từ bên ngoài. Chính một thay đổi bên ngoài lớp bọc của Chân Ngã (Chân Ngã bị bao phủ trong các lớp vỏ vật chất trọng trược) mà sự thay đổi bên ngoài đó gây nên một thay đổi bên trong lớp bọc đó và sự thay đổi này tạo nên một tác động của tâm thức – tâm thức về sự thay đổi, về một tình trạng bị thay đổi. Đó có thể là một sự thu hút, một lôi cuốn,

do bởi một đối tượng bên ngoài áp đặt lên trên các lớp vỏ, đi đến lớp bọc của Chân Ngã, tạo ra một sự giãn nở (expansion) nhỏ trong lớp bọc, theo sau là sự giãn nở trong các lớp vỏ, hướng về phía đối tượng thu hút, sự giãn nở này là một thay đổi về tình trạng và tạo ra một cảm giác, một tác động của tâm thức. Hoặc giả nó có thể là một lực đẩy (repulsion), xua ra xa, lại bị áp đặt bởi một đối tượng bên ngoài đập vào các lớp vỏ, đi đến lớp bọc của Chân Ngã, tạo ra một sự co lại sơ sài trong lớp bọc, theo sau bằng sự co lại của các lớp vỏ tránh xa đối tượng bị xua đuổi, và sự co lại này cũng là một sự thay đổi tình trạng và tạo nên một thay đổi tương ứng trong tâm thức.

154 Khi chúng ta khảo sát các tình trạng của các vỏ bọc dưới lực hút và lực đẩy, chúng ta thấy chúng hoàn toàn khác. Khi sự va chạm của một đối tượng bên ngoài tạo ra một rung động nhịp nhàng trong các lớp bọc này – nghĩa là, khi các chất liệu của chúng được tạo ra để tự sắp xếp thành các đường gợn sóng đều đặn từ thưa đến nhật – việc sắp xếp chất bao bọc này cho phép có sự hoán đổi sự sống giữa hai đối tượng vốn đã có tiếp xúc với nhau và tương xứng với sự trao đổi thông tin thưa và nhật trong cả hai là mức độ đầy đủ của sự hoán đổi (interchange). Sự hoán đổi này, sự hợp nhất từng phần này của hai Sự Sống riêng biệt xuyên qua các lớp vỏ riêng biệt của vật chất là “sự vui thích” (“pleasure”), còn sự đi ra của các Sự Sống hướng tới lẫn nhau là “sự thu hút”. Cho dù sự vui thích có thể trở nên phức tạp tới mức nào đi nữa, ở đây có ẩn tàng thực chất của nó; đó là ý thức về “tính chất phong phú” (“moreness”) của Sự Sống mở rộng, gia tăng. Sự sống càng phát triển đầy đủ hơn, nỗi vui trong việc nhận thức về tính phong phú, trong việc mở rộng vào Sự Sống khác càng lớn, và mỗi một trong các Sự Sống hợp nhất như

thể thu thập thêm tính chất phong phú bằng việc hợp nhất với sự sống khác. Khi các rung động nhịp nhàng và các tính chất thừa và nhật tương ứng làm cho việc hoán đổi sự sống này có thể xảy ra, thật ra cũng đúng khi nói rằng “các rung động hài hòa đều lý thú”. Trái lại, khi sự va chạm của một đối tượng bên ngoài tạo nên sự hỗn loạn của các rung động trong các lớp bọc của đối tượng tạo ảnh hưởng – nghĩa là, khi các vật liệu được tạo ra để tự sắp xếp một cách bất thường, chuyển động theo các hướng mâu thuẫn, tự va chạm nhau – Sự Sống có tiềm chế bị nhốt kín ở trong và bị cách ly, còn các tia sáng tuôn ra bên ngoài một cách bình thường của nó thì bị cản trở, ngăn chặn thậm chí quay lại trên chính chúng nữa.

155 Việc cản trở này đối với hoạt động bình thường là “đau khổ”, tăng lên theo năng lượng của sức khởi động bên trong (indriving), và kết quả của tiến trình khởi động bên trong là “xô đẩy” (“repulsion”). Ở đây cũng thế, Sự Sống càng phát triển đầy đủ, thì nỗi đau trong sự thay đổi dữ dội đối với tác động bình thường của nó càng lớn, hiểu theo nghĩa sự thất bại đi kèm sự đảo lộn. Do đó, lần nữa, “các rung động không hài hòa đưa tới đau khổ”. Nên để ý rằng điều này đúng với tất cả các lớp vỏ, mặc dù lớp vỏ cảm dục trở nên được chuyên biệt hóa với tư cách là nơi nhận lãnh loại cảm giác mà sau này được gọi là ưa thích và đau khổ. Luôn luôn trên đường tiến hóa có một chức năng sự sống tổng quát trở nên chuyên biệt hóa như thế, và một cơ quan đặc biệt thường được dùng cho công việc như thế. Thể cảm dục vốn là hiện thể của dục vọng, cần có tính nhạy cảm đặc biệt của nó đối với cái vui thích và đau khổ, đó là điều hiển nhiên.

Sau khi nói qua đôi chút về trạng thái của các lớp bao, chúng ta hãy trở lại cái mầm của chính tâm thức: chúng ta sẽ thấy điều quan trọng cần lưu ý là ở đây không có “việc hay



biết” (“awareness”) về một đối tượng bên ngoài, không có sự hiểu biết nào thuộc loại thường được nhắc đến theo cách dùng thuật ngữ này. Cho đến nay, tâm thức không biết gì về bên ngoài và bên trong, về khách thể (object) và chủ thể (subject); mằm mống thiêng liêng hiện giờ đang trở nên có ý thức. Nó trở thành tâm thức cùng với sự thay đổi về tình trạng này, cùng với hoạt động trong các lớp vỏ, sự mở rộng và co rút này, vì tâm thức chỉ có được trong và bằng sự thay đổi. Ở đây, lúc bấy giờ đối với mằm mống thiêng liêng đã tách biệt, là việc khai sinh ra tâm thức; nó được sinh ra từ sự thay đổi, từ sự hoạt động; nơi nào và khi nào sự thay đổi đầu tiên này xảy ra, thì nơi đó tâm thức, dành cho các mằm riêng biệt đó, được sinh ra.

Lớp áo duy nhất của cái mằm này với các lớp bọc lần lượt bằng vật chất trên các cõi kế tiếp, tạo ra các thay đổi mơ hồ đầu tiên này bên trong cái mằm vốn là nơi sản sinh ra tâm thức. Không một ai trong chúng ta có thể tính được bao nhiêu kỷ nguyên đã trôi qua khi các thay đổi này trở nên được xác định rõ hơn và khi các lớp bọc này trở nên được hình thành một cách rõ rệt hơn bởi các va chạm không ngừng từ bên ngoài và các rung động đáp ứng liên miên không kém từ bên trong. Ở giai đoạn này, trạng thái tâm thức chỉ có thể được mô tả như là trạng thái “cảm giác” (“feeling”), cảm giác đang trở nên từ từ ngày càng rõ rệt hơn và chiếm hai giai đoạn, vui thích và đau khổ – vui thích đi đôi với sự giãn nở, đau khổ đi đôi với sự co rút. Và cần ghi nhận, trạng thái tâm thức đầu tiên này không tiêu biểu cho ba trạng thái đã biết rõ là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, thậm chí ở trong giai đoạn phôi thai nhất; “cảm giác” đi trước các trạng thái này và thuộc về tâm thức nói chung, mặc dầu ở các giai đoạn tiến hóa về sau nó tỏ ra liên quan với trạng thái Ý Chí-Dục Vọng nhiều đến

nổi trở nên hầu như đồng nhất hóa với trạng thái này. Trong đa số trường hợp, với tư cách các cảm giác, nó thực sự thuộc về trạng thái đó, lần đầu tiên xuất hiện dưới hình thức một biến phân bên trong tâm thức.

157 Khi các trạng thái vui thích và đau khổ trở nên được thiết lập trong tâm thức một cách chắc chắn hơn, thì chúng tạo ra ba trạng thái. Khi nổi vui thích tàn phai thì có sự kéo dài của việc thu hút trong tâm thức, tức một ký ức, và ký ức này trở nên một sự tìm kiếm mơ hồ sau đó, một tiếp nối mơ hồ về cái cảm giác đang tan biến, một khuynh hướng – quá mơ hồ nên không thể gọi được là một nỗ lực – để giữ lại nó, để nắm lại nó. Đối với sự tàn tạ của đau khổ thì cũng tương tự như thế, nghĩa là luôn luôn có sự ghê tởm (repulsion) trong tâm thức, một lần nữa trong ký ức, và điều này trở nên một hoạt động cũng mơ hồ không kém để đẩy nó ra xa. Các trạng thái này khai sinh ra: ký ức về lạc thú và đau khổ đã qua, cho thấy sự nảy mầm của trạng thái tư tưởng; mong muốn trải qua lạc thú hoặc tránh đau khổ lần nữa tức là, sự nảy mầm của trạng thái dục vọng; điều này kích hoạt một hoạt động, đó là sự nảy mầm của trạng thái hoạt động. Như vậy tâm thức được phân hóa thành ba trạng thái của nó từ trạng thái đơn nhất (unity) nguyên thủy của cảm giác, lặp lại theo qui mô nhỏ cái tiến trình vũ trụ, trong đó Thượng Đế Ba Ngôi bao giờ cũng xuất phát từ Sự Sống Duy Nhất (One Existence). Như thường lệ, ở đây, công lý của Hermes đã được minh chứng: “Trên sao dưới vậy”.

## 2- Ngã thức

Như vậy, cho đến nay, dục vọng nảy sinh nhờ dò tìm thú vui, chớ không phải do dò tìm đối tượng đem lại thú vui, vì cho đến giờ tâm thức vẫn còn bị giới hạn trong lãnh vực

158 riêng của nó, chỉ nhận thức được những gì ở bên trong, chỉ biết được các thay đổi trong cái bên trong đó. Tâm thức chưa chuyển sự chú tâm của nó ra bên ngoài, thậm chí chưa có được ý thức rằng có sự hiện tồn của một ngoại giới nữa. Trong lúc ấy cái ngoại giới không được nhận biết đó vẫn luôn luôn đập mạnh vào các hiện thể của tâm thức và quyết liệt nhất là vào thể xác của nó, tức là cái thể dễ bị tác động nhất từ bên ngoài, nhưng khó tác động nhất từ bên trong. Dần dần các va chạm dữ dội và kéo dài từ bên ngoài này thu hút sự chú ý của tâm thức theo hướng các va chạm đó. Tính bất thường của chúng, tính bất ngờ của chúng, các đột kích thường xuyên của chúng, tính không liên hệ (unrelatedness) của chúng đối với các hoạt động chậm chạp, có tính chất dò dẫm của tâm thức, các lần xuất hiện và biến mất không lý giải được của chúng đều ngược lại với ý thức mơ hồ của tâm thức về tính đều đặn, liên tục của thực thể luôn luôn ở đó, của các trào dâng chậm chạp đối với sự thay đổi đang nổi lên và hạ xuống bên trong những gì mà đối với nó chưa phải là “chính nó”; có một ý thức về sự sai biệt (difference) và ý thức này phát triển thành một phán đoán (sense) về một điều gì đó vẫn ở trong một sự huyền não không ngừng, một phán đoán về “cái trong” (“within”) và “cái ngoài” (“without”) hay, nói một cách chính xác hơn, về “một cái ngoài” và “một cái trong”, vì chính cái va chạm mạnh bên ngoài mới khiến cho sự sai biệt của “cái ngoài” và “cái trong” này sinh trong tâm thức. Giá mà “cái ngoài” đến trước, vào một thời khoảng ngắn, bởi vì chỉ có việc nhận ra được cái ngoài mới có thể giúp vào việc nhận biết được cái trong. Chừng nào mà không có cái gì khác thêm vào thì chúng ta không thể nói đến “cái trong”, mà phải nói là mọi cái (everything). Nhưng khi “cái ngoài” tự áp đặt lên tâm thức, thì “cái trong” này sinh như là

159 đối cực tất yếu của cái ngoài. Tất nhiên là ý thức về “cái ngoài” nảy sinh ở các điểm tiếp xúc giữa tâm thức liên tục với cái huyền não không ngừng, nghĩa là trong cái hiện thể hồng trần, tức thể xác của nó. Chính nơi đây, ý thức về “những vật khác” (“others”, “tha vật”) từ từ được thiết lập, đồng thời với sự thiết lập “cái tha” này, “cái ngã” (“I”) cũng xuất hiện. Cái ngã trở nên biết được các vật ở bên ngoài thay vì chỉ biết có các thay đổi, và kế đó, cái ngã cũng đi tới chỗ biết được rằng các thay đổi đó đều ở trong “chính nó” còn các sự vật đều ở ngoài chính nó. Thế là ngã thức ra đời.

Tiến trình để nhận thức được các đối tượng này là một tiến trình phức tạp. Nên nhớ rằng các đối tượng tiếp xúc với cơ thể theo nhiều cách khác nhau, còn cơ thể nhận được một số rung động của các đối tượng bằng các bộ phận đã được phân hóa để nhận các rung động như thế. Mắt, tai, da, lưỡi, mũi thu nhận các sóng rung động khác nhau, và một số tế bào trong các cơ quan bị tác động cũng rung động một cách tương tự để đáp ứng lại. Các làn sóng được tạo ra truyền đến các trung khu cảm giác trong óc, để rồi từ đó đến các giác quan hiểu biết (knowledge-senses) trong lớp vỏ cảm dục. Nơi đây các thay đổi trong tâm thức xảy ra, các thay đổi này tương ứng với các rung động như đã giải thích ở chương II, và các rung động được đưa ra dưới hình thức các thay đổi này, như các cảm giác về màu sắc, đường nét, âm thanh, hình dạng, vị giác, khứu giác v.v..., vẫn dưới hình thức các cảm giác riêng biệt đối với tâm thức đang hoạt động trong lớp vỏ bằng chất trí, rồi nơi đây chúng được lớp vỏ đó kết hợp lại thành một hình ảnh duy nhất, được hợp nhất thành một nhận thức duy nhất về một đối tượng. Sự phối hợp các dòng khác nhau thành một, sự tổng hợp các cảm giác này là một đặc tính của thể trí. Do đó trong tâm lý học Ấn Độ, thể trí thường

160

được gọi là “giác quan thứ sáu”, “các giác quan, trong đó trí là giác quan thứ sáu” (Bhagavad-Gita,xv,7).

Khi chúng ta xem xét năm giác quan hoạt động liên quan với thể trí, chúng ta thấy một tiến trình đảo ngược xảy ra. Thể trí hình dung ra một hoạt động nào đó một cách tổng quát và bằng cách đó mang lại một tập hợp rung động tương ứng trong lớp vỏ chất trí. Các rung động này được sản sinh ra trong các giác quan vận động trong lớp vỏ cảm dục; chúng phá vỡ lớp vỏ này, tách lớp vỏ đó ra thành các thành phần cấu tạo của nó, và các thành phần này được kèm theo bằng các rung động trong vật chất của các trung khu vận động. Đến lượt các rung động này được lặp lại trong các trung khu vận động trong óc dưới hình thức các làn sóng riêng biệt. Các trung khu vận động phân phối các sóng này qua hệ thần kinh đến các bắp cơ khác nhau, để rồi các cơ này phải hợp tác để tạo ra hành động, Coi như trong mỗi liên hệ kép này thể trí trở thành giác quan thứ mười một, “mười giác quan <sup>(1)</sup> và một giác quan” (Bhagavad-Gita, XIII, 5).

### 3- Chân và giả

Cùng với sự thay đổi tâm thức thành Ngã-thức, tiếp đến là việc nhận thức về sự dị biệt, mà về sau, trong Ngã-thức tiến hóa hơn nhiều, trở thành dị biệt giữa khách thể (objective) hay là “cái thực” (“real”) – theo ý nghĩa thông thường ở Tây phương của từ ngữ này – với chủ thể (subjective) hay là “cái giả” (“unreal”) và “không thật” (“imaginary”).

---

<sup>1</sup> Mười giác quan: gồm năm giác quan ở thể xác và năm giác quan ở thể cảm dục (ND).

Đối với con sứa (jell-fish), con hải quỳ (sea-anemore), con thủy tức (hydra) thì làn sóng và dòng nước, tia nắng và luồng hơi, thức ăn và cát... đang chạm vào bên ngoài qua các xúc tu (tentacles)<sup>(1)</sup> đều là không “thực”, mà chỉ được ghi nhận dưới hình thức các thay đổi trong tâm thức, vì thực ra, chúng cũng giống như là cơ thể của trẻ con. Tôi <sup>(2)</sup> nói là “được ghi nhận” (“registered”) chứ không phải “được nhận thức” (“recognized”), vì ở các giai đoạn tiến hóa thấp, không có sự quan sát, phân tích và phán đoán nào thuộc về trí tuệ cả. Các sinh vật này chưa có ý thức đầy đủ về “cái khác” (“others”) thì làm sao có được ý thức về “chính mình” và chúng chỉ cảm thấy các thay đổi khi xảy ra bên trong cái vòng tâm thức còn lơ mờ của chính chúng. Ngoại giới phát triển thành “thực tại” khi tâm thức tự tách biệt khỏi nó, nhận thức được sự tách biệt của chính nó, thay đổi từ một cái “ngã” mơ hồ (a vague “am”) thành một “cái ngã” xác định (a definite “I am”).

162 Khi “cái Ngã” hữu ngã thức (self-conscious “I”) này từ từ có được độ rõ ràng về sự tự đồng nhất hóa (self-identification), về sự riêng biệt, đồng thời phân biệt được giữa các thay đổi bên trong chính nó với sự va chạm của các đối tượng bên ngoài, thì cái ngã đó sẵn sàng đạt đến giai đoạn kế tiếp là liên kết các thay đổi trong chính nó với các va chạm khác nhau từ bên ngoài. Tiếp theo là sự phát triển của ý muốn tìm vui thích thành ý muốn rõ rệt là tìm các đối tượng đem lại vui thích, được nối tiếp bằng các ý tưởng làm thế nào để có được chúng; các ý tưởng này đưa đến các nỗ lực để

---

<sup>1</sup> Xúc tu: cơ quan để dò dẫm (xúc) giống như râu (tu) của loài ốc, sên, sứa...(ND)

<sup>2</sup> Tôi: tức là tác giả hay là bà A.Besant-(ND).

chạy theo chúng khi chúng ở trước mắt, để tìm kiếm chúng khi chúng không có mặt, và kết quả là có sự tiến hóa chậm chạp của hiện thể bên ngoài thành một thể được tổ chức chặt chẽ để hoạt động, để theo đuổi, để nắm bắt. Ý muốn đối với sự vắng mặt, sự tìm tòi, sự thành công hay sự thất bại, tất cả đều ghi ấn tượng lên tâm thức đang phát triển sự dị biệt giữa các ý muốn và các tư tưởng của y, mà y đang có hoặc có thể có với các đối tượng bên ngoài đến rồi đi mà không có bất cứ liên hệ nào với chính y, và với sự liên quan gây bối rối cho giác quan của y. Y phân biệt các điều này như là “có thật”, vì có một sự hiện tồn mà y không kiểm soát được và nó có tác động vào y mà không có bất cứ quan tâm nào đến các ưa thích hoặc ghét bỏ. Ý thức về thực tại này được tạo ra trước tiên ở cõi trần vì là cõi mà trong đó các tiếp xúc giữa “cái khác” với “cái ta” được tâm thức nhận biết đầu tiên. Ngã thức bắt đầu sự tiến hóa của nó ở trong và thông qua thể xác và có trung khu của nó sớm nhất trong não bộ.

Vào giai đoạn tiến hóa hiện tại, người thường vẫn còn tự đồng hóa với trung khu não này của ngã thức, do đó bị hạn chế đối với tâm thức lúc tỉnh thức, tức là tâm thức đang hoạt động trong hệ thần kinh não tủy, tự biết mình như là “cái ngã” một cách riêng biệt và liên tục, chỉ trên cõi trần, nghĩa là trong trạng thái thức tỉnh. Trên cõi trần, con người dứt khoát là có ngã thức, phân biệt giữa chính mình với ngoại giới, giữa tư tưởng của chính mình với các sắc tướng bên ngoài mà không có sự do dự nào. Do đó, trên cõi này và chỉ có trên cõi này mà thôi, đối với con người, các sự vật bên ngoài đều “có thật”, thuộc ngoại cảnh “nằm ngoài chính mình”.

Trên các cõi khác, như cõi cảm dục và cõi trí, cho đến nay, con người có tri thức nhưng không có ngã thức (not-self-

conscious). Con người nhận biết các thay đổi trong chính mình nhưng vẫn không phân biệt được giữa các thay đổi do mình tự tạo ra (self-initiated) với các thay đổi tạo ra bởi các tác động từ bên ngoài lên trên thể cảm dục và thể trí của mình. Đối với con người, chúng đều giống như các thay đổi trong chính con người. Do đó, mọi hiện tượng tâm thức diễn ra trên các cõi siêu phàm – tức là các cõi mà trên đó Ngã thức chưa được xác lập – thì kẻ thường nhân gọi là “giả”, là “thuộc về nội tâm”, “bên trong chính mình”, là giống như con sứa v.v... (nếu người đó là một triết gia) để chỉ hiện tượng của cõi trần. Người tâm thường hay xem hiện tượng cõi cảm dục hoặc cõi trí như là kết quả của “sự tưởng tượng”, của mình nghĩa là như các hình thái sáng tạo của chính y, chớ không xem như là kết quả của các tác động lên thể cảm dục hoặc thể trí từ các cõi bên ngoài, thực sự tinh anh hơn, nhưng cũng “thật” và “khách quan” như là thế giới vật chất ở bên ngoài. Điều đó có nghĩa là kẻ đó chưa đủ phát triển để đạt được ngã thức (self-realization) trên các cõi này, và như vậy chưa đủ phát triển để trở nên có khả năng thể hiện cụ thể các cõi bên ngoài đó. Người như thế chỉ biết được nơi đó có các thay đổi trong chính y, các thay đổi trong tâm thức, còn thế giới bên ngoài đối với y tất nhiên chỉ là sự tác động của các ham muốn và các tư tưởng của chính y. Thực ra trên cõi cảm dục và cõi trí, người đó chỉ là một đứa trẻ.



## Chương X

165

### Các trạng thái tâm thức con người<sup>(1)</sup>

#### 1- Tiềm thức

Chúng ta đã ghi nhận được sự kiện là có nhiều hoạt động của tâm thức một khi có chủ đích, đều trở thành tự động, và từ từ chìm xuống dưới “ngưỡng của tâm thức”. Các tiến trình duy trì sự sống của thân xác – như là nhịp đập của tim, việc nở ra và bóp lại của tim, các tiến trình tiêu hóa v.v... – đều đã rơi vào một vùng của tâm thức mà sự chú ý của tâm thức không còn được đặt vào đó nữa. Có vô số hiện tượng, không trực tiếp liên quan đến việc duy trì sự sống xác thân, cũng nằm trong vùng mờ nhạt này. Hệ thần kinh giao cảm là một nhà kho chứa các dấu vết còn sót lại của các biến cố đã qua từ lâu – các biến cố không thuộc về kiếp sống hiện tại của chúng ta chút nào, mà là các biến cố vốn đã trải qua hàng trăm thế kỷ trước đây, xảy ra trong các kiếp sống đã qua, khi

166 Jivatma vốn là Chân Ngã của chúng ta đã từng trú ngụ trong các thân xác của con người bán khai và thậm chí trong cơ thể của con vật nữa. Nhiều nỗi sợ hãi không duyên cớ, nhiều nỗi kinh hoàng nửa đêm, nhiều lần bộc phát cơn giận dữ, nhiều thôi thúc thù hận, nhiều cuộc đổ xô báo thù cuồng nhiệt, xuất phát từ vực sâu của biển đen tiềm thức (sub-conscious) đang

---

<sup>1</sup> Nhiều chi tiết về các trạng thái này sẽ được tìm thấy trong các bài thuyết trình đã được xuất bản của tác giả về “Minh Triết Thiêng Liêng và Tân Tâm Lý học” (Theosophy and the New Psychology).

cuộn mình bên trong chúng ta, đang che giấu nhiều hư hỏng, nhiều bộ xương của quá khứ chúng ta. Tâm thức cảm dục lúc đó được chuyển giao cho khí cụ hồng trần của nó để đưa vào hoạt động, âm bản bao giờ cũng nhạy cảm của nguyên tử thường tồn đã nắm bắt và chụp ảnh chúng, ghi chúng lại trong các ngõ ngách của hệ thần kinh hết kiếp này đến kiếp khác. Khi tâm thức mất cảnh giác hoặc khi có một rung động mạnh mẽ từ một tâm thức khác tác động vào chúng ta, hoặc có một biến cố nào đó gây ra các tình huống làm cho các rung động nảy sinh, thì bằng cách này hoặc cách khác, các khả năng đang say ngủ này được đánh thức, lôi ra ánh sáng các thị dục bị chôn lấp từ lâu. Đây cũng là nơi che khuất các bản năng vốn thường áp đảo lý trí, các bản năng này đã từng là các nỗ lực bảo tồn sự sống hay là kết quả của các kinh nghiệm mà đã có lúc thân xác chúng ta đắm chìm trong đó và linh hồn ghi lại kết quả để dẫn đạo cho mai sau. Các bản năng yêu thương đối với người khác giống, kết quả của vô số lần phối hợp. Bản năng về tình phụ tử và tình mẫu tử, tuôn đổ trong nhiều thế hệ. Bản năng tự vệ (self-defence) phát triển trong vô số lần chiến đấu. Bản năng thu lợi bất chính, kết quả của vô số các lừa đảo và mưu mô. Thêm nữa nhiều rung động thuộc về các biến cố trước đang rình rập. Còn các cảm giác, dục vọng và tư tưởng của kiếp sống hiện tại của chúng ta, được trải qua và quên đi, nhưng vẫn nằm gằn trên mặt, sẵn sàng trỗi dậy khi được gọi đến. Thật là không đủ thời gian để liệt kê những tích chứa trong cái phòng di vật này với cái quá khứ xa xăm, chứa đựng những khúc xương cổ chỉ thích hợp cho các thùng rác, bên cạnh những mảnh vụn có ích của thời trước, với các dụng cụ vẫn còn hữu dụng cho nhu cầu hiện nay của chúng ta. Trên cánh cửa của phòng di vật có viết: "Các mảnh vụn của Quá Khứ". Vì tiềm thức thuộc về Quá

Khứ, giống như tâm thức tỉnh thức (waking-consciousness) thuộc về Hiện Tại, trong khi siêu thức (super-consciousness) thuộc về Tương Lai.

Một phần khác của tiềm thức trong chúng ta được tạo thành bằng các tích lũy của mọi tâm thức, đang dùng các thể của chúng ta làm các môi trường tiến hóa – đó là các nguyên tử, phân tử, các tế bào thuộc nhiều loại (grades). Một vài bóng ma lạ lùng và các hình ảnh xinh xắn xuất phát từ tiềm thức trong chúng ta mà không thuộc về chúng ta chút nào, mà là các dò dẫm mơ hồ, và các lo sợ không sáng suốt, các hoang tưởng đẹp đẽ, của các Đơn Vị tâm thức ở giai đoạn tiến hóa thấp hơn giai đoạn chúng ta, đó là các vị khách của chúng ta, cư trú trong cơ thể chúng ta như là một nhà trọ.

Trong phần này của tiềm thức còn diễn ra những cuộc chiến, được tiến hành bởi một nhóm các sinh vật trong máu chúng ta chống lại nhóm khác, các cuộc chiến này không đi vào tâm thức chúng ta, trừ khi nào các kết quả của chúng hiện ra dưới hình thức bệnh tật.

168 Như vậy tiềm thức con người khi hoạt động trên cõi trần được tạo ra bằng các yếu tố rất đa dạng, do đó cần phải phân tích và tìm hiểu nó, ngõ hầu phân biệt được các tác động của nó với các tác động của siêu thức đích thực trong con người. Siêu thức con người giống với bản năng ở chỗ khi nó đột nhập bất ngờ vào tâm thức, nhưng hoàn toàn khác với bản năng về bản chất và vị trí trong cơ tiến hóa vì siêu thức thuộc về tương lai trong khi bản năng thuộc về quá khứ. Cả hai khác nhau như sau: bản năng giống như cơ quan bị thoái hóa, chỉ còn vết tích, ghi chép lịch sử của quá khứ, còn siêu thức là cơ quan mầm mống sơ đẳng, báo hiệu cho sự tiến hóa của tương lai.

Chúng ta cũng đã thấy rằng, khi tác động trên cõi cảm dục, tâm thức kiến tạo và vẫn còn kiến tạo hệ thần kinh để làm dụng cụ của nó trên cõi trần; nhưng việc này cũng không tạo thành thành phần của những gì được gọi là tâm - thức tinh - thức bình thường ở giai đoạn tiến hóa này. Nơi kẻ thường nhân, tâm thức hoạt động trên cõi trí, hiện nay đang kiến tạo và sắp xếp thể cảm dục dùng làm dụng cụ của nó trên cõi trần trong tương lai, nhưng việc này không hợp thành thành phần của tâm thức tinh thức. Vậy tâm thức tinh thức của con người là gì?

## 2- Tâm thức tinh thức

Tâm thức tinh thức là tâm thức đang hoạt động trên cõi  
 169 trí và trên cõi cảm dục, bằng cách dùng chất trí và chất cảm dục làm hiện thể của nó, được đặt trong não bộ hồng trần với vai trò như Ngã Thức <sup>(1)</sup> và sử dụng não bộ đó cùng với hệ thần kinh liên hệ của nó như là dụng cụ để ước muốn (willing), hiểu biết (knowing) và hoạt động (acting) trên cõi trần. Trong tâm thức tinh thức, não bộ luôn luôn linh hoạt, luôn luôn rung động; hoạt động của nó có thể được kích thích như là một cơ quan truyền chuyển từ bên ngoài thông qua các giác quan, hoặc giả nó có thể được kích thích bằng tâm thức từ các cõi bên trong, nhưng lúc nào nó cũng linh hoạt, đáp ứng với bên ngoài lẫn bên trong. Nơi kẻ thường nhân, não bộ là phần duy nhất mà trong đó tâm thức dứt khoát trở thành Ngã thức, cái phần duy nhất trong đó y cảm thấy chính

---

<sup>1</sup> Xem Phần I Chương IX, mục 1, 2 về sự dị biệt giữa Tâm thức với Ngã thức, Chương VI, mục 3, phân tích hồng trần thức, đừng lẫn lộn tâm thức hồng trần (physical consciousness) với tâm thức tinh thức (waking-consciousness).

mình như là “Cái Ta” và tự khẳng định như là một đơn vị cá thể riêng biệt. Trong tất cả phần còn lại của mình, tâm thức vẫn còn dò dẫm một cách bất định, đáp ứng với các tác động bên ngoài nhưng vẫn chưa xác định được chúng, có ý thức về các thay đổi trong các điều kiện riêng của nó, nhưng chưa có được ý thức về “kẻ khác” và “chính mình”.

Trong các thành viên tiến hóa hơn của gia đình nhân loại, tâm thức hoạt động trên cõi cảm dục và cõi trí rất phong phú và linh hoạt, nhưng sự chú ý của tâm thức đó chưa chuyển ra ngoài đến cõi cảm dục và cõi trí mà nó đang sinh hoạt trong đó, các hoạt động của nó đang tìm cách biểu lộ ra bên ngoài trong Ngã thức trên cõi trần, mọi chú ý bên ngoài  
170 trong tâm thức được chuyển vào cõi trần, và cũng nơi đây, hoạt động cao siêu được tuôn đổ vào tối đa theo khả năng thu nhận của nó. Đôi khi, trên cõi cảm dục hoặc cõi trí, các va chạm dữ dội tạo ra một rung động mạnh mẽ trong tâm thức đến nỗi một làn sóng tư tưởng hoặc tình cảm dâng lên trong tâm thức tỉnh thức và ném nó vào hoạt động mãnh liệt đến nỗi các hoạt động bình thường của nó bị quét sạch, bị nhận chìm, lúc đó con người bị thúc đẩy vào hành động mà không được định hướng hoặc kiểm chế bằng Ngã thức. Chúng ta sẽ nghiên cứu việc này nhiều hơn khi bước qua Tâm thức siêu phàm (super-physical cons-ciousness).

Giờ đây, tâm thức tỉnh thức có thể được định nghĩa như là một phần của tổng thức (total consciousness) đang tác động trong não bộ cùng với hệ thần kinh và rõ ràng thuộc về Ngã thức. Chúng ta có thể hình dung tâm thức như được tượng trưng bằng một ánh sáng lớn, chiếu sáng qua một bầu bằng kính gắn trên trần nhà soi sáng căn phòng bên dưới, trong khi chính ánh sáng ngập tràn bên trên căn phòng và để tia sáng của nó tự do đi theo mọi hướng. Tâm thức cũng

giống như một quả trứng ánh sáng lớn, chỉ có một đầu được gắn vào trong bộ óc, còn đầu kia là tâm thức tinh thức. Khi tâm thức trở thành Ngã thức trên cõi cảm dục và khi bộ óc đủ phát triển để đáp ứng với các rung động của ngã thức, thì tâm thức cõi cảm dục sẽ trở thành một phần của tâm thức tinh thức. 171 Mãi về sau, khi tâm thức trở thành Ngã thức trên cõi trí, và não bộ đủ phát triển để đáp ứng với các rung động của nó, thì tâm thức tinh thức sẽ bao gồm luôn tâm thức trên cõi trí (mental consciousness). Và cứ thế, cho đến khi mọi tâm thức trên năm cõi của chúng ta đều phát triển thành tâm thức tinh thức.

Việc mở rộng này của tâm thức tinh thức được đi kèm theo với sự phát triển trong các nguyên tử của não bộ, cũng như đi kèm với sự phát triển của một vài cơ quan trong não bộ và của các liên kết giữa các tế bào.

Để có được sự bao gồm của Ngã thức trên cõi cảm dục, điều cần thiết là tuyến yên (pituitary body) phải được phát triển cao hơn tình trạng hiện tại của nó và nhóm loa tuyến thứ tư trong nguyên tử phải được phát triển hoàn toàn. Để có được ngã thức trên cõi trí, tuyến tùng quả phải được làm cho linh hoạt, và nhóm loa tuyến thứ năm phải được hoàn toàn hoạt động. Bao giờ mà các phát triển thể chất này vẫn chưa hoàn tất, Ngã thức có thể được phát triển trên cõi cảm dục và cõi trí, nhưng nó vẫn cứ là siêu thức và các hoạt động của nó không tự biểu lộ qua não bộ và như vậy không trở thành một phần của tâm thức tinh thức.

Tâm thức tinh thức bị giới hạn và bị chi phối bởi não bộ chùng nào mà một người còn sở hữu một xác thân và bất cứ vết thương nào đối với bộ óc, bất cứ tổn thương nào, bất cứ bệnh hoạn nào, cũng đều tức khắc có can dự vào sự biểu lộ của nó. Dù cho tâm thức của một người có phát triển cao đi

172 nữa, người đó cũng bị bộ óc của mình hạn chế nếu xét về biểu lộ của bộ óc trên cõi trần. Nếu bộ óc đó được nắn tạo kém hay kém phát triển, thì tâm thức tinh thức của người đó sẽ nghèo nàn và có giới hạn.

Với sự mất mát xác thân, việc súc tích tâm thức tinh thức cũng thay đổi, và ở đây những gì được nói đến về tình trạng cõi trần, cũng đúng với cõi cảm dục. Do đó chúng ta có thể nói rộng cái định nghĩa ban đầu đối với phát biểu tổng quát sau: tâm thức tinh thức là phần của tổng thức đang hoạt động qua hiện thể ngoài cùng của nó, nghĩa là những gì đang biểu lộ trên cõi thấp nhất mà tâm thức đó tiếp xúc được lúc bấy giờ.

Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu của con người, có ít hoạt động trong tâm thức trên các nội cảnh giới (inner plane), ngoại trừ khi bị kích thích từ bên ngoài. Nhưng khi Ngã thức trở nên linh hoạt hơn trên cõi trần, với độ nhanh ngày càng tăng, nó làm phong phú cho cái tích lũy (content) của tâm thức trên ở nội giới đó. Nhờ tác động lên cái tích lũy của nó, tâm thức phát triển một cách nhanh chóng, cho đến khi các khả năng nội tại của tâm thức vượt xa các năng lực biểu lộ của chúng qua não bộ, và não bộ trở thành một ranh giới và một chướng ngại thay vì là tác nhân cung ứng (feeder) và tác nhân kích hoạt (stimulator). Lúc bấy giờ sức ép của tâm thức lên trên thể xác đôi khi trở nên lớn một cách nguy hiểm, tạo ra căng thẳng thân kinh gây nguy hiểm cho sự thăng bằng của não bộ, làm cho não bộ không thể tự thích ứng đủ nhanh với các làn sóng mạnh mẽ đang tác động lên nó. Đó là ý nghĩa đích thực của câu ngôn ngữ: “Siêu tài rất gần với điên rồ” (“Great wits to madness near allied”). Chỉ có bộ óc được cấu tạo một cách tinh tế và cao siêu mới có thể cho phép các “siêu tài” biểu lộ được trên cõi trần. Nhưng một bộ

173

óc như thế là bộ óc dễ mất thăng bằng nhất do các làn sóng mạnh mẽ của cùng các “siêu tài” này và đây là “điên rồ”. Điên rồ – tức là bộ óc không có khả năng đáp ứng với các rung động một cách điều hòa – thực sự có thể là do thiếu hoặc ngưng sự phát triển, thiếu hoặc ngưng việc tổ chức của bộ óc, và loại điên rồ như thế thì không liên quan với các “siêu tài” chút nào. Còn chính sự kiện có ý nghĩa và có tầm quan trọng lớn là một bộ óc đi trước sự tiến hóa bình thường, đang phát triển các kết hợp vật chất mới (new combinations) và được giữ thăng bằng một cách tinh tế cho việc biểu lộ tâm thức đã được làm cho phong phú trên cõi trần, đó là bộ óc của tất cả những ai vốn có thể dễ bị hư hỏng do thái ra một số bộ phận trong cơ cấu của nó vì chưa được kiến tạo đầy đủ để chống lại sự căng thẳng. Chúng ta sẽ quay lại điểm này khi nghiên cứu về tâm thức siêu phàm.

### 3- Tâm thức siêu phàm

Mới gần đây, chính các nhà tâm lý học ở Tây phương đã lao vào để nghiên cứu các trạng thái tâm thức khác hơn tâm thức tỉnh thức. Các loại tâm thức này được đặt tên khác nhau như là “tâm thức khác thường” (“abnormal”), “tiềm thức” (“subconscious”) “thiếu ý thức” (“inconscious”) và thông thường là “tâm thức trong cơn mơ” (“dream-consciousness”) – bởi vì cơn mơ là hình thức phổ cập và thường được nhận biết nhất của tâm-thức-khác-thường (other-consciousness). Trước tiên, có một khuynh hướng xem các trạng thái này như là kết quả của các tình trạng bị xáo trộn của bộ óc và quan điểm này vẫn còn được nhiều người theo. Nhưng các nhà tâm lý học tiên bộ hơn đang bỏ dần ý tưởng chật hẹp này và đang bắt đầu nghiên cứu những trạng thái như là các biểu lộ rõ rệt của tâm thức dưới các tình trạng chưa được hiểu rõ,



nhưng không nhất thiết là hỗn loạn. Một số người rõ rệt là đã nhận thấy có một “tâm thức rộng lớn hơn” (“larger consciousness”) mà chỉ có một phần của nó có thể thấy biểu lộ trong bộ óc theo mức tiến hóa hiện nay. Ở Đông Phương, trạng thái tâm thức khác thường này từ lâu đã được xem như là cao hơn tâm thức tỉnh thức, như loại tâm thức được phóng thích từ các giới hạn chật hẹp của bộ óc xác thịt và tác động trong một môi trường tinh anh hơn, uyển chuyển hơn và thích hợp hơn. Giấc mơ đã được xem như là một giai đoạn của hoạt động siêu phàm này và như là một sự tiếp xúc với các cõi cao; và các phương tiện được chọn để khơi hoạt Ngã thức trong cõi mơ (dream-world), để giúp cho Ngã thức đang khoắc lầy các thể cao, thoát khỏi thân xác một cách tùy ý. Thế nên, thay vì có các đáp ứng mơ hồ và lộn xộn với các tác động từ các cõi cao trong các trạng thái mơ của người chưa phát triển, Ngã thức có thể được thiết lập nơi đó với linh thị rõ ràng và trong sáng. Muốn có được hiệu quả này, Ngã thức trong các hiện thể cao của nó trước tiên phải được tách ra khỏi thể xác và phải được linh hoạt trên cõi cảm dục; vì cho tới khi Ngã thức biết được chính nó ở ngoài thể xác, nó không thể tách ra trong “con mơ” các kinh nghiệm ngoài cõi trần ra khỏi các chấp vá hỗn độn của các kinh nghiệm hồng trần trộn lẫn với chúng trong não bộ. Giống như nước trong được đổ vào một cái thùng có bùn, thì nước trong bị trộn lẫn với bùn. Cũng y như thế, một kinh nghiệm tại cõi cảm dục, khi tuôn đổ vào một bộ óc đầy các mảnh vụn vặt về các sự việc đã qua ở cõi trần, thì kinh nghiệm ở cõi cảm dục đó trở nên mờ mịt lộn xộn, lạc lỏng <sup>(1)</sup>. Do đó, Tâm lý học Đông phương tìm

<sup>1</sup> Đạo sinh nên đọc kỹ quyển sách hữu ích của ông C.W. Leadbeater, quyển “Các giấc mơ” (Dreams).

kiểm các phương pháp để tách Ngã thức ra khỏi xác thân của nó, và thật là lý thú khi thấy các phương pháp này hoàn toàn khác với các phương pháp được dùng ở phương Tây và đều hướng đến việc làm cho tâm thức mạnh lên, đưa thể xác vào cùng một trạng thái tĩnh lặng như trạng thái được đem lại bằng các phương pháp vật chất ở phương Tây, khi chính nhà tâm lý học Tây phương lao vào việc nghiên cứu tâm-thức-khác-thường này.

176 Siêu-thức bao gồm toàn bộ tâm thức cao hơn tâm-thức-tĩnh-thức, nghĩa là tất cả những gì trên các cõi cao sẽ không tự biểu lộ trên cõi trần dưới hình thức Ngã thức hoạt động qua não bộ. Do đó, siêu thức rất phức tạp và bao trùm một số lớn hiện tượng. Như đã nói, giấc mơ là một phần của nó; cũng thế tất cả đều là các hoạt động của tâm thức trên cõi cảm dục (astral consciousness) tự hiện dưới hình thức các linh cảm (premonitions) các cảnh báo (warnings), các linh thị về các biến cố xa xăm trong không gian hoặc thời gian, các tiếp xúc mơ hồ với các cõi khác, các trực cảm thành linh về tính chất hoặc biến cố; cũng như mọi hoạt động của tâm thức trên cõi trí, thấp hoặc cao, xuất hiện dưới hình thức trực nhận được các chân lý, bất chợt hiểu thấu các liên hệ nhân quả, các linh cảm – về trí tuệ hoặc đạo đức – các chớp lóe của siêu tài, các thị kiến về vẻ đẹp cao siêu của nghệ thuật v.v... Các bộ phận này của siêu thức vào cõi trần đều có tính chất bất ngờ, xác tín, có uy lực khẩn thiết, thiếu nguyên nhân rõ ràng. Chúng không có liên quan, hoặc chỉ liên quan một cách gián tiếp với các tích lũy (contents) của tâm thức tĩnh thức và không biện minh cho tâm thức tĩnh thức đó mà chỉ tự chúng áp đặt lên đó.

Muốn làm cho siêu thức biểu lộ trên cõi trần, thì trong các giai đoạn ban đầu cần phải đưa bộ óc vào trạng thái bất

động, làm cho các cơ quan cảm giác không còn đáp ứng với các va chạm ở cõi trần, và, bằng cách xoa thực thể hữu thức ra khỏi thể xác, đưa thể xác đó đến trạng thái được gọi là xuất thần (trance). Xuất thần chỉ là trạng thái ngủ (sleep-state) được gây ra một cách nhân tạo hay bất thường; dù cho được tạo ra do thôi miên bằng từ điển (by mesmeric), do thôi miên thông thường (hypnotic), do thuốc men (medicinal) hay do cách nào khác, kết quả vẫn như nhau đối với thể xác. Nhưng kết quả ở các cõi khác sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào mức tiến hóa của tâm thức trên các cõi ấy, và một tâm thức tiến hóa cao sẽ không cho phép dùng các phương tiện thôi miên hoặc thuốc – ngoại trừ có thể dùng thuốc mê trong cuộc giải phẫu – mặc dù, có những trường hợp ngoại lệ, một người tiến hóa cao như thế có thể dùng loại thôi miên theo Mesmer để tạo trạng thái xuất thần (trance state).

Trạng thái xuất thần cũng có thể được tạo ra bằng tác động từ các cõi cao, như là bằng sự tập trung tư tưởng mãnh liệt, hay là bằng việc chiêm ngưỡng say sưa (rapt contemplation) vào một đối tượng tôn sùng, đưa tới xuất thần thâm sâu (ecstasy). Đây là các phương cách được dùng từ thời xa xưa của các nhà luyện Raja yoga ở phương Đông, còn trạng thái xuất thần thâm sâu của Vị Thánh (Saint) ở phương Tây thì được tạo ra do sự chiêm ngưỡng say sưa. Trạng thái xuất thần này thì không thể phân biệt được với trạng thái xuất thần tạo ra bằng các phương tiện được đề cập đến ở trên trong Salpetriere và nơi khác. Các nhà luyện Hatha Yoga cũng đạt đến cùng trạng thái xuất thần này, nhưng bằng các phương tiện giống nhiều với cách sau cùng – bằng cách nhìn chăm chú vào một điểm đen trên một nền trắng, hoặc nhìn vào chóp mũi và các cách thực hành khác giống như thế.

Khi có sự nhìn thấy nào khác hơn là sự nhìn thấy ở cõi trần và sử dụng trải nghiệm nào khác hơn là các trải nghiệm ở cõi trần thì sự dị biệt giữa các tình trạng tâm thức siêu phàm trong đối tượng được thôi miên và nơi nhà Yogi lớn biết là bao! Bà Blavatsky có mô tả rõ sự dị biệt này như sau: “Trong trạng thái xuất thân, hào quang hoàn toàn thay đổi, bảy sắc cầu vồng không còn có thể thấy rõ nữa. Trong khi ngủ cũng thế, tất cả các màu sắc không còn “tự nhiên” (“at home”) nữa. Đối với các màu thuộc về các yếu tố tinh thần 178 trong con người, cụ thể là màu vàng (yellow), thể Bồ đề; màu chàm (indigo) thể Thượng trí; còn màu lam (blue) của Bọc Hào Quang (Auric Envelope) sẽ có thể thấy một cách khó khăn, hoặc hoàn toàn thiếu hẳn. Con Người Tinh Thần (Spiritual Man) thoát ra trong giấc ngủ, mặc dầu ký ức hồng trần của nó có thể không biết được việc đó. Được phủ trong lớp tinh chất cao nhất của mình, Con Người Tinh Thần vẫn sống trong các lãnh vực thuộc các cõi khác, trong các lãnh vực vốn là mảnh đất của thực tại, được gọi là các giấc mơ trên cõi ảo tưởng của chúng ta. Thêm nữa, một người có nhãn thông thành thạo, nếu y có dịp thấy được một vị yogi trong trạng thái xuất thân và một đối tượng được thôi miên (mesmerized subject) đặt bên cạnh nhau, y sẽ học được một bài học quan trọng trong Huyền linh học. Y sẽ học cách biết được sự dị biệt giữa hiện tượng tự xuất thân với trạng thái thôi miên do bởi ảnh hưởng bên ngoài. Nơi vị yogi, các “nguyên khí” (“principles”) của tứ hạ thể (lower quaternary) hoàn toàn biến mất. Không có màu đỏ, màu lục, màu đỏ tím, cũng không thấy màu xanh do hào quang (auric blue) của cơ thể, không có gì cả, ngoại trừ các rung động có thể nhận được nhưng một cách khó khăn của nguyên khí sinh lực (Prana principle) có màu hoàng kim và một ánh sáng chói màu tím

có vệt vàng tua tủa ra từ đầu, ở vùng an trú của Con Mắt Thứ Ba và kết thúc bằng một chấm nhỏ. Nếu người nghiên cứu nhớ rằng màu tím thực sự (true violet) hay là màu nằm ở phần cuối của quang phổ không phải là màu hỗn hợp của đỏ và xanh lơ, mà là một màu thuần nhất có các rung động bảy lần nhanh hơn là rung động của màu đỏ, còn màu hoàng kim (golden hue) là tinh hoa (essence) của ba vạch vàng, từ đỏ cam đến vàng cam và vàng nghệ thì nhà nghiên cứu sẽ hiểu được lý do tại sao nhà luyện yoga (the yogi) sống trong cái thể hào quang (auric body) của chính mình, giờ đây thể đó trở thành hiện thể của Buddhi-Manas. Mặt khác, nơi một người ở trong trạng thái xuất thần nhân tạo bằng thôi miên thông thường hoặc thôi miên Mesmer, sự xuất thần đó là do tác dụng của vô thức; còn xuất thần do Ma Thuật (Black Magic) thì mới có tính cách hữu thức, giống như xuất thần hữu thức của bậc Cao Đẳng (high Adept), toàn bộ tập hợp các nguyên khí sẽ có đủ, với Thượng trí bị tê liệt, thể Bồ đề bị cắt đứt khỏi Thượng Trí do sự tê liệt đó, còn thể tinh anh (Ether body, thể dĩ thái) đỏ tím hoàn toàn phụ thuộc vào Hạ Trí (Lower Manas) và thể cảm dục (Kama rupa). (GLBN III, 479, 480).

Dưới con mắt của kẻ có nhãn thông, sự khác nhau ở bề ngoài của kẻ bị thôi miên (entranced person) có liên hệ với sự khác nhau rất quan trọng do hậu quả theo sau của việc xuất thần. Nhà yogi khi rời thể xác vẫn có Ngã thức đầy đủ, đi vào các cõi cao mà vẫn làm chủ đủ các quan năng của mình. Lúc quay về nhập xác, vị yogi ghi lại vào bộ óc đã phát triển của mình ký ức về các kinh nghiệm đã qua. Người kém tiến hóa, khi xuất thần, sẽ “mất đi ý thức” nếu Người này chưa phát triển được Ngã thức trên các cõi cao, thì y không biết được điều gì nơi đó cả. Khi ở cõi cảm dục và cõi trí y hầu như

không biết gì, giống như y đang ngủ ở cõi trần vậy, còn lúc tỉnh lại ra khỏi con xuất thân, thì y không hay biết gì về những chuyện đã xảy ra trong lúc kéo dài con xuất thân, dù ở đây hay nơi nào khác.

180 Tuy nhiên, nếu gặp người khá tiến hóa, như đa số con người ở giai đoạn tiến hóa này, có được Ngã thức trên cõi cảm dục, thì bây giờ những kẻ khác có thể được lợi bằng cách đưa ra câu hỏi cho y trong khi y xuất thân. Bởi vì khi ở vào trạng thái xuất thân nhân tạo do dẫn dụ, lúc đó não bộ bị tách rời khỏi hoạt động và phản ứng bình thường giữa chính nó với môi trường chung quanh, nó trở thành một khí cụ, dù là không được thích hợp lắm, của tâm thức siêu phàm (super-physical consciousness). Bị cách ly với môi trường ở cõi trần, bị làm cho không có khả năng đáp ứng với các kích thích theo thói quen của nó từ bên ngoài, bị cắt đứt khỏi các ràng buộc thấp của nó trong khi vẫn nối kết với các ràng buộc cao, nó tiếp tục đáp ứng với các tác động từ trên cao, và có thể làm điều này một cách có hiệu quả hơn vì không còn một năng lượng nào của nó bị tuôn đổ vào cõi trần nữa. Đây là cái hay của trạng thái xuất thân. Khi các con đường của giác quan bị bắt buộc đóng kín, sức mạnh của nó không còn tuôn đổ ra ngoại giới, do đó các thần lực này còn nguyên, sẵn sàng đóng vai trò kẻ phụng sự của tâm thức siêu phàm. Trong cái vắng lặng được đặt ra như vậy trên cõi trần, tiếng nói của các cõi khác mới có thể được nghe thấy.

Trong trạng thái xuất thân do thôi miên thông thường (hypnotic trance), các quan năng trí tuệ trở nên nhanh nhạy. Ký ức được thấy bao hàm một lãnh vực lớn hơn nhiều, vì các rung động yếu ớt do các biến cố xa để lại, trở nên nghe được khi các rung động mạnh hơn từ các biến cố gần tạm thời lắng xuống. Có những người mà ở trạng thái thức tỉnh họ bị quên

đi thì ở trạng thái xuất thần, họ được nhớ lại, các lời nói lúc còn bé đã bị quên mất, giờ được nhớ lại; các biến cố tâm thường cũng tái xuất hiện. Đôi khi các quan năng nhận thức trải dài qua một lãnh vực rộng lớn, các sự việc xa xăm được nhìn thấy, thị giác xuyên qua được các giới hạn ở cõi trần, lời nói từ cõi xa cũng có thể nghe được. Các linh ảnh nho nhỏ (fragments) của các cõi khác cũng đôi khi được thoáng thấy, tuy bị pha trộn nhiều với các hình tư tưởng của những lúc tỉnh thức. Có nhiều tài liệu về đề tài này, người nào muốn nghiên cứu cũng có thể tìm được.

Người ta cũng thấy rằng các kết quả của trạng thái xuất thần thâm sâu (deep trance) đều không giống với các kết quả của trạng thái xuất thần hời hợt (superficial).

Khi đạt đến trạng thái xuất thần sâu, các lớp cao của tâm thức siêu phàm tự biểu lộ trong não bộ. Trường hợp nổi tiếng của Leonie I, II và III được biết rõ nhất; người ta quan sát thấy rằng Leonie I không biết gì về Leonie II và III, còn Leonie II biết Leonie I, nhưng không biết Leonie III, Leonie III biết cả Leonie I và II. Điều đó có nghĩa là cái cao biết cái thấp, trong khi cái thấp không biết được cái cao – một sự kiện có tầm quan trọng lớn lao nhất.

Trong loại xuất thần do thôi miên bằng từ điển (mesmeric trance), các hiện tượng cao dễ nhận được hơn là trong loại xuất thần do thôi miên thường (hypnotic trance). Trong loại trên, người ta có thể có được các diễn đạt rất rõ ràng về các hiện tượng của cõi cảm dục và thậm chí của cõi trí nữa – khi nào “chủ thể” khá tiến hóa – thì đôi khi chủ thể thoáng thấy được các tiền kiếp (past live).

Khi nào chúng ta hiểu được rằng việc loại bỏ tâm thức hồng trần là điều kiện cần để có được các biểu lộ của tâm thức siêu phàm, thì chúng ta bắt đầu hiểu được căn nguyên

182 của các phương pháp yoga được thực hành ở phương Đông. Khi các phương pháp liên quan tới thể xác, như trong Hatha yoga, được dùng, thì loại xuất thần do thôi miên thông thường dễ đạt được nhất. Lúc thức tỉnh, chủ thể (subject) không nhớ gì về các kinh nghiệm của mình. Trong phương pháp Raja yoga, tâm thức được triệt thoái ra khỏi não bộ bằng sự định trí mãnh liệt, đưa đạo sinh tới sự liên tục tâm thức trên các cõi kế tiếp và y nhớ được các kinh nghiệm siêu phàm của mình khi quay lại trạng thái tỉnh thức.

Ở phương Tây lẫn phương Đông, người ta đều nhắm vào việc làm ngưng tâm thức tỉnh thức để có được các dấu vết của tâm thức siêu phàm, hay là như nhà tâm lý học Tây phương thường nói, có được dấu vết từ vô thức nơi con người. Tuy nhiên, với hàng ngàn năm kinh nghiệm đằng sau, phương pháp Đông phương tạo được nhiều kết quả lớn lao vô song trong các lãnh vực của tâm thức siêu phàm, dựa trên nền tảng của các kinh nghiệm được lặp đi lặp lại, thiết lập được sự độc lập của tâm thức đối với hiện thể hồng trần của nó.

183 Trạng thái xuất thần thâm sâu (ecstasy) và các linh thị của các Thánh ở mọi thời đại và trong mọi tín ngưỡng, mang lại một thí dụ khác về các bộc phát (irruptions) từ “vô thức”. Trong các bộc phát này, việc cầu nguyện kéo dài và chuyên tâm, hay đại định, là phương tiện để tạo ra trạng thái trí óc cần thiết. Các lối vào của các giác quan trở nên bị đóng kín bằng sự định trí mãnh liệt bên trong, và cùng một trạng thái được đạt đến vào đôi lúc và một cách không chủ tâm mà các nhà thực hành Raja yoga tìm cách đạt cho bằng được. Do đó, chúng ta thấy rằng những người mộ đạo của mọi tôn giáo đều cho rằng các linh thị của họ là do ân huệ của Đấng Thiêng Liêng mà họ sùng bái, chớ không do sự kiện là họ đã



tự tạo cho họ tình trạng thụ động của não bộ, tình trạng này giúp cho tâm thức siêu phàm ghi vào bộ óc đó các cảnh vật và âm thanh của các cõi cao.

Trong quyển sách “Các Loại Kinh Nghiệm Tôn Giáo”, giáo sư William James có nêu rằng một số bộc phát nổi bật nhất từ “vô thức” (“unconscious”) là các trường hợp “chuyển tâm đột ngột” (“sudden conversion”), trong đó một ý tưởng, hoặc linh thị, hoặc tiếng nói bất ngờ đã thay đổi tức khắc và hoàn toàn trọn cả đường hướng của cuộc đời tinh thức của một người. Ông biện minh một cách rất đúng rằng một mãnh lực, khi đủ mạnh để tạo ra các kết quả như thế, không thể bị nhẹ nhàng gạt bỏ sang bên một cách thờ ơ, hoặc làm ngơ khinh thường bởi bất cứ kẻ nào nghiên cứu một cách nghiêm túc về tâm thức con người. Toàn bộ loại hiện tượng tâm linh này cần được nghiên cứu một cách thận trọng và khoa học. Khi làm như thế thì nhà sư khảo nghiệm túc có được triển vọng là sẽ được đền bù lại bằng các kết quả phong phú về lãnh vực tâm thức siêu phàm.

184 Nhưng, quan điểm này bị chống đối, người ta nhấn mạnh rằng các sự kiện này chỉ thấy nơi những người có dính líu đến các trạng thái thần kinh bệnh hoạn, và các đối tượng đều là những người cuồng loạn, quá bị kích thích, do đó kinh nghiệm của họ không có được bao nhiêu giá trị do bởi tình trạng của họ như thế. Trước nhất, điều này không phải luôn luôn đúng như vậy. Các vị tu luyện Raga yoga ở Đông phương đều là những người lỗi lạc về sự trầm mặc (calmness) và tĩnh tọa (serenity), còn một số các trường hợp chuyển tâm (conversion) đã xảy ra nơi người thế tục và có tài năng. Hãy xem như điều đó là đúng, tuy nhiên trong đa số các trường hợp, trạng thái thần kinh đều bệnh hoạn và não bộ quá căng thẳng và kể đó là gì? Phải thừa nhận rằng, bộ óc

bình thường tiến hóa tới mức đáp ứng với các rung động của cõi trần và chuyển các rung động này lên trên, đồng thời chuyển xuống các rung động thuộc cõi trí và cõi cảm dục liên quan với các rung động này, từ các hiện thể cao. Nó chưa tiến hóa tới mức chỉ thu nhận mà không bị xáo trộn vì các rung động rất dữ dội từ các cõi cao cũng không đáp ứng chút nào với các rung động được tạo ra trong các thể tinh anh do các hiện tượng bên ngoài của chính các cõi đó. Chính các tình cảm dữ dội về vui mừng, đau đớn, sợ hãi, buồn phiền cũng thường tỏ ra quá sức chịu đựng đối với bộ óc bình thường rồi, vì chúng gây nên nhức đầu dữ dội, điên cuồng và ngay cả suy sụp thần kinh nữa. Do đó người ta không lấy làm lạ khi thấy chính tình cảm dữ dội tạo nên điều được gọi là sự cải tâm (conversion) thường được đi kèm bằng sự xáo trộn thần kinh giống như vậy. Điểm quan trọng là khi cơn xáo trộn thần kinh trôi qua, mà hậu quả – tức thái độ đã thay đổi đối với cuộc sống – vẫn còn. Sự xáo trộn thần kinh là do bởi bộ óc hồng trần thiếu khả năng hứng chịu các rung động dữ dội và nhanh chóng đang lao vào nó; còn thái độ vĩnh viễn thay đổi là do bởi sức ép không thay đổi của tâm thức siêu phàm không ngừng tác động. Khi nào tâm thức siêu phàm không đủ phát triển để đặt sức ép liên tục này, thì người cải tâm “đánh mất ân huệ” khi sự dâng trào tình cảm tiêu tan.

Trong trường hợp có linh thị (visions) và các hiện tượng đại loại như thế, chúng ta thấy rằng chúng có thể xảy ra khi một hình thức xuất thần được tạo ra. Nhưng ngoài việc xuất thần, những hiện tượng như thế có thể xảy ra trong các trường hợp mà bộ óc ở vào trạng thái căng thẳng, hoặc là do một nguyên nhân tạm thời nào đó hoặc do sự kiện là sự tiến hóa của bộ óc đã vượt quá mức thường. Cảm xúc mạnh có thể làm tăng độ căng thẳng của thần kinh đến mức nó có thể

trở nên đáp ứng trực tiếp với các rung động cõi cảm dục, và nhờ thế một sự việc ở cõi cảm dục mới có thể thấy hay nghe được. Phản ứng do sự căng thẳng có thể tự biểu lộ như là rối loạn thần kinh. Khi một bộ óc tiến hóa cao hơn bộ óc bình thường, thì nó trở nên phức tạp và nhạy cảm hơn, các sự việc ở cõi cảm dục có thể được cảm nhận thường xuyên và sự căng thẳng này có thể trở nên phân nào lớn hơn mức mà hệ thần kinh hoàn toàn thích hợp để hứng chịu, ngoài việc đang hứng chịu cái hao mòn thông thường của nền văn minh hiện đại ra.

Vậy thì, một lần nữa sự điên cuồng và các hình thức rối loạn thần kinh khác có thể đi kèm các linh thị.

*Nhưng các sự kiện này không làm giảm đi tầm quan trọng của các kinh nghiệm vì kinh nghiệm đó có vai trò là các sự kiện trong tâm thức.* Có lẽ đúng hơn là chúng làm tăng thêm tầm quan trọng của các kinh nghiệm, vì chúng cho thấy cách thức mà sự tiến hóa tác động dưới tác dụng của môi trường bên ngoài lên trên một cơ thể. Các tác động được lặp lại của các ngoại lực thúc đẩy cơ thể tăng trưởng và rất thường tạm thời làm cho nó căng thẳng quá mức, nhưng chính sự căng thẳng đó lại thúc đẩy sự tiến hóa của nó. Đỉnh sống tiến hóa phải luôn luôn gồm các cơ thể không bình thường; các cơ thể lành mạnh, đều đặn bình thường, trung bình chỉ đi theo sau. Các cơ thể bình thường rất đáng kể thật, nhưng có lẽ chúng không gây chú ý bằng cơ thể bất bình thường và chắc chắn là không cung cấp thông tin về tương lai. Quả thật các mãnh lực của cõi cảm dục thường xuyên tác động mạnh mẽ lên bộ óc con người để cho bộ óc có thể phát triển thành một hiện thể đầy đủ của tâm thức, và một bộ óc nhạy bén, trong trạng thái chuyển tiếp, bởi lẽ đó có khuynh hướng bị đưa vào hoàn cảnh không được ăn khớp bao nhiêu

với thế gian do bởi quá khứ của nó. Có thể rằng rất nhiều hoạt động mà hiện nay tư tưởng được hướng đến, thì trong tương lai sẽ được xúc tiến một cách tự động và sẽ từ từ chìm xuống dưới ngưỡng cửa tâm thức tinh thức, nhờ đã tạo ra các chức năng khác nhau một khi được hoàn thành một cách có mục đích.

Vì các thay đổi này tiếp diễn, các rung động tinh tế hơn tất nhiên tự biểu lộ với số lượng ngày càng tăng trong các bộ óc giữ được mức thăng bằng tế nhị nhất, các bộ óc này không bình thường, bởi vì các bộ óc này – ở trên đỉnh của làn sóng tiến hóa – sẽ là những bộ óc có khả năng đáp ứng nhiều nhất.

187 Tiến sĩ Maudsley viết: “Chúng ta có quyền gì để tin Đấng Tạo Hóa chịu bất cứ sự bó buộc nào để thi hành công việc của Ngài chỉ nhờ vào các bộ óc hoàn hảo mà thôi? Tạo Hóa có thể thấy nơi một trí óc bất toàn có một dụng cụ thích hợp hơn nhiều dành cho một mục đích đặc biệt nào đó” (1) Và chính giáo sư James nhận xét: “Nếu có một sự việc như là linh hứng từ một cõi cao, thì điều có thể xảy ra là một người có thần kinh yếu nhược lại có được điều kiện chính yếu để tiếp nhận” (Như trên, trang 25).

Một khi chúng ta nhận thức được rằng có các mãnh lực tinh anh hơn là các lực ở cõi trần, thì tất nhiên là chúng phải cần đến một hiện thể tinh anh hơn là bộ óc mới biểu lộ được, vì bộ óc chỉ được cấu tạo để tiếp nhận các lực của cõi trần thôi, lúc đó chúng ta sẽ không bận tâm hay phiền muộn khi thấy rằng các mãnh lực siêu phàm thường tìm cách biểu lộ dễ dàng nhất qua những bộ óc hoặc ít hoặc nhiều không ăn khớp (out of gear) với cõi trần. Và chúng ta cũng sẽ hiểu

---

<sup>1</sup> Trích dẫn trong sách của giáo sư James đã nhắc ở trên, trang 19. Vì “trí” (“mind”) có nghĩa là “óc” (“brain”).

được rằng các triệu chứng bất thường về thể chất đi kèm với các biểu lộ của chúng không cách nào làm giảm được giá trị của các năng lượng này, cũng như không làm giảm được phần quan trọng mà chúng sẽ đóng góp trong tương lai của nhân loại.

Đồng thời cũng nảy sinh một cách tự nhiên cái ý muốn tìm ra phương pháp để cho các mãnh lực này tự biểu lộ mà không có nguy cơ phá hủy khí cụ ở cõi trần của chúng.

188

Phương pháp này đã được tìm ra ở Đông phương, đó là thực hành Raja Yoga. Với cách thực hành an toàn này, người ta tìm được tâm thức cao bằng việc định trí mãnh liệt. Chính sự định trí này làm phát triển bộ óc như là một dụng cụ cho các mãnh lực tinh anh tác động trong tế bào óc theo cách đã được mô tả liên quan đến tư tưởng (xem chương VII,1). Hơn nữa nó từ từ khai mở tập hợp loa tuyến của nguyên tử theo thứ tự kế tiếp với các loa tuyến hiện đang hoạt động và như vậy thêm được một cơ quan mới dành cho hoạt động cao hơn. Tất nhiên, đây là một tiến trình chậm chạp, nhưng đó là cách phát triển duy nhất được an toàn, còn nếu ai bực tức về sự chậm chạp của tiến trình đó thì nên nghĩ cho rằng lý do cần phải nhẫn nại là vì đạo sinh đang cố gắng đi trước việc phát triển nguyên tử của cuộc tuần hoàn sắp tới, và đạo sinh có thể khó mà mong hoàn thành được điều này một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, đối với người Tây phương hay vội vã, thì sự chậm chạp của các cách thực hành Raja Yoga khiến cho họ có phần nào không thể chấp nhận được, tuy nhiên không có cách nào khác để bảo đảm cho sự phát triển được quân bình. Chỉ có thể lựa chọn giữa hai điều: phát triển chậm chạp và xáo trộn thân kinh do các bộc phát của tâm thức siêu phàm trong một hiện thể chưa được chuẩn bị. Chúng ta không thể vượt qua được các định luật của Thiên Nhiên,

chúng ta chỉ có thể cố gắng tìm hiểu và rồi vận dụng các định luật đó mà thôi.

## Chương XI

### Chân thần hoạt động

#### 1- Kiến tạo các hiện thể

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu công việc của Chân thần trong việc nắn tạo các hiện thể của nó, khi nó có được các đại diện – đóng vai trò của chính nó trên cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm – là Atma-Buddhi-Manas, với linh hồn thể dùng làm nơi chứa, tức cái nhà kho, các kinh nghiệm của mỗi lần tái sinh.

Vào cuối mỗi chu kỳ sống, tức là, vào cuối mỗi kiếp sống tại Devachan (devachanic existence), Chân thần phải khơi dậy hoạt động đổi mới lần lượt cho ba hạt nhân của các thể mà Chân Thần phải mang trong chu kỳ sống kế tiếp. Trước tiên, Chân Thần khơi hoạt nhân của thể trí. Việc khơi hoạt này bao gồm việc làm tăng luồng sinh lực đi qua loa tuyến (spirillac). Cần nên nhớ rằng khi các nguyên tử thường tồn “ngủ yên” thì luồng sinh lực bình thường trong loa tuyến giảm bớt, và trong trọn chu kỳ nghỉ ngơi, luồng sinh lực này yếu đi và chậm lại (xem chương IV, 4, 5). Khi đến kỳ tái sinh, 190 luồng sinh lực này mạnh lên, loa tuyến rung động theo sự sống, còn các nguyên tử thường tồn, hết cái này đến cái khác, hoạt động giống như các nam châm, thu hút lại quanh chúng loại chất liệu thích hợp. Như vậy, khi nguyên tử thường tồn hạ trí được kích hoạt, nó bắt đầu rung động một cách mạnh mẽ, dựa theo các năng lực rung động – tức là kết quả của các kinh nghiệm đã qua – được tích chứa trong đó, lôi cuốn về và

sắp xếp lại chung quanh chính nó loại chất liệu thích hợp của cõi trí. Giống như một thanh sắt non (soft iron) trở thành một nam châm khi một dòng điện được đưa vào qua một sợi dây quấn quanh thanh sắt ấy, cũng thế, vật chất nằm trong từ trường của nó sẽ lập tức tự sắp xếp quanh nam châm đó, việc xảy ra cũng giống như thế với nguyên tử thường tồn hạ trí. Khi luồng sinh lực bao quanh nguyên tử này, thì nó trở thành một nam châm, vật chất trong lực trường của nó tự sắp xếp lại chung quanh nó và tạo thành một thể hạ trí mới. Chất liệu bị thu hút sẽ tùy thuộc vào độ phức tạp của nguyên tử thường tồn hạ trí đó. Không những chỉ chất liệu tinh anh hoặc thô thiển sẽ được thu hút, mà chất liệu này cũng phải thay đổi theo sự phát triển của các nguyên tử góp phần vào việc tạo ra các tập hợp vật chất của nó. Các phân tử được thu hút sẽ được cấu tạo bằng các nguyên tử (atoms) có năng lực rung động tương đồng với hoặc gần giống với hoặc là điều hợp được với các năng lực rung động của nguyên tử thường tồn đang thu hút đó. Do đó, tùy theo trình độ tiến hóa mà con người đạt được, y sẽ đem vào chất liệu có mức phát triển tương ứng cho thể hạ trí mới của y. Bằng cách này mà hết lần luân hồi này đến lần tái sinh khác thể hạ trí thích hợp được tạo ra.

191 Cùng một tiến trình giống y như thế được lặp lại trên cõi cảm dục để tạo ra thể cảm dục mới. Hạt nhân cảm dục – tức nguyên tử thường tồn cảm dục – được làm cho linh hoạt một cách tương tự và hoạt động theo cách thức tương tự.

Con người khoác lấy thể cảm dục và thể hạ trí mới như thể đó, chúng thể hiện giai đoạn tiến hóa của con người và cho phép bất cứ mãnh lực và quan năng nào mà con người có được, biểu lộ đúng mức trong thế giới riêng của chúng.



Nhưng khi chúng ta đi đến việc nắn tạo thể xác trên cõi trần, thì một yếu tố mới xuất hiện. Về phần Chân Thần, công việc cũng giống như vậy. Chân Thần làm linh hoạt cái nhân hồng trần – tức nguyên tử thường tồn hồng trần – và cái nhân này hoạt động dưới hình thức một nam châm giống như hai bạn của nó. Nhưng giờ đây nó y như một người bị can thiệp vào sự thu hút và sắp xếp của vật chất bên trong một từ trường. Tinh Linh (Elemental, tiểu thần) phụ trách việc nắn tạo dĩ thái hình (etheric double) theo mô hình do các Nghiệp Quả Tinh Quân (Lords of Karma) ban ra, bắt tay vào và kiểm soát công việc. Thực ra, các vật liệu có thể được gom chung lại, giống như công nhân mang gạch đến để xây một ngôi nhà, nhưng người xây nhà chọn lựa các viên gạch, giữ lại hoặc bỏ ra, rồi sắp xếp gạch theo đúng kế hoạch của Kiến trúc sư.

Câu hỏi được đưa ra: Tại sao có sự dị biệt này? Tại sao khi đến được cõi trần, nơi mà chúng ta có thể mong đợi việc lặp lại các tiến trình trước kia, thì một mãnh lực xa lạ lại giành sự kiểm soát việc xây dựng ra khỏi bàn tay của chủ ngôi nhà? Câu trả lời nằm trong chỗ tác động của luật nghiệp quả. Trên các cõi cao, các lớp vỏ biểu hiện cho sự phát triển của con người tới mức tối đa, và nơi đây con người không giải đoán được các kết quả về các mối liên hệ đã qua của mình với những kẻ khác. Trên các cõi này, mỗi trung tâm của tâm thức đang hoạt động trong phạm vi riêng của nó; năng lượng của nó được hướng đến các hiện thể của chính nó, và chỉ có một số trong các hiện thể đó sau rất khi biểu lộ qua thể xác, sẽ tác động trực tiếp lên các hiện thể khác. Các liên hệ này cùng với các liên hệ khác nữa làm cho nghiệp quả của con người trên cõi trần trở nên phức tạp thêm, và cái hình hài vật chất đặc thù mà con người khoác vào trong một chu kỳ

sống đặc biệt phải được thích hợp cho việc trang trải nghiệp quả phức tạp này. Do đó mà cần có sự can thiệp mang tính chất điều chỉnh của các Nghiệp Quả Tinh Quân. Nếu con người ở vào một trình độ tiến hóa mà vào lúc đó y bắt đầu có được các liên hệ trực tiếp một cách tương tự với những người khác trên các cõi khác, thì các giới hạn tương tự đối với năng lực nắn tạo các hiện thể của y trên các cõi này sẽ xuất hiện. Trong phạm vi các hoạt động bên ngoài của y, dù thế nào chăng nữa các giới hạn này cũng phải xuất hiện.

Vậy thì việc nắn tạo thể xác phải do một thẩm quyền cao hơn y đảm trách. Y phải nhận chịu các điều kiện về chủng tộc, quốc gia, gia đình, hoàn cảnh mà các hoạt động trong tiền kiếp của y đã đặt ra. Hoạt động hạn chế này của nghiệp quả đòi hỏi phải có việc kiến tạo một hiện thể vốn chỉ là biểu lộ một phần của tâm thức đang hoạt động mà thôi. Sở dĩ biểu lộ chỉ có một phần không những vì do chính chất liệu thô trước phong bế năng lực, mà còn vì các giới hạn bên ngoài như đã nói trên. Dù cho một phần lớn tâm thức con người đã sẵn sàng biểu lộ trên cõi trần, cũng có thể bị ngăn giữ lại, và chỉ có một phần nhỏ của tâm thức đó có thể hiện ra trên cõi trần dưới hình thức tâm thức tinh thức.

Điểm kế tiếp liên quan với việc kiến tạo này mà chúng ta cần phải nghiên cứu là công việc đặc biệt để thiết lập các hiện thể với tư cách là các biểu hiện của tâm thức, chừa lại một bên việc kiến tạo tổng quát của dục vọng và tư tưởng mà chúng ta đã rất quen thuộc. Ở đây chúng ta bàn đến các chi tiết, hơn là bàn những nét khái quát.

Chúng ta biết rằng trong khi giáng xuống, Thượng Đế Ngôi Hai ban phát cho vật chất đủ các tính chất (qualities), việc sắp xếp các chất liệu đã được chuyên hoá này thành các hình hài tương đối thường tồn tùy thuộc vào việc đi lên của

Ngài. Khi Chân Thần, thông qua hình ảnh của Chân Thần với cương vị là Con Người Tinh Thần, đảm trách chức năng chỉ huy các hiện thể của mình, Chân Thần thấy mình làm chủ một hình hài mà trong đó hệ thần kinh giao cảm đang giữ vai trò rất lớn, còn hệ thần kinh não tủy chưa được quan trọng lắm. Chân Thần sẽ phải phát triển một số khoen nối giữa hệ giao cảm này mà Chân Thần đang kế thừa với các trung tâm mà Chân Thần phải thiết lập trong thể cảm dục của mình, để trong tương lai Chân Thần hoạt động độc lập trong đó. Nhưng trước khi có thể có bất cứ hoạt động độc lập nào trong bất cứ hiện thể cao nào, cần phải đưa hiện thể đó đến một mức khá cao với cương vị là *một hiện thể truyền chuyển (transmitting vehicle)*, nghĩa là một hiện thể mà qua đó Chân Thần tác động xuống thân xác của mình trên cõi trần. Chúng ta phải phân biệt giữa công việc tổ chức đầu tiên của thể trí và thể cảm dục (sao cho hai thể này trở thành các tác nhân truyền đạt một cách thích hợp phần nào tâm thức của Con Người Tinh Thần) với công việc sau này để phát triển cũng các hiện thể này thành các thể độc lập, trong đó Con Người Tinh Thần sẽ có thể hoạt động lần lượt trên các cõi của các thể đó. Do đó có hai công việc cần hoàn thành:

1- Tổ chức cho thể hạ trí và thể cảm dục trở thành tác nhân chuyển đạt (transmitters) tâm thức đến thể xác.

2- Tổ chức cho các hiện thể này thành các thể độc lập, trong đó tâm thức có thể hoạt động mà không cần thể xác giúp đỡ.

Kế đó, thể cảm dục và hạ trí phải được tổ chức ngõ hầu Con Người Tinh Thần có thể sử dụng bộ óc và hệ thần kinh hồng trần làm cơ quan tâm thức của nó trên cõi trần. Xung lực đưa tới việc sử dụng như thế đến từ cõi trần bởi các tác động lên các đầu mút thần kinh (nerve-ends) đủ loại, tạo nên

195 các làn sóng năng lượng thần kinh, đi dài theo các dây thần kinh đến não bộ; các làn sóng này đi từ não bộ trọng trực đến thể dĩ thái, từ đó đến thể cảm dục rồi đến thể hạ trí, khơi dậy sự đáp ứng từ tâm thức trong linh hồn thể trên cõi trí. Như vậy tâm thức đó được khơi dậy do các tác động từ bên ngoài, gây nên các rung động. Các rung động này tuôn xuống để đáp ứng từ linh hồn thể đến thể trí, từ thể trí đến thể cảm dục, từ thể cảm dục đến thể dĩ thái và thể xác. Các làn sóng tạo nên các luồng điện trong bộ óc dĩ thái, và các làn sóng này tác động trên vật chất trọng trực của các tế bào thần kinh.

Tất cả các tác động rung động này từ từ biến các đám mây trước tiên còn phôi thai bằng chất cảm dục và chất trí thành các hiện thể dùng làm môi trường hữu hiệu cho các tác động và phản ứng luôn xảy ra. Như chúng ta thấy tiến trình này diễn ra trong hàng trăm kiếp sống, bắt đầu từ bên dưới, nhưng từ từ đi lên và càng ngày càng ở dưới sự kiểm chế của Con Người Tinh Thần. Con người này bắt đầu điều khiển các hoạt động của mình bằng sự hồi tưởng lại các cảm giác đã qua và bắt đầu mỗi hoạt động dưới sự thôi thúc của các ký ức này do dục vọng khơi dậy. Khi tiến trình này nối tiếp, thì ngày càng có một định hướng mạnh mẽ hơn xuất phát từ bên trong và ngày càng ít đi sức mạnh chi phối bị tác động bởi các thu hút và xô đẩy của các đối tượng bên ngoài, nhờ thế việc kiểm soát sự kiến tạo hiện thể bị rút lại từ bên ngoài và phần lớn được tập trung ở bên trong.

196 Khi hiện thể trở nên được tổ chức chặt chẽ hơn, thì một số tập hợp vật chất xuất hiện bên trong nó, ban đầu còn lờ mờ và mơ hồ, kể đó ngày càng có đường nét rõ hơn. Đây là các luân xa trong tương lai, tức các trung tâm nhận thức của thể cảm dục, khác với các trung khu cảm giác của thể cảm dục (astral sense-centre) vì các trung khu cảm giác này có liên

quan với các giác quan (sense-organs) và các trung khu (centres) của thể xác (xem lại Ch. VII,2). Nhưng không có gì được tạo ra để làm linh hoạt các trung khu đang phát triển một cách chậm chạp này trong các chu kỳ thời gian dài dằng dặc, và sự liên lạc của chúng với thể xác thường bị trì trệ, ngay cả sau khi chúng hoạt động trên cõi cảm dục, vì sự liên lạc này chỉ có thể được tạo ra từ thể xác, nơi ẩn chứa sức mạnh của luồng Hỏa xà (kundalini). Trước khi Hỏa xà có thể đi đến các trung khu cảm giác của thể cảm dục, muốn cho chúng có thể chuyển các quan sát của chúng lên trên thể xác, chúng phải được liên kết với hệ thần kinh giao cảm, các tế bào hạch thần kinh lớn (large ganglionic cells) trong hệ thống đó vốn là các điểm tiếp xúc. Khi các khoen nối này được tạo ra, thì luồng hỏa hầu có thể đi qua và các sự việc quan sát được ở cõi cảm dục có thể được truyền đạt một cách đầy đủ cho não bộ hồng trần. Như thế, trong khi chúng chỉ có thể được liên kết với thể xác, thì việc kiến tạo chúng như là các trung khu và việc tổ chức chúng từ từ thành các luân xa có thể được bắt đầu từ bất cứ hiện thể nào và sẽ được bắt đầu trong bất cứ cá nhân nào từ hiện thể đó vốn tiêu biểu cho loại cá tính đặc biệt mà cá nhân đó thuộc về. Tùy theo một người thuộc về một loại cá tính điển hình nào, thì nơi đó sẽ là nơi có hoạt động lớn lao nhất trong việc kiến tạo tất cả các hiện thể, trong việc biến chúng thành các khí cụ hữu hiệu của tâm thức phải được thể hiện trên cõi trần. Trung tâm hoạt động này có thể nằm trong thể xác, thể cảm dục, thể hạ trí hay thể thượng trí. Trong bất cứ thể nào trong số các thể này, hay là thậm chí các thể còn cao hơn, tùy theo loại cá tính, trung tâm này sẽ được tìm thấy ở trong nguyên khí đánh dấu loại cá tính và từ đó nó tác động "hướng lên" hoặc "hướng xuống", nắn tạo các

hiện thể để làm cho chúng thích hợp cho việc biểu lộ cá tính đó.

## 2 -Người tiến hóa

Có thể chọn một trường hợp đặc biệt để hiểu được dễ dàng tiến trình này – một cá tính mà trong đó trí cụ thể chiếm ưu thế. Chúng ta sẽ truy nguyên Con Người Tinh Thần qua căn chủng thứ ba, thứ tư và thứ năm. Khi chúng ta nghiên cứu hoạt động của Con Người này trong căn chủng thứ ba, chúng ta thấy người này rất ấu trĩ về mặt trí tuệ, mặc dầu thể trí là điểm chiếm ưu thế của mẫu người này. Sự sống dâng trào chung quanh y, mà y không thể hiểu cũng không chế ngự được, đang tác động mạnh mẽ lên y từ bên ngoài và có ảnh hưởng mạnh mẽ lên thể cảm dục của y. Thể cảm dục này sẽ giữ lại các ấn tượng, tất nhiên là của tính khí, còn các ham muốn sẽ kích thích thể trí ấu trĩ đưa đến các cố gắng hướng vào việc làm thỏa mãn các ham muốn đó. Cấu tạo xác thân của người thuộc giống dân thứ ba khác với cấu tạo xác thân của người thuộc giống dân thứ năm. Nơi giống dân thứ ba, 198 hệ thần kinh giao cảm là chính, còn hệ thần kinh não tủy là phụ, nhưng các phần của hệ giao cảm đang bắt đầu mất đi nhiều hiệu năng của chúng với vai trò là các khí cụ nghiệp quả của tâm thức, vì các dụng cụ như thế thuộc về giai đoạn dưới nhân loại. Có hai bộ phận trong não bộ có liên quan một cách đặc biệt với hệ thần kinh giao cảm trong buổi đầu của chúng, mặc dầu ngày nay chúng tạo thành một phần của hệ não tủy, đó là tuyến tùng quả và tuyến yên. Chúng minh họa cho cách thức mà một phần của cơ thể có thể hoạt động theo một cách ở giai đoạn đầu, kể đó có thể mất đi một ít công dụng và chức năng đặc biệt của nó, nếu không muốn nói là không còn chút hoạt động nào, để rồi ở giai đoạn tiến hóa sau

đó có thể lại được kích thích hoạt động bằng một loại sự sống cao hơn, đem lại cho nó một công dụng và chức năng mới ở giai đoạn tiến hoá cao hơn.

Sự phát triển của các thể này thuộc về giới động vật không xương sống hơn là thuộc về giới có xương sống, và “con mắt thứ ba” được các nhà sinh vật học nói đến như là “con mắt của động vật không xương sống”. Tuy nhiên, người ta cũng tìm thấy con mắt này nơi động vật có xương sống, thí dụ gần đây ở Úc, người ta tìm thấy một con rắn mà trên đỉnh đầu có một sắp xếp đặc biệt bằng các vảy khá trong suốt. Khi cắt bỏ các vảy này đi, người ta thấy có một con mắt đầy đủ ở bên dưới, một con mắt có đủ các bộ phận mặc dù không hoạt động.

Trong giống dân Lemurians, con mắt thứ ba đó hoạt động một cách mơ hồ và đại khái, đặc trưng cho các giai đoạn tiến hóa thấp và đặc trưng riêng biệt cho hệ thần kinh giao cảm. Khi con người tiến hóa từ giống dân Lemurians thành giống dân Atlantean, thì con mắt thứ ba ngưng hoạt động, bộ óc phát triển chung quanh nó, nó trở thành vật phụ thuộc, bây giờ được gọi là tuyến tùng quả. Nơi giống dân Lemurian, con người có khả năng tâm thông (psychic), hệ thần kinh giao cảm chịu tác động phần lớn do sự dâng trào của thể cảm dục chưa phát triển. Nơi giống dân Atlantean, con người từ từ mất đi các khả năng tâm thông, khi hệ giao cảm trở nên phụ thuộc, còn hệ não tủy trở nên mạnh hơn.

Trong giống dân Atlantean này, sự phát triển của hệ não tủy sẽ nhanh hơn nơi những người có cá tính khác, vì hoạt động chính yếu sẽ nằm trong trí cụ thể, và như vậy sẽ kích động và nắn tạo nó. Thể cảm dục sẽ mất đi ưu thế của nó sớm hơn và sẽ nhanh chóng trở nên một tác nhân truyền chuyển các xung lực trí tuệ cho bộ óc. Như thế, khi chuyển

qua giống dân thứ năm, con người đặc biệt sẵn sàng có được lợi thế về tính chất của giống dân này. Lúc đó con người kiến tạo được bộ óc lớn và rất cân xứng; y sẽ sử dụng thể cảm dục của mình chủ yếu dưới hình thức một tác nhân truyền đạt và sẽ tạo được các luân xa từ cõi trí.

### 3- Tuyến yên và tuyến tùng quả

Hãy trở lại cơ quan thứ hai trong số hai cơ quan đã nói ở trên, tuyến yên. Cơ quan này được xem như được phát triển từ cái miệng sơ khai (primeval mouth), nó nối trực tiếp với ống tiêu hóa của động vật không xương sống. Nơi động vật có xương sống, tuyến này không còn hoạt động như là miệng nữa và trở thành một cơ quan thô sơ, nhưng nó cũng còn giữ một chức năng đặc biệt có liên quan với sự tăng trưởng của cơ thể. Nó trở nên linh hoạt trong giai đoạn tăng trưởng bình thường của thể xác, nó càng hoạt động nhiều, thể xác càng phát triển to hơn. Nơi những người Khổng lồ, cơ quan này càng đặc biệt linh hoạt hơn. Hơn nữa, tuyến yên đôi khi lại bắt đầu hoạt động trong cuộc sống về sau khi mà bộ xương của cơ thể đã cố định, và bấy giờ gây nên sự tăng trưởng bất thường và khổng lồ ở các điểm tự do (free points) của thân thể, tay, chân, mũi v.v..., gây nên sự biến dạng thuộc loại rất khó coi.

Khi hệ thần kinh não tủy trở nên có ưu thế, thì chức năng trước kia của hai bộ phận này biến mất, nhưng các cơ quan này có một tương lai cũng như một dĩ vãng. Trong dĩ vãng, nó có liên quan với hệ thần kinh giao cảm; trong tương lai nó liên quan với hệ thần kinh não tủy. Khi sự tiến hóa nối tiếp, các luân xa trong thể cảm dục được linh hoạt, tuyến yên trở thành cơ quan xác thịt dành cho nhãn thông cõi cảm dục và sau đó cho nhãn thông cõi trí. Khi xảy ra sự căng thẳng



quá lớn cho quan năng thị giác cõi cảm dục trong khi còn ở trong thể xác thì kết quả là đôi khi tuyến yên sung lên. Đây là cơ quan mà qua đó tri thức do nhãn thông cảm dục thu nhận được truyền đến cho bộ óc, và nó cũng được dùng để làm  
 201 linh hoạt các điểm tiếp xúc giữa hệ giao cảm với thể cảm dục nhờ đó lập được sự liên tục tâm thức giữa cõi cảm dục với cõi trần.

Tuyến tủy quả trở nên liên quan với một trong các luân xa của thể cảm dục, và qua thể đó liên lạc được với thể hạ trí và dùng như là cơ quan hồng trần để truyền chuyển tư tưởng và từ bộ óc này đến bộ óc khác: Trong việc truyền tư tưởng (thought-transmission), tư tưởng có thể lóe lên từ trí này qua trí khác, chất trí được dùng như là phương tiện chuyển di; hoặc là nó có thể được gửi xuống bộ óc xác thịt, và nhờ tuyến tủy quả, có thể được đưa đến tuyến tủy quả trong bộ óc khác, xuyên qua (via) chất dĩ thái cõi hồng trần<sup>(1)</sup>, và như vậy đến tâm thức thu nhận.

Trong khi trung tâm hoạt động nằm trong nguyên khí chủ chốt (dominant principle) của con người, mối liên hệ của các luân xa với thể xác phải được tạo ra từ cõi trần như đã nói. Mục tiêu của mối liên hệ này không phải là làm cho thể cảm dục thành tác nhân truyền đạt có hiệu quả hơn các năng lượng của Con Người Tinh Thần cho thể xác, mà là để cho thể cảm dục được tiếp xúc đầy đủ với thể xác. Có thể có các trung tâm hoạt động khác nhau để tạo nên các hiện thể truyền chuyển, nhưng cần nên bắt đầu từ cõi trần để đưa các

---

<sup>1</sup> Nên nhớ là cõi hồng trần gồm 3 cõi phụ hữu hình là cõi phụ chất đặc, chất lỏng và chất hơi, còn 4 cõi phụ vô hình là cõi dĩ thái 4, dĩ thái 3, dĩ thái 2 và dĩ thái 1. Thể dĩ thái của con người hầu hết làm bằng chất dĩ thái 4 - ND

202 kết quả của các hoạt động của các thể đang hoạt động trên các cõi khác bên trong tâm thức tinh thức. Do đó, ta thấy được tầm quan trọng lớn lao của sự tinh khiết về vật chất trong chế độ ăn uống và các vấn đề khác nữa.

Người ta thường thắc mắc: tại sao kiến thức thu lượm được trên các cõi cao lại đến được bộ óc và tại sao kiến thức đó không được đi kèm theo bằng việc nhớ lại các hoàn cảnh mà nhờ đó kiến thức đó được thu lượm? Ai có thực hành đều đặn việc thiền định đều biết rằng có nhiều kiến thức mà mình không thu thập được bằng việc học hỏi ở cõi trần lại hiện ra trong óc, vậy kiến thức đó từ đâu đến? Nó đến từ cõi cảm dục hoặc cõi trí, nơi mà nó được thu hoạch và đến được não bộ theo cách thông thường được tả ở trên. Tâm thức đã trực tiếp đồng hóa kiến thức đó trên cõi trí, hoặc tâm thức đạt tới kiến thức đó từ cõi cảm dục và gửi xuống các làn sóng tư tưởng như thường lệ. Kiến thức cũng có thể được một thực thể nào đó truyền đạt trên cõi cao, thực thể này đã tác động trực tiếp lên thể hạ trí. Nhưng nhiều trường hợp truyền đạt như thế có thể không được nhớ lại vì một trong hai lý do, hoặc do cả hai. Đa số con người đều không ở trạng thái mà về mặt kỹ thuật được gọi là “thức tỉnh” (“awake”) trên cõi cảm dục và cõi trí, nghĩa là các quan năng của họ xoay vào bên trong, bận rộn với các diễn biến về trí tuệ và các tình cảm riêng của họ, không tham dự vào việc tìm hiểu những hiện tượng bên ngoài của các cõi này. Có thể họ là người rất thụ cảm, thể cảm dục và thể hạ trí của họ có thể dễ dàng bị cuốn vào rung động và các rung động này truyền đạt sự hiểu biết được đưa ra như thế, nhưng sự chú tâm của họ không được chuyển vào nhân vật (person) tạo ra sự truyền thông đó. Khi sự tiến hóa tiếp tục, con người trở nên ngày càng dễ thụ cảm trên cõi cảm

dục và cõi trí, nhưng không vì vậy mà trở nên thông thạo được những gì xảy ra chung quanh họ.

Lý do khác giải thích việc không nhớ lại này là do thiếu liên kết với hệ giao cảm đã nói ở trước. Một người có thể “tinh thức” trên cõi cảm dục và hoạt động một cách linh hoạt nơi đó, đồng thời có ý thức rõ ràng về chung quanh y. Nhưng nếu các mối liên kết giữa các hệ thống cảm dục với xác thân chưa được tạo ra hay là không được linh hoạt thì sẽ có sự gián đoạn trong tâm thức. Dù cho tâm thức có thể linh hoạt trên cõi cảm dục đi nữa, nó cũng không thể mang lại và ghi dấu lên bộ óc xác thịt cái ký ức về các kinh nghiệm của cõi cảm dục, nếu các liên kết (links) này chưa hoạt động được. Thêm vào các liên kết này, phải có sự hoạt động tích cực của tuyến yên, tuyến này tập trung các rung động cõi cảm dục ví như một thấu kính tập trung các tia nắng vậy. Một số các rung động cõi cảm dục được gom lại và được làm cho tập trung vào một điểm đặc biệt, như thế các rung động được tạo ra trong chất hồng trần trọng trực, các rung động nhờ vậy lan rộng ra dễ dàng. Tất cả mọi điều này cần cho việc “nhớ lại” (“remembering”).

#### 4- Con đường của tâm thức

Một câu hỏi được đưa ra: có phải tâm thức luôn luôn đi theo cùng con đường để đến thể xác hay không?

204 Chúng ta được biết, đôi khi việc chuyển di (transits) được tạo ra một cách trực tiếp xuyên qua các cõi phụ nguyên tử (atomic sub-planes) của cõi chính này đến cõi chính khác, và đôi khi bằng cách vượt qua mỗi cõi phụ từ cõi phụ thứ bảy đến cõi phụ thứ nhất trước khi đạt đến cõi phụ nguyên tử kế

bên dưới (tức cõi phụ thứ bảy)<sup>(1)</sup>. Tâm thức đi theo con đường nào trong số các con đường này? Dưới hoạt động bình thường của tâm thức, trong tiến trình suy tư thông thường, làn sóng tâm thức không ngừng đi xuống qua mỗi cõi phụ kế tiếp, bắt đầu từ cõi trí, xuyên qua bảy cõi phụ của cõi cảm dục, đến cõi phụ dĩ thái thuộc cõi trần, và cứ thế đến chất thần kinh dày đặc. Làn sóng này tạo ra các dòng điện trong chất dĩ thái, các dòng điện này tác động vào nguyên sinh chất (protoplasm) của các tế bào xám (greycells – chất xám). Nhưng khi xảy ra các ánh chớp đặc biệt của tâm thức, như trong các chớp lóe của siêu tài, hoặc là như trong các ý tưởng giác ngộ thành linh xẹt vào trí – chẳng hạn tia sáng đến với nhà khoa học khi nào trong một đồng lớn các sự kiện thành linh nảy sinh định luật đồng nhất nằm bên dưới – bấy giờ tâm thức tuôn đổ xuống chỉ xuyên qua các cõi phụ nguyên tử mà thôi và theo cách này để đi đến não bộ. Đây là ý tưởng giác ngộ, nó tự minh chứng chỉ bằng sự xuất hiện của nó, giống như ánh sáng mặt trời, và không cần đạt được năng lực thuyết phục bằng bất cứ phương pháp lý luận nào. Như thế, lý luận đi đến với bộ óc bằng các cõi phụ kế tiếp nhau, còn sự giác ngộ chính thức chỉ đến bằng các cõi phụ nguyên tử (tức cõi phụ cao nhất –ND)

---

<sup>1</sup> Xin nhắc lại: Bà A. Besant sắp cõi phụ thứ bảy là cõi phụ cao nhất, cõi phụ 1 là cõi phụ thấp nhất, khác với cách gọi của bà A. Bailey (ND).

## Chương XII

### Bản chất của ký ức

#### 1- Đại ngã và các tiểu ngã

Ký ức là gì? Ký ức hoạt động như thế nào? Bằng cách nào chúng ta nhớ lại được quá khứ, dù gần hay xa? Vì, sau rốt, dù cho quá khứ có gần hay xa, thuộc về kiếp này hay bất cứ kiếp nào trước đó, cách chi phối việc nhớ lại quá khứ cũng phải giống nhau, và chúng ta cần một lý thuyết sẽ bao gồm đủ mọi trường hợp của ký ức, đồng thời, lý thuyết đó sẽ cho phép chúng ta hiểu được mỗi trường hợp đặc thù.

Giai đoạn thứ nhất tiến tới việc đạt được một lý thuyết rõ ràng và dễ hiểu, đó là hiểu được thành phần của chính chúng ta, hiểu được bản ngã với các lớp vỏ của nó, và mối liên hệ hỗ tương của chúng. Ở đây, chúng ta có thể nói lại một cách ngắn gọn các sự kiện chính trong các chương trước có liên quan trực tiếp đến vấn đề về ký ức. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng tâm thức của chúng ta là một đơn vị; và đơn vị tâm thức này hoạt động qua các lớp vỏ khác nhau, các lớp này áp đặt lên tâm thức một bề ngoài giả tạo rất đa dạng.

206 Lớp vỏ nằm trong cùng tức lớp vỏ mảnh mai nhất, vốn bất phân ly với đơn vị tâm thức, thật ra, chính lớp vỏ này làm cho nó thành một đơn vị. Đơn vị này là Chân thân ngự trên cõi Đại Niết Bàn, nhưng vì mục đích thực tiễn, chúng ta có thể xem đơn vị đó như là Con Người Nội Tâm (Inner Man) quen thuộc, Tam Nguyên Tử (Tri-Atom), Atma-Buddhi-Manas, được xem như là tách rời khỏi lớp vỏ linh thể, bồ đề

và thượng trí. Đơn vị tâm thức này biểu lộ qua và tồn tại trong các lớp vỏ thuộc về năm cõi hoạt động của tâm thức, chúng ta gọi đơn vị đó là Chân Ngã đang hoạt động trong các lớp vỏ của nó.

Kế đó, chúng ta phải nghĩ đến một Chân Ngã hữu thức (conscious Self) ngự trong các hiện thể đang rung động. Về mặt vật chất, rung động của các hiện thể này tương ứng với các thay đổi trong tâm thức đứng trên khía cạnh chân ngã. Chúng ta không thể nói đến các rung động của tâm thức một cách chính xác được, bởi vì các rung động này chỉ có thể thuộc về khía cạnh vật chất, tức khía cạnh sắc tướng, và chỉ có thể nói một cách chung chung về tâm thức biết rung động. Chúng ta có các thay đổi trong tâm thức tương ứng với các rung động trong các lớp vỏ.

Vấn đề về các hiện thể (vehicles) hay các thể (bodies) mà tâm thức, tức Chân Ngã, đang hoạt động trong đó thì rất quan trọng đối với ký ức. Toàn bộ tiến trình nhớ lại, hoặc nhiều hoặc ít, các biến cố xa xăm chỉ là vấn đề phác họa (picturing) lại các biến cố đó trong lớp vỏ đặc biệt – để tạo lại phần vật chất của lớp vỏ có thành phần giống với các biến cố đó – mà trong lớp vỏ đặc biệt đó tâm thức đang tác động vào lúc biến cố xảy ra.

207 Trong Chân Ngã, với tư cách là một mảnh của Đại Ngã (Universal Self) – mà với mục đích làm cho dễ hiểu, chúng ta có thể xem như là Thượng Đế, mặc dầu thực ra Thượng Đế cũng chỉ là một thành phần của Đại Ngã – mọi vật đều hiện hữu; vì trong Đại Ngã có tất cả những gì đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra trong vũ trụ. Tất cả điều này và còn biết bao điều nữa đều có trong Tâm Thức Vũ Trụ (Universal Consciousness, Tâm Thức của Thượng Đế). Chúng ta hãy chỉ nghĩ đến một vũ trụ và Thượng Đế của vũ trụ đó. Chúng ta nói đến Ngài

như là Đấng Toàn Hiện và Toàn Tri. Về căn bản thì hiện giờ sự toàn hiện và toàn tri đó đều đang ở trong Chân Ngã đã được biệt ngã hóa (individualized Self), vốn là một với Thượng Đế, nhưng – ở đây chúng ta phải thêm chữ “nhưng” (but) – có một dị biệt, điểm dị biệt nằm ở đây: trong Biệt Ngã (separated Self) với cương vị là Chân Ngã (Self), tách biệt với mọi hiện thể, sự toàn hiện và toàn tri vẫn có, (do sự hợp nhất của Bản Ngã đó với Bản Ngã Duy Nhất – One Self) trong khi các hiện thể mà trong đó Chân Ngã đang ngự vẫn chưa học được cách rung động để đáp ứng với các thay đổi tâm thức của Chân Ngã khi Chân Ngã chuyển sự chú tâm của nó vào phần này hoặc phần khác đối với tích lũy của Chân Ngã. Do đó, chúng ta nói rằng tất cả đều hiện hữu trong con người một cách tiềm tàng, chớ không giống như trong vị Thượng Đế thực sự. Tất cả các thay đổi đang diễn ra trong tâm thức của Thượng Đế đều có thể được tái tạo lại trong Biệt Ngã này, vốn là một phần bất khả phân của sự sống Thượng Đế, nhưng các hiện thể chưa sẵn sàng dùng làm phương tiện biểu lộ. Bởi vì có sự phân ly của hình hài, bởi vì có sự khép kín này của Biệt Ngã nên các khả năng này vốn ở bên trong nó dưới hình thức là một phần của Đại Ngã vẫn tiềm tàng, không biểu lộ, vẫn là tiềm năng, chưa phải thực tại. Giống như trong mỗi nguyên tử dùng vào việc tạo ra một hiện thể, có biết bao khả năng rung động, trong mỗi Biệt Ngã cũng thế, có biết bao khả năng thay đổi tâm thức.

Vào lúc bắt đầu một Thái Dương Hệ, chúng ta không thấy được vô số các loại rung động khác nhau trong nguyên tử; nhưng chúng ta biết được rằng nguyên tử có khả năng đạt được vô số các rung động khác nhau. Nguyên tử đạt được các rung động này trong bước đường tiến hóa của nó khi nó đáp ứng không ngừng với các rung động tác động lên bề mặt

của nó. Vào lúc kết thúc một Thái Dương Hệ, thì một số rất lớn các nguyên tử trong Thái Dương Hệ đó đã đạt đến giai đoạn tiến hóa mà trong đó chúng có thể rung động để đáp ứng được với bất cứ rung động nào đi đến với chúng vốn xuất phát bên trong Thái Dương Hệ. Bây giờ, đối với Thái Dương Hệ đó, các nguyên tử này được cho là đã trở nên hoàn thiện. Sự việc cũng đúng như thế đối với các Biệt Ngã. Tất cả mọi thay đổi xảy ra trong tâm thức của Thượng Đế đều được tái hiện trong vũ trụ đó và hình thành dưới dạng các sắc tướng trong vũ trụ đó, tất cả các sắc tướng này cũng nằm trong tâm thức hoàn thiện trong vũ trụ đó, và bất cứ thay đổi nào cũng đều có thể được tái tạo lại trong bất cứ tâm thức nào trong số chúng. Đây chính là Ký Ức: sự tái hiện, tái sinh trong vật chất, của bất cứ gì nằm trong vũ trụ đó, và do đó mãi mãi hiện hữu, trong tâm thức của Thượng Đế của vũ trụ đó, và trong các tâm thức vốn là các thành phần của tâm thức Thượng Đế. Mặc dầu chúng ta nghĩ đến Chân Ngã như là tách biệt đối với mọi Chân Ngã khác, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng nó không thể tách biệt với Bản Ngã Duy Nhất, tức Thượng Đế. Sự Sống của Thượng Đế không hề bị ngăn cách với bất cứ phần nào trong vũ trụ của Ngài và trong Ngài, chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn, mãi mãi mở rộng với Ngài, được tràn ngập bằng Sự Sống của Ngài.

Khi Chân Ngã khoác vào hết hiện thể này đến hiện thể khác bằng vật chất, thì năng lực thu hoạch tri thức của nó trở nên bị giới hạn hơn theo với mỗi hiện thể thêm vào, nhưng tri thức cũng rõ rệt hơn nhiều. Khi đến cõi trần tâm thức được thu hẹp xuống đến các kinh nghiệm vốn có thể được thu nhận qua xác thân và nhất là qua các chỗ mở (openings) mà chúng ta gọi là các cơ quan cảm giác; các cơ quan cảm giác này là các lối thông thương (avenues) mà nhờ đó tri thức có



thể đến được với Chân Ngã đang bị giam nhốt, mặc dầu chúng ta thường nói đến chúng như là tri thức bị phong bế (shutting out knowledge) khi chúng ta nghĩ đến các khả năng của hiện thể tinh anh hơn. Thể xác làm cho việc nhận thức được rõ ràng và thông suốt, giống như một tấm màn có một lỗ nhỏ bên trong, nó để cho hình ảnh của ngoại giới xuất hiện trên bức tường mà trong trường hợp khác chỉ cho thấy một bề mặt trống không; các tia sáng thật sự không hiện lên tường, nhưng bởi chính sự đóng kín đó, các tia sáng này lại được phép đi qua, tạo thành một hình ảnh được xác định rõ ràng.

## 2 – Thay đổi trong các hiện thể và trong tâm thức.

210 Bây giờ chúng ta hãy xem điều gì xảy ra đối với thể xác khi thu nhận một cảm giác và sau đó nhớ lại cảm giác đó, nghĩa là trong ký ức của thể xác.

Một rung động từ bên ngoài tác động lên một cơ quan cảm giác và được truyền đến trung khu thích hợp trong não. Một nhóm tế bào trong não rung động, khi sự rung động đó dừng lại thì nhóm tế bào đó ở vào một trạng thái hơi khác với trạng thái trước khi chúng nhận được rung động. Dấu vết của sự đáp ứng đó trở thành một tiềm năng (possibility) cho nhóm tế bào đó; nếu đã có lần rung động theo một cách đặc biệt nào rồi, thì suốt đời nó giữ khả năng rung động đó dưới hình thức một nhóm tế bào có khả năng rung động lại theo cùng cách thức mà không cần nhận trở lại một kích thích nào từ ngoại giới. Mỗi lần lặp lại một rung động giống như vậy, khả năng này lại mạnh thêm lên; mỗi lần rung động đều có để lại dấu vết của riêng nó, nhưng cần có nhiều lần lặp lại như thế mới tạo được sự lặp lại có tính tự phát. Với mỗi lần lặp lại được thôi thúc từ bên ngoài như thế, các tế bào càng

tiến gần hơn đến năng lực rung động tự phát. Nhưng rung động này không dừng lại với tế bào thể xác, nó còn được truyền vào bên trong đến tế bào tương ứng, hoặc nhóm các tế bào trong các thể tinh anh và cuối cùng tạo ra một thay đổi trong tâm thức. Đến lượt nó, sự thay đổi này tác động lại trên các tế bào, và việc lặp lại các rung động được phát khởi từ bên trong bằng sự thay đổi trong tâm thức, và sự lặp lại này là việc nhớ lại đối tượng vốn đã bắt đầu loạt các rung động đó. Sự đáp ứng của các tế bào đối với rung động từ bên ngoài, một đáp ứng bị thôi thúc bởi các định luật của vũ trụ vật chất, mang lại cho các tế bào khả năng đáp ứng với một thôi thúc tương tự, mặc dầu yếu hơn, đến từ bên trong. Một ít sức mạnh bị mất đi trong mỗi chuyển động của vật chất trong một hiện thể mới, do đó năng lượng trong rung động từ từ giảm sút. Càng ngày sức lực bị mất càng ít đi khi các tế bào lặp lại các rung động tương tự để đáp ứng với các tác động mới từ bên ngoài, các tế bào đáp ứng một cách dễ dàng hơn với mỗi lần lặp lại này.

Nơi đây có ẩn giá trị của “yếu tố ngoài” (“the without”). Yếu tố ngoài này khơi hoạt trong vật chất khả năng đáp ứng một cách dễ dàng hơn là bất cứ cách nào khác vì nó có liên quan chặt chẽ với các hiện thể hơn là “yếu tố trong” (the “within”).

Sự thay đổi được tạo ra trong tâm thức cũng để cho tâm thức sẵn sàng lặp lại thay đổi đó nhiều hơn là lần đầu tạo ra nó, và mỗi thay đổi như thế đều đưa tâm thức đến gần hơn với năng lực để phát khởi một sự thay đổi tương tự. Nhìn trở lại buổi đầu của tâm thức, chúng ta thấy rằng các Chân Ngã bị giam nhốt trải qua vô số kinh nghiệm trước khi một thay đổi tự phát trong tâm thức xảy ra. Nhưng cần nhớ điều này, khi chúng ta rời các giai đoạn đầu tiên này và nghiên cứu các

hoạt động của tâm thức ở một mức phát triển hơn. Chúng ta cũng phải nhớ rằng mọi va chạm, khi tới được lớp vỏ trong cùng và gây ra một thay đổi trong tâm thức, đều được theo sau bằng một phản ứng, sự thay đổi trong tâm thức gây ra một loạt rung động mới từ trong ra ngoài. Có sự di chuyển vào trong đến tận Chân Ngã, được tiếp nối bằng gợn sóng từ Chân Ngã hướng ra ngoài, cái trước do bởi mục tiêu và sinh ra điều mà chúng ta gọi là sự nhận thức (perception), còn cái sau do bởi phản ứng của Chân Ngã, tạo nên điều mà chúng ta gọi là Ký ức.

Một số cảm giác do giác quan (sense-impressions) đi đến qua thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác và khứu giác, chạy suốt từ thể xác, qua thể cảm dục đến thể trí. Nơi đây, các cảm giác nơi giác quan này được phối kết thành một đơn vị phức tạp giống như một hợp âm (chord) được tạo ra bằng nhiều nốt nhạc. Đây là công việc đặc biệt của thể trí, nó tiếp nhận nhiều luồng rung động rồi tổng hợp chúng thành một, nó kết nối nhiều cảm giác lại thành một nhận thức, một tư tưởng, một đơn vị phức tạp.

### 3- Ký ức

Chúng ta hãy cố gắng nắm bắt sự việc phức tạp này sau khi nó đi sâu vào nội tâm và gây nên một thay đổi trong tâm thức: tạo ra một ý niệm (idea). Sự thay đổi mà nó tạo ra, làm nảy sinh các rung động mới trong các hiện thể, tái tạo lại các rung động mà nó đã gây nên trên con đường đi sâu vào nội tâm của nó, và trong mỗi hiện thể, đơn vị phức tạp đó tái hiện dưới một hình thức yếu hơn. Nó không mạnh mẽ, dữ dội và linh hoạt như khi các thành phần cấu tạo của nó lóe lên từ thể xác đến thể cảm dục, và từ thể cảm dục đến thể trí. Nó hiện lại trong trí dưới hình thức yếu hơn, đó là bản sao

213 của những gì mà thể trí gửi vào trong, nhưng với độ rung động yếu hơn. Khi Chân Ngã nhận được từ nó một phản ứng – vì sự va chạm của một rung động khi tiếp xúc với mỗi hiện thể đều phải tạo ra một phản ứng – phản ứng đó yếu hơn nhiều so với tác động ban đầu và do đó dường như kém “thực tiễn” (“real”) hơn là tác động đó. Nó tạo ra một thay đổi nhẹ nhàng hơn trong tâm thức và giảm hạ đó tất nhiên tượng trưng cho một “thực tại” (“reality”) kém cõi.

Bao giờ mà tâm thức còn quá kém đáp ứng không thể nhận thức được bất cứ va chạm nào vốn không đến được với sức mạnh thôi thúc của thể xác, theo nghĩa đen là tiếp xúc với thể xác nhiều hơn là với bất cứ thể nào khác, thì trong trường hợp đó sẽ không có ký ức nào về các ý niệm, mà chỉ có các ký ức về các tri thức, nghĩa là về các hình ảnh của các đối tượng bên ngoài, được tạo ra bởi các rung động của chất thần kinh của não bộ, tự sản sinh ra trong chất cảm dục và chất trí liên hệ. Theo nghĩa đen đây là các hình ảnh trong chất trí, giống như là các hình ảnh trên võng mô của mắt. Tâm thức nhận thức được các hình ảnh này, “thấy” được chúng, như chúng ta có thể thực sự nói thế, vì cái thấy của mắt chỉ là một biểu lộ hạn chế so với năng lực nhận thức của nó mà thôi. Khi tâm thức rút một ít ra khỏi xác thân, chuyển sự chú tâm nhiều vào các biến đổi trong các thể bên trong của nó, nó thấy được các hình ảnh này được sinh ra trong óc từ lớp vỏ cảm dục bởi phản ứng của chính nó truyền ra ngoài, do đó mới có ký ức của cảm giác (memory of sensations). Hình ảnh phát sinh

214 trong óc bởi phản ứng của sự thay đổi trong tâm thức và được nhận biết nơi đó. Sự nhận thức này hàm ý rằng tâm thức đã triệt thoái phần lớn ra khỏi thể xác sang qua thể cảm dục và đang tác động nơi đó. Hiện nay, tâm thức con người đang hoạt động như thế, và do đó đây các ký ức, các ký ức

này vốn là các phiên bản (reproduction) trong bộ óc hồng trần của các hình ảnh đã qua, được tạo ra bởi các phản ứng từ tâm thức. Nơi người ít tiến hóa, thì các hình ảnh này là các hình ảnh về các biên cố đã qua mà thể xác có liên hệ trong đó, các ký ức về đói và khát, về các hài lòng, các thú vui về tính dục và v.v..., tức là các sự việc mà trong đó thể xác chiếm một phần tích cực.

Trong mẫu người tiến hóa cao hơn, tâm thức hoạt động nhiều hơn trong thể trí, các hình ảnh trong thể cảm dục sẽ thu hút nhiều sự chú ý của nó. Các hình ảnh này được tạo ra trong thể cảm dục bằng các rung động đến từ bên ngoài do thể trí, và được nhận thức như là các hình ảnh của tâm thức. Khi tâm thức thu hút về chính nó nhiều hơn là vào thể hạ trí với cương vị là hiện thể gần nhất (immediate vehicle) của nó. Khi tiến trình này nối tiếp và tâm thức tỉnh thức nhiều hơn đáp ứng được với các rung động phát khởi từ bên ngoài trên cõi cảm dục bởi các đối tượng cảm dục, các đối tượng này trở nên "thiết thực" ("real") và trở nên có thể phân biệt được với các ký ức, các hình ảnh trong thể cảm dục được tạo ra bởi các phản ứng từ tâm thức.

215 Nhân tiện, chúng ta hãy ghi nhớ rằng ký ức về một đối tượng đi theo một cách mật thiết với hình ảnh về sự đổi mới của kinh nghiệm sắc bén hơn của đối tượng bằng sự tiếp xúc vật chất, và chúng ta gọi điều này là sự tiên báo, và ký ức về một biến cố càng đầy đủ thì việc báo trước này càng đầy đủ hơn. Cho đến ngay cả ký ức cũng đôi khi tạo ra trong thể xác các phản ứng mà bình thường các phản ứng này đi theo sự tiếp xúc với đối tượng bên ngoài, thí dụ chúng ta có thể thưởng thức trước các thú vui vốn chưa nằm trong tâm của thể xác. Như vậy việc báo trước món ăn ngon sẽ làm cho

“miệng chảy nước giải” (“mouth to water”). Chúng ta sẽ trở lại sự kiện này khi bàn nốt thuyết về ký ức.

#### 4- Ký ức là gì?

Sau khi đã xem xét các thay đổi trong các hiện thể, nảy sinh do sự va chạm với thế giới bên ngoài, sự đáp ứng với các va chạm này dưới hình thức các thay đổi của tâm thức, các rung động yếu ớt được tạo ra trong các hiện thể bởi phản ứng của tâm thức và việc tâm thức nhận biết lại các rung động lần nữa dưới hình thức ký ức, giờ đây chúng ta hãy đi đến phần quan trọng nhất của vấn đề: Ký ức là gì?

Việc gián đoạn của các thể giữa lần chết với lần tái sinh chấm dứt tính chất tự động của các thể này, kết thúc khả năng của chúng trong việc đáp ứng với các rung động tương tự các rung động đã được kinh qua. Các nhóm đáp ứng đều bị tan rã, và tất cả những gì còn lại với cương vị là hạt giống cho các đáp ứng tương lai được chứa trong các nguyên tử thường tồn. Bằng cách so sánh với các tính chất tự động mới đặt lên đa số các thể bằng các kinh nghiệm mới ở bên ngoài, người ta có thể phán đoán về việc không nhớ được các tiền kiếp phát khởi trong chính các hiện thể yếu ớt như thế nào. Thực ra, tất cả những gì mà nguyên tử thường tồn có thể làm là đáp ứng một cách dễ dàng hơn với các rung động thuộc loại tương đương với các rung động đã được trải qua trước đây hơn là đáp ứng với các rung động đến với chúng lần đầu. Ký ức của các tế bào hay của các nhóm tế bào sẽ mất đi lúc con người chết và không thể phục hồi được theo đúng nghĩa. Vậy thì, lúc bấy giờ Ký ức được giữ ở đâu?

Câu trả lời vẫn tắt là: ký ức không phải là một quan năng và không được bảo tồn lại (preserved); ký ức không có sẵn trong tâm thức dưới hình thức một năng lực, cũng không

phải bất cứ ký ức nào về các biến cố cũng đều được giữ lại trong tâm thức cá nhân. Mọi biến cố đều là một thực kiện hiện hữu trong tâm thức- vũ trụ (universe-consciousness) hay trong tâm thức của Thượng Đế. Mọi sự việc xảy ra trong vũ trụ của Thượng Đế, dù thuộc quá khứ, hiện tại và tương lai, bao giờ cũng ở nơi đó, trong tâm thức bao trùm vạn vật của Ngài, trong “Hiện Tại Vĩnh Hằng” (“Eternal Now”) của Thượng Đế. Từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc vũ trụ, từ lúc bình minh cho đến hoàng hôn của vũ trụ, tất cả đều ở đó, bao giờ cũng hiện hữu tồn tại. Trong đại dương ý tưởng đó, tất cả đều Hiện Hữu (All IS). Trong khi tho thân vào đại dương này, chúng ta tiếp xúc với các mảnh vụn của những cái tích chứa trong đại dương đó, và sự đáp ứng của chúng ta với sự tiếp xúc đó trở thành tri thức của chúng ta. Nhờ đã biết rồi, chúng ta có thể tiếp xúc trở lại một cách dễ dàng hơn và sự lặp lại này – khi xảy đến mà thiếu sự tiếp xúc của lớp vỏ bên ngoài vào lúc đó với các mảnh nhỏ đang chiếm cõi riêng của nó – là Ký ức. Tất cả các “ký ức” đều có thể phục hồi lại được, bởi vì tất cả mọi khả năng rung động tạo ra hình ảnh đều ở bên trong tâm thức của Thượng Đế, và chúng ta có thể chia sẻ trong cái tâm thức đó một cách dễ dàng hơn nhiều theo cách mà chúng ta đã chia sẻ trước đây các rung động tương tự nhiều lần rồi. Do đó những rung động nào đã tạo được các thành phần kinh nghiệm của chúng ta đều dễ dàng được chúng ta lặp lại nhiều hơn các rung động mà chúng ta chưa bao giờ biết, và nơi đây tầm quan trọng của các nguyên tử thường tồn mới bắt đầu. Khi được kích thích, các nguyên tử thường tồn rung động trở lại, các rung động mà trước kia chúng đã trải qua, và nhờ mọi năng lực rung động của các nguyên tử và phân tử của các thể trong chúng ta, các thể này ngôn lên đáp ứng với nốt mà nguyên tử thường tồn đã đóng

lên. Sự kiện chúng ta bị ảnh hưởng về mặt rung động và bởi các thay đổi của tâm thức trong kiếp hiện tại làm cho trong kiếp này chúng ta dễ rút ra từ tâm thức vũ trụ cái mà chúng ta đã có được kinh nghiệm trong kiếp sống riêng của chúng ta. Dù cho đó là ký ức trong hiện kiếp, hoặc là ký ức trong một tiền kiếp xa xăm, phương pháp nhớ lại vẫn như nhau. Không có ký ức nào ngoại trừ tâm thức hằng hữu (ever-present consciousness) của Thượng Đế, mà, theo sát nghĩa, chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn trong Ngài. Ký ức của chúng ta chỉ là việc đặt chính chúng ta vào để tiếp xúc với các thành phần như thế của tâm thức Thượng Đế vì chúng ta đã có chúng trước đây.

218 Do đó, theo triết gia Pythagoras, mọi học hành đều là nhớ lại (all learning is remembrance), vì học hành là rút ra từ tâm thức của Thượng Đế đưa vào tâm thức của Biệt ngã những điều mà nhờ sự hợp nhất không thể thiếu được của chúng ta với Thượng Đế, tâm thức đó trở thành tâm thức của chúng ta một cách vĩnh viễn. Trên cõi nào mà sự hợp nhất vượt trội hơn sự chia tách, thì chúng ta chia sẻ tâm thức Thượng Đế của vũ trụ chúng ta. Trên các cõi thấp, nơi mà sự chia tách che khuất sự hợp nhất, thì nơi đó, chúng ta bị các hiện thể kém phát triển của chúng ta gạt ra bên ngoài. Chính việc thiếu sự đáp ứng trong các hiện thể này tạo sự cản trở cho chúng ta, vì chúng ta chỉ có thể biết được các cõi xuyên qua chúng. Do đó, chúng ta không thể trực tiếp cải thiện ký ức của chúng ta, chúng ta chỉ có thể cải thiện tính thụ cảm tổng quát và năng lực tái tạo của chúng ta bằng cách làm cho các thể của chúng ta nhạy cảm hơn, trong khi vẫn thận trọng không vượt quá giới hạn co giãn của chúng. Chúng ta cũng có thể “để ý” (“pay attention”), nghĩa là chúng ta có thể chuyển hướng (turn) sự hiểu biết của tâm thức, chúng ta có thể tập



trung tâm thức vào cái phần đặc biệt đó của tâm thức Thượng Đế mà chúng ta muốn tự điều hợp vào. Như vậy, chúng ta không cần bận tâm với việc tính toán xem coi “bao nhiêu thiên thần có thể đứng trên đầu mũi kim”, làm sao chúng ta có thể bảo quản trong một không gian có giới hạn con số vô giới hạn các rung động đã trải qua trong nhiều kiếp sống, vì toàn thể các rung động tạo hình (form-producing vibrations) trong vũ trụ bao giờ cũng hiện hữu và sẵn sàng cho bất cứ ai sử dụng.

219

### 5- Nhớ và quên

Chúng ta hãy áp dụng điều này cho một biến cố trong kiếp trước: Một số các trường hợp “vẫn còn trong ký ức chúng ta”, còn các trường hợp khác “bị quên đi”.

Thật ra biến cố vẫn tồn tại với mọi hoàn cảnh chung quanh nó, “nhớ” và “quên” đều như nhau, trong một trạng thái duy nhất, tức là ký ức của Thượng Đế, Ký ức Vũ Trụ (Universal Memory). Bất cứ người nào có thể tự đặt mình tiếp xúc với ký ức đó, đều có thể phục hồi lại toàn thể tình trạng với khả năng tối đa của y. *Các biến cố (events) mà chúng ta đã trải qua đều không thuộc về ta*, mà tạo thành một phần của các tích chứa (contents) của tâm thức Thượng Đế. Sở dĩ chúng ta có cảm tưởng có phần sở hữu trong đó chỉ do sự kiện là trước kia chúng ta đã từng rung động theo chúng, do đó, nếu chúng ta tiếp xúc với các biến cố này lần đầu tiên, chúng ta lại rung động theo chúng một cách dễ dàng hơn.

Tuy nhiên chúng ta có thể giao tiếp được với các biến cố đó bằng các lớp vỏ khác nhau vào những lúc khác nhau, vẫn giữ được linh hoạt dưới các tình huống thời gian và không gian thay đổi theo mỗi lớp vỏ. Phần tâm thức của Thượng Đế mà chúng ta hoạt động thông qua đó trong các thể hồng trần

thì bị hạn chế rất nhiều hơn là khi chúng ta hoạt động thông qua thể cảm dục và thể hạ trí, đồng thời các tiếp xúc thông qua một thể được tổ chức đầy đủ thì linh hoạt nhiều hơn là các tiếp xúc qua một thể kém tổ chức. Hơn nữa, cần phải nhớ rằng sự hạn chế lãnh vực hoạt động là chỉ do các hiện thể của chúng ta. Đứng trước một chuyện đã rồi, dù cho tại cõi trần, 220 cõi cảm dục, cõi trí hoặc cõi tinh thần, tâm thức của chúng ta về sự việc đó bị hạn chế trong phạm vi của các hiện thể có thể đáp ứng với chuyện đó. Chúng ta cảm thấy mình đang ở giữa các hoàn cảnh vây quanh cái hiện thể thô trực nhất mà chúng ta đang hoạt động trong đó, và như vậy các hoàn cảnh đó tác động đến hiện thể thô từ “bên ngoài”, còn khi chúng ta “nhớ lại” các trường hợp mà chúng ta tiếp xúc với các hiện thể tinh anh hơn, các thể tinh anh này truyền các rung động đến hiện thể thô, vậy là thể thô này được tiếp xúc từ “bên trong”.

Việc kiểm tra tính khách quan mà chúng ta áp dụng cho các trường hợp “hiện có” hoặc “được nhớ lại”, là công việc của “luong tri” (“common sense”). Nếu những người khác chung quanh tra đều thấy giống như ta thấy, đều nghe giống như ta nghe, thì chúng ta xem các trường hợp đó là khách quan (objective). Còn nếu họ không nghe thấy, nếu họ không hay biết về những gì mà chúng ta biết, thì chúng ta xem các trường hợp đó là chủ quan (subjective). Nhưng việc kiểm tra tính chất khách quan này chỉ có giá trị đối với những ai đang linh hoạt trong cùng các thể giống nhau. Nếu một người đang hoạt động trong thể xác, còn người khác hoạt động được trong thể xác và thể cảm dục, thì các sự việc có tính khách quan đối với người hoạt động được trong thể cảm dục không thể tác động được người chỉ hoạt động trong thể xác cho nên người này sẽ cho rằng các sự việc đó chỉ là các ảo

giác chủ quan (subjective hallucinations). “Luong tri” chỉ có thể hoạt động trong các thể giống nhau (similar bodies) mà thôi. Luong tri sẽ cho các kết quả giống nhau khi tất cả mọi người đều hoạt động trong thể xác, tất cả đều hoạt động trong thể cảm dục hoặc tất cả đều hoạt động trong thể trí. Vì “luong tri” chỉ là các hình tư tưởng của Thượng Đế trên mỗi cõi, đang chi phối mỗi tâm thức đã nhập thể (embodied consciousness) và khiến cho tâm thức đó đáp ứng bằng một vài thay đổi đối với một vài rung động trong các hiện thể của tâm thức. Luong tri không bị giới hạn vào cõi trần chút nào cả, nhưng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, nhân loại bậc trung không khai mở đủ tâm thức nội tại (indwelling consciousness) dành cho các hiện thể để sử dụng bất cứ “luong tri” nào trên cõi cảm dục và cõi trí. “Luong tri” là một bằng chứng 221 hùng hồn để chứng minh tính duy nhất (oneness) của các sự sống nội tạng của chúng ta. Chúng ta thấy tất cả mọi vật chung quanh ta trên cõi trần theo cùng một cách, bởi vì các tâm thức của chúng ta bề ngoài tuy riêng biệt, nhưng thật ra, tất cả đều là thành phần của Tâm Thức Duy Nhất (One Consciousness, Tâm Thức Thượng Đế) đang làm linh hoạt mọi hình hài. Tất cả chúng ta đều đáp ứng theo cùng một cách chung, tùy theo giai đoạn tiến hoá của chúng ta, bởi vì chúng ta chia sẻ cùng một tâm thức, và chúng ta chịu tác động giống nhau bởi cùng các sự việc, bởi vì tác động và phản tác động giữa các sự việc đó với chính chúng ta là sự tương tác của Sự Sống Duy Nhất dưới các hình thức khác nhau.

Vậy thì, việc phục hồi lại bất cứ điều gì bằng ký ức (hay là hồi ức) là do bởi mọi sự việc luôn luôn hiện hữu trong tâm thức của Thượng Đế và Thượng Đế đặt lên chúng ta các giới hạn của thời gian và không gian, ngõ hầu, nhờ thực hành,

chúng ta có thể đáp ứng một cách nhanh chóng, bằng các thay đổi của tâm thức theo các rung động được tạo ra trong các hiện thể của chúng ta do bởi các rung động đến từ các hiện thể khác được tâm thức làm linh hoạt một cách tương tự. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể từ từ học được cách phân biệt một cách chính xác và rõ ràng. Các sự việc được tiếp thu một cách liên tục – đó là vì chúng ta lệ thuộc vào thời gian – và việc tiếp thu chúng theo các chiều hướng tương đối so với chính chúng ta và giữa chúng với nhau – nghĩa là lệ thuộc vào không gian. Chúng ta từ từ khai mở đến trạng thái mà trong đó chúng ta có thể nhận biết được mọi sự việc cùng một lúc và mỗi sự việc ở khắp mọi nơi, nghĩa là vượt ngoài thời gian và không gian.

Trong khi trải qua vô số các biến cố trong đời sống, chúng ta thấy rằng chúng ta không còn giữ được liên lạc với mọi hoàn cảnh mà chúng ta đã trải qua. Có một khả năng đáp ứng rất giới hạn trong thể xác của chúng ta và do đó rất nhiều kinh nghiệm vượt ngoài tầm hoạt động (purview) của thể xác. Trong con xuất thân, chúng ta có thể phục hồi lại các kinh nghiệm này, và người ta bảo là chúng từ tiềm thức lộ ra. Thật ra các kinh nghiệm đó vẫn mãi mãi không thay đổi trong Tâm Thức Vũ Trụ, nhưng khi đi ngang qua chúng, ta mới nhận ra chúng, bởi vì ánh sáng của tâm thức chúng ta rất có giới hạn, bị che kín trong thể xác, phủ lên các kinh nghiệm, và các kinh nghiệm đó biến mất khi chúng ta đi qua. Nhưng khi khu vực được bao phủ bởi cùng ánh sáng đó tỏa chiếu qua thể cảm dục trở nên rộng lớn hơn, thì kinh nghiệm lại xuất hiện khi chúng ta ở trạng thái xuất thân – nghĩa là ở trong thể cảm dục, thoát ra khỏi thể xác. Các kinh nghiệm đó không đến rồi đi và lại đến nữa, mà ánh sáng của tâm thức chúng ta trong thể xác đã khuất đi, vì thế chúng ta không còn

thấy chúng nữa, và khi ánh sáng trong thể cảm dục trải rộng hơn thì chúng ta mới lại thấy được chúng. Như Bhagavan Das đã có nói rõ:

223 “Nếu một khán giả đi thơ thần không biết mệt qua các gian phòng của một Bảo tàng viện lớn, trưng bày tác phẩm nghệ thuật, vào đêm tối đen với một cây đèn nhỏ nơi tay, mỗi món đồ, tranh cảnh, tượng, ảnh sẽ lần lượt được soi sáng bằng ngọn đèn đó riêng từng cái trong khi mọi cái còn lại vẫn ở trong bóng tối, sau đó, chính vật ấy lại chìm vào bóng tối. Bây giờ không phải chỉ một người mà có vô số khán giả như thế cũng như vô số đồ vật trong chỗ đó, mỗi khán giả không ngừng qua lại trong đám đông lớn đó, mỗi ngọn đèn soi sáng một món đồ trong một lúc và chỉ soi sáng khán giả đang cầm đèn đó mà thôi. Tòa nhà lớn và bất động đó tượng trưng cho thiên ý vững như đá của Tuyệt Đối bất biến (rock-bound ideation of the changeless Absolute). Mỗi khán giả cầm đèn trong đám đông tượng trưng cho một tuyến tâm thức trong số dường như vô tận các tuyến như thế, tạo thành toàn bộ tâm thức vũ trụ duy nhất. Mỗi lần xuất hiện dưới ánh sáng của mỗi đối tượng là tượng trưng cho trạng thái biểu lộ của nó, là một kinh nghiệm của Jiva; mỗi lần rơi vào bóng tối là thời gian tiềm phục (không biểu lộ) của nó. Theo quan điểm của chính các đối tượng hay của tâm thức vũ trụ, thì không hề có trạng thái không biểu lộ, cũng không có trạng thái biểu lộ. Theo quan điểm về các tuyến tâm thức thì cả hai đều có”<sup>(1)</sup>.

Khi hết hiện thể này đến hiện thể khác hoạt động đầy đủ, thì vùng ánh sáng trải rộng ra, tâm thức có thể chuyển sự chú ý của nó vào bất cứ phần nào của vùng sáng đó và quan

<sup>1</sup> Khoa Học An Bình (The Science of Peace).

sát kỹ lưỡng các đối tượng nằm trong đó. Như vậy khi tâm thức có thể hoạt động một cách tự do trên cõi cảm dục và hiểu biết hết những gì xung quanh nó trên cõi đó, thì nó có thể thấy được nhiều sự vật trên cõi trần thuộc về “quá khứ” – hoặc “tương lai” nếu chúng là các sự vật mà trong “quá khứ” tâm thức đã học được cách đáp ứng. Các sự vật (things) ở ngoài vùng ánh sáng đi đến xuyên qua thể cảm dục sẽ nằm trong vùng ánh sáng từ thể trí tinh anh hơn tuôn ra. Khi linh hồn thể là hiện thể đó, thì “ký ức của các tiền kiếp” có thể được phục hồi, linh hồn thể rung động một cách dễ dàng hơn với những sự việc (events) mà trước đây nó đã từng rung động, ánh sáng đang chiếu qua nó bao bọc một khu vực lớn hơn nhiều và soi thấu những cảnh tượng (scenes) xảy ra từ lâu – thực ra các cảnh tượng này không lâu hơn là các cảnh tượng của hiện tại, mà chỉ chiếm một vị trí khác trong thời gian và không gian. Các hiện thể thấp, trước kia không từng rung động theo các sự việc này nên không thể dễ dàng tiếp xúc và đáp ứng trực tiếp với chúng, mà phụ thuộc vào linh hồn thể, tức là hiện thể tương đối trường tồn. Nhưng khi thể này đáp ứng với chúng, thì các rung động từ thể này dễ dàng chạy xuống và có thể được tái tạo trở lại trong thể trí, thể cảm dục và thể xác.

## 6- Sự chú ý

Đối với tâm thức, chúng ta có thể dùng câu nói trên: “tâm thức có thể chuyển sự chú ý của nó vào bất cứ phần nào của vùng sáng và quan sát kỹ các đối tượng nằm bên trong”. Việc “chuyển sự chú ý này”, ở trong tâm thức, tương ứng rất chặt chẽ với những gì mà chúng ta nên gọi là việc tập trung (focussing) con mắt vào thể xác. Nếu chúng ta quan sát tác động đang xảy ra trong các cơ (muscles) của con mắt khi nhìn

một vật ở gần trước và kế đó nhìn vật ở xa, hay ngược lại, chúng ta sẽ thấy có một cử động nhẹ, và sự co rút hoặc nói dân này tạo ra một sức ép nhẹ hoặc ngược lại, trong các thấu kính của mắt. Hiện nay, đó là một hoạt động tự động, hoàn toàn do bản năng, nhưng nó chỉ trở nên như thế là do thực hành; một hài nhi không biết điều tiết con mắt của nó, cũng như không biết suy đoán được khoảng cách. Nó không ngần ngại nắm lấy cây nến ở tận cuối phòng giống như nắm lấy cây nến nằm trong tầm tay nó, chỉ từ từ nó mới học cách biết được những gì ở ngoài tầm tay. Việc cố gắng nhìn rõ đưa đến việc điều tiết của con mắt, và giờ đây việc đó trở thành tự động. Các mục tiêu mà mắt tập chú vào đều nằm trong nhãn trường nhìn rõ, và phần còn lại được thấy mập mờ. Cũng thế, tâm thức biết rõ những gì mà sự chú ý của nó được hướng vào, còn những sự việc khác vẫn mơ hồ, “thiếu sắc nét” (“out of focus”).

Thế thì con người từ từ học được cách chuyển sự chú ý của mình vào các sự việc đã qua từ lâu khi chúng ta đo được (measure) thời gian. Linh hồn thể tiếp xúc được với các sự việc đó, và lúc đó rung động được truyền cho các hạ thể. Sự có mặt của một người tiến hóa cao sẽ giúp ích cho người kém tiến hóa, bởi vì khi thể cảm dục của người tiến hóa cao đã được tạo ra để rung động một cách thuận lợi với các sự việc xảy ra từ lâu, như vậy tạo ra một hình ảnh bằng chất cảm dục (astral picture) về các sự việc đó, thì thể cảm dục của người kém hơn có thể dễ dàng tái tạo lại các rung động này và nhờ đó người này cũng “thấy” được. Nhưng thậm chí khi một người đã học được cách làm cho chính mình tiếp xúc được với quá khứ của mình và nhờ rung động của chính mình cùng với rung động của những người khác để tiếp cận được với quá khứ đó, y cũng sẽ thấy việc đó khó hơn nhiều khi

chuyển sự chú ý của y một cách hiệu quả vào các màn cảnh mà y không chút liên quan với nó. Khi việc đó được chế ngự, y sẽ vẫn thấy khó để tự đặt mình vào tiếp xúc với các màn cảnh nằm ngoài các kinh nghiệm của quá khứ mới xảy ra của y, thí dụ, nếu y muốn viếng mặt trăng, và theo các phương pháp quen thuộc của mình, y phóng mình vào hướng đó, y sẽ thấy chính mình bị một tràng rung động xa lạ tấn kích mà y không thể đáp ứng lại một cách tự nhiên, và y cần phải nhờ cậy vào quyền năng thiêng liêng nội tại để đáp ứng với bất cứ gì có thể tác động vào các hiện thể của y. Nếu y tìm cách đi còn xa hơn nữa, đến một hệ thống hành tinh khác, y sẽ tìm thấy một vách ngăn mà y không thể vượt qua được, đó là Vòng Giới Hạn (Ring-Pass-Not) của Hành Tinh Thượng Đế của chính y.

### 7- Tâm thức duy nhất

227 Vậy thì chúng ta bắt đầu hiểu được hàm ý trong câu nói: ở một trình độ tiến hóa nào đó, con người có thể đạt đến phân này hoặc phân kia của vũ trụ. Con người có thể tự giao tiếp với tâm thức của Thượng Đế bên ngoài các giới hạn do các hiện thể vật chất của con người đặt lên kẻ kém tiến hóa. Vốn được cấu tạo bằng vật chất được biến cải (modified) bởi tác động của Hành Tinh Thượng Đế của Dây hành tinh (Chain) mà con người xuất phát, các hiện thể này không thể đáp ứng với các rung động của vật chất được biến cải theo cách khác. Đạo sinh phải có khả năng sử dụng linh thể (atmic body) của mình trước khi có thể tiếp xúc được với Ký ức Vũ Trụ (universal Memory) bên ngoài các giới hạn của Dây Hành Tinh của y.

Đó là lý thuyết về Ký ức mà tôi đang trình bày cho các đạo sinh Khoa Minh Triết Thiêng Liêng nghiên cứu. Lý



thuyết này cũng áp dụng cho những cái nhỏ và quên nhỏ nhỏ của đời sống hằng ngày, cũng như cho các tầm mức rộng lớn được nói đến trong đoạn trên. Vì không có gì là nhỏ hay lớn đối với Thượng Đế cả, và, khi chúng ta hoàn thành hành động bé nhỏ nhất của Ký ức thế là chúng ta đang làm cho chúng ta giao tiếp được với sự toàn hiện (omnipresence) và toàn tri (omniscience) của Thượng Đế, cũng như khi chúng ta nhớ lại một quá khứ xa xăm vậy. Không có gì là “xa” (“far-off”) và không có gì là “gần” (“near”). Tất cả đều hiện hữu như nhau ở mọi thời gian và trong mọi không gian. Cái khó khăn là do các hiện thể của chúng ta, chớ không phải do Sự Sống bất biến bao trùm vạn hữu.

Tất cả mọi người ngày càng trở nên thấu suốt hơn và hiến dâng cho hòa bình (peace-giving) nhiều hơn khi chúng ta nghĩ đến Tâm Thức đó, trong đó không có gì “trước”, không có gì “sau”, không có “quá khứ” và không có “tương lai”. Chúng ta bắt đầu cảm thấy rằng các sự việc này chỉ là ảo tưởng, các giới hạn, được đặt lên chúng ta bởi chính các lớp vỏ (sheaths) của chúng ta, chúng ta vẫn cần tới nó cho đến khi năng lực của chúng ta phát triển và sẵn sàng giúp ích cho ta. Chúng ta sống một cách vô tâm trong cái Tâm Thức bao la này, nơi đây mọi vật mãi mãi hiện hữu, chúng ta mơ hồ cảm thấy rằng nếu chúng ta có thể sống một cách hữu thức trong Cái Vĩnh Cửu đó thì sẽ có an bình. Tôi không biết điều gì có thể cống hiến nhiều hơn là các biến cố của một sự sống theo đúng mức của các biến cố đó bằng ý niệm về một Tâm Thức, trong đó mọi việc đều hiện hữu từ lúc bắt đầu, thực ra, trong đó không có thủy và cũng không có chung. Chúng ta học được rằng không có chi đáng ghê sợ và không có gì đáng buồn phiền, mọi việc chỉ là tương đối thôi; và trong bài học

đó là cái khởi đầu của mối an bình đích thực, mà vào đúng lúc sẽ chiếu rạng thành lạc phúc.

## Phần II

### **Ý Chí, Dục Vọng và Tình Cảm**



### Chương I

#### **Ý muốn linh hoạt**

231

Trong giai đoạn nghiên cứu ngắn về Cội Nguồn, tiểu đoạn 1, 2 của phần Dẫn Nhập trong quyển sách này, chúng ta đã thấy rằng Chân Thần xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Một, có bản chất là tam vị nhất thể trong Cội Nguồn, với ba trạng thái là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động.

Giờ đây chúng ta chuyển qua việc nghiên cứu Ý Chí (Will), khi tự biểu lộ ở cõi cao thì đó là Ý Chí, còn ở cõi thấp thì đó là Dục Vọng (Desire). Việc nghiên cứu Dục Vọng đưa chúng ta đến việc nghiên cứu Tình Cảm (Emotion), cả hai có liên hệ chặt chẽ với nhau. Chúng ta đã thấy rằng, sở dĩ chúng ta hiện hữu ở đây là vì chúng ta <sup>(1)</sup> muốn linh hoạt trong các cõi thấp, chính Ý Chí định đoạt việc chúng ta ở lại đây. Đối với phần lớn nhân loại, thì bản chất, khả năng và hoạt động của Ý Chí chỉ được hiểu chút ít, vì trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu, Ý Chí không biểu lộ trên các cõi thấp ngoại trừ dưới hình thức Dục Vọng, vậy Ý Chí phải được nghiên cứu dưới hình thức Dục Vọng trước khi nó có thể được hiểu như là Ý Chí thực sự.

---

<sup>1</sup> (1) Hai chữ “chúng ta” ở đây phải được hiểu là “Chân Thần chúng ta”.(ND)

Chính trạng thái- Quyền Năng (Power-aspect) của tâm thức, (bao giờ cũng bị che khuất trong Chân Ngã) mặc dầu ẩn sau Minh Triết và Hoạt Động, nhưng vẫn thôi thúc cả hai biểu lộ ra ngoài. Bản chất của Ý Chí bị che kín đến nỗi nhiều người xem Ý Chí như là một với Hoạt Động (Activity) và cho nó không xứng đáng là một trạng thái riêng biệt của Tâm thức. Tuy nhiên, Hoạt Động là sự tác động (action) của Chân Ngã lên trên Phi Ngã (Not-Self, Phàm ngã), tức là cái đang mang lại cho phàm ngã một Thực Tại tạm bợ của nó, tức là cái đang sáng tạo, nhưng Ý Chí bao giờ cũng ẩn bên trong để thôi thúc Hoạt Động, thu hút, xô đẩy hoạt động, Ý Chí là cốt lõi của Trái Tim Con Người (Heart of Beings).

Ý Chí là Quyền Năng đứng đằng sau sự Hiểu Biết (Cognition), và đang kích thích sự Hoạt Động. Tư tưởng là hoạt động sáng tạo, còn Ý Chí là mãnh lực thôi thúc (motive power). Các thể của chúng ta được tạo ra theo đúng thực tướng của chúng (<sup>1</sup>), bởi vì từ bao đời nay, Bản Ngã đã đưa ra Ý Muốn của nó rằng vật chất phải được nắn tạo thành các hình thể như thế nào để nhờ đó nó có thể hiểu biết và làm sinh động mọi vật ở ngoài chính nó.

Trong một Cổ Thư có viết:

“Hồi Maghvan, thật ra xác thân này hữu tử, nó lệ thuộc thần chết. Tuy nhiên đó là một chỗ nghỉ ngơi của Atma bất tử và vô sắc tướng (bodiless Atma)... Đôi mắt được dùng làm cơ quan quan sát cho Thực Thể ngự bên trong mắt. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ ngủ”, ấy là Atma đang mong muốn có kinh nghiệm về mùi hương. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ nói”, ấy là Atma đang muốn

---

<sup>1</sup> Các thể của chúng ta trong hiện kiếp được tạo ra theo đúng với mức tiến hóa mà chúng ta đã đạt được trong tiền kiếp, trước khi chúng ta bỏ xác thân-(ND).

thốt ra ngôn từ. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ nghe”, ấy là Atma muốn lắng nghe diệu âm. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ suy tưởng” ấy là chính Atma vậy. Trí (mind) là con mắt siêu phàm (celestial eye), thấy được mọi đối tượng ưa thích. Nhờ siêu nhân của trí, Atma có được tất cả (Chhandogyopanishat, VIII, XII, 1,4,5).

233 Đây là bí quyết, tức động lực, của sự tiến hóa. Đích thực là Ý Chí vĩ đại vạch ra con đường tiến hóa cao siêu. Đích thực là các Đấng Thông Tuệ Tinh Thần thuộc nhiều đẳng cấp đang dẫn dắt các thực thể tiến hóa theo con đường cao siêu đó. Nhưng người ta quá ít chú tâm vào vô số các kinh nghiệm, các thất bại, thành công, các đường phụ nhỏ bé, các lối quanh khúc khuỷu, do sự dò dẫm của các Ý Chí riêng biệt, mỗi Ý Muốn Linh Hoạt (Will to Live) cố tìm cách tự biểu lộ. Các tiếp xúc với ngoại giới làm phát sinh trong mỗi Atma cái Ý Chí muốn biết điều gì tác động. Nơi con sửa chẳng hạn, Atma chỉ biết được chút ít, như Ý Chí muốn biết (Will to Know) từ hình thể này đến hình thể khác, nắn tạo ra một con mắt luôn luôn cải thiện đang cản trở ít nhiều năng lực nhận thức của nó. Khi nghiên cứu sự tiến hóa, chúng ta ngày càng trở nên biết rõ là Ý Chí tạo hình cho vật chất, nhưng tạo hình bằng các kinh nghiệm dò dẫm chớ không phải bằng sự trông thấy rõ ràng. Sự hiện hữu của nhiều Ý Chí này làm cho cây tiến hóa luôn luôn sinh ra nhánh. Có một chân lý đích thực (real truth) trong câu chuyện hài hước của Giáo sư Clifford dành cho trẻ con về loài khủng long khổng lồ (great saurians) của thời xa xưa: “Một số con chọn cách bay và trở thành chim; những con khác chọn cách bò nên trở thành loài bò sát (reptiles)”.

Thường khi chúng ta thấy một cố gắng bị thất bại, và rồi sự cố gắng được tạo ra theo chiều hướng khác. Thường khi chúng ta thấy các dụng cụ vụng về nhất lại ở cạnh các mô

phông tinh xảo nhất. Các mô phông tinh xảo này là kết quả của các Đấng Thông Tuệ thấu rõ mục đích của các Ngài và luôn luôn gọt đẽo vật chất thành các hình thể thích hợp; các dụng cụ vụng về kia là kết quả của các nỗ lực từ bên trong, tuy còn mù mờ và dò dẫm, nhưng nhất quyết bắt đầu tự biểu lộ. Nếu chỉ có các vị thiết kế bên ngoài, thấy được mục tiêu từ khởi thủy, thì Thiên Nhiên dường như bày ra cho chúng ta các nan đề không thể giải đáp trong cách kiến tạo, rất nhiều cố gắng không thích hợp, nhiều thiết kế không hiệu quả. Nhưng khi ta hiểu được sự hiện diện của Ý Chí Muốn Sống (Will to Live) trong mỗi hình hài, đang tìm cách tự biểu lộ, tạo hình các hiện thể cho các mục đích riêng của nó, thì bấy giờ chúng ta có thể thấy sự giống nhau của cơ sáng tạo ẩn dưới vạn vật – đó là Thiên cơ của Thượng Đế; các thích ứng đáng khâm phục đang thể hiện thiên cơ của Ngài – công trình lớn lao của các Đấng Thông Tuệ trong việc kiến tạo; các dụng cụ không thích hợp và các mưu tính vụng về (clumsy expedients) – do bởi các nỗ lực của các Bản Ngã có ý chí, nhưng chưa có đủ tri thức hoặc năng lực để làm cho hoàn hảo.

Chính cái Linh Ngã (divine self) đang dò dẫm, đang nỗ lực, đang phấn đấu này, khi sự tiến hóa tiếp nối, sẽ trở nên Chủ Thể đích thực (true Ruler), tức Chủ Thể nội tâm (inner Ruler), Thực Thể Bất Tử (the Immortal), ngự trong các hiện thể biểu lộ do chính mình tạo ra, có được ý thức về chân giá trị và quyền năng ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn và có sức thu hút hơn đối với phàm ngã. Chỉ có sự hiểu biết về chân lý mới làm cho chúng ta được giải thoát mà thôi. Chủ Thể nội tâm có thể vẫn còn bị cản trở bởi các hình hài mà Ngài đã tạo ra để tự biểu lộ, nhưng nhờ biết chính mình có vai trò là Chủ Thể (Ruler), Ngài có thể hoạt động một cách kiên trì để hoàn

235 toàn chinh phục được lãnh địa của Ngài. Ngài biết rằng mình đến thế gian này vì một mục đích nhất định để làm cho chính mình được thích hợp trở thành một kẻ cùng hoạt động với Ý Chí Tối Cao (Supreme Will), nên Ngài có thể thi hành và chấp nhận tất cả những gì cần cho mục tiêu đó. Ngài biết chính mình là thiêng liêng và việc nhận thức Chân Ngã (Self-realization) chỉ là vấn đề thời gian. Về bên trong, thánh linh được cảm nhận, mặc dầu bên ngoài chưa biểu lộ, và Ngài còn phải biểu lộ những gì cơ bản nơi Ngài. Ngài là chúa tể theo pháp lý chớ chưa phải theo thực tế.

Với cương vị một ông Hoàng (Prince), được sinh ra để làm chúa, nhẫn nại khép mình vào giới luật, giới luật này làm cho ông Hoàng trở nên thích hợp để đội vương miện, thế nên ý chí tối thượng nơi chúng ta đang tiến hóa đến thời kỳ mà các quyền lực chúa tể sẽ nằm trong tay, còn giờ đây nên chịu nhẫn nại tuân phục vào giới luật cần thiết của đời sống.

## Chương II Dục vọng

236

### 1- Bản chất của dục vọng

Khi Chân Thần xạ ra các tia sáng của mình vào vật chất của cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm và chiếm hữu cho chính mình một nguyên tử của mỗi cõi đó (xem Phần I, Chương IV, 3), thì Chân Thần tạo ra những gì thường được gọi là “hình ảnh của Chân Thần trong vật chất”, tức “Tinh Thần” con người (human “spirit”), và trạng thái Ý Chí của Chân Thần (Monad) được phản chiếu trong Linh Thể con người (human Atma), Linh thể này có trú sở ở trên cõi thứ ba hay cõi Niết Bàn (atmic plane). Ngôi vị (hypostasis)<sup>(1)</sup> đầu tiên đó quả thực bị giảm sút quyền năng do bị khoác vào các bức màn vật chất, nhưng không bị biến dạng (distorted) chút nào. Giống như một cái gương được chế tạo tinh vi sẽ cho được hình ảnh hoàn hảo của một vật, thì cũng thế, Tinh Thần con người (human Spirit), tức Atma-Buddhi-Manas, cũng là một hình ảnh hoàn hảo của Chân Thần, thực vậy, đó chính là Chân Thần bị che lấp trong vật chất trọng trọng hơn.

Nhưng giống như một gương lõm hay gương lồi sẽ cho ra hình ảnh méo mó của một vật đặt phía trước nó, cũng thế các phản ảnh xa hơn của Tinh Thần, do chỗ có các dính líu

---

<sup>1</sup> Hypostasis: Ngôi vị (person) của Đức Christ, kết hợp bản chất con người và bản chất thiêng liêng. Một trong Ba Ngôi của Trinity. (Tự Điển Oxford 1994 - ND).



(involutions) vào vật chất trọng trực, nên chỉ cho được các hình ảnh méo mó lệch lạc mà thôi.

237 Vậy thì, trong khi tiến xuống dưới, Ý Chí càng thêm bị che khuất ở mỗi cõi, và khi đạt tới cõi ngay trên cõi trần, tức cõi cảm dục, Ý Chí hiện ra nơi đây dưới hình thức Dục Vọng (Desire). Dục vọng cũng có được sức mạnh (energy), có độ tập trung (concentration), có đủ các tính chất thúc đẩy của Ý Chí, nhưng vật chất đã giành lấy sự kiểm soát và phương hướng của nó ra khỏi Tinh Thần và đã đoạt mất quyền chi phối của Ý Chí. Dục vọng là Ý Chí bị truất ngôi, tên tù nhân, kẻ nô lệ của vật chất. Dục vọng không còn do Chân Ngã định đoạt nữa (self-determined) mà bị định đoạt bởi các lôi cuốn chung quanh nó.

Đây là sự phân biệt giữa Ý Chí với Dục Vọng. Bản chất sâu kín nhất của cả hai đều như nhau, vì thực ra cả hai chỉ là một sự định đoạt, sự tự định đoạt của Atma, tức là động lực thôi thúc duy nhất của con người, những gì thúc đẩy đến Hoạt Động, đến cách tác động lên ngoại giới, lên Phi-Ngã. Khi Chân Ngã định đoạt sự hoạt động, không còn chịu ảnh hưởng bởi các thu hút hoặc các xô đẩy hướng về các đối tượng chung quanh nữa, bấy giờ Ý Chí mới biểu lộ. Khi các thu hút và xô đẩy bên ngoài định đoạt sự hoạt động và khi con người còn bị các hút, đẩy này lôi đi khắp nơi, bỏ ngoài tai tiếng nói của Chân Ngã, không biết đến Chủ Thể nội tâm, thì bấy giờ Dục vọng hiện ra.

Dục vọng là Ý Chí bị bao phủ trong chất cảm dục (astral matter), chất này được tạo thành bởi Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai để trở thành các kết hợp vật chất, phản ứng giữa các kết hợp vật chất với tâm thức tạo ra các cảm giác trong tâm thức.

238 Đã bị bao bọc trong chất cảm dục này, các rung động của chất đó còn bị kèm theo bằng các cảm giác trong tâm thức, nên Ý

Chí bị biến đổi thành Dục vọng. Bản chất chính yếu của Ý Chí là đưa ra các xung lực hoạt động, nhưng vì bị chất cảm dục bao quanh, mà chất này lại làm nảy sinh cảm giác, lại đáp ứng với sức thôi thúc, và sức thôi thúc này được khơi dậy và tác động qua chất cảm dục, thế là dục vọng nảy sinh.

Khi ở trong bản chất cao, thì Ý Chí là mãnh lực thôi thúc, cũng thế, lúc ở trong bản chất thấp, thì dục vọng lại là sức mạnh thôi thúc. Khi mãnh lực thôi thúc trở nên yếu ớt thì toàn bộ bản chất trở nên yếu theo trong phản ứng của nó trên cõi trần. Sức mạnh có hiệu quả của một bản chất được đo bằng sức mạnh Ý Chí của nó hoặc bằng sức mạnh Dục Vọng của nó tùy theo trình độ tiến hóa. Có một chân lý ẩn dưới câu nói dân gian : “Càng phạm trọng tội, càng thành đại thánh” (“the greater the sinner, the greater the saint”). Kẻ tâm thường không thể thành bậc đại hiền, cũng không thành người đại ác được, y không có đủ sức mạnh để làm điều thiện nhỏ hoặc làm điều ác nhỏ. Sức mạnh của bản chất dục vọng nơi một người là thước đo khả năng tiến hóa của người đó, tức là thước đo động lực mà theo đó người này có thể hồi thúc sự tiến hóa của mình. Nơi một người, mãnh lực thôi thúc đưa đến phản ứng lên môi trường xung quanh người ấy là thước đo năng lực người ấy để biến cải, để thay đổi, để chinh phục nó. Trong việc đấu tranh với bản chất dục vọng (sự đấu tranh này đánh dấu mức tiến hóa cao) động lực thúc đẩy không phải bị hủy diệt mà là được chuyển hóa; các dục vọng thấp phải được chuyển hóa thành dục vọng cao, năng lượng phải được thanh luyện mà không mất đi sức mạnh của nó, và sau cùng bản chất dục vọng phải tan biến vào trong Ý Chí, mọi năng lượng được gom lại và hòa nhập vào trong trạng thái Ý Chí của Tinh Thần, quyền năng của Chân Ngã.

Do đó, không một người tầm đạo nào còn bị ngã lòng trước con phong ba bão táp của các dục vọng nơi mình, không một nhà dạy ngựa (horse-breaker) nào còn tức giận với những cái nhảy dựng đứng lên (rearings) và những cú lao tới (plungings) của con ngựa non chưa được thuần hóa (unbroken colt). Tính hoang dại của sinh vật non trẻ chưa được dạy dỗ và sự nổi loạn của nó chống lại mọi cố gắng kiểm soát và kiềm chế, đều là cái hứa hẹn cho sự hữu dụng sau này của nó khi được đưa vào giới luật và được dạy dỗ. Như vậy thậm chí các giằng kéo (strainings) của Dục Vọng chống lại sự kiềm chế (curb) do trí tuệ áp đặt, cũng là cái hứa hẹn sức mạnh sau này của Ý Chí, của trạng thái quyền năng (Power aspect) của Chân Ngã.

Ở một mức độ nào đó, nỗi khó khăn nhất định xảy ra nơi nào dục vọng còn yếu ớt, trước khi Ý Chí tự thoát khỏi các chướng ngại của chất cảm dục; vì trong trường hợp như thế, Ý-Chí-Muốn-Sống (will-to-live) đang tự biểu lộ nhưng hãy còn yếu ớt và mãnh lực có thể dùng cho sự tiến hóa ít có hiệu quả. Trong các hiện thể có một số chướng ngại kiểm soát năng lượng đang tuôn ra của Chân Thần và làm cản trở đường lưu thông tự do của nó, cho tới trước khi chướng ngại đó bị lấy đi, người ta chỉ mong có được hy vọng tiến bộ chút ít mà thôi. Trong con phong ba, chiếc thuyền cứ tiến tới, mặc dầu có nguy cơ bị đắm, nhưng khi biển lặng hoàn toàn thì thuyền vẫn trôi và bất động, không đi theo cánh buồm mà cũng không đi theo bánh lái (helm). Và vì trong cuộc hành trình này, không thể xảy ra việc đắm tàu cuối cùng, mà chỉ có sự thiệt hại tạm thời, lúc có phong ba giúp cho tiến bộ còn hơn là lúc gặp yên tĩnh, những ai thấy mình bị bão nhồi đều có thể nhìn tới trước với lòng tin vững chắc vào cái ngày mà

những cơn bão táp của dục vọng sẽ bị đổi thành ngọn gió kiên định của Ý Chí.

## 2- Nhận thức Dục Vọng

Tất cả mọi cảm giác của chúng ta đều liên quan tới cõi cảm dục. Các trung khu mà nhờ đó chúng ta cảm nhận được, đều nằm trong thể cảm dục, và các phản ứng của các trung khu này với các tiếp xúc sẽ gây ra các cảm giác vui thích và đau khổ trong tâm thức. Nhà sinh lý học thông thường khi truy tìm cảm giác vui sướng và đau khổ từ điểm tiếp xúc đến trung khu của não bộ, chỉ nhận biết được các rung động thần kinh giữa ngoại biên với trung khu mà thôi, còn ở trong trung khu, phản ứng của tâm thức được nhận biết dưới hình thức cảm giác. Khi dãn theo các rung động xa hơn, chúng ta chỉ tìm thấy các rung động trong trung khu của não bộ và trong chất dĩ thái thấm nhuần nó và thấy được trong trung khu cảm dục có một điểm mà nơi đó phản ứng của tâm thức xảy ra. Khi xảy ra sự ngưng trệ giữa thể xác với thể cảm dục, dù là do tác động của thuốc mê, thuốc tê hoặc thuốc gì khác, thì bất chấp mọi bộ máy thần kinh của nó, thể xác cũng không còn cảm nhận được gì nếu mất đi các dây thần kinh. Các khoen nối giữa thể xác với thể cảm giác (body of sensation) đã không còn ăn khớp nên tâm thức không còn đáp ứng được với bất cứ kích thích nào nữa.

Việc khơi dậy dục vọng (awakening of desire) xảy ra trong thể cảm giác này và tiếp theo là các cảm nhận mơ hồ đầu tiên về vui sướng và khổ đau. Như trước kia đã có nói (Xem Phần I, Chương IX, 1), vui sướng “là một cảm giác “thêm lên “(moreness) của sự sống tăng gia mở rộng”, trong khi đau khổ là sự khép lại (shutting in) hoặc thu hẹp (lessening) sự sống và tất cả đều tùy thuộc vào toàn bộ tâm

thức. “Trạng thái tâm thức sơ khởi này không tiêu biểu cho ba trạng thái đã biết rõ là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, cho dù ở trong giai đoạn phôi thai nhất; “cảm giác” (“feeling”) đi trước các trạng thái này và nói chung tùy thuộc vào tâm thức, mặc dầu trong các giai đoạn tiến hóa sau, nó tự tỏ ra có liên quan rất nhiều với trạng thái Ý Chí- Dục Vọng để trở nên hầu như đồng nhất hóa với trạng thái này”. “Khi các trạng thái vui sướng và đau khổ trở nên được thiết lập rõ rệt hơn trong tâm thức, thì chúng sinh ra một trạng thái khác; với việc mất dần thú vui, có một sự lặp lại việc quỵến rũ trong tâm thức, và điều này trở thành một dò dẫm mơ hồ sau đó” – nên lưu ý, đó là một dò dẫm không theo sau bất cứ đối tượng mang lại vui thú nào, mà theo sau một kéo dài của cảm giác vui thú – “một sự theo sau mơ hồ của cảm giác đang tan biến, một chuyển động – quá mập mờ nên không được gọi là một cố gắng – để nắm bắt và giữ nó lại. Một cách tương tự, cũng với sự mất dần của đau khổ, có một sự kéo dài của lực đẩy (repulsion) trong tâm thức,...và điều này trở thành một hoạt động cũng mơ hồ để đẩy nó đi”. Các giai đoạn này khai sinh ra dục vọng.

Việc nảy sinh dục vọng này là việc đạt tới một cách yếu ớt nhờ bởi việc đi tìm thú vui trong cuộc sống, một hoạt động của sự sống, không được hướng dẫn, mơ hồ, có tính cách dò dẫm. Hoạt động này không thể đi xa được bao giờ mà tư tưởng chưa phát triển đến một mức độ nào đó và chưa nhận biết được thế giới bên ngoài, chưa biết đến Phi Ngã và chưa học được cách liên kết các đối tượng khác nhau trong Phi Ngã với vui sướng hoặc đau khổ xuất phát trong tâm thức khi tiếp xúc với chúng.

Nhưng các kết quả của các tiếp xúc này có từ lâu trước khi các đối tượng được nhận biết như có nói ở trên, đã tạo ra

một sự phân chia ra nhánh nhóc của dục vọng. Chúng ta có thể lấy một minh họa đơn giản nhất: việc thèm ăn trong một cơ thể sinh vật cấp thấp. Khi xác thân hao mòn, trở nên kém cỏi, thì một cảm giác đau đớn phát sinh trong thể cảm dục, gọi ra một nhu cầu, một khát khao, mơ hồ và không rõ ràng. Do sự hao mòn mà xác thân trở thành một hiện thể kém hiệu quả đối với sự sống đang tuôn đổ xuống qua thể cảm dục và sự cản trở này gây ra đau đớn. Một dòng nước tràn ngập cơ thể, mang thức ăn đến cho thể xác, thức ăn được hấp thu, chỗ hao mòn được sửa chữa, sự sống tuôn chảy không còn bị ngăn trở, đó là sự vui thích.

Ở sinh vật tiến hóa hơn một ít, khi đau khổ nổi lên, lập tức có ước muốn thoát khỏi đau khổ, ý thức xua đuổi (repulsion) nổi lên, trái ngược với ý thức thu hút do sự vui thích tạo ra. Các kết quả này là do Dục vọng bị tách làm hai.

243 Từ Ý Chí Muốn Sống phát sinh việc khát khao kinh nghiệm, và trong hiện thể thấp, sự khát khao này, khi xuất hiện dưới hình thức Dục Vọng, lại trở thành nỗi khát khao kinh nghiệm ở một mặt, để làm cho cảm giác đối với sự sống được linh động hơn, còn mặt khác gây ra hiện tượng lùi lại trước những gì làm cho yếu ớt và làm giảm sự sống. Sự hút và đẩy này đều có bản chất Dục Vọng như nhau. Giống như một nam châm hút hoặc đẩy một số kim loại, Chân Ngã nhập thể (embodied Self) cũng có tính chất hút và đẩy. Cả hút và đẩy đều là Dục Vọng và cả hai đều là hai động lực vĩ đại trong sự sống, mọi dục vọng sau cùng đều có thể giải quyết được. Chân Ngã mà làm nô lệ cho Dục Vọng, ở dưới Lực Hút Đẩy, sẽ bị hút bên này bên kia, bị đẩy chỗ này chỗ nọ, hấp tấp xô vào các đối tượng đem lại đau khổ và vui sướng, như thuyền không lái ở giữa sóng gió.

### 3- Liên hệ của Dục Vọng với Tư Tưởng

Bây giờ chúng ta phải xem xét mối liên hệ mà Dục Vọng có được đối với Tư Tưởng và xem coi tại sao trước tiên Dục Vọng chế ngự Tư Tưởng và rồi bị Tư Tưởng chế ngự lại.

Lý Trí Thuần Túy (Pure Reason) là một phản ảnh của trạng thái Minh Triết của Chân Thần và xuất hiện trong Tinh Thần con người dưới hình thức Tuệ Giác (Buddhi). Nhưng chúng ta không bận tâm đến sự liên quan của Dục Vọng với Lý Trí Thuần Túy, vì thực ra chúng ta không thể nói là nó có 244 liên quan trực tiếp với Minh Triết, mà là liên quan với Bác Ái, tức biểu lộ của Minh Triết trên cõi cảm dục. Tốt hơn, chúng ta nên tìm hiểu sự liên quan của nó với trạng thái Hoạt Động của Chân Thần, trạng thái này tự biểu lộ trên cõi cảm dục dưới hình thức cảm giác và trên cõi trí dưới hình thức tư tưởng. Thậm chí chúng ta cũng không bàn đến Thượng Trí, vốn là Hoạt Động sáng tạo, Manas, dưới hình thức thuần khiết của nó, mà nói đến cái phản ảnh lệch lạc của nó, tức là Hạ Trí. Chính cái hạ trí này mới có liên quan trực tiếp với Dục Vọng và được pha trộn không thể tách rời với Dục Vọng trên đường tiến hóa của con người. Chúng liên kết chặt chẽ đến nỗi chúng ta thường nói đến Kama-Manas, tức Trí-Cảm (Desire-Mind) như là nói đến một vật duy nhất, vì trong tâm thức thấp kém, hiếm khi thấy được một tư tưởng nào đơn thuần không chịu ảnh hưởng của một dục vọng nào.

“Quả thật, Manas được cho là có hai mặt: tinh khiết (pure) và ô trược (impure); ô trược do dục vọng định đoạt, tinh khiết là hết dục vọng (desire-free)”. (Bindopanishat, 1)

Hạ trí này chính là “tư tưởng” trên cõi trí, tính chất đặc trưng của nó là xác nhận (asserts) và phủ nhận (denies), nó nhận biết được nhờ sự bất đồng, nó biết cảm nhận và hồi

tưởng. Như ta đã thấy, cùng một trạng thái mà trên cõi trí nó là tư tưởng, còn trên cõi cảm dục, trạng thái đó lại xuất hiện dưới hình thức cảm giác và được khơi dậy do sự tiếp xúc với ngoại giới.

245 Khi một thú vui đã được trải qua và tàn phai hết, thì Dục Vọng lại nổi lên để muốn trải qua lần nữa, như ta thường thấy. Và sự kiện này dẫn đến Ký Úc, vốn là một chức năng của trí tuệ. Ở đây cũng như ở bao chỗ khác, chúng ta nên nhớ rằng tâm thức bao giờ cũng tác động theo ba trạng thái của nó, mặc dầu trạng thái này hay trạng thái kia có thể vượt trội, vì ngay cả dục vọng phôi thai nhất cũng không thể nổi lên nếu không có ký ức. Cảm giác được tạo ra do một va chạm bên ngoài phải được gọi lên nhiều lần trước khi thể trí lập được mối liên hệ giữa cảm giác mà nó nhận biết với đối tượng bên ngoài đã tạo ra cảm giác đó. Sau rốt, trí “nhận biết” được đối tượng, nghĩa là liên kết đối tượng đó với một trong các thay đổi của chính nó, nhận ra một thay đổi trong chính nó được tạo ra bởi đối tượng bên ngoài. Các lập lại của nhận thức này sẽ tạo được một mối liên kết rõ rệt trong ký ức giữa đối tượng với cảm giác vui thích hoặc đau khổ, rồi khi Dục Vọng thúc ép lập lại thú vui, thì thể trí nhớ lại đối tượng đã mang lại thú vui đó. Như vậy, việc pha trộn Tư Tưởng với Dục Vọng khai sinh ra một dục vọng đặc biệt; đó là tìm kiếm và chiếm hữu đối tượng mang lại thú vui (the pleasure-giving object).

Dục vọng này thúc đẩy trí khôn phát huy hoạt động cố hữu của nó. Sự thèm muốn không được thỏa mãn tạo ra nỗi khó chịu, nỗ lực được tạo ra để thoát sự khó chịu bằng cách thủ đắc đối tượng dục ham muốn đó. Trí khôn sắp đặt, bắt xác thân hành động để làm thỏa mãn các thèm muốn của Dục Vọng. Tương tự như thế, cũng do Dục Vọng thôi thúc, trí



246 khôn sắp đặt tính toán bất thể xác hoạt động để tránh tái phát (recurrence) đau khổ từ một đối tượng được biết là tác nhân đem lại đau khổ.

Đó là sự liên hệ của Dục Vọng với Tư Tưởng. Nó phát khởi, kích động, thôi thúc các nỗ lực của trí tuệ. Vào các giai đoạn ban đầu, trí tuệ là nô lệ của Dục Vọng, nó phát triển mau lẹ tương xứng với các thôi thúc mãnh liệt của Dục Vọng. Chúng ta ham muốn, thế là chúng ta bị bắt buộc suy tưởng.

#### 4- Dục Vọng, Tư Tưởng, Hành Động

Giai đoạn ba của sự giao tiếp giữa Chân Ngã với Phi Ngã là Hành Động. Khi đã thấy được mục tiêu ước muốn rồi, thì trí khôn tác động vào, dẫn dắt và uốn nắn hành động. Hành động thường được cho là xuất phát từ Dục Vọng, nhưng một mình Dục Vọng mà thôi thì chỉ có thể làm dấy lên hoạt động hoặc hành động hỗn loạn. Sức mạnh của Dục Vọng là đẩy tới (propulsive) chứ không chỉ đạo (directive). Chính tư tưởng mới đưa thêm yếu tố chỉ đạo và uốn nắn hành động vào đúng mục tiêu.

247 Đây là chu kỳ luôn luôn lặp lại trong tâm thức – Dục Vọng, Tư Tưởng, Hành Động. Mãnh lực thúc đẩy của Dục Vọng làm gọi lên Tư Tưởng. Mãnh lực điều khiển của Tư Tưởng dìu dắt Hành Động. Trình tự này vốn bất biến, do đó hiểu rõ nó là điều rất quan trọng, vì việc kiểm soát hạnh kiểm có hiệu quả hay không là tùy vào việc hiểu biết này và tùy việc áp dụng nó trong thực tế. Việc điều chỉnh (shaping) nghiệp quả chỉ có thể thành tựu khi hiểu rõ trình tự này, chỉ có như vậy mới có thể phân biệt được hành vi có thể tránh và hành vi không thể tránh.

Chính là nhờ Tư Tưởng mà chúng ta mới có thể thay đổi được Dục Vọng và do đó thay đổi được Hành Động. Khi trí

khôn thấy rằng một vài đục vọng thúc đẩy cho tư tưởng có các hành động tạo ra bất hạnh thì nó có thể kháng cự lại các thúc đẩy sắp tới của Dục Vọng theo một hướng tương tự và không chịu đưa các hành động đó đến một kết quả đã biết là thảm hại. Nó có thể hình dung ra các kết quả đau khổ, và như thế làm phát sinh mãnh lực xua đuổi của Dục Vọng và có thể tưởng tượng ra kết quả đem lại phúc lợi cho loại ham muốn ngược lại. Hoạt động sáng tạo của Tư Tưởng có thể được sử dụng trong việc uốn nắn (moulding) Dục Vọng và sức thúc đẩy của nó có thể được chuyển qua một chiều hướng tốt đẹp hơn. Bằng cách này, Tư Tưởng có thể được dùng để chế ngự Dục Vọng và nó có thể trở thành người cai quản thay vì là kẻ nô lệ. Và như vậy khi Tư Tưởng củng cố được sự kiểm soát lên người bạn đồng hành ngang ngược của nó, nó bắt đầu chuyển Dục Vọng thành Ý Chí, thay đổi sự điều hành của năng lượng hướng ngoại từ ngoài vào trong, từ các đối tượng bên ngoài đang thu hút hoặc xua đuổi đối với Tinh Thần, tức Chủ Thể nội tâm (inner Ruler).

### 5- Bản chất ràng buộc của Dục Vọng

248 Nếu Ý Muốn Linh Hoạt (will to Live) là nguyên nhân tuôn tràn ra ngoài (forthgoing), của sự sống đang tìm cách nhập thể và chiếm hữu cho chính nó những gì cần cho sự biểu lộ và sự tồn tại (persistence) của nó trong hình hài, thì Dục Vọng, (vốn là Ý Chí trên cõi thấp), cũng sẽ biểu lộ các tính chất tương tự, nghĩa là tìm cách chiếm hữu, lôi kéo vào chính nó để tạo thành một phần của chính nó những gì mà nhờ đó sự sống của nó trong hình hài có thể được duy trì và củng cố. Khi chúng ta ưa thích một đối tượng nào thì chúng ta tìm cách làm cho đối tượng đó trở thành một phần của chính chúng ta, một phần của cái "Ngã", sao cho nó có thể

tạo thành một phần của hiện thân (embodiment) của cái “Ngã” đó. Dục Vọng là việc lộ ra sức mạnh thu hút, nó lôi kéo đối tượng được ưa thích vào chính nó. Bất cứ cái gì mà chúng ta ưa thích, chúng ta đều liên kết vào chính chúng ta. Do ước muốn chiếm hữu nó, một ràng buộc được tạo ra giữa đối tượng với kẻ ước muốn (desirer). Chúng ta trói buộc vào Chân Ngã cái phần này của Phi Ngã, và mỗi ràng buộc tồn tại cho đến khi đối tượng được chiếm hữu, hoặc cho đến khi Chân Ngã chặt đứt được mỗi ràng buộc và từ bỏ được đối tượng. Đây là “các ràng buộc của trái tim” (“the bonds of the heart”) (Kathopanishat, VI, 15) và trói buộc Chân Ngã vào bánh xe sinh tử.

Các mối ràng buộc này giữa kẻ ước muốn với các đối tượng ước muốn cũng giống như dây thừng kéo Chân Ngã vào nơi có các đối tượng ưa thích và như thế định đoạt nơi sinh của Chân Ngã vào cõi này hoặc cõi khác. Có một câu kinh điển tả về việc này như sau: “Khi đã mê đắm vào vật gì rồi thì người nào cũng đều dùng hành động cố đạt được cái mà tâm trí y đã khắc ghi vào. Khi đã đạt được đối tượng nhờ hành động mà y hoàn thành được tại cõi này rồi, thì do lẽ đó, y trở lại cõi này do bởi hành động đó. Đối với trí còn ham muốn thì cũng thế”. (Brihadaranyakopanishat, IV, IV, 6).

Nếu một người có các sở vọng (desires the objects) đối với một thế giới khác nhiều hơn là các sở vọng đối với thế giới này, thì bấy giờ người đó sẽ được sinh vào thế giới đó. Luôn luôn có một mãnh lực thu hút (tension)<sup>1</sup> trong mỗi dây Dục Vọng (bond of Desire) cho đến khi Bản Ngã và điều sở vọng được kết hợp lại.

---

<sup>1</sup> *Tension* : electromagnetic force, lực điện từ (Từ Điển Oxford, 1992).

Năng lực vĩ đại duy nhất có tính quyết định, tức Ý Chí Muốn Sống, đang giữ các hành tinh trong quỹ đạo của chúng quanh mặt trời, đang ngăn không cho vật chất của các bầu hành tinh (globes) khỏi tách ra, đang giữ cho các thể của chính chúng ta ở chung lại với nhau, đó là năng lực của Dục Vọng. Nơi chúng ta, Dục Vọng ngự trị tất cả và nó phải cuốn hút đến chúng ta hoặc cuốn chúng ta đến mọi vật mà nó đã gắn chặt các móc câu của nó. Móc câu (hook) của Dục Vọng tự cắm chặt vào một vật sở vọng, giống như một cây lao có ngạnh lúc nó cắm vào con cá voi do người phóng lao ném đi. Khi Dục Vọng đã cắm ngọn lao của nó vào vật sở vọng nào, thì Bản Ngã bị dính mắc vào vật sở vọng đó, chiếm hữu vật đó bằng Ý Chí, và chẳng bao lâu tất phải chiếm hữu nó bằng hành động. Vì vậy, một Đại Huấn Sư có nói: “Nếu mắt bên phải của người xui cho người phạm tội, thì hãy móc và quăng nó cho xa người, nếu tay phải xui cho người phạm tội, thì hãy chặt và liệng nó cho xa người”. (Matt, V, 29, 30). Vật được ưa thích sẽ trở thành một phần thân thể của Bản Ngã, và nếu nó xấu xa, nó nên được tách bỏ đầu có bị đau đớn đến đâu. Nếu không nó chỉ sẽ bị tàn tạ một cách chậm chạp theo thời gian

250 khi kiệt lực. “Chỉ những kẻ nào có ý chí dũng mãnh mới diệt được cội nguồn của điều xấu. Kẻ yếu đuối phải chờ cho nó lớn lên, đơm hoa kết quả rồi tàn tạ”. (“Light on the Path”).

### 6- Cắt đứt dây ràng buộc

Muốn cắt đứt mối dây ràng buộc của Dục Vọng, phải nhờ vào thể trí. Nơi đây có ẩn tàng cái năng lực trước tiên là thanh lọc (purify) và kế đó chuyển hóa Dục Vọng.

Trí óc ghi nhận các kết quả theo sau việc chiếm hữu mỗi đối tượng của Dục Vọng (vật sở vọng), và để ý xem coi kết quả mang lại do sự kết hợp của đối tượng đó với Chân Ngã

nhập thể là hạnh phúc hay đau khổ. Và khi nào, sau nhiều lần chiếm hữu một đối tượng có sức thu hút đó, trí óc chỉ thấy được kết quả đau đớn khó chịu, thì trí sẽ ghi nhận rằng đối tượng đó là đối tượng cần nên tránh về sau này. “Các thích thú do tiếp xúc sinh ra, đích thị là cội nguồn của đau khổ” (“The delights that are contact-born, they are verily wombs of pain”) (Bhagavad-Gita, V, 22).

Kế đó, sự xung đột lại nổi lên. Khi đối tượng thu hút đó lại hiện đến, Dục Vọng phóng ra ngọn lao ghim vào đối tượng và bắt đầu kéo nó vào. Do nhớ lại các kết quả đau buồn của những lần chiếm hữu tương tự trước đây, trí tuệ cố gắng kiểm soát Dục Vọng để cắt đứt mối dây ràng buộc bằng thanh gươm tri thức. Xung đột mãnh liệt bùng nổ dữ dội bên trong con người; y bị Dục Vọng lôi tới trước còn Tư Tưởng trì ra sau, rất nhiều lần Dục Vọng thắng thế và chiếm được vật sở vọng; nhưng kết quả đau buồn cứ mãi lặp lại, mỗi lần Dục Vọng chiến thắng là một lần nó phải dàn trận chống lại kẻ thù khác trong các lực lượng của trí tuệ. Hiển nhiên là cho dù chậm chạp đi nữa, Tư Tưởng cũng tỏ ra mạnh hơn, mãi cho tới khi sau cùng chiến thắng nghiêng về phía nó, và đến một lúc dục vọng yếu hơn là trí tuệ, đối tượng thu hút được buông ra, dây trói buộc bị cắt đứt. Đối với Sở Vọng đó, mối ràng buộc bị phá vỡ.

Trong cuộc xung đột này, Tư Tưởng tìm cách dùng sức mạnh của Dục Vọng chống lại Dục Vọng. Tư Tưởng chọn các đối tượng nào của Dục Vọng sẽ đem lại hạnh phúc tương đối dài lâu và tìm cách vận dụng các đối tượng này chống lại các dục vọng dẫn đến đau khổ một cách nhanh chóng. Thế rồi tư tưởng sẽ đem thú vui nghệ thuật chống lại thú vui nhục dục; tư tưởng sẽ dùng danh vọng (fame) và mãnh lực chính trị hoặc xã hội để chống lại các thú vui của nhục thể; nó sẽ kích

thích lòng ham muốn vui thích làm điều lành, để củng cố việc xa lánh các thú vui không lành mạnh; sau cùng tư tưởng sẽ làm cho lòng ham muốn có được an bình vĩnh cửu vượt qua được các ham muốn đối với thú vui thế tục (temporal joys).

Nhờ sự lôi cuốn to tát duy nhất này mà các lôi cuốn thấp kém khác bị tiêu diệt và không còn là các đối tượng ưa thích nữa: “Thậm chí cái sở thích (đối với chúng) cũng không còn nữa sau khi y thấy được Đấng Tối Cao”. (“Even taste (for them) turneth away from him after the Supreme is seen”) (Bhagavad-Gita, ii, 59).

Chính sức mạnh của Dục Vọng mới có thể tách nó ra khỏi những gì mang lại đau khổ và gắn chặt nó vào những gì mang lại phúc lạc (bliss). Cũng mãnh lực ràng buộc đó bây giờ được dùng làm khí cụ để giải thoát. Nhờ tự tách ra khỏi các đối tượng, nó sẽ chuyển hướng đi lên và hướng vào trong, nối kết con người với Nguồn Sống (Life) mà từ đó con người xuất phát, và nhờ hợp nhất được với Nguồn Sống đó, con người mới có được phúc lạc tối thượng.

Nơi đây có ẩn tàng giá trị của lòng tôn sùng với vai trò một tác nhân giải thoát (liberator). Khi chuyển qua Đấng Tối Cao, Tình Thương xem Ngài như là Đấng vô cùng kính yêu, như một Đối Tượng cực kỳ quý chuộng, và việc này thiêu hủy hết các dính mắc vào các đối tượng đang giam nhốt tâm người trong cảnh nô lệ.

Chỉ có Bản Ngã dưới hình thức Tư Tưởng (Self as Thought) mới có thể chế ngự được Bản Ngã dưới hình thức Dục Vọng (Self as Desire). Nhờ hiểu được chính mình là sự sống, Bản Ngã thuần túy (the Self) mới vượt qua được Bản Ngã đang nhập thể (the Self embodied) và đang tự cho mình (thinking itself) là hình hài.

Con người phải học cách tách chính mình ra khỏi các hiện thể mà trong đó con người ước muốn, suy tư và hành động, phải học cách để biết các hiện thể đó như là thành phần của Phi-Ngã, như là chất liệu nằm ngoài sự sống. Như vậy năng lực vốn được dành cho các đối tượng thuộc các dự vọng thấp kém trở thành ham muốn cao siêu được trí tuệ dẫn dắt và được chuẩn bị để được chuyển hóa thành Ý Chí.

Khi hạ trí tự hòa nhập trong thượng trí và thượng trí trở thành Minh Triết, thì trạng thái Ý Chí thuần túy xuất hiện dưới hình thức Quyên Năng của Tinh Thần, tự định đoạt, tự điều khiển, bằng sự hài hòa hoàn toàn với Ý Chí Tối Cao, và nhờ đó được giải thoát. Chỉ lúc bấy giờ mọi dây trói buộc mới bị phá vỡ và Tinh Thần không còn bị cưỡng chế bởi bất cứ điều gì bên ngoài chính Tinh Thần. Bấy giờ và chỉ bấy giờ Ý Chí mới có thể được nói là giải thoát.

## Chương III Dục Vọng (tiếp theo)

### 1- Khí cụ của dục vọng

Chúng ta trở lại việc đấu tranh trong bản chất Dục Vọng để đưa thêm một vài chi tiết hữu ích vào những gì đã được nói đến. Nhưng trước tiên, cần nghiên cứu khí cụ (vehicle) của Dục Vọng, tức thể cảm dục, vì việc nghiên cứu này sẽ cho phép chúng ta hiểu được đúng phương pháp mà chúng ta nên theo để làm dịu đi và tổng khứ được các dục vọng thấp kém.

Khí cụ của Dục Vọng được làm bằng chất cảm dục (astral matter), chất của cõi cao hơn cõi trần. Giống như chất hồng trần, chất cảm dục cũng có bảy biến thái (modifications) vốn tương đối với nhau giống như thể đặc, thể lỏng, thể khí v.v..., tức các trạng thái phụ (substates) của vật chất trên cõi trần. Giống như thể xác chứa đựng trong chính nó các trạng thái phụ khác nhau bằng chất hồng trần, cũng vậy, thể cảm dục cũng chứa trong chính nó các trạng thái phụ khác nhau bằng chất cảm dục (tức là chất ở các cõi phụ khác nhau của cõi cảm dục –ND).

254 Mỗi một trong các trạng thái phụ này đều có trong nó các tập hợp vật chất thô trực và tinh anh, và công việc thanh luyện thể cảm dục cũng như thanh luyện thể xác đều chủ yếu là thay chất thô trực bằng chất tinh anh.



Vả lại, chất cảm dục ở các cõi phụ thấp phần lớn dùng cho việc biểu lộ các ham muốn thấp kém, trong khi chất cảm dục ở các cõi phụ cao có rung động đáp ứng với các ham muốn đã biến đổi, do việc trộn lẫn (intermixture) của trí khôn để thành các xúc cảm (emotions). Trong khi chạy theo các đối tượng vui thích, các dục vọng thấp nhận ra rằng chất cảm dục ở cõi phụ thấp được dùng như là môi trường cho mãnh lực thu hút của chúng, hề dục vọng càng thô trực và càng thấp hèn, thì các tập hợp vật chất để biểu lộ chúng một cách thích hợp càng thô trực hơn. Khi dục vọng khiến cho chất liệu tương ứng trong thể cảm dục bị rung động, thì chất liệu đó trở nên linh hoạt một cách mạnh mẽ và thu hút chất liệu mới tương tự từ bên ngoài vào chính nó, như vậy làm tăng thêm số lượng chất liệu thuộc loại đó trong cách cấu tạo thể cảm dục.

Khi dục vọng được thanh luyện dần dần thành các xúc cảm, khi các yếu tố trí tuệ tiến nhập vào dục vọng, và khi tính ích kỷ giảm đi, thì số lượng chất tinh anh tăng lên một cách tương xứng trong thể cảm dục, trong khi chất thô trực, do không được tiếp sinh lực nên mất đi sức mạnh và giảm bớt số lượng.

Các sự thực này, nếu được áp dụng trong thực tế, sẽ giúp chúng ta làm suy yếu được kẻ thù đang ngự trị bên trong chúng ta, vì chúng ta có thể tước mất các dụng cụ của nó. Một kẻ phản bội nằm bên trong còn nguy hiểm hơn là một kẻ thù ở bên ngoài, và thể cảm dục hành xử giống như  
 255 là kẻ phản bội, chừng nào mà nó còn bị cấu tạo bằng các thành phần để đáp ứng với các cảm dỗ từ bên ngoài.

Trí khôn phải kiểm soát dục vọng, khi dục vọng đem vào các chất liệu thô, trí khôn phải biết chối bỏ không tương nghĩ lại thú vui phù phiếm mà việc chiếm hữu đối tượng sẽ

mang lại, đồng thời trí khôn phải hình dung cho chính nó nỗi phiền não dài lâu hơn mà việc chiếm hữu đó có thể gây ra. Khi chúng ta tổng khứ hết chất trước chỉ biết rung động để đáp ứng với các thu hút thấp kém, thì các thu hút này mất hết mọi khả năng quấy rầy ta.

Kế đó, cái Hiện Thể của Dục Vọng này (tức thể cảm dục) phải được đưa vào khuôn phép, tùy theo cách kiến tạo của nó như thế nào mà các thu hút sẽ đến với chúng ta từ bên ngoài như thế ấy. Chúng ta có thể tác động lên hình hài, thay đổi các yếu tố tạo thành hình hài và như vậy biến đổi kẻ thù địch thành kẻ bảo vệ.

Khi tính nết con người đang phát triển, y lại phải đương đầu với một khó khăn, khó khăn này thường gây kinh hoàng và làm cho y nản chí. Y thấy chính mình bị khuấy động bởi các dục vọng mà y đang né tránh, mà y thấy xấu hổ vì đó, và mặc dầu y luôn luôn cố gắng để giữ sạch chúng, tuy thế chúng vẫn bám chặt và giày vò y. Chúng không phù hợp với các cố gắng của y, các hy vọng, các mong mỏi của y, tuy thế, theo một phương cách nào đó, chúng dường như thuộc về y. Kinh nghiệm đau đớn này do bởi sự kiện là tâm thức tiến hóa nhanh hơn sự thay đổi của hình hài, và ở một chừng mực nào đó, cả hai đang xung đột với nhau. Có một số lượng đáng kể các tập hợp vật chất thô vẫn còn có mặt trong thể cảm dục; 256 nhưng vì dục vọng đã trở nên được thanh luyện hơn, nên chúng không còn làm linh hoạt các chất này nữa. Tuy nhiên, một ít sinh lực cũ vẫn còn trong đó, và mặc dầu các tập hợp vật chất này đang tàn tạ, chúng cũng không hoàn toàn mất hết.

Giờ đây, mặc dầu bản-chất-Dục-Vọng của con người không còn dùng các chất liệu này để tự biểu lộ nữa, tuy thế chúng vẫn có thể bị đẩy vào hoạt động tạm từ bên ngoài, và

như vậy khoác lấy một vẻ ngoài linh hoạt như một cái xác chết bị kích thích có thể cử động vậy.

Dục vọng của những người khác – tinh linh cảm dục thuộc loại xấu – có thể tự gắn vào các thành phần (elements) không còn được dùng này trong thể cảm dục của người này, và các thành phần đó có thể được kích thích và linh hoạt lại, khiến cho người này cảm thấy như chính mình có các thôi thúc của dục vọng mà y đang kinh tởm. Khi nào bị trải qua các kinh nghiệm như thế, người chiến sĩ hãy lấy lại can đảm. Thậm chí khi các dục vọng này đổ xô đến, y hãy khước từ chúng như không phải là của mình nhờ biết rằng các thành phần mà dục vọng đang sử dụng trong y đều thuộc về quá khứ và đang giãy chết, ngày chết của chúng là ngày giải thoát của y gần kề.

Chúng ta có thể lấy một thí dụ từ giấc mơ để chứng minh cách tác động của loại chất liệu đang tàn tạ này trong thể cảm dục. Trong một tiền kiếp, một người kia là kẻ nát rượu, các kinh nghiệm sau khi chết của y đã tạo ấn tượng sâu lên y cái ác cảm về việc uống rượu. Khi y tái sinh, Chân Ngã trong thể xác mới và thể cảm dục mới sẽ tạo ấn tượng lên các thể này sự kinh tởm (đối với việc uống rượu), nhưng tuy vậy trong thể cảm dục của y cũng có một ít vật chất được thu hút vào đó bởi các rung động được tạo ra trong nguyên tử thường tồn do bởi sự say sưa trong kiếp trước. Trong kiếp sống hiện tại, chất liệu này không được làm linh hoạt bằng bất cứ việc thêm uống rượu nào, cũng như không sinh ra thói quen uống rượu, mà trái lại, trong cuộc sống tỉnh thức, con người không say rượu. Nhưng trong cơn mơ, chất liệu này trong thể cảm dục bị kích động từ bên ngoài, và việc kiểm

soát của Chân Ngã trên thể cảm dục <sup>(1)</sup> bị yếu đi, chất liệu này đáp ứng với các rung động thêm uống rượu (drink-craving vibrations) đến với nó, lúc đó con người mơ thấy mình đang uống rượu. Hơn nữa, nếu trong con người vẫn còn ý muốn uống rượu tiềm tàng, vì quá yếu nên không thể tác động lên con người trong lúc tỉnh thức, ý muốn đó có thể lại đến trong trạng thái mơ. Vì chất hồng trần tương đối nặng nề và khó lay động, một ham muốn yếu ớt không đủ sức mạnh để tạo ra các rung động nơi đó, nhưng cùng một ham muốn đó lại có thể lay động chất cảm dục nhẹ hơn nhiều, và như thế một người có thể bị lôi cuốn đi trong một giấc mơ bằng một dục vọng mà trong lúc thức tỉnh, dục vọng đó không có chút quyền lực nào đối với y. Các giấc mơ như thế gây ra nhiều đau khổ, vì người ta không hiểu được nó. Con người nên hiểu rằng giấc mơ chứng tỏ rằng sự cảm dỗ đối với y đã bị đánh bại, và y chỉ bị khuấy rối bởi cái thi ma của các dục vọng trong kiếp trước, được làm cho sinh động từ bên ngoài trên cõi cảm dục, hoặc là nếu từ bên trong, thì bấy giờ đó là một dục vọng đang hấp hối nên quá yếu ớt không thể thúc đẩy được y trong những lúc tỉnh. Như vậy, giấc mơ là một dấu hiệu của một chiến thắng hầu như hoàn toàn. Đồng thời đó cũng là một cảnh báo vì nó báo cho con người biết rằng trong thể cảm dục của y vẫn còn một ít chất liệu có khuynh hướng được làm linh hoạt bằng các rung động của việc thêm uống rượu, do đó, trong lúc thức tỉnh y đừng nên để cho mình ở gần nơi có nhiều rung động như thế. Bao giờ

258

---

<sup>1</sup> Trong lúc ngủ, Chân Ngã chuyển sự chú tâm của nó vào bên trong, cho đến khi Chân Ngã có thể dùng thể cảm dục của nó một cách độc lập; do đó sự kiểm soát của Chân Ngã trên thể cảm dục trở nên yếu đi.

các giấc mơ như thế chưa hoàn toàn chấm dứt, thì thể cảm dục chưa rũ bỏ hết nguồn chất liệu nguy hại kia vậy.

## 2- Mâu thuẫn giữa Dục Vọng với Tư Tưởng

Bây giờ chúng ta trở lại việc đấu tranh trong bản chất Dục vọng đã nói ở trước, để đưa thêm vào một vài chi tiết cần thiết.

Sự mâu thuẫn này tùy thuộc vào giai đoạn trung gian của bước tiến hóa, giai đoạn dài đó chen vào giữa trạng thái mà con người hoàn toàn bị Dục vọng chi phối (như chiếm lấy tất cả những gì y muốn, không cần sự kiểm soát của lương tâm, không bị nỗi hối hận cắn rứt...) với trạng thái của con người tâm linh tiến hóa cao, trong đó Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động tác động trong sự phối kết hài hòa. Sự mâu thuẫn nổi lên giữa Dục Vọng với Tư Tưởng. Tư Tưởng bắt đầu hiểu được sự liên hệ của chính nó với Phi Ngã và với các Bản Ngã riêng biệt khác, còn Dục vọng, vì chịu ảnh hưởng của các đối tượng chung quanh nó, hoạt động bằng các thu hút và các xô đẩy, nên bị lôi bên này, kéo bên kia bởi các đối tượng cảm dỗ nó.

Chúng ta phải nghiên cứu giai đoạn tiến hóa mà trong đó ký ức tích chứa các kinh nghiệm đã qua, được giữ lại trong trí, giúp cho chính chúng chống lại việc làm thoả mãn các dục vọng vốn đã được chứng minh là đưa đến đau khổ; hay là nói một cách chính xác hơn, trong giai đoạn mà kết luận được Chủ Thể Tư Tưởng (Thinker, tức Linh Hồn-ND) rút ra từ các kinh nghiệm được chất chứa này, kết luận đó tự khẳng định trước một đòi hỏi của bản chất Dục Vọng đối với đối tượng vốn được chúng tỏ là nguy hại.

Thói quen chiếm lấy và hưởng thụ đã được thiết lập từ nhiều trăm kiếp sống rồi và đang ở trong thể mạnh, trong khi

thói quen đối kháng lại thú vui hiện hữu ngõ hầu tránh một đau khổ về sau này, chỉ mới được thiết lập và tất nhiên là rất yếu ớt. Do đó các xung đột giữa Chủ Thể Tư Tưởng với bản chất Dục Vọng kết thúc trong một thời gian dài bằng một loạt các thất bại. Trí khôn non trẻ đang đấu tranh với thể Dục Vọng trưởng thành thấy mình luôn luôn bị đánh bại. Nhưng mỗi chiến thắng của bản chất Dục Vọng, được nối tiếp bằng một vui thích ngắn ngủi và một đau khổ kéo dài, làm sinh ra một sức mạnh mới đối kháng với chính nó, bổ sung cho sức mạnh của đối thủ nó. Như vậy, mỗi thất bại của Chủ Thể Tư Tưởng lại gieo xuống các mầm mống cho sự thành công trong tương lai, và sức mạnh của Chủ Thể Tư Tưởng tăng lên hàng ngày trong khi sức mạnh của bản chất Dục Vọng giảm đi.

Khi điều này được hiểu rõ, chúng ta sẽ không còn buồn phiền về các thất bại của chúng ta và các thất bại của những người mà chúng ta yêu thương nữa, vì chúng ta biết rằng các thất bại này chắc chắn là đang tạo ra chỗ tựa (footing) an toàn của tương lai và trong cái lò luyện khổ đó (womb of pain), kẻ chinh phục trong tương lai đang trưởng thành.

Sự hiểu biết về lẽ phải và lẽ trái của chúng ta phát triển được nhờ kinh nghiệm và chỉ được tinh luyện bằng thử thách. Ý thức về phải và trái mà hiện nay đang có sẵn nơi người văn minh, vốn dĩ đã được phát triển bằng vô số kinh nghiệm. Trong những ngày đầu của Bản Ngã đã tách phân (separated Self) (1), tất cả các kinh nghiệm đều hữu ích cho sự tiến hóa của nó và đều mang lại cho nó các bài học cần cho sự phát triển của nó. Dần dần Bản Ngã biết được rằng việc nhân nhượng các Dục Vọng để làm hài lòng chúng sẽ làm hại cho

---

<sup>1</sup> Bản Ngã tách phân: Bản Ngã tách khỏi Chân thân.

những kẻ khác, đem đến cho Bản Ngã sự đau khổ không tương xứng với thú vui tạm bợ xuất phát từ việc thỏa mãn Dục Vọng. Bản Ngã bắt đầu gán thuật ngữ “sai trái” (“wrong”) cho các Dục Vọng nào mà việc chiều theo nó đã mang lại đau khổ nhiều hơn cả và điều này càng xảy ra nhanh chóng hơn bởi vì các Huấn Sư dìu dắt Bản Ngã trên đường phát triển lúc đầu đã cấm cản, bài bác các đối tượng dễ thu hút các dục vọng như thế. Khi Bản Ngã đã không tuân theo các Ngài, đau khổ liền ập theo sau, ấn tượng được tạo ra trên Chủ Thể Tư Tưởng càng mạnh mẽ hơn về việc tiên báo trước kia, còn Lương Tâm – tức là Ý Chí làm điều phải và tránh làm điều sai trái – được mạnh mẽ thêm một cách tương xứng.

Về điều này, chúng ta có thể dễ dàng thấy được giá trị của sự cảnh giác, trách cứ và khuyên răn hữu ích. Tất cả các điều này đều được tích chứa lại trong trí và là các mảnh lược được đưa thêm vào các ký ức đang tích chứa vốn đối nghịch với việc làm thỏa mãn các dục vọng sai trái. Dĩ nhiên là kẻ bị cảnh cáo có thể lại chịu thua khi cám dỗ ập đến với y, điều đó chỉ có nghĩa là cán cân sức mạnh vẫn còn nằm ở trong dục vọng sai trái. Khi nỗi đau khổ được báo trước lại xảy đến, trí khôn sẽ nhớ lại tất cả các ký ức về sự cảnh cáo và cảnh giác (admonitions), và sẽ ghi khắc một cách sâu xa hơn trong bản thể của nó cái quyết định: “Ham muốn này là sai trái”. Phạm vào một hành vi sai trái chỉ có nghĩa là ký ức về điều đau khổ trước kia vẫn chưa đủ mạnh để áp đảo sức thu hút của thú vui nhất thời và rất được ham muốn. Bài học đó vẫn cần được lặp lại thêm một vài lần nữa để củng cố ký ức về chuyện đã qua và khi bài học đó được hoàn tất, sự chiến thắng chắc chắn sẽ đến. Đau khổ là một yếu tố cần thiết cho sự tăng trưởng của linh hồn, bên trong đau khổ có cái hứa

hẹn về sự tăng trưởng đó. Nếu chúng ta biết cách nhận xét, thì ta sẽ thấy khắp nơi chung quanh ta cái tốt lành vẫn đang phát triển, không nơi đâu mà cái xấu lại vô hy vọng cứu chữa.

Sự đấu tranh này được diễn tả trong tiếng than buồn thảm: “Những gì tôi muốn, tôi lại không làm; những gì tôi không muốn, tôi lại làm”. “Khi tôi muốn làm điều thiện, thì điều ác cứ chực chờ bên tôi”. Điều sai trái mà chúng ta đang làm trong khi vẫn có ý muốn không làm, đó là do thói quen trong quá khứ. Ý Chí yếu ớt bị Dục Vọng mạnh mẽ áp đảo là thế.

262 Bấy giờ, trong khi xung đột với bản chất Dục Vọng, Chủ Thể Tư Tưởng kêu gọi đến sự trợ giúp của chính bản chất Dục Vọng đó và cố gắng khơi dậy trong bản chất đó một ham muốn đối ngược lại với những gì mà y muốn chống lại. Vì sức hút của một nam châm yếu có thể bị áp đảo bởi sức hút của một nam châm mạnh hơn, cũng thế, một ham muốn có thể được làm cho mạnh lên để vượt qua một ham muốn khác, một ham muốn lành mạnh có thể được khơi dậy để chống chọi với một ham muốn sai trái. Đây là giá trị của một lý tưởng (ideal).

### 3- Giá trị của một lý tưởng

Một lý tưởng là một ý niệm cố định trong trí có tính chất gây cảm hứng, được tạo ra để hướng dẫn cách hành xử, còn việc tạo ra một lý tưởng là một trong các phương cách có hiệu quả nhất để tác động lên dục vọng. Lý tưởng có thể hay không thể tìm được hiện thân trong một cá nhân, tùy theo tính khí của người tạo ra nó. Phải luôn luôn nhớ rằng giá trị của một lý tưởng tùy thuộc phần lớn vào sức thu hút của nó và những gì thu hút một người có tính khí này không nhất



thiết thu hút được người có tính khí khác. Xét theo quan điểm tổng quát thì một lý tưởng trừu tượng (abstract ideal) và một lý tưởng cá biệt (personal ideal) đều tốt như nhau, nếu được chọn lựa về mặt cá nhân thì nên chọn loại lý tưởng có ảnh hưởng thu hút nhất. Một người có tính khí thiên về trí tuệ sẽ thường thấy lý tưởng trừu tượng thích hợp hơn; trong khi đó một người có tính khí thiên về tình cảm sẽ đòi hỏi một biểu hiện cụ thể cho tư tưởng của mình. Sự bất lợi của lý tưởng trừu tượng là ở chỗ nó thường không có được linh hứng có tính thuyết phục (compelling inspiration). Bất lợi của biểu hiện cụ thể là ở chỗ biểu hiện của nó thường ở dưới mức lý tưởng.

Dĩ nhiên là trí tuệ tạo ra lý tưởng, rồi hoặc giữ lý tưởng đó dưới hình thức một ý nghĩ trừu tượng (abstraction), hoặc thể hiện nó nơi con người. Thời điểm được chọn cho việc sáng tạo ra một lý tưởng sẽ là thời điểm mà trí não được tĩnh lặng, ổn định và sáng suốt (luminous), lúc mà bản chất Dục Vọng đang yên ngủ. Bây giờ Chủ Thể Tư Tưởng sẽ xem xét lại mục đích của đời mình, mục tiêu mà Chủ Thể Tư Tưởng nhắm vào, và để cho mục tiêu đó hướng dẫn sự lựa chọn của mình, y sẽ chọn các tính chất cần thiết cho phép y đạt đến mục tiêu đó. Y sẽ kết hợp các tính chất này thành một ý niệm duy nhất, dùng hết trí lực nghĩ tưởng đến sự hội nhập của các đức tính mà y cần có. Hằng ngày y phải lặp lại tiến trình hội nhập này, cho đến khi lý tưởng của y hiện ra rõ rệt trong trí, có đủ mọi nét đẹp của tư tưởng cao siêu và tính chất cao thượng, một hình ảnh của sự thu hút có tính thuyết phục. Người thiên về trí tuệ sẽ duy trì lý tưởng này dưới hình thức một ý niệm trong sạch. Người có bản chất tình cảm sẽ lồng (embody) lý tưởng đó vào trong một nhân vật như là Đức Phật, Đức Christ, Đức Shri Krishna hay một Huấn sư thiêng

liêng nào khác. Trong trường hợp sau này, nếu có thể, y nên nghiên cứu về cuộc đời, về giáo lý, về các hoạt động của Ngài, nhờ vậy lý tưởng sẽ trở nên ngày càng sinh động mạnh mẽ hơn, ngày càng hiện thực hơn đối với Chủ Thể Tư Tưởng. Một tình thương mãnh liệt sẽ nảy sinh trong tâm đối với lý tưởng được thể nhập này, và Dục Vọng sẽ dang rộng cánh tay khao khát ôm lấy lý tưởng đó. Khi sự thử thách đổ xô đến, các dục vọng thấp kêu đòi thỏa mãn, thì lúc bấy giờ mãnh lực thu hút của lý tưởng mới tự tác động, dục vọng cao chống chọi với dục vọng thấp, Chủ Thể Tư Tưởng thấy mình được tăng viện bằng dục vọng chính đáng, sức mạnh tiêu cực của ký ức lên tiếng: ‘Hãy tránh xa cái thấp hèn’, nhờ được củng cố bằng sức mạnh tích cực của lý tưởng, lý tưởng lên tiếng: “Hãy đạt cho được tính chất anh hùng” (“Achieve the heroic”).

Kẻ nào quen sống với lý tưởng cao cả, là kẻ ấy được trang bị để chống lại các dục vọng sai trái nhờ tình thương đối với lý tưởng của mình, nhờ xấu hổ trước hành vi thấp hèn, nhờ mong mỏi được giống với những gì mà mình tôn thờ và cũng nhờ chiều hướng và khuynh hướng chung của trí óc mình theo các đường lối suy tư cao thượng. Các ham muốn sai trái ngày càng trở nên không thích hợp nữa. Đương nhiên các ham muốn sai trái đó sẽ bị tiêu diệt, vì không thể hít thở trong không khí trong lành đó.

Xét về các kết quả tiêu cực của việc phê phán lịch sử trong trí nhiều người, ở đây điều đáng làm là lưu ý rằng giá trị lý tưởng về Đức Christ, Đức Phật, Đức Krishna không bị tổn thương chút nào do thiếu bất cứ dữ kiện lịch sử nào, do bất cứ sai sót nào trong các bằng chứng về tính xác thực của một thủ bản. Nhiều câu chuyện truyền lại có thể không đúng về mặt lịch sử, nhưng đúng về mặt luân lý và cực kỳ chính

xác. Dù cho sự kiện này có xảy ra trong đời sống trần tục của vị Huấn sư này hay không, đó là vấn đề không mấy quan trọng; phản ứng của một tính chất lý tưởng như thế trên môi trường chung quanh vị Huấn Sư bao giờ cũng rất mực trung thực. Các kinh sách trên thế gian này đều trình bày về các sự kiện tâm linh đó, dù cho các sự việc trần gian này có đúng hay không đúng về mặt lịch sử.

Vậy là Tư Tưởng có thể tạo hình và hướng dẫn Dục Vọng và chuyển đổi Dục Vọng từ thù thành bạn. Bằng cách chuyển hướng, Dục Vọng trở thành một sức mạnh nâng đỡ (lifting) và gia tốc thay vì là một sức mạnh gây cản trở, và nơi nào mà các khát khao sự vật ghì chặt chúng ta vào bùn đen thì cũng nơi đó lòng khát khao lý tưởng nâng chúng ta lên trên đôi cánh mạnh mẽ đến tận trời xanh.

#### 4- Thanh luyện Dục Vọng

Chúng ta đã thấy biết bao điều có thể làm trong việc thanh luyện (purification) thể cảm dục, và việc ngưỡng vọng cùng tôn thờ lý tưởng vừa được mô tả là cách hữu hiệu nhất để thanh luyện Dục vọng. Khi các ham muốn tốt lành được khuyến khích và cổ vũ, thì các dục vọng xấu xa phải tàn tạ – tàn tạ chỉ vì không còn được nuôi dưỡng.

Khi nỗ lực loại bỏ mọi dục vọng sai trái thì sự việc tiếp theo đó là tư tưởng sẽ kiên quyết từ chối không để cho các dục vọng chuyển thành hành động. Ý Chí bắt đầu hạn chế hành động, ngay cả khi Dục Vọng đòi được thỏa mãn. Và việc không để cho hành động được khởi xướng bởi dục vọng sai trái sẽ từ từ lấy đi mọi năng lực thu hút khỏi các đối tượng mà xưa kia đã khơi dậy nó. “Các đối tượng của giác quan... lui gót trước một chủ thể biết giữ tiết độ (abstemious dweller) trong xác thân.” (Bhagavad Gita, II, 59). Các dục vọng mất

dân, chết đi vì không được thỏa mãn. Từ chối không để cho thỏa mãn là cách thanh luyện rất có hiệu quả.

Có một cách thanh luyện khác nữa. Theo cách này thì người ta lợi dụng mãnh lực thôi thúc của Dục Vọng, như trong khi ngưỡng vọng về một lý tưởng thì mãnh lực thu hút được kêu gọi đến. Mãnh lực này trở thành hữu ích trong các trường hợp cực đoan, trong đó các dục vọng thấp kém nhất trở nên mãnh liệt và nổi loạn, đó là các dục vọng đưa đến các tật xấu như ham ăn, rượu chè, trác táng. Đôi khi người ta thấy không thể tổng khứ được các dục vọng xấu xa và bất chấp mọi cố gắng, trí óc của y cũng nhượng bộ trước xung lực mạnh mẽ và các tưởng tượng xấu xa của dục vọng chạy hỗn loạn trong óc y. Bằng sự nhượng bộ ở bề ngoài, con người có thể chinh phục bằng cách đưa các tưởng tượng xấu xa đến các hậu quả không thể tránh khỏi. Y quán tưởng chính mình chịu nhượng bộ trước các thử thách đang đổ xô vào y và ngày càng chìm sâu vào sự kiểm kẹp của thói xấu đang chế ngự y. Y theo dõi chính mình, khi rơi xuống ngày càng sâu, y đang trở thành kẻ nô lệ không nơi nương tựa vì các đam mê của mình. Bằng sự quán tưởng sống động, y vạch ra các giai đoạn đi xuống của mình, thấy xác thân mình ngày càng trở nên ô trược hơn, rồi trở thành béo phì và bệnh hoạn. Y quán tưởng đến các dây thần kinh bị phá hỏng, những vết thương đáng tởm, chỗ bị tàn phá và hư hao đáng sợ của một thân thể đã có thời mạnh mẽ tráng kiện. Y quán tưởng vào cái chết như nhuốc, cái di sản ảm đạm của tiếng xấu mà y đã để lại trong ký ức cho bà con và bạn bè. Bằng tư tưởng, y quán tưởng vào mặt kia của cái chết và thấy được phần ô uế (the soil) và méo lệch của các tật hư của mình được phác họa lại trong thể cảm dục bệnh hoạn, cùng với nỗi thống khổ vì thèm khát các dục vọng đó mà không có cách nào làm thỏa mãn

được. Bằng sự quyết tâm, y bắt buộc các tư tưởng đang co rút lại của mình phải nghiền ngẫm về cái toàn cảnh thể lương trước sự đắc thắng của các dục vọng sai trái, cho đến khi bên trong y nảy sinh một sự kinh tởm chống lại các dục vọng đó, một nỗi sợ hãi và nhòm góm không thể chịu đựng được do kết quả của việc nhân nhượng hiện nay.

Phương pháp thanh luyện như thế giống như con dao của nhà giải phẫu, cắt đi ung bướu đang đe dọa sự sống, và có thể nói là tất cả các cuộc giải phẫu, đều cần phải tránh trừ phi không có cách chữa trị nào khác. Tốt hơn là nên chế phục dục vọng sai trái bằng mãnh lực thu hút của một lý tưởng hơn là bằng sức mạnh xua đuổi trước cảnh điều tàn. Nhưng nơi nào mà sự thu hút thất bại, thì sự xua đuổi có lẽ thành công.

Trong cách sau cũng có một nguy hiểm, vì chất thô trực trong thể cảm dục lại tăng lên do tư tưởng nghĩ mãi vào điều xấu, do đó việc đấu tranh bị kéo dài hơn là khi có thể đưa cuộc đời vào các ham muốn tốt lành và các hoài bão cao siêu. Do đó, đây là phương pháp dở nhất trong số hai phương pháp, chỉ nên dùng khi phương pháp kia không thể dùng được.

Bằng sự thu hút đến cái cao, bằng cách lánh xa cái thấp, hay là bằng bài học chậm chạp về sự đau khổ, Dục Vọng phải được thanh luyện. Từ ngữ “phải” (“must”) không nhất thiết là do một Thượng Đế ngoại tại áp đặt, mà là do mệnh lệnh oai nghiêm của Thượng Đế nội tại (Deity within), Ngài không muốn bị từ chối. Mọi mãnh lực thiêng liêng trong Thiên Nhiên đều hoạt động theo Ý Chí đích thực này của Đấng Thánh Linh (Divinity), Ngài vốn là Chân Ngã của chúng ta, và Chân Ngã thiêng liêng đó mong muốn Đấng tối cao cuối cùng và tất nhiên phải chinh phục mọi vật về cho chính Ngài.

Với sự chiến thắng này, Dục Vọng cũng ngưng lại. Vì lúc bấy giờ mọi đối tượng bên ngoài không còn thu hút hoặc xô đẩy các năng lượng đang xạ ra của Linh thể (Atma), và các năng lượng này hoàn toàn được điều khiển bởi Minh Triết do Chân Ngã đưa ra, nghĩa là Ý Chí đã thay thế Dục Vọng. Thiện và ác đều được xem như là các mãnh lực thiêng liêng cùng hoạt động cho sự tiến hóa, cái này cũng cần thiết như cái kia, cái này bổ túc cho cái kia. Thiện là mãnh lực cần cố gắng đạt tới, ác là mãnh lực cần cố gắng chống lại, bằng cách sử dụng đúng hai mãnh lực này, quyền năng của Chân Ngã sẽ được phát triển đến mức biểu lộ.

Khi đã phát triển được trạng thái Minh Triết, Chân Ngã sẽ nhìn (quán) kẻ lành, người dữ, bậc thánh nhân, kẻ tội lỗi với con mắt như nhau, do đó sẵn sàng giúp đỡ cả hai, chìa bàn tay mạnh mẽ cho cả hai. Dục Vọng, từ trước đã xem thiện và ác như là có tính thu hút và xua đuổi, như là cái đem lại vui thích hoặc đau khổ, đều chắm dứt, và Ý Chí vốn là năng lượng được Minh Triết hướng dẫn, mang đến sự giúp đỡ thích hợp cho cả hai. Như vậy con người vượt lên trên sự độc đoán của các cặp đối hợp (pairs of opposites) và trụ lại trong An Bình Vĩnh Cửu (Eternal Peace).

## Chương IV

### Xúc động

269

#### 1- Nguồn gốc xúc động

Xúc động (emotion) không phải là trạng thái đơn thuần hay sơ đẳng của tâm thức, mà là một trạng thái phức hợp được tạo ra bằng sự tương tác của hai trạng thái của Chân Ngã là Dục Vọng và Trí Khôn (Intellect). Tác động của Trí Khôn lên Dục Vọng khai sinh ra xúc động, do đó xúc động là con của cả hai và nhận một số tính chất của cha, tức Trí Tuệ, cũng như một số tính chất của mẹ, tức Dục Vọng.

Ở tình trạng phát triển, xúc động dường như khác với Dục Vọng đến nỗi sự đồng nhất căn bản của chúng bị che lấp phân nào. Nhưng chúng ta có thể thấy sự đồng nhất này hoặc là bằng cách truy nguyên sự phát triển của một dục vọng thành xúc động, hoặc bằng cách nghiên cứu cả hai bên cạnh nhau và thấy rằng cả hai đều có cùng các tính chất, cùng các phân hóa (divisions) thật ra cái này là một hình thức được trau chuốt (elaborated) của cái kia, phần trau chuốt đó là do sự hiện hữu trong cái sau một số yếu tố trí tuệ vốn không có hoặc không hiện rõ trong cái trước.

270 Chúng ta hãy truy nguyên sự phát triển của một Dục Vọng thành một xúc động thuộc một trong các liên hệ thông thường nhất của con người, tức liên hệ về tính dục. Đây là dục vọng dưới một trong các hình thức đơn giản nhất của nó. Ham muốn (desire) ăn uống, ham muốn phối hợp tính dục,

đó là hai ham muốn căn bản của mọi sinh linh – ham ăn uống để duy trì sự sống, ham phối hợp tính dục để có thêm sự sống. Trong cả hai ham muốn đó, ý nghĩa của “tính chất phong phú” (“moreness”) được cảm thấy (experienced), hay là, nói cách khác, sự vui thích được nhận ra. Ham muốn ăn uống vẫn là một dục vọng, thức ăn được chiếm hữu, được đồng hóa, mất đi tính đồng nhất riêng biệt của nó, trở thành một phần của cái “Tôi” (the “Me”). Không có sự liên hệ được nối tiếp nào giữa người ăn (eater) với thức ăn để tạo cơ hội sinh ra một xúc động. Trái ngược với mỗi liên hệ phái tính, mỗi liên hệ này có khuynh hướng trở nên ngày càng lâu bền hơn theo cùng với sự tiến hóa của cá tính.

Hai người bán khai được thu hút đến với nhau bằng sự thu hút phái tính, nổi say mê để chiếm hữu người khác xuất hiện trong mỗi người; người này ham thích người kia. Sự ham muốn này cũng đơn giản như là ham muốn thức ăn. Nhưng ham muốn đó không thể được thỏa mãn theo cùng mức độ, vì không có bên nào có thể hoàn toàn chiếm hữu và đồng hoá bên kia. Ở một mức nào đó mỗi bên duy trì sự đồng nhất riêng biệt của người nam hoặc người nữ và chỉ có một phần của mỗi bên trở thành “cái Tôi” của bên kia. Thật ra có một mức độ của “cái Tôi”, nhưng đó là bằng cách bao gồm (inclusion) chứ không phải bằng cách tự đồng nhất hóa (self-identification). Sự hiện hữu của chướng ngại bên bĩ này trở thành cần thiết cho việc chuyển dục vọng thành xúc cảm.

271 Điều này làm cho có thể xảy ra sự ràng buộc của ký ức và tiên liệu trước cho cùng một đối tượng chứ không phải cho một đối tượng khác cùng loại – như trong trường hợp thực phẩm. Một ham muốn liên tục để hợp nhất với cùng đối tượng sẽ trở thành một xúc động, như vậy tư tưởng trộn lẫn với dục vọng ban sơ để có khả năng chiếm hữu. Cái chướng ngại vốn



giữ cho các đối tượng thu hút lẫn nhau dưới hình thức là hai, chứ không phải một, đang ngăn chặn sự phối hợp của chúng, trong khi nó có vẻ ngăn chặn, thực ra nó đang làm cho cả hai được tồn tại. Nếu trở ngại không còn nữa, thì dục vọng và xúc cảm cùng biến mất, và cái Hai-trở-thành-Một (the Twain-become-One) lúc bấy giờ phải tìm một đối tượng khác ở bên ngoài để tự mở rộng thêm niềm vui.

Trở lại với hai người bán khai của chúng ta được kết hợp bằng dục vọng (desire-united). Người nữ lâm bệnh và trong một thời gian không còn là một đối tượng để thỏa mãn tính dục nữa. Nhưng người nam vẫn nhớ đến quá khứ và đoán trước thú vui tương lai, nên tỏ ra đồng cảm với bệnh tật của người nữ, lòng thương xót cho sự yếu đuối của người nữ nổi lên trong lòng y. Do việc nhớ lại và sự tiên báo, việc thu hút dai dẳng nơi người nam về phía người nữ lại đổi dục vọng thành xúc động, đổi thú dục (passion) thành tình thương (love), còn cảm tình (sympathy) và lòng thương xót (compassion) là hai biểu lộ sớm sủa nhất của tình thương. Đến lượt cảm tình và lòng thương xót này sẽ đưa người nam đến chỗ hy sinh cho người nữ, thức đêm để chăm sóc người nữ trong khi muốn đi ngủ, nỗ lực làm việc cho người nữ trong khi muốn nghỉ ngơi. Các tâm trạng (moods) ngẫu phát này của tình thương-xúc động (the love-emotion) nơi người nam sau này sẽ cô đọng lại thành các đức tính (virtues), nghĩa là sẽ trở thành các tâm trạng thường có trong tính tình người nam, tự biểu lộ để đáp ứng với tiếng gọi của nhu cầu nhân loại đối với tất cả những người mà y có dịp tiếp xúc, dù cho những người này có thu hút y hay không. Sau này chúng ta sẽ thấy rằng các đức tính chỉ là tâm trạng thường hằng của xúc động đích thực.

Tuy nhiên trước khi bàn đến mối liên hệ của đạo đức học với xúc động, chúng ta phải hiểu rõ hơn về tính đồng nhất căn bản của Dục Vọng và xúc động bằng cách lưu ý đến các tính chất và các phân chia của chúng. Khi làm được điều này, chúng ta sẽ thấy rằng các xúc động không phải chỉ tạo thành một mớ hỗn độn (a mere jungle), mà tất cả đều bắt nguồn từ một cội rễ, chia làm hai thân chính, mỗi thân lại chia nhỏ thành nhiều nhánh, trên nhánh mọc ra các lá, đó là các đức tính và tật xấu. Ý tưởng bổ ích này vốn tạo ra một khoa học về các xúc cảm và từ đó có được một hệ thống dễ hiểu và hợp lý của đạo đức học (ethics) – là của một tác giả người Ấn, ông Bhagavan Das. Ông này lần đầu tiên đã đặt ra trật tự vào trong lãnh vực tâm thức từ trước đến giờ vẫn còn mờ mịt này. Các đạo sinh tâm lý học sẽ tìm được trong quyển “Khoa học về Xúc Cảm” (“Science of the Emotions”) của ông một khảo luận rõ ràng, trình bày về hệ thống này (scheme), nó làm giảm thiểu sự hỗn độn của các xúc cảm thành một hệ thống ý tưởng có trật tự (a cosmos) và nêu ra trong đó một nguyên tắc đạo đức có nền nếp (ordered morality). Các nét chính được trình bày sau đây đều trích ra từ tác phẩm này, độc giả nào muốn có các chi tiết đầy đủ hơn, nên tham khảo quyển đó.

Chúng ta đã thấy rằng Dục Vọng có hai biểu hiện chính:

- a) Ý muốn thu hút (desire to attract), cốt để chiếm hữu, hoặc muốn đến tiếp xúc trở lại với bất cứ đối tượng nào mà trước đó đã mang lại thích thú.
- 273 b) Ý muốn xua đuổi (desire to repel), cốt xua ra xa hoặc để tránh tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào mà trước đó đã gây đau khổ.

Chúng ta đã thấy rằng Hút và Đẩy là hai hình thức của Dục Vọng đang tác động vào Chân Ngã.

Xúc cảm, vốn là Dục Vọng được thấm nhuần bằng Trí Tuệ, tất nhiên cũng biểu lộ thành hai xúc cảm có bản chất Thu Hút, sẽ thu hút các đối tượng lại với nhau bằng sự vui thích, tức năng lượng kết hợp (integrating energy) trong vũ trụ, được gọi là Tình Thương (Love). Xúc cảm có bản chất xua đuổi, sẽ xua mọi đối tượng tách ra khỏi nhau bằng sự đau khổ, tức năng lượng phá vỡ (disintegrating energy) trong vũ trụ, được gọi là Hận Thù (Hate). Cả hai thứ tình cảm này đều là thân của gốc rễ Dục Vọng, còn mọi nhánh nhóc tình cảm có thể được truy nguyên trở lại ở một trong hai thân này.

Đây là sự đồng nhất đối với các tính chất của Dục Vọng và Xúc Cảm. Tình Thương ra sức kéo về chính nó đối tượng thu hút hay tìm cách đi theo đối tượng đó ngõ hầu hợp nhất với nó, chiếm hữu nó hoặc bị nó chiếm hữu. Giống như Dục Vọng, Tình Thương cũng trói buộc bằng sự vui thích, bằng hạnh phúc. Thực ra, các trói buộc của tình thương vốn bền chặt hơn, phức tạp hơn, gồm nhiều sợi tế vi hơn đan dệt vào nhau thành một phức hợp lớn hơn, nhưng cái tinh hoa của Dục Vọng-Thu Hút (Desire-Attraction), tức sự ràng buộc của hai đối tượng vào nhau, vẫn là tinh hoa của Xúc Cảm-Thu Hút (Emotion-Attraction), của Tình Thương. Cũng thế, Hận Thù tìm cách xua ra khỏi nó cái đối tượng bị xua đuổi, hoặc chạy thoát ra khỏi nó, để tránh xa, để xô đẩy hoặc để bị nó xô đẩy. Nó tách chia bởi đau khổ, bởi sự bất hạnh. Và như thế, cái tinh hoa của Dục Vọng- Xô Đẩy (Desire-Repulsion), tức là việc tách rời của hai đối tượng, cũng là cái tinh hoa của Xúc Cảm-Xô Đẩy (Emotion-Repulsion), của Hận Thù. Tình Thương và Hận Thù là các hình thức tinh lọc và thấm nhuần tư tưởng của các Dục Vọng đơn thuần để chiếm hữu và để xa lánh (shun).

## 2- Tác động của xúc động trong gia đình

Con người được mô tả như là “một con thú sống hợp quần” (“a social animal”) – cách nói theo sinh vật học này ngụ ý rằng con người phát triển được thuận lợi nhất khi tiếp xúc với đồng loại của mình, chớ không phải ở tình trạng cách ly với đồng loại. Các đặc điểm trí tuệ riêng biệt của con người, nếu muốn được tiến hóa, cần phải có môi trường xã hội (social medium), còn các thú vui mê say nhất – do đó, tất nhiên là các đau khổ đắng cay nhất (keenest pains) – xuất phát từ các liên hệ của người này với những người khác thuộc các chủng loại riêng của y. Chỉ có các liên hệ ấy mới có thể gọi ra nơi y các đáp ứng mà sự phát triển sau này của y sẽ tùy thuộc vào. Mọi tiến hóa, mọi phát huy các năng lực tiềm tàng đều đáp ứng với các kích thích từ bên ngoài, và, khi đạt đến giai đoạn làm người, thì các kích thích thẩm thía và có hiệu quả nhất chỉ có thể đến từ các tiếp xúc với con người.

Thu hút-phái tính (sex-attraction) là mối ràng buộc đầu tiên trong xã hội, và trẻ con được cha mẹ sinh ra, hợp với cha mẹ đó thành đơn vị xã hội đầu tiên, tức là gia đình. Sự cần được giúp đỡ và sự tùy thuộc kéo dài của trẻ con mang lại cơ hội cho tình cảm nồng thắm vật chất đối với gia đình trở nên chín muồi thành tình mẫu tử và tình phụ tử, và như vậy mang lại sự bền vững cho gia đình, trong khi chính gia đình tạo thành một lãnh vực mà trong đó các tình cảm khác nhau ắt phải tác động. Nơi đây, các mối liên hệ lâu dài và rõ rệt được tạo ra lần đầu tiên giữa con người, và chắc chắn là hạnh phúc của mỗi con người tùy thuộc vào sự hài hòa của các mối liên hệ này, tùy thuộc vào các phúc lợi được ban phát bởi các mối liên hệ này cho mỗi thành viên của gia đình. Chúng ta có thể nghiên cứu một cách thuận lợi sự tác động của Tình Cảm

trong gia đình, vì ở đây chúng ta có được một đơn vị xã hội tương đối đơn giản, tuy thế, nó có thể cung cấp một bức họa thu nhỏ của xã hội nói chung. Ở đây chúng ta có thể tìm được cội nguồn và việc tiến hóa của các đức tính và tật xấu, đồng thời thấy được ý nghĩa và mục đích của nguyên tắc đạo đức.

Chúng ta đã thấy bằng cách nào mà đam mê phái tính (sex-passion) phát triển dưới sức ép của hoàn cảnh thành tình cảm yêu thương, và làm thế nào mà tình thương này tự biểu lộ dưới hình thức nhân hậu (tenderness) và lòng trắc ẩn (compassion) khi người vợ, thay vì là người bạn ngang hàng với chồng, lại trở nên cần được giúp đỡ và dựa vào chồng, trong trường hợp tạm thời yếu ớt về thể chất do việc mang thai chẳng hạn. Tương tự như thế, nếu bệnh hoạn hoặc tai nạn đưa người chồng đến chỗ tạm thời yếu ớt về thể chất, thì người vợ cũng có lòng thương cảm và trắc ẩn đối với chồng. Nhưng các dấu hiệu thương yêu này không thể được kẻ mạnh biểu lộ mà không gọi ra nơi kẻ yếu các biểu lộ thương yêu đáp ứng. Trong tình trạng yếu đuối, các biểu lộ này sẽ có dưới hình thức các tính chất tự nhiên như lòng tin cậy, sự tin cẩn, lòng biết ơn, tất cả đều là các tình cảm thương yêu (love-emotions) mang sắc thái yếu đuối và nương tựa.

Trong mỗi liên hệ của cha mẹ với con cái và các con cái với cha mẹ, nơi mà sự vượt trội và kém cỏi về thể chất được đánh dấu rõ rệt hơn và kéo dài trong một thời gian đáng kể, các tình cảm yêu thương này sẽ được biểu lộ liên tục ở cả hai phía. Cha mẹ luôn luôn tỏ lộ lòng âu yếm, thương mến, che chở đối với con cái, còn con cái luôn luôn đáp ứng lại bằng tin cậy, tin cẩn và lòng biết ơn. Các thay đổi trong cách biểu lộ tình thương sẽ được tạo ra bằng các trường hợp khác nhau, về phía cha mẹ thì đó là lòng quảng đại, thứ tha, nhẫn nại,

v.v..., về phía con cái thì đó là vâng lời, chu toàn bổn phận (dutifulness), tận tụy giúp đỡ (serviceableness) v..v...

Xét hai loại tình cảm yêu thương này, chúng ta thấy rằng tình hoa chung trong một loại là lòng nhân ái (benevolence) và trong loại kia là lòng tôn kính (reverence). Lòng nhân ái là tình thương (Love) nhìn xuống những kẻ yếu, thấp kém hơn chính mình; lòng tôn kính là tình thương nhìn lên kẻ mạnh, cao hơn chính mình. Và bấy giờ, chúng ta có thể khái quát hóa và nói: Tình Thương nhìn xuống là lòng nhân ái, Tình Thương nhìn lên là lòng tôn kính. Và đây là vài đặc điểm chung của tình thương nơi người trên đối với người dưới, và tình thương của người dưới đối với người trên rất thường gặp.

277 Các liên hệ bình thường giữa chồng với vợ và các liên hệ giữa anh chị em cung cấp cho chúng ta một lãnh vực để nghiên cứu các biểu lộ của tình thương giữa những người ngang bằng nhau. Chúng ta thấy tình thương tự biểu lộ dưới hình thức yêu mến lẫn nhau và tin cậy lẫn nhau, nó cũng ở dưới hình thức ân cần, tôn trọng, có ý muốn làm hài lòng, hoặc dưới hình thức mau hiểu rõ và cố gắng làm tròn ý muốn người khác, hoặc dưới hình thức độ lượng, khoan dung. Các yếu tố có mặt trong các tình cảm yêu thương của kẻ trên đối với người dưới cũng được tìm thấy nơi đây, nhưng tính chất hỗ tương được khắc sâu vào tất cả các yếu tố này. Thế nên, chúng ta có thể nói rằng tính chất chung của tình thương giữa những kẻ bằng vai với nhau là Ý muốn giúp đỡ lẫn nhau (Desire for Mutual Help).

Vậy thì Lòng Nhân Ái, Ý muốn tương trợ và Sự Tôn Kính là ba cách chia chính của Tình Cảm-Yêu Thương (Love-Emotion) và tất cả các Tình cảm-Yêu thương đều có thể được sắp theo ba phân loại này. Vì mọi mối liên hệ của con người

đều được tóm tắt theo ba loại: Liên hệ của kẻ trên đối với kẻ dưới, liên hệ của kẻ ngang bằng nhau và liên hệ của kẻ dưới đối với người trên.

Một nghiên cứu tương tự về Tình cảm-Thù ghét (Hate-Emotion) trong gia đình sẽ đưa chúng ta đến cái kết quả tương tự. Khi có sự thù ghét giữa chồng với vợ, thì kẻ tạm gọi là trên sẽ tỏ ra cay nghiệt, độc ác, áp chế đối với kẻ tạm gọi là dưới (temporary inferior), người trên sẽ bị kẻ dưới đáp trả bằng các biểu lộ-thù ghét (hate-manifestations) đặc trưng của sự yếu đuối như là thù hằn (vindictiveness), sợ sệt và phản bội. Các biểu lộ-thù ghét này thậm chí còn rõ rệt hơn trong các liên hệ giữa cha mẹ với con cái, khi cả hai đều bị chi phối bởi Tình cảm-Thù ghét, vì sự chênh lệch ở đây lớn hơn, và sự áp chế (tyranny) dẫn đến toàn bộ một loạt tình cảm xấu như lừa dối (deceit), đê tiện (servility), hèn nhát (cowardice) trong lúc đứa trẻ cần được giúp đỡ, khi lớn lên, nó trở thành ngỗ nghịch, hay nổi loạn, nuôi ý trả thù. Ở đây, một lần nữa, chúng ta tìm thấy một tính chất chung, và thấy rằng Thù ghét nhìn từ trên xuống là Khinh Miệt (Scorn), nhìn từ dưới lên là Sợ Sệt (Fear).

Tương tự như thế, Thù ghét giữa kẻ ngang hàng (equals) sẽ tự biểu lộ thành hờn giận, gây gổ (combativeness), bất kính (disrespect), hung bạo (violence), thù nghịch (aggressiveness), đố kỵ (jealousy), láo xược (insolence) v.v., tức là tất cả các tình cảm đẩy lùi con người ra xa nhau, khi đối diện với nhau thì họ giữ thế là đối thủ, mặt đối mặt, chớ không phải tay trong tay. Đặc điểm chung của Thù ghét giữa các kẻ ngang hàng như vậy sẽ là Làm Tổn Thương Lẫn Nhau (Mutual Injury), và ba đặc điểm chính của Tình cảm-Thù ghét là Khinh Miệt, Muốn Làm Tổn Thương Lẫn Nhau và Sợ Sệt.

Tình thương được tiêu biểu trong mọi biểu lộ của nó bằng thiện cảm, tự hy sinh, ý muốn ban phát; đây là các yếu tố chính của nó, dù là dưới hình thức Nhân ái, Ý muốn Tương Trợ, hay dưới hình thức Lòng Tôn Kính. Vì tất cả các yếu tố này đều đáp ứng trực tiếp với sự Thu Hút (Attraction), đều tạo ra sự hợp nhất, nên thuộc về chính bản chất của Tình Thương. Do vậy, Tình Thương thuộc về Tinh Thần, vì thiện cảm (sympathy) là sự thương cảm (feeling) dành cho người khác khi người ta thương cảm cho chính mình; sự quên mình (self-sacrifice, hy sinh) là việc nhận thức được sự đòi hỏi của kẻ khác như của chính mình; sự tận hiến (giving) là điều kiện của sự sống tâm linh. Như vậy Bác Ái được thấy là tùy thuộc vào Tinh Thần, vào khía cạnh sự sống (life-side) của vũ trụ.

279 Mặt khác, sự Thù Hận, dưới mọi hình thức biểu lộ của nó, được biểu thị bằng ác cảm (antipathy), tự đề cao (self-aggrandisement), ý muốn chiếm đoạt (desire to take); các biểu lộ này là các yếu tố chính của nó, dù là dưới hình thức Khinh Bĩ, Ý Muốn Gây Hại Lẫn Nhau, hoặc Sợ Sệt. Tất cả các yếu tố này đều đáp ứng trực tiếp với việc Xua Đuổi (Repulsion), tách rời người này với người khác. Vậy sự Thù Hận thuộc về vật chất, nhấn mạnh vào tính đa dạng và các dị biệt, có bản chất là chia rẽ, thuộc vào khía cạnh sắc tướng của vũ trụ.

Như vậy, chúng ta đã bàn nhiều về sự tác động của xúc cảm trong gia đình, bởi vì gia đình được dùng như là một mô hình thu nhỏ (miniature) của xã hội. Còn xã hội chỉ là sự sáp nhập của nhiều đơn vị gia đình, nhưng không có sự liên hệ huyết thống (blood-tie) giữa các đơn vị này, không có quyền lợi chung được thừa nhận và không có mục đích chung, cần phải tìm ra một liên hệ nào đó để thay chỗ cho các mối liên hệ tự nhiên trong gia đình. Các đơn vị gia đình trong một xã hội



bề ngoài có vẻ như là đối thủ hơn là huynh đệ; do vậy Tình Cảm-Thù Hận dễ trở dậy hơn là Tình Cảm-Yêu Thương, vì vậy cần tìm ra cách nào đó để duy trì sự hài hòa, điều này có thể làm được bằng cách chuyển các Tình Cảm-Thương Yêu thành đức hạnh.

### 3- Nguồn gốc đức tính

Chúng ta đã thấy rằng khi các thành viên của một gia đình vượt ra ngoài phạm vi nhỏ bé của quyền thuộc, gặp những người có các sở thích (interests) không dính dáng đến hoặc trái ngược với họ, thì giữa họ với những người kia không có được Tình Thương qua lại với nhau. Họ để lộ ý ghét nhau, sự ghét nhau này thay đổi từ thái độ dòm ngó vì nghi ngờ đến sự giận dữ đánh nhau. Vậy thì thế nào là một xã hội được bao gồm bằng các đơn vị gia đình riêng biệt.

Điều đó chỉ có thể có được bằng cách làm cho lâu bền (making permanent) mọi con bốc đồng về tình cảm vốn nảy sinh từ Tình Thương và bằng cách xóa đi mọi tâm trạng tình cảm nảy sinh từ Hận Thù. Việc luôn luôn giữ tâm trạng chứa tình cảm yêu thương hướng đến một sinh linh, là một Đức Tính (Virtue), còn một tâm trạng luôn luôn chứa tình cảm hận thù hướng vào việc chống lại một sinh linh lại là một tật xấu (vice). Sự thay đổi này xảy ra do bởi Trí tuệ (Intellect). Trí tuệ phú cho tình cảm một tính chất lâu bền, tìm kiếm hài hòa trong mọi mối liên hệ ngõ hầu đưa đến hạnh phúc. Những gì mang lại hài hòa, và do đó mang lại hạnh phúc trong gia đình đều đương nhiên phát sinh từ Tình Thương trở thành đức hạnh khi được thực hành hướng về mọi người trong mọi liên hệ của Sự Sống. Đức Hạnh xuất phát từ Tình Thương và kết quả của nó là hạnh phúc. Cũng thế, những gì đưa đến bất hài hòa và do đó mang lại đau khổ trong gia đình đều đương

nhiên phát sinh từ Hận Thù, sẽ trở thành Tật xấu, khi được thực hành hướng về mọi người trong mọi liên hệ của sự sống.

281 Người ta đưa ra một bài bác đối với lý thuyết này (bài bác lý luận cho rằng tâm trạng luôn luôn có tình cảm yêu thương là một đức hạnh) bằng cách nêu ra rằng hành vi ngoại tình (adultery), trộm cắp và các tật xấu khác có thể phát sinh từ tình cảm yêu thương. Ở đây cần phải phân tích các yếu tố đưa đến thái độ tâm trí này. Thật là phức tạp chứ không đơn giản. Hành vi ngoại tình là do tình thương thúc đẩy, nhưng không phải chỉ có tình thương mà thôi. Xen vào đó còn có việc coi thường (contempt) danh dự của người khác, lãnh đạm trước hạnh phúc của người khác, chỉ biết có thú vui ích kỷ của cá nhân, không cần biết đến sự ổn định trong xã hội, thanh danh và phép tắc của xã hội. Tất cả các điều này đều xuất phát từ các tình cảm thù hận. Tình thương là đặc điểm vớt vát duy nhất trong toàn bộ sự việc này, là đức tính duy nhất trong đám tật xấu nhơ nhuốc đó. Cách phân tích tương tự cũng luôn luôn cho thấy rằng khi việc thực hành tình cảm yêu thương không đúng chỗ, thì cái sai trái nằm trong tật xấu đi kèm với việc thực hành tình thương, chứ không ở trong chính trong tình cảm yêu thương đó.

#### 4- Phải và trái

Bây giờ chúng ta hãy quay sang, trong một chốc, vấn đề Phải và Trái và xét mối liên hệ của chúng với lạc phúc và khổ đau. Có một ý tưởng rất phổ cập cho rằng có một cái gì đó thấp kém và thiên về vật chất khi cho rằng đức hạnh là phương tiện đưa đến chí phúc. Nhiều người cho rằng ý tưởng này làm giảm giá trị của đức hạnh, đặt nó vào hàng thứ yếu khi mà đúng lý ra, nó phải ở hàng đầu, và biến nó thành một phương tiện (means) thay vì là cứu cánh (end).

Vậy chúng ta hãy xét xem tại sao đức hạnh (virtue) phải là con đường đưa đến chí phúc (bliss) và tại sao đức hạnh vốn có trong bản chất của mọi sự vật (things).

282 Khi khảo sát thế giới, Trí năng (Intellect) nhận thấy có vô số các mối liên hệ được thiết lập trong đó, và nó cũng thấy rằng các liên hệ hài hòa sẽ mang lại hạnh phúc, còn các liên hệ không hài hòa sẽ mang lại đau khổ. Trí năng bắt đầu hoạt động để tìm cách thiết lập sự hài hòa khắp nơi để có được lạc phúc khắp nơi. Sau đó, nó phát giác ra rằng thế giới đang hoạt động theo một con đường bắt buộc phải theo – đó là con đường tiến hóa, rồi nó tìm ra định luật tiến hóa. Vì một bộ phận, một đơn vị nào biết tự đặt mình theo định luật chung mà nó đang bị chi phối đó sẽ được an bình, hài hòa và do đó sẽ có hạnh phúc. Khi nào đi ngược với định luật đó, có nghĩa là sẽ gặp va chạm, bất hài hòa và do đó đưa tới đau khổ. Như vậy, Điều Phải (the Right) là những gì hài hòa với đại luật, mang lại Chí phúc, còn Điều Trái (the Wrong) là những gì đi ngược với thiên luật, mang lại đau khổ. Khi Trí năng được Tinh Thần soi sáng, Trí năng sẽ thấy Thiên Nhiên như là một biểu hiện của Tư Tưởng thiêng liêng, Luật Tiến hóa như là một biểu hiện của Ý Chí thiêng liêng, mục tiêu (goal) như là một biểu hiện của Chí phúc thiêng liêng, kế đó để hài hòa với luật tiến hóa chúng ta có thể thay thế sự hài hòa bằng Ý Chí thiêng liêng, và Điều Phải trở thành những gì hài hòa với Ý chí của Thượng Đế, đồng thời tính chất đạo đức trở nên được thấm đượm trong tôn giáo.

### 5- Đức Hạnh và Chí Phúc

283 Sự Hoàn Thiện, sự hài hòa với Thiên Ý, không thể bị tách rời khỏi Chí Phúc, Đức hạnh (virtue) là con đường đi đến Chí Phúc (Bliss), nếu bất cứ điều gì không đưa đến Chí

Phúc thì không phải là Đức Hạnh. Sự hoàn thiện của Tạo Hóa (divine nature) tự biểu lộ trong sự hài hòa, và khi các “mảnh vụn thiêng liêng” (“divine fragments”) đang phân tán tiến đến hài hoà, thì chúng hưởng được chí phúc.

Sự kiện này đôi khi bị sự kiện khác che lấp đi, nghĩa là việc thực hành một đức tính trong một vài trường hợp lại đưa đến đau khổ. Đúng như vậy, nhưng sự đau khổ chỉ tạm thời và ở bề ngoài thôi, còn sự quân bình giữa cái đau khổ bên ngoài đó với chí phúc bên trong, vốn xuất phát từ cách hành xử theo đức hạnh, lại có lợi cho chí phúc. Hơn nữa, đau khổ không phải do đức hạnh, mà là do các hoàn cảnh đối nghịch với việc thực hành đức hạnh, do sự ma sát giữa bộ máy tốt lành với môi trường tệ hại chung quanh. Thế nên khi bạn tấu lên một hợp âm hài hòa giữa một số đông các bất hài hòa, thì nhất thời nó làm tăng thêm sự thiếu hài hòa. Người có đức hạnh luôn xung khắc với người xấu, nhưng điều này cũng sẽ cho chúng ta thấy được sự thật rằng chí phúc bao giờ cũng được kết hợp một cách chặt chẽ với Lẽ Phải, còn đau khổ bao giờ cũng kết hợp không rời với Sai Trái. Cho dầu người công chính có thể chịu đau khổ tạm thời, nhưng không có điều gì ngoại trừ sự công chính (righteousness) có thể đưa đến chí phúc. Nếu khảo sát tâm thức của người ngay thẳng, chúng ta thấy rằng người này được hạnh phúc hơn khi làm điều phải mặc dầu có thể chịu đau khổ ở bề ngoài, hơn là khi làm điều trái để bị xáo trộn sự an tĩnh nội tâm. Việc phạm vào một hành vi sai trái sẽ gây cho y đau khổ bên trong nhiều hơn là vui thích bên ngoài. Ngay cả trong trường hợp mà sự ngay thẳng đưa đến đau khổ bên ngoài đi nữa thì nỗi đau này cũng nhẹ nhàng hơn là nỗi đau do sự thiếu ngay thẳng gây ra. Cô Helen Taylor có nói một cách chí lý rằng đối với người dám chết vì chân lý, thì cái chết như thế còn dễ chịu

hơn là sống với sự giả dối. Đối với người ngay thẳng thì chết như một thánh tử đạo (martyr) lại thanh thoát và dễ chịu hơn là sống như kẻ đạo đức giả (hypocrite).

Vì bản chất của Chân Ngã là chí phúc và niềm chí phúc đó chỉ bị ngăn không cho biểu lộ do các hoàn cảnh đối kháng, những gì lấy đi sự va chạm giữa chính nó với các hoàn cảnh này và mở ra con đường thẳng tiến đưa tới việc nhận thức Chân Ngã (Self- realization), nghĩa là đưa tới việc nhận thức chí phúc (realization of bliss). Đức hạnh làm được điều này, do đó mà đức hạnh là một phương tiện đưa tới chí phúc. Nơi nào mà bản chất bên trong của sự vật là an lạc (peace and joy) thì sự hài hòa vốn cho phép bản chất đó tự biểu lộ cũng phải mang lại an lạc và đưa tới sự hài hòa này là công việc của đức hạnh.

### **6- Chuyển hóa xúc động thành đức hạnh và tậ xấu**

Bây giờ chúng ta nghiên cứu đầy đủ hơn sự thật của những gì đã nói ở trên, đó là đức hạnh phát xuất từ xúc động, và quan niệm cho rằng một đức tính hoặc một tậ xấu chỉ là một tâm trạng thường xuyên của một xúc động thì chính xác đến mức nào. Theo định nghĩa của chúng ta, thì đức hạnh là tâm trạng thường xuyên của xúc cảm-yêu thương (love-emotion), còn tậ xấu là tâm trạng thường xuyên (permaneht mood) của xúc cảm - thù hận (hate-emotion).

285 Những xúc cảm thuộc về yêu thương là các năng lượng xây dựng, chúng thu hút mọi người lại với nhau, tạo thành gia đình, bộ lạc, quốc gia. Tình thương là một biểu lộ của sự thu hút, do đó nó giữ cho các đối tượng chung lại với nhau. Tiến trình hội nhập này bắt đầu với gia đình, các liên hệ được thiết lập giữa các thành viên của gia đình bằng sự sống chung của gia đình, muốn có được hạnh phúc, cần có hoạt động

hướng vào nhau theo cách giúp ích và thân ái. Các bó buộc (obligation) cần cho việc tạo ra hạnh phúc trong các liên hệ này được gọi là bổn phận (duties), những gì vốn thích hợp từ người này đến người khác. Nếu các bổn phận này không được làm tròn thì các liên hệ gia đình trở thành nguồn gốc khổ đau, vì lẽ các tiếp xúc chặt chẽ của gia đình khiến cho hạnh phúc của mỗi người tùy thuộc vào cách đối xử của những người khác đối với y. Không có một liên hệ nào được đưa vào giữa con người mà không tạo ra một bó buộc giữa họ, một bổn phận của mỗi người đối với người khác. Chồng thương yêu vợ, vợ thương yêu chồng, và không có gì cần thêm nữa để đưa mỗi người đi đến việc tìm kiếm hạnh phúc cho người khác hơn là ý muốn mãnh liệt tự phát làm cho người mình yêu thương được hạnh phúc. Ý muốn đó dẫn dắt cho kẻ này cung cấp những gì mà kẻ kia cần đến. Theo ý nghĩa đầy đủ nhất thì “Yêu thương là sự làm trọn luật pháp” (“love is the fulfilling of the law” – Rom, XIII, 10)<sup>(1)</sup>. Không cần có sự nhạy cảm trước một nghĩa vụ, vì tình thương bao giờ cũng tìm cách giúp đỡ và chúc phúc, không cần phải nói lên “ngươi sẽ” (“thou shalt”) hoặc “ngươi sẽ không”) (“thou shalt not”).

286 Nhưng khi một người, do tình thương thúc đẩy, mà làm xong mọi bổn phận trong mối liên hệ của mình với người khác, y bắt đầu liên hệ với những người mà y không ưa thích thì làm sao tạo được mối liên hệ hài hòa với những người sau này? Đó là y chỉ cần nhận thức được các nghĩa vụ về mối liên hệ mà y vừa tạo ra và hoàn tất các nghĩa vụ đó là đủ. Trong trường hợp trước, nhờ có tình thương mà việc làm của y trở thành nghĩa vụ (obligations), trong trường hợp sau, không có

<sup>1</sup> Lời dịch của Kinh Thánh 2003, trang 162. (ND)

tình thương, chỉ có bốn phận (duties). Lý trí chính đáng tác động tới các hành động tự nguyện vì tình thương làm cho chúng trở thành các nghĩa vụ hoặc các bốn phận có tính chất lâu bền, còn xúc- cảm-yêu thương tạo thành yếu tố lâu bền về tư cách đạo đức (conduct), được gọi là một đức hạnh. Điều này biện minh cho phát biểu rằng đức hạnh là tâm trạng bền vững của xúc- cảm- yêu- thương. Một trạng thái tình cảm bền vững được thiết lập sẽ tự biểu lộ khi một liên hệ được tạo ra. Người nào làm tròn được các bốn phận về mỗi liên hệ ấy là người có đức hạnh. Y bị thôi thúc bởi các xúc cảm được trí năng làm cho trường cửu, trí năng nhận thức được rằng hạnh phúc tùy thuộc vào việc thiết lập sự hài hòa trong mọi mối liên hệ. Khi được hợp lý hóa và được xác định bằng trí năng, thì tình thương trở thành đức hạnh.

Bằng cách này, một khoa đạo đức học có thể được thành lập, các định luật của khoa này cũng theo một trình tự tất yếu nhiều như là các định luật mà bất cứ khoa học nào được thiết lập dựa vào đó.

Giữa xúc cảm-thù hận với tật xấu cũng có mối liên quan tương tự. Tâm trạng không thay đổi đối với một xúc cảm-thù hận tượng trưng cho một tật xấu. Một người làm hại một người khác, rồi bị người đó hại trở lại; mỗi liên hệ giữa hai người thiếu hài hòa, đưa tới kết quả là đau khổ. Và vì người này mong cho người kia bị tổn hại, mỗi bên cố làm suy yếu khả năng gây tổn hại của bên kia, đây là hành động thù ghét tự phát. Khi tâm trạng này trở nên thường xuyên, và người nào để lộ tâm trạng đó trong bất cứ mối liên hệ nào y có được với người khác, thì bấy giờ nó được gọi là tật xấu.

Một người có các thị dục chưa được kiềm chế và có bản chất kém phát triển, thích đánh đập, đó là biểu lộ tự nhiên của lòng thù hận. Y thường lặp lại hành vi này nên nó trở

thành thói quen khi y nổi giận. Y thích gây đau khổ cho người khác và thích thú với hành động đó. Tính độc ác đã phát triển. Nếu gặp một đứa trẻ hay một người yếu đuối hơn y, y sẽ để lộ tính độc ác đó mỗi khi y đến tiếp xúc với những người này.

Khi xúc cảm-yêu thương, được hướng dẫn và được xác định bằng lý lẽ đúng đắn (right reason), thì đó là đức hạnh, cũng thế, khi xúc cảm-thù hận, được hướng dẫn và xác định bằng lý lẽ lệch lạc và mù quáng, thì đó là tật xấu.

### 7- Áp dụng lý thuyết này cho hạnh kiểm

288 Khi bản chất của đức hạnh và tật xấu đã được nhận ra như thế, thì rõ ràng là phương cách ngắn nhất để làm mạnh thêm đức hạnh và loại bỏ các tật xấu là *tác động trực tiếp vào khía cạnh tình cảm của tính tình*. Chúng ta có thể nỗ lực để phát triển xúc cảm-yêu thương, như vậy cung ứng chất liệu mà lý trí sẽ đức luyện thành các đức tính đặc trưng của nó. Sự phát triển của xúc cảm-yêu thương là cách hữu hiệu nhất để phát triển tính chất đạo đức, còn đức hạnh vốn chỉ là các hoa quả nảy sinh từ cội rễ của yêu thương.

Giá trị của ý niệm rõ rệt này về sự chuyển hóa của xúc cảm thành đức hạnh và tật xấu nằm trong sự kiện là nó mang lại cho chúng ta một lý thuyết rõ ràng mà dựa vào đó chúng ta có thể ứng xử. Giống như khi tìm một địa điểm xa lạ, với một tấm địa đồ đặt trước mặt, chúng ta kẻ trên đó con đường dẫn từ vị trí hiện tại của chúng ta đến mục tiêu cần tìm. Rất nhiều người thực sự tốt lành và có nhiệt tâm, họ trải qua nhiều năm với các hoài bão mơ hồ sau khi có được tính tốt, tuy nhiên chỉ tạo được chút ít tiến bộ. Họ là những người có mục tiêu tốt đẹp đấy, nhưng lại yếu ớt trong việc muốn đạt được mục tiêu đó, điều này hầu hết do bởi họ không hiểu



được bản tính (nature) của họ, cũng như không hiểu được các phương pháp có hiệu quả nhất để vun trồng bản tính đó. Họ giống như một đứa trẻ trong vườn hoa, một đứa trẻ khao khát thấy khu vườn của mình rực rỡ với nhiều hoa, nhưng không biết trồng và vun bón cho hoa, không biết diệt trừ cỏ dại đang mọc tràn trên mảnh đất của mình. Giống như đứa trẻ, họ khao khát vị ngọt ngào của các đóa hoa đức hạnh (virtue-flowers), nhưng chỉ thấy khu vườn của họ bị ngập tràn bởi những hàng cỏ dại của tật xấu.

### 8. Các công dụng của xúc cảm

289 Các công dụng của xúc cảm-yêu thương thì hiển nhiên đến nỗi hầu như không cần phải nói hoài về chúng, và tuy thế cũng không thể nhấn mạnh quá nhiều vào sự kiện rằng *tình thương là mãnh lực kiến tạo trong vũ trụ*. Nhờ thu hút các đơn vị gia đình lại với nhau, tình thương hàn gắn các đơn vị này thành các đơn vị lớn hơn là bộ lạc và quốc gia, rồi sau này nó tạo ra tình huynh đệ của con người. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng chính các đơn vị nhỏ gọi ra mãnh lực tình thương và chuẩn bị cho tình thương biểu lộ đầy đủ hơn. Công dụng của chúng là làm biểu lộ quyền năng thiêng liêng ẩn tàng của tình thương trong Tinh Thần, bằng cách mang lại cho nó các đối tượng ở sát tâm tay đang thu hút nó. Tình thương không thể bị hạn chế bên trong các giới hạn chật hẹp này, nhưng vì nó nhận được sức mạnh bằng thực hành nên nó phải trải rộng ra ngoài cho đến khi nó chứa đựng mọi sinh linh hữu tình (sentient beings). Chúng ta có thể diễn giải luật bác ái như sau: Hãy xem mọi người lớn tuổi như cha mẹ của bạn; xem mọi người đồng lứa tuổi như là anh chị em của bạn; xem mọi người nhỏ tuổi như con cái của bạn. Luật bác ái tổng kết các mối liên hệ của con người. Làm tròn được luật này là

làm cho cõi trần thành một thiên đàng và để cho cõi trần có thể trở thành một thiên đàng như thế cần phải có sự hiện hữu của gia đình.

Người nào muốn nói rộng các liên hệ về tình thương của mình thì nên bắt đầu xem phúc lợi của cộng đồng của mình giống như phúc lợi của chính gia đình mình. Y nên cố gắng làm việc cho lợi ích chung của cộng đồng mình với năng lực và sự chú tâm như khi y làm cho gia đình mình. Sau đó, y trải rộng sự quan tâm về tình thương và công sức của y cho quốc gia mình. Bấy giờ đức tính vĩ đại của tinh thần cộng đồng sẽ xuất hiện, dấu hiệu báo trước chắc chắn sự thịnh vượng của quốc gia. Sau này y sẽ thương yêu và làm việc cho nhân loại, sau cùng y sẽ chăm sóc yêu thương tất cả mọi sinh linh hữu tình và sẽ trở thành “bạn của mọi tạo vật”.

Ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, có ít người thực sự biết yêu thương nhân loại. Rất nhiều người nói đến việc thương yêu nhân loại, nhưng họ không sẵn sàng hy sinh chút gì để giúp đỡ một huynh đệ đau khổ ở sát bên họ. Kẻ phụng sự nhân loại đừng nên chỉ đứng ở cửa nhà mình để nhìn nhân loại, cũng đừng tưởng tượng lấy nước tình cảm tưới vào ngôi vườn xa, trong khi cây cỏ chung quanh lối đi của y đang chết vì khô hạn.

Các công dụng của thù ghét trước tiên không lộ rõ lắm, tuy thế, lại quan trọng. Thoạt tiên, khi nghiên cứu sự thù ghét, chúng ta thấy rằng cốt lõi của nó là sự tan rã, hủy diệt, dường như đó là mọi điều xấu xa. Một Đại Huấn Sư có nói: “Ai ghét anh em mình thì ấy là kẻ sát nhân” (“He who hateth his brother is a murder”) (S. John, ii, 15); vì lẽ sát nhân chỉ là một biểu lộ của sự ghét; thậm chí khi sự ghét không đi quá xa đến mức sát nhân, thì nó vẫn là một mãnh lực hủy diệt; nó

làm tan vỡ gia đình, quốc gia và nơi nào mà nó đi qua, nó làm chia rẽ con người. Vậy thì sự ghét có công dụng gì?

290 Trước tiên nó xua đi những yếu tố lạc lõng, vốn không thích hợp khi phối hợp với nhau và như vậy ngăn được sự luôn luôn va chạm. Xét về người kém phát triển và không tương hợp, tốt hơn là để cho họ tách ra để theo các đường tiến hóa riêng của họ hơn là bị giữ lại gần nhau, kích động nhau để tăng thêm loại tình cảm xấu. Hai là đối với một linh hồn bình thường thì sự ghê tởm đối với một kẻ tà ác lại có lợi, chừng nào mà kẻ tà đó còn có sức mạnh dấy y lạc lối, bởi vì sự ghê tởm đó, mặc dầu đó là sự ghét, vẫn bảo vệ được y khỏi một ảnh hưởng mà lẽ ra y có thể đầu hàng. Khinh ghét kẻ đối lập, kẻ đạo đức giả, kẻ làm ác với người yếu đuối, là một xúc cảm hữu ích cho những ai cảm nhận được điều đó, và cũng hữu ích cho kẻ mà nó được nhắm vào để chống lại, vì nó có khuynh hướng giữ cho kẻ đó khỏi rơi vào các tật xấu tương tự, đồng thời nó có khuynh hướng khơi dậy trong người bị khinh ghét một cảm giác xấu hổ, cảm giác này có thể nâng y ra khỏi bùn lầy mà y đang bị lún vào. Chừng nào mà một người còn có bất cứ xu hướng phạm tội nào, chừng đó việc thù ghét chống lại kẻ làm ác lại có tính bảo vệ và hữu ích cho y. Sau này, khi càng tiến hóa, y sẽ phân biệt giữa kẻ làm ác (evil-doer) với việc ác, và sẽ cảm thấy thương hại kẻ làm ác và giới hạn sự oán ghét của y vào điều ác. Về sau nữa, khi đức hạnh được vững vàng rồi, y sẽ không ghét kẻ làm ác lẫn sự ác nữa, y sẽ bình tâm thấy rằng đó chỉ là giai đoạn tiến hóa thấp, y sẽ cố gắng nâng người bạn trẻ của y ra khỏi giai đoạn đó bằng phương tiện thích hợp. “Căm phẫn chính đáng” (“righteous indignation”), “khinh bỉ thanh cao” (“noble scorn”), “thịnh nộ hợp lý” (“just wrath”), tất cả đều là những câu nói nhìn nhận sự hữu ích của các tình cảm này, trong khi

292 tìm cách che đậy sự thật rằng về bản thể, chúng là các hình thức của thù ghét – một bức màn che do bởi cảm giác rằng thù ghét là một điều xấu xa. Tuy nhiên về mặt bản thể, chúng là các hình thức của thù ghét, dù chúng có thể được gọi thế nào đi nữa, dù chúng có đóng một vai trò hữu ích trong sự tiến hóa, và sự bộc phát của chúng giúp thanh lọc bầu khí xã hội. Không khoan nhượng (intolerance) trước điều ác còn hay hơn là lãnh đạm với nó. Bao giờ mà ta chưa vượt qua được tâm cảm dỗi trước bất cứ tội lỗi nào, thì sự không khoan nhượng đối với những người gây tội lỗi lại là một sự bảo vệ cần thiết cho ta.

Chúng ta hãy lấy trường hợp của người ít tiến hóa. Người này muốn tránh các tội lỗi lộ liễu nhưng vẫn còn cảm thấy bị chúng cảm dỗi. Ý muốn tránh các tội lỗi này sẽ tự hiện ra dưới hình thức không ưa những người mà y thấy là có tội; kiểm soát sự không ưa này có nghĩa là ném y vào các thử thách mà y chưa đủ mạnh để chống lại. Khi y tiến hóa, y ngày càng ra xa khỏi cái nguy hiểm là nhượng bộ trước sự cảm dỗi, y sẽ ghét tội lỗi, nhưng sẽ có thiện cảm nhờ lòng trắc ẩn đối với kẻ phạm tội. Chỉ khi nào đã trở nên một ông Thánh y mới có thể không còn thù ghét điều ác nữa.

Khi nào trong chính chúng ta, chúng ta cảm thấy có ác cảm với một người, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng nơi chúng ta có một số dấu vết còn roi rút lại của những gì mà chúng ta không ưa nơi người đó. Khi thấy nguy hiểm, Chân Ngã liền kéo các hiện thể của nó ra xa. Một người hoàn toàn kiêng rượu cảm thấy ít có ác cảm đối với kẻ hay say sưa hơn là người kiêng rượu mà thỉnh thoảng còn quá chén. Một phụ nữ hoàn toàn trong sạch, không thấy có ác cảm với người chị em bị sa ngã, còn một phụ nữ ít trong sạch hơn lại không muốn để cho vạt áo của mình đụng đến kẻ sa ngã. Khi đạt

293 đến sự hoàn thiện, chúng ta sẽ yêu thương kẻ tội lỗi cũng như vị Thánh, và có lẽ ta nên yêu thương kẻ tội lỗi nhiều hơn, vì vị Thánh có thể đứng được một mình, còn kẻ tội lỗi sẽ té ngã nếu y không được yêu thương.

Khi một người đã vươn lên đến mức không còn thù ghét kẻ phạm tội cũng như tội lỗi nữa, thì bấy giờ mãnh lực làm tan rã – vốn là sự thù ghét giữa con người – hoàn toàn trở thành một năng lượng được dùng để tiêu hủy các chướng ngại đang ngăn chặn con đường tiến hóa. Khi mình triết hoàn hảo hướng dẫn các năng lượng kiến tạo và hủy diệt, và khi tình thương hoàn hảo là động lực thúc đẩy, chỉ lúc bấy giờ sức mạnh hủy diệt mới có thể được dùng mà không gánh chịu tội lỗi gốc rễ (root-sin) đó là cảm thức chia rẽ (feeling of separateness). Cảm thấy chính chúng ta khác với những người khác là “đại tà thuyết” (“great heresy”), vì, khi toàn thể tiến đến sự hợp nhất (unity) thì tính chia rẽ đi ngược với Thiên Luật. Cảm giác chia rẽ nhất định là sai trái, dù cho nó có đưa ta đến chỗ nghĩ rằng chính mình ngay thẳng hơn hoặc tội lỗi hơn kẻ khác. Vị thánh hoàn thiện hòa mình vào kẻ tội lỗi cũng nhiều như hòa mình vào vị thánh khác, vì kẻ tội lỗi và kẻ thánh thiện đều thiêng liêng như nhau, chỉ khác nhau ở các giai đoạn tiến hóa mà thôi. Khi người nào cảm nhận được như thế là y có thể tiếp xúc với sự sống của Đức Christ trong con người. Y không còn nghĩ đến chính mình như là riêng biệt nữa mà như là một với vạn vật. Đối với y, sự thánh thiện (holiness) của riêng y là Thánh Thiện của nhân loại, còn tội lỗi của bất cứ người nào cũng là tội lỗi của y. Y không dựng lên hàng rào nào giữa y với người phạm tội, mà còn kéo đổ bất cứ hàng rào nào do kẻ phạm tội tạo ra và chia sót nỗi đau của kẻ phạm tội cũng như chia sẻ với y điều tốt lành.

Những ai có thể cảm nhận được chân lý của “lời khuyên về sự hoàn thiện” (“counsel of perfection”) này thì trong đời sống hằng ngày nên tìm cách thực hành nó dù là hãy còn bất toàn. Khi đối xử với người ít tiến hóa, bao giờ cũng nên tìm cách san bằng bức tường phân cách. Vì ý thức chia rẽ rất tế nhị và vẫn còn kéo dài cho đến khi chúng ta đạt đến quả vị Christ (Christhood). Tuy nhiên bằng nỗ lực này, chúng ta có thể từ từ giảm thiểu nó và nỗ lực để đồng nhất hóa chính chúng ta với cái thấp kém nhất để tập làm cho năng lượng kiến tạo đang nắm giữ Thế Giới gom chung lại với nhau và để trở thành các vận hà cho lòng bác ái thiêng thiêng.

## Chương V Xúc cảm (tiếp theo)

### 1- Huấn luyện xúc cảm

Chúng ta đã thấy xúc cảm là động lực thúc đẩy trong con người; nó kích thích tư tưởng; nó thôi thúc hành động; nó có vai trò như là hơi nước đối với máy chạy hơi nước; nếu không có xúc cảm con người trở nên ù lì, thụ động. Nhưng có nhiều người luôn luôn làm miếng mồi cho sự xúc cảm của họ; do xúc cảm mà họ chuyển hết bên này đến bên khác giống như một con tàu không bánh lái trước các cơn gió bão trên đại dương; họ bị ném lên cao và lồi xuống thấp bởi các đợt sóng (surges) vì các cảm giác vui, buồn; họ dao động giữa sự phấn chấn với sự nãn lòng. Người như thế sẽ bị chao đảo, bị chế ngự bởi xúc cảm, luôn luôn bị phiền nhiễu bởi sự xung đột của xúc cảm. Nội tâm của họ ít nhiều gì cũng có xáo trộn, các hành vi bên ngoài của họ cũng thất thường, bị thôi thúc bởi xung lực nhất thời, mà không có việc xem xét đúng đắn về các hoàn cảnh chung quanh, việc xem xét như thế sẽ giúp cho các hành vi của y được định hướng đúng đắn. Thường thường người như thế được gọi là người tốt, được gọi húng bằng các động lực quảng đại, được thôi thúc vào các hành động tốt lành, đầy thiện cảm với người đau khổ và mong muốn xoa dịu nỗi đau, họ nhanh chóng lao vào hành động với ý định giúp đỡ kẻ đau khổ. Ở đây chúng ta không đề cập đến người lãnh đạm hoặc người độc ác, mà đề cập đến người

bị các xúc cảm thúc đẩy hành động trước khi y nghiên cứu tình huống hay tiên đoán kết quả hoạt động của mình ngoài việc làm giảm đau khổ tức khắc trước sự xem xét của y. Dù được thôi thúc bằng ý muốn giúp đỡ, dù xúc cảm làm khởi động là lòng thiện cảm (sympathy) và có ý muốn làm giảm khổ đau, người như thế thường làm hại nhiều hơn là làm lợi do hậu quả của hành động thiếu cân nhắc của y. Xúc cảm thôi thúc y vốn xuất phát từ khía cạnh bác ái của bản chất y, từ khía cạnh thu hút con người lại với nhau, đó là cội nguồn của các đức tính kiến tạo và bảo tồn; và; trong chính sự kiện này có ẩn tàng cái nguy hại của một người như thế. Nếu xúc cảm có cội nguồn nơi điều ác thì y phải là người đầu tiên xóa bỏ nó đi, nhưng chỉ vì nó có cội nguồn trong xúc cảm-yêu thương, nơi mà từ đó xuất phát mọi đức tính về xã hội, nên y không nghi ngờ nó, y không nỗ lực để kiềm chế. Những câu nói như: "Tôi rất đồng cảm. Tôi rất xúc động trước đau khổ. Tôi không thể chịu nổi trước cảnh đau khổ". Những câu như thế đều hàm chứa một sự tự tán dương (self-praise) nào đó, mặc dầu giọng điệu có thể không tán thành (deprecation). Thật ra lòng thiện cảm thì đáng khâm phục, nếu tự thân là lòng thiện cảm (qua sympathy), nhưng nếu đặt không đúng chỗ thì nó thường khơi thêm sự phiến lụy (mischief). Đôi khi nó làm hại chính đối tượng của lòng thiện cảm và cuối cùng đặt đối tượng đó vào hoàn cảnh còn tệ hơn lúc đầu. Cũng thế, 297 thường khi các hình thức xoa dịu mà thiếu khôn ngoan lại được chấp nhận, muốn lấy đi nỗi đau của người đồng cảm nhiều hơn là chữa trị điều hại của kẻ đau khổ, và thực ra một nỗi đau tạm thời được chận đứng bằng cái giá của một tổn thương kéo dài, mặc dầu không được công khai thừa nhận, thật ra cũng làm khuây khỏa nỗi đau của kẻ bàng quan. Phản ứng của lòng thương cảm lên người có lòng thiện cảm là điều



tốt, giúp đào sâu thêm tình cảm-thương yêu. Nhưng tác động lên những kẻ khác thì thường là quá tệ hại do thiếu tư tưởng quân bình. Thật là dễ dàng mà kêu than vang dậy trời đất, rung chuyển cả không khí, nhưng thật khó mà ngưng lại để đo lường nguyên nhân sự khổ để chữa trị, kể đó dùng thuốc cứu chữa thay vì kéo dài ra. Nếu muốn có kết quả tốt thì phải dùng lý luận xác đáng để chế ngự và điều khiển xúc cảm. Chỉ nên dùng xúc cảm để thúc đẩy hành động, chớ không nên dùng xúc cảm làm kẻ chỉ đạo cho hành động; sự chỉ đạo tùy thuộc vào trí tuệ và cái đặc quyền hướng dẫn của trí tuệ không bao giờ nên lấy ra khỏi trí tuệ. Người nào có tâm thức tác động như thế, có được xúc cảm mạnh mẽ đóng vai trò thôi thúc và có sự lý luận xác đáng đóng vai trò hướng dẫn, thì đó là bậc hiền nhân rất hữu ích cho đời.

298 Dục vọng được so sánh một cách rất đúng với con ngựa được thắng vào chiếc xe bằng thể xác, dục vọng cũng có nguồn cội trong xúc cảm. Khi nào xúc cảm không được kiểm chế, thì chúng giống như con ngựa chưa thuần (unbroken horses) cứ lao đi, gây nguy hiểm cho sự an toàn của chiếc xe và đe dọa sự sống của người điều khiển xe (charisteer). Các dây cương được so sánh với trí khôn, dây cương để hướng dẫn con ngựa, ghìm lại hoặc buông lỏng khi cần. Ở đây có hình ảnh rõ rệt về mối liên hệ giữa xúc cảm, trí tuệ và hành động. Xúc cảm đưa đến hoạt động, trí tuệ kiểm chế và hướng dẫn, còn Chân Ngã sẽ dùng hoạt động sao cho có lợi nhất khi Chân Ngã trở nên kẻ cai quản xúc cảm, chớ không phải là nạn nhân của xúc cảm.

Với sự phát triển của trạng thái tâm thức đó, tức trạng thái sẽ tự biểu lộ dưới hình thức Tuệ giác (Buddhi) trong phụng thờ thứ sáu và còn hoàn chỉnh hơn nữa trong căn chưởng thứ sáu, bản chất tình cảm đang phát triển một cách nhanh

chóng nơi một số người tiến hóa của giống dân thứ năm, và thường thường, trong một thời gian, bản chất tình cảm này cũng đem lại nhiều phiền toái và thậm chí các triệu chứng gây đau buồn nữa. Khi sự tiến hóa nối tiếp, các triệu chứng này sẽ biến mất, bản chất tình cảm sẽ trở nên quân bình, cũng như trở nên mạnh mẽ, trở nên minh triết cũng như quảng đại hơn. Trong khi đó bản chất nào phát triển nhanh chóng sẽ gặp phong ba và thường chịu phiền muộn, sẽ gặp đau khổ dữ dội và lâu dài. Tuy nhiên, sức mạnh trong tương lai của bản chất đó nằm trong chính các đau khổ này, giống như sự thanh luyện hiện tại của nó vậy, và sự đau khổ càng ác hại chừng nào, kết quả càng lớn lao chừng đó. Chính là Buddhi đang tranh đấu để ra đời trong các bản chất mạnh mẽ này, và cái đau khổ của công việc đều dựa vào chúng. Chẳng bao lâu nữa, Buddhi, tức Christ, tức “hài nhi bé nhỏ” (“little child”) sẽ được sinh ra, Minh Triết và Bác Ái nhập một, và một này hợp nhất với trí tuệ cao siêu (high intelligence) trở thành Chân Ngã Tinh Thần (Spiritual Ego), Con Người Nội Tâm đích thực, Chủ Thể Bất Tử.

299 Đạo sinh nào đang nghiên cứu bản chất riêng của mình ngõ hầu nắm được sự tiến hóa riêng của mình trong tay và điều khiển con đường tiến hóa trong tương lai, thì phải xem xét kỹ điểm mạnh và điểm yếu riêng của mình, để điều hòa cái này và hiệu chỉnh cái kia. Nơi những người phát triển không đồng đều, trí tuệ và xúc cảm có khuynh hướng thay đổi theo tỷ lệ nghịch với nhau: các xúc cảm mạnh đi cùng với trí tuệ yếu ớt, và trí tuệ mạnh đi cùng với các xúc cảm yếu. Trong trường hợp này, năng lực điều khiển yếu, trong trường hợp kia là năng lực thúc đẩy yếu. Vậy thì, trong lúc tự phân tích, đạo sinh phải trải nghiệm chính mình để tìm xem mình có bất đắc dĩ xem xét sự vật dưới “ánh sáng trong suốt nhạy

bén của trí tuệ” hay không. Nếu y cảm thấy bị dội lại khi một đối tượng được đưa đến với y dưới ánh sáng này, thì y có thể chắc chắn rằng phương diện xúc cảm của bản chất y đang quá phát triển so với phương diện trí tuệ. Vì người có được thăng bằng vững chãi sẽ không bức tức với ánh sáng trong suốt của trí tuệ chỉ huy, mà cũng không bức tức với sức mạnh của xúc cảm thô thúc. Nếu trong quá khứ, một phía đã được vun quén quá mức, nếu các xúc cảm đã được bảo dưỡng đến mức có hại cho trí tuệ, thì bây giờ các nỗ lực nên được chuyển qua việc làm mạnh phần trí tuệ và việc bức tức vốn nổi dậy chống lại việc trình bày bằng trí tuệ một cách hờ hững nên được kiềm chế một cách nghiêm ngặt, sự dị biệt giữa trí tuệ với lòng thiện cảm được nhận ra.

300

## 2. Sức mạnh lệch lạc của xúc cảm.

Một trong những điều mà người dễ xúc cảm thường không để ý đến nhiều nhất, đó là làm cách nào mà nỗi cảm xúc làm tràn ngập bầu không khí xung quanh người đó bằng các rung động của nó và theo đó đặt ảnh hưởng lên trí não. Mọi sự vật được nhìn thấy xuyên qua bầu khí này và bị nó làm cho đổi màu và lệch lạc đi, thế nên các sự vật không đến được trí não dưới hình thức và màu sắc đúng của chúng nữa, mà đến dưới hình thức lệch lạc và bị đổi màu. Hào quang bao quanh chúng ta phải là môi trường trong suốt để cho mọi vật ở ngoại giới đến được chúng ta dưới hình thức và màu sắc của chính nó. Nhưng khi hào quang bị rung động theo cảm xúc, thì nó không thể tác động như là môi trường trong suốt nữa, mọi vật đi qua đó đều bị khúc xạ (refracted) nên khi đến chúng ta thì hoàn toàn khác đi. Nếu một người đang ở dưới nước, có một cây gậy đặt gần bên y ở trong không khí, khi y đưa tay cố nắm lấy cây gậy, tay y sẽ đặt lệch hướng, vì y sẽ

đặt tay vào chỗ mà y thấy có cây gậy, nhưng vì các tia sáng đến từ cây gậy bị khúc xạ khi đi vào nước, nên, đối với y, cây gậy sẽ bị đổi chỗ. Tương tự như thế, khi một cảm giác từ ngoại giới đến với chúng ta xuyên qua một hào quang chứa quá nhiều xúc cảm, kích cỡ của nó bị lệch lạc nên vị trí của nó bị đoán sai. Vì các dữ kiện được cung cấp cho trí óc bị sai lệch, nên việc phán đoán dựa vào các dữ kiện này do đó tất phải sai, dù là nói cho đúng, trí tuệ vẫn hoạt động.

301       Thậm chí dù có tự phân tích rất cẩn thận đi nữa, chúng ta cũng sẽ không hoàn toàn bảo vệ chúng ta chống lại sự xáo trộn do xúc cảm này. Trí óc bao giờ cũng có khuynh hướng phán đoán một cách thuận lợi những gì mà ta thích, và xét đoán một cách không thuận lợi những gì mà chúng ta không ưa, do “sự khúc xạ” (“refraction”) nói ở trên. Các luận cứ ủng hộ cho một tiến trình nào đó được đưa vào ánh sáng rực rỡ vì chúng ta thích đi theo nó, còn các luận cứ chống lại nó bị chìm vào bóng tối. Một bên dường như rất rõ ràng và thuyết phục, một bên rất bấp bênh và yếu ớt. Vì trí óc chúng ta thấy xuyên qua xúc cảm, nó chắc chắn đến nỗi chúng ta cho rằng đúng, và bất cứ ai không thấy như chúng ta đều bị cho là thiên lệch do thành kiến hoặc bị cho là cố ý ngang ngạnh. Chúng ta chỉ có thể bảo vệ chống lại mỗi nguy hiểm bao giờ cũng có mặt này bằng cách luôn luôn cố gắng cẩn thận, nhưng sau cùng chúng ta cũng không thể thoát khỏi nó cho đến khi chúng ta vượt lên khỏi các xúc cảm và trở thành kẻ quản trị chúng một cách tuyệt đối.

Còn một cách nữa có thể giúp chúng ta xét đoán một cách đúng đắn, đó là nghiên cứu các tác động của tâm thức nơi những kẻ khác và cân nhắc các quyết định của họ theo những hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh của chúng ta. Phán đoán nào làm cho ta khó chịu (repel) nhiều nhất là các

phán đoán hầu như hữu ích nhất đối với chúng ta, bởi vì chúng được tạo ra qua một môi trường xúc cảm khác hẳn với môi trường của chúng ta. Chúng ta có thể so sánh các quyết định của những người khác với quyết định của chúng ta, và bằng cách lưu ý đến những điểm nào có ảnh hưởng đến họ nhiều nhất và ảnh hưởng đến ta ít nhất, và những gì có tầm quan trọng nhiều nhất đối với chúng ta và ít nhất đối với họ, nhờ đó chúng ta có thể tháo gỡ các yếu tố tình cảm ra khỏi các yếu tố trí tuệ trong các phán đoán này. Và thậm chí khi các kết luận của chúng ta có sai lầm đi nữa thì nỗ lực để đi đến các kết luận đó cũng có tính cách sửa chữa và soi sáng; nỗ lực đó cũng trợ giúp trong việc chế ngự các xúc cảm và làm mạnh thêm yếu tố trí tuệ. Dĩ nhiên các nghiên cứu như thế sẽ được tạo ra khi không có sự xáo trộn về tình cảm, và các kết quả của nó sẽ được tích chứa lại để sử dụng vào những lúc có các cảm xúc mạnh.

### 3- Phương pháp chế ngự cảm xúc

Giống như trong tất cả những gì có liên quan đến tâm thức, phương pháp đầu tiên và có hiệu quả nhất để chế ngự các xúc cảm là tham thiền (Meditation). Cần nên dùng đến phương cách tham thiền trước khi tiếp xúc với thế giới đầy xáo trộn vì các xúc cảm. Từ một cõi giới tinh anh hơn là cõi trần, trở lại nhập lại vào xác thân sau thời gian thể xác yên ngủ, Chân Ngã sẽ tìm được trú sở (tenement) yên tĩnh của mình và có thể thanh thản làm chủ lại bộ óc và các dây thần kinh đã được nghỉ ngơi. Việc thiền định muộn trong ngày, khi các tình cảm đã bị xáo trộn và khi chúng ở trạng thái hoạt động đầy đủ, thì không có hiệu quả bao nhiêu. Thời gian tĩnh lặng vốn chỉ có được sau giấc ngủ là thời gian rất thích hợp để việc thiền định có hiệu quả hơn, lúc đó, thể cảm dục, tức

bản chất xúc cảm, trở nên yên tĩnh hơn nhiều sau khi thể này đã chìm vào cái hồi hả rộn rịp (bustle) của cõi đời. Vào giờ rạng sáng yên tĩnh đó, có một mãnh lực tốt lành sẽ tuôn tràn ra, mãnh lực này sẽ bảo vệ trong suốt cả ngày, còn các xúc cảm, nhờ đã lắng dịu và tĩnh lặng, sẽ dễ tuân theo sự kiểm chế hơn.

Khi nào có thể thì nên tiên liệu các vấn đề có thể phát sinh trong ngày và đi đến các kết luận đối với quan điểm cần chọn, cách hành xử cần nên theo. Nếu biết trước rằng chúng ta sẽ bị đặt vào một số hoàn cảnh mà chúng ta sẽ khơi dậy các xúc cảm của chúng ta, thì chúng ta có thể quyết định sớm vì thái độ trí tuệ của chúng ta, ngay cả đi đến một quyết định về cách hành động của chúng ta nữa. Giả sử đã đạt được một quyết định như thế rồi, bấy giờ khi gặp hoàn cảnh đưa tới, quyết định đó sẽ được gọi lại và được làm theo mặc cho các xúc cảm nổi dậy có thể thúc đẩy theo một đường hướng khác. Thí dụ, chúng ta sắp gặp một người mà chúng ta có một cảm tình sâu đậm, và trong lúc tham thiền, chúng ta quyết định tiến trình khôn khéo nhất cần phải theo, chọn quyết định dưới ánh sáng tỏ rạng của một trí tuệ tĩnh lặng là cách hay hơn hết cho tất cả những gì có liên hệ. Chúng ta nên giữ vững quyết định này, mặc cho có khuynh hướng cảm thấy rằng: "Tôi đã không đưa ra đúng tầm quan trọng đối với cách nhìn đó". Sự thật là theo các tình huống này, ta đã quan-trọng-hóa sự việc, tầm quan trọng thích hợp đã được đưa ra dưới tư tưởng tĩnh lặng kia rồi, chính kế hoạch khôn ngoan nhất là noi theo con đường được vạch ra trước kia, bất chấp các thúc đẩy của xúc cảm vào lúc đó. Có thể có một lỗi lầm khi xét đoán, nhưng nếu lỗi lầm không được nhận thấy trong lúc tham thiền thì không chắc là sẽ thấy được trong cơn xoáy của các xúc cảm.

Còn một phương pháp khác để kiểm chế các xúc cảm là suy nghĩ kỹ những gì sắp được nói trước khi nói ra, tức là đặt dây cương trên đầu lừa. Một nhà soạn luật thời cổ ở Phương Đông có nói: “Kẻ nào học được cách kiểm chế lời nói của mình, kẻ đó chinh phục được mọi sự”.

Kẻ nào không bao giờ nói một lời cay nghiệt hoặc thiếu cân nhắc (ill-considered), kẻ ấy đang đi đúng trên con đường kiểm soát xúc cảm. Kiểm chế lời nói là kiểm chế được toàn bộ bản tính. Cách hay nhất là không nói – thận trọng xem xét lời nói – cho đến khi thấy rõ về những gì sắp nói để biết chắc rằng lời đó là chân thật, biết chắc rằng lời đó thích hợp với người mà lời nói được nhắm vào, và như thế đáng được nói ra. Chân thật là điều đầu tiên và quan trọng nhất, không gì có thể biện minh cho việc nói dối.

Nhiều lời nói được thốt ra dưới sự căng thẳng của xúc cảm dễ trở nên không chính xác, hoặc là do quá lỗ, hoặc là do lệch lạc. Kế đó, sự thích đáng của lời nói đối với người được nhắm tới rất thường bị bỏ quên trong con vội vàng của xúc cảm hoặc lúc háo hức của cảm giác mạnh. Một ý tưởng hoàn toàn sai lầm về một đại chân lý có thể được đưa ra nếu quan điểm của người được nhắm tới không được sinh ra trong trí; cần có được sự cảm thông của hai bên, ta thấy giống như người thấy, chỉ lúc bấy giờ chân lý mới có thể trở nên hữu dụng và giúp ích. Khi đưa chân lý ra trước người nào không phải là người ta cố giúp mình, mà là cốt để giúp người đó. Có lẽ cái ý niệm về một định luật bất biến (changeless), bất khả xâm phạm (inviolable), tuyệt đối không thiên lệch, đối với người nói, có thể là tạo phần khởi (inspiring), làm tăng nghị lực (strengthening), nâng cao tinh thần (aplifting); trong khi ý niệm đó lại có vẻ tàn nhẫn và vô nhân đối với một người kém phát triển, nó gây tổn thương thay vì trợ giúp cho người này.

Chân lý không có nghĩa là để đè bẹp (crush) mà là để nâng cao (elevate), chúng ta dùng sai chân lý khi chúng ta trao nó cho người chưa sẵn sàng tiếp nhận nó. Có nhiều chân lý thích hợp với nhu cầu của từng người, nhưng cần có sự thận trọng để chọn lựa một cách khôn ngoan, đừng để cho lòng nhiệt thành bắt người ta giác ngộ quá sớm.

Nhiều nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng trẻ tuổi đang tạo ra nhiều cái hại hơn là cái lợi, do sự quá nhiệt tâm của họ khi họ nhồi nhét cho kẻ khác các kho báu (tức cái chân lý- ND) mà họ đánh giá rất cao. Sau cùng, nếu xem xét hình thức của ngôn từ, sự cần thiết hoặc là sự hữu dụng lúc phát ra ngôn từ. Một chân lý hữu ích có thể bị biến đổi thành một chân lý gây cản trở do cách trình bày chân lý đó. Một qui luật vàng của ngôn ngữ như sau: “Đừng bao giờ nói những gì không đúng sự thực, đừng bao giờ nói những gì gây khó chịu (unpleasant)”. Mọi lời nói đều phải chân thật (truthful), dịu dàng (sweet) và khả ái (agreeable). Lắm khi, người có hảo ý cũng quên mất lời khả ái. Thậm chí họ còn tự hào về sự ngay thẳng của họ khi họ chỉ là kẻ thô lỗ và thờ ơ trước cảm giác của những người mà họ đang nói chuyện. Nhưng đó không phải là cách giáo hóa hay, cũng không phải là có tinh thần tôn giáo, vì sự thiếu lễ độ không phải là tinh thần tôn giáo. Tôn giáo là sự kết hợp chân lý hoàn toàn với lễ độ hoàn hảo. Hơn thế nữa, cái thừa thãi, cái vô ích đều có hại cả, và có nhiều tai hại gây ra do việc luôn thổi phồng lên những tình cảm nông nổi trong các câu chuyện vụn vặt. Người nào không thể giữ được im lặng, bao giờ cũng nói huyền thuyên, đó là họ đang phung phí các mãnh lực trí tuệ và đạo đức của mình, cũng như họ nói cả trăm điều đại dột mà tốt hơn là không nên nói.

E sợ sự im lặng là dấu hiệu yếu đuối của trí não, giữ im lặng còn hay hơn là nói những lời kém khôn ngoan. Trong im



lặng, các tình cảm mới phát triển và trở nên vững mạnh, trong khi vẫn được kiềm chế, nhờ thế mãnh lực thôi thúc của bản thể (nature) tăng thêm và cũng được chế phục. Sức mạnh để giữ được im lặng rất lớn và thường tạo ra hiệu quả xoa dịu nhất. Mặt khác, kẻ nào học cách giữ im lặng phải cẩn thận để làm sao sự im lặng của y không phạm vào phép lịch sự của y, sao cho, do sự im lặng không thích hợp giữa những người không quen biết, y không làm cho những người này cảm thấy bị giá lạnh và khó chịu.

Một số người có thể e ngại rằng việc xem xét như thế trước khi nói có thể làm trở ngại cho việc trao đổi tư tưởng cũng như làm tê liệt cuộc đàm thoại. Nhưng tất cả những ai đã thực hành việc kiềm chế như thế đều có thể làm chứng rằng sau thời gian thực hành ngắn ngủi, khoảng cách giữa câu trả lời với câu hỏi là không đáng kể. Hoạt động của trí tuệ còn nhanh hơn là tia chớp, nó chiếu rọi qua điểm cần xem xét chỉ trong một hơi thở. Quả thật là ban đầu hơi có sự do dự, nhưng sau một vài tuần, không cần dừng lại nữa, việc duyệt xét lại câu nói được dự tính đưa ra sẽ diễn ra quá nhanh nên không gây chút trở ngại nào. Nhiều diễn giả có thể chứng thực rằng tới giai đoạn hùng hồn, ý tưởng tuôn ra như thác chảy, nhưng trí óc vẫn thoải mái, câu nói có sẵn để thay thế mà vẫn cân phân được câu nói đáng được chọn và loại bỏ câu không xứng đáng ra một bên. Tuy nhiên, trong số thính giả bị cuốn hút đó, không một ai biết bất cứ điều gì về cảnh phụ đang diễn ra này, hoặc tưởng tượng được rằng đang sau việc phát biểu nhanh nhẹn này lại có bất cứ hoạt động chọn lựa như thế xảy ra.

Phương pháp thứ ba để chế ngự xúc cảm là tránh hành động theo cảm hứng đột ngột (impulse). Vội vã hành động là đặc điểm của trí óc ngày nay và là cái quá lỗi của tính mau

mẫn, mà mau mẫn vốn là đức tính của trí óc. Khi bình tâm xem xét cuộc sống, chúng ta nhận thức được rằng sự vội vàng không cần thiết chút nào, luôn luôn có đủ thì giờ, còn hành động, cho dù nhanh chóng cũng cần xem xét kỹ và không cần vội vã. Khi có một sự thôi thúc xuất phát từ một xúc cảm mạnh mẽ nào đó chúng ta lao tới tuôn theo mà không suy xét cẩn thận, tức là chúng ta hành động thiếu khôn ngoan. Nếu chúng ta tập suy nghĩ trước khi hành động trong mọi việc thông thường, thì bấy giờ nếu một tai nạn hay bất cứ chuyện gì khác xảy tới cần có hành động mau chóng trong đó, thì trí khôn nhanh nhẹn kia sẽ lập được thăng bằng cần có lúc đó và điều khiển hành động mau chóng, nhưng không có vội vã, không khinh suất và không có sự lầm lẫn thiếu khôn ngoan.

Một số người có thể đặt câu hỏi: “Nhưng tại sao tôi không theo trực giác của tôi?” Người ta rất thường lầm lộn xung động và trực giác (impulse and intuition) mặc dầu về căn bản thì chúng khác nhau ở cội nguồn và đặc tính. Xung động xuất phát từ bản chất dục vọng, từ tâm thức đang hoạt động qua thể cảm dục và là một năng lượng được phóng ra ngoài để đáp ứng với một kích thích ở bên ngoài, một năng lượng hấp tấp, thiếu cân nhắc, vội vàng và không được trí tuệ điều khiển. Trực giác phát xuất từ Chân Ngã Tinh Thần và là một năng lượng tuôn đổ ra ngoài để đáp ứng với một đòi hỏi từ bên ngoài, một năng lượng mạnh mẽ, an tĩnh, có chủ đích, được Chân Ngã Tinh Thần (spiritual Ego) điều khiển. Trước khi mà bản tính (nature) trở nên hoàn toàn quân bình, muốn phân biệt được xung động và trực giác cần phải có việc bình tâm xem xét và cốt yếu là có thời gian trầm tư (delay). Dưới sự xem xét và thời gian trầm tư như thế, xung động sẽ tàn tạ, còn trực giác trở nên rõ ràng và mạnh mẽ hơn dưới các điều kiện như thế. Sự tĩnh lặng cho phép hạ trí nghe theo trực giác

và cảm nhận được cái uy lực tĩnh tại (serene imperiousness) của trực giác. Hơn nữa, nếu có một điều gì dường như là trực giác, thì thực ra đó là một ám thị (suggestion) từ một Đấng Cao Cả (higher Being) nào đó, ám thị đó sẽ trở nên rõ rệt hơn trong con thiền định tĩnh lặng của chúng ta và sẽ không mất đi chút thần lực nào bởi thời gian trầm tư trong tĩnh lặng như thế.

Quả thực là có một lạc thú nào đó khi buông mình theo xung động đi xuống, còn ép mình theo khuôn khổ đi lên là hứng chịu đau khổ tạm thời. Nhưng việc cố gắng theo đuổi một đời sống thanh cao là phải từ bỏ biết bao lạc thú và chấp nhận biết bao đau khổ, từ từ chúng ta đi đến chỗ nhận ra rằng có một niềm vui thanh cao trong hoạt động tế nhị, bình lặng hơn là trong việc nhượng bộ cho xung động, sôi nổi, và thế là chúng ta đã loại bỏ được mãi mãi một cội nguồn hối tiếc. Bởi vì khi làm như thế là còn tạo ra cội nguồn của đau khổ, và xung động đó được thấy là một nhảm lẫn. Nếu hành động được dự kiến là tốt lành, thì mục tiêu cần hoàn thành sẽ được làm cho mạnh hơn chớ không yếu đi nhờ sự suy tưởng thận trọng. Và nếu mục tiêu trở nên yếu đi theo sự suy tư, thì bấy giờ chắc chắn rằng nó xuất phát từ cội nguồn thấp, chớ không đến từ nguồn cao.

Tham thiền hằng ngày, cần nhắc cẩn thận trước khi nói, không để xảy ra xung động, đây là các phương pháp chính để chuyển các xúc cảm thành kẻ phụng sự hữu ích thay vì là những người chủ nguy hiểm.

#### 4- Cách dùng xúc cảm

Kẻ nào biết được rằng các xúc cảm không phải là chính mình mà chỉ đang tác động trong các hiện thể mà mình đang ngự trị và xúc cảm là do sự tương tác (interaction) giữa Bản

Ngã với Phi Ngã, chỉ có kẻ ấy mới có thể vận dụng được xúc cảm, trở thành ông chủ của xúc cảm. Bản chất luôn luôn thay đổi của xúc cảm cho thấy chúng tùy thuộc vào các hiện thể; Chúng bị kích hoạt bằng các sự việc bên ngoài, đáp ứng lại bằng tâm thức bên trong. Thuộc tính của tâm thức khai sinh ra các xúc cảm là Chí Phúc, còn lạc thú và đau khổ là các hoạt động trong thể cảm dục tạo ra bởi các tiếp xúc của ngoại giới và bằng sự đáp ứng qua thể đó với các hoạt động của Chân Ngã dưới hình thức của Chí Phúc. Giống như các tư tưởng là các hoạt động do bởi các tiếp xúc tương tự và do bởi sự đáp ứng với chúng của Chân Ngã dưới hình thức Tri Thức. Khi Chân Ngã biết được chính nó và phân biệt được chính nó với các hiện thể của nó, thì Chân Ngã trở thành kẻ làm chủ (ruler) của các xúc cảm, đồng thời lạc thú và đau khổ đều cùng nhau trở thành các hình thức (modes) của Chí Phúc.

310 Theo dòng tiến hóa, người ta sẽ thấy rằng trạng thái thăng bằng to lớn hơn được đạt đến dưới sức ép của lạc thú và đau khổ, đồng thời các tình cảm không còn làm đảo lộn sự quân bình của thể trí nữa. Bao giờ mà lạc thú còn tạo ra phần chán và đau khổ còn gây tê liệt để cho việc làm tròn bổn phận bị cản trở và vương bận, thì chừng đó con người còn là kẻ nô lệ chớ không phải kẻ làm chủ các xúc cảm của mình. Khi con người học được cách chế ngự được các xúc cảm, thì con vui cực điểm, nỗi đau tột cùng đều được cảm nhận, tuy nhiên trí óc vẫn được vững vàng và bình thản hướng nỗ lực vào công việc trước mắt. Lúc đó bất cứ điều gì xảy đến cũng trở thành hữu dụng. Nhờ đau khổ mới thu được sức mạnh, cũng như nhờ niềm vui mới có được sức sống và can đảm. Tất cả đều trở thành các sức mạnh trợ giúp thay vì là các chướng ngại cản trở.

Thuật hùng biện có thể dùng làm một minh họa của các công dụng này. Bạn hãy xem một người đang nói với con cảm xúc bốc lên mạnh mẽ, lời lẽ của người này lộn xộn, trùng lặp lẫn nhau, cử chỉ dữ dằn. Y đang bị cơn xúc động chi phối và lời cuốn, nhưng y không thuyết phục được người nghe. Còn nhà hùng biện là người làm chủ được các xúc cảm của mình và vận dụng các xúc cảm đó để tạo ảnh hưởng lên những người đang nghe mình. Lời lẽ của nhà hùng biện được cân nhắc và chọn lựa kỹ, thậm chí khi lời nói tuôn ra ồ ạt, cử chỉ của y cũng thích đáng và đĩnh đạc. Y không cảm thấy xúc động, mà là y đã cảm thấy xúc động rồi và hiện giờ y đang dùng quá khứ của mình để tạo lại hiện tại. Mức độ mà một diễn giả đã cảm nhận và đã khơi dậy các xúc cảm của mình sẽ trở thành năng lực sử dụng các xúc cảm đó của diễn giả về sau. Người nào có các xúc cảm mạnh mới có thể trở thành một diễn giả đại tài được. Nhưng cái tài ba đó chỉ phát triển khi các xúc cảm được đặt dưới sự kiểm chế. Một vụ nổ (explosion) sẽ đạt được hiệu quả hơn là nhờ sắp xếp chất nổ (explosive) một cách cẩn thận và dùng một cách có tính toán cái ngòi dẫn hỏa, hơn là bằng cách ném chúng xuống một cách cầu thả, sau đó châm lửa rồi chờ cho cháy.

Bao giờ mà người ta còn bị khuấy động bởi các xúc cảm, thì tầm nhìn sáng suốt cần cho việc phụng sự được hữu ích bị mờ nhạt đi. Người trợ giúp hữu ích là người bình tĩnh và giữ được quân bình trong lúc vẫn có đầy thiện cảm. Đang giữa cuộc giải phẫu, một ông bác sĩ bỗng bật lên khóc, thì bạn cho ông ta là hạng người thế nào? Thế đấy, có nhiều người bị sốc khi thấy kẻ khác chịu đau khổ, và như vậy, họ chỉ làm tăng thêm nỗi đau thay vì làm giảm. Mọi xúc cảm đều tạo ra các rung động mạnh mẽ, các rung động này truyền từ người này đến người khác. Người trợ giúp có hiệu quả phải giữ điềm

tĩnh và vững vàng, giữ cho không bị lay chuyển (unshaken) và toả chiếu cái an bình ra ngoài. Kẻ nào đứng trên mỏm đá cao hơn ngọn sóng mới có thể giúp người khác một cách thuận lợi hơn là chính kẻ đang vật lộn với con ba đào.

312 Một công dụng khác của các xúc cảm khi chúng hoàn toàn được kiểm soát là khơi lại và sử dụng loại xúc cảm thích hợp để làm thức động (rouse) trong người khác một tình cảm có lợi cho người này. Nếu một người đang nổi giận thì các rung động do cơn giận của y sẽ đáp ứng một cách tự nhiên với rung động do cơn giận của người mà y gặp, vì tất cả mọi rung động đều có khuynh hướng được tái tạo lại do sự đồng tính chất (sympathetically). Vì tất cả chúng ta đều có các thể tình cảm (emotion-bodies), nên bất cứ thể tình cảm nào đang rung động gần chúng ta theo một cách đặc biệt, đều có khuynh hướng tạo ra trong chúng ta các rung động tương tự, nếu chúng ta có trong thể tình cảm của chúng ta loại chất liệu thích hợp. Nóng giận khơi dậy nóng giận, tình thương khơi dậy tình thương, dịu dàng (gentleness) khơi dậy sự dịu dàng. Khi đã chế ngự được các xúc cảm rồi mà còn cảm thấy dấy lên cơn giận đáp ứng với các rung động vì nóng giận của kẻ khác, chúng ta nên tức khắc xem xét lại sự đáp ứng này và cứ để cho các cơn nóng giận lao vào chúng ta, trong khi chúng ta vẫn giữ bình tĩnh. Người nào có thể giữ cho thể tình cảm của chính mình được yên tĩnh, trong khi thể tình cảm của những người khác đang rung động mạnh mẽ chung quanh mình, là người ấy đã học được bài học tự kiểm chế. Khi làm được điều này rồi thì y sẵn sàng chọn giai đoạn kế tiếp, đó là đáp ứng với rung động của một tình cảm xấu bằng rung động của tình cảm tốt tương ứng và như vậy chẳng những y giữ cho chính mình khỏi nóng giận, mà còn đưa ra các rung động có khuynh hướng làm dịu lại các rung động vì nóng giận của kẻ

khác. Y đáp trả với sự nóng giận bằng tình thương, với sự thịnh nộ bằng sự dịu dàng.

Trước tiên, sự đáp trả này phải được cân nhắc, theo mục đích đã định, và có thể áp dụng với người hay nóng giận.

313 Mỗi khi có người gặp trường hợp như ta, chúng ta áp dụng cho y. Chắc chắn là lúc đầu, việc cố gắng sẽ thiếu hăng hái và tẻ nhạt, chỉ có ý chí thương yêu trong đó chứ không có xúc cảm. Nhưng sau một thời gian, ý chí thương yêu sẽ tạo ra một ít xúc cảm, và sau rốt một thói quen sẽ được tạo ra, rồi sự ân cần sẽ là đáp ứng tự nhiên cho sự thiếu ân cần (unkindness). Như thế, việc tập đáp ứng một cách kiên định, có cân nhắc với các rung động của các tình cảm sai trái đến với ta từ bên ngoài, sẽ thiết lập được một thói quen trong thể tình cảm và thói quen này sẽ đáp ứng một cách tự động và một cách chính xác.

Giáo huấn của tất cả các Đại Đạo Sư đều giống nhau: “Hãy lấy đức báo oán” (“Return good for evil”). Và giáo huấn này được căn cứ trên sự hoán đổi (interchange) các rung động do các tình cảm thương yêu và thù hận tạo ra. Lấy oán báo oán, oán càng mạnh thêm; lấy đức báo oán, sẽ giải được oán thù. Khơi động lòng yêu thương nơi người khác bằng cách gửi cho họ một luồng tình cảm như thế để kích thích tất cả những gì tốt lành nơi họ đồng thời làm yếu đi tất cả những gì xấu xa, đó là cách sử dụng có hiệu quả nhất các tình cảm của chúng ta trong việc phụng sự nhân loại hằng ngày. Lập một chương trình hữu ích là ghi nhớ trong trí một danh sách các tình cảm tương ứng để thực hành một cách đúng lúc, ví dụ đáp trả với kiêu hãnh (pride) bằng nhún nhường (humility), với bất lịch sự (discourtesy) bằng từ bi (compassion), với cao ngạo (arrogance) bằng tôn kính (submission), với cục súc (harshness) bằng dịu dàng

(gentleness), với tính dễ bực tức (irritability) bằng điềm tĩnh (calmness). Nhờ thế, một bản thể được tạo nên đáp ứng với tất cả mọi tình cảm xấu xa bằng các tình cảm tốt lành tương ứng và tác động như một ân điển (benediction) lên tất cả mọi người chung quanh, làm giảm hạ cái xấu xa nơi họ và củng cố thêm cái tốt lành.

### 5- Giá trị của xúc cảm trong cơ tiến hóa

Chúng ta đã thấy rằng xúc cảm là mãnh lực thúc đẩy trong con người, muốn chuyển đổi nó thành tay trợ giúp trong cơ tiến hóa, chúng ta phải dùng nó để nâng ta lên, chớ không cho phép nó hạ ta xuống. Trên con đường tiến hóa, Chân Ngã cần “các điểm để kéo nó” lên, theo cách nói trong quyển “Tiếng Nói Vô Thình”, vì con đường đi lên từ dốc hiểm trở còn đối tượng thu hút thì ở bên trên chúng ta, mà chúng ta đang cố hướng về nó, nên sự trợ giúp nào cũng không thể xem là quá đáng. Rất nhiều khi chúng ta chỉ lê bước trên con đường và cảm thấy không muốn đi tiếp (proceed); hoài bão trở nên bất động, lòng mong muốn vươn lên bay biến đâu mất. Lúc bấy giờ chúng ta có thể mời gọi cảm xúc đến giúp chúng ta, bằng cách bện kết (twining) nó chung quanh một đối tượng sùng kính nào đó, và nhờ thế có được sự thúc đẩy mà chúng ta đang cần, có được sức nâng mà chúng ta đang khát khao.

Hình thức xúc cảm này là cái thường được gọi là tôn sùng thần tượng (hero-worship), đó là mãnh lực khiến ta vô cùng thần phục và yêu thương kẻ mà ta nghĩ là cao quý hơn chính mình, và kẻ nào có thể yêu thương và thần phục như vậy là kẻ đang có sẵn một trong các sức nâng vĩ đại trong cơ tiến hóa của nhân loại. Việc tôn sùng thần tượng thường bị chê bai, bởi vì một lý tưởng hoàn hảo không thể nào tìm thấy



được nơi con người còn sống trên trần gian, mà chỉ có một lý tưởng bất toàn vốn có thể được yêu thương và được mô phỏng mới là một trợ giúp để đẩy nhanh cơ tiến hóa. Thật ra cũng có nhiều nhược điểm trong một lý tưởng bất toàn như thế, và cần phải phân biệt giữa các tính chất anh hùng với các 315 nhược điểm đi cùng với chúng, chỉ nên chú ý đến các tính chất anh hùng gây phấn khởi, chớ đừng chú ý vào các khuyết điểm làm hại người nào chưa vượt khỏi hàng nhân loại. Nhận thức rằng các nhược điểm đều thuộc về Phi Ngã và không lâu bền, trong khi tính cao thượng thuộc về Chân Ngã vốn bền bỉ, thương yêu những gì cao cả và biết lướt qua những gì nhỏ nhoi, đó là tinh thần đưa đến quả vị đệ tử (discipleship) của các Đấng Cao Cả. Chỉ bằng cách tôn thờ thần tượng theo lý tưởng của mình, người ta mới đạt được thành công, nếu tôn vinh cái vĩ đại và không bận tâm đến cái yếu kém thì nghiệp quả của các khuyết điểm của riêng người anh hùng sẽ rơi vào chính vị anh hùng đó.

Nhưng có người nói: như vậy, nếu chúng ta biết được tính chất cao quý của Chân Ngã nằm trong các yếu đuối của con người, chúng ta chỉ đang làm điều mà chúng ta sẽ làm với mọi người, và tại sao xem người đó như là một thần tượng trong số những người nào vẫn còn có bất cứ sự yếu đuối nào của con người? Bởi vì vẫn có sự trợ giúp đầy chức: thần tượng của chúng ta sẽ mang đến cho chúng ta một cảm hứng và một tiêu chuẩn cho sự thành đạt của chính chúng ta. Không một thường nhân nào lại có thể trở thành một thần tượng ngay được; chỉ khi nào Chân Ngã tỏa chiếu với mức rực rỡ hơn người thường thì cái khuynh hướng tôn thờ thần tượng mới nảy sinh. Con người đầu là một thần tượng, vẫn chưa phải là siêu nhân, và các nhược điểm của y chỉ như là các đốm (spots) trong mặt trời. Tục ngữ có câu : “Không ai

trở thành thần tượng đối với người hầu phòng của mình” (“No man is a hero to his valet-de-chambre”). Kẻ châm biếm cho rằng câu này có nghĩa là thần tượng được biết đến nhiều nhất là nhờ ở quá xa chúng ta. Nhưng đó không phải là ý nghĩa của câu này. Đúng hơn, câu đó hàm ý rằng tâm tư người hầu phòng (valet-soul) chỉ đặt vào độ bóng của đôi giày và nơi đặt (set) của chiếc cà vạt (necktie); chớ y không thể đánh giá được những gì tạo ra người anh hùng, nơi y, không có gì có thể ngân lên đồng nhịp với các nốt mà người anh hùng đang ngân lên. Vì lẽ có khả năng cảm phục, có nghĩa là có khả năng đạt được, còn người nào yêu thương và tôn kính đối với Đấng Cao Cả là một dấu hiệu chỉ rằng người ấy đang trở nên muốn được như các vị ấy.

Khi nổi lên tình cảm như thế thì chúng ta nên tự phán đoán bằng lý tưởng của chúng ta, biết e thẹn khi làm hay nghĩ bất cứ điều gì có thể đem lại một tí ưu phiền lên mắt của người mà ta tôn kính. Sự hiện diện của Ngài đối với chúng ta sẽ giống như một sức nâng (uplifter), cho đến khi tự phán đoán dưới ánh sáng thành tựu vĩ đại, chúng ta thấy chính chúng ta cũng bắt đầu thành tựu.

Rõ ràng là ánh sáng tinh anh của Chân Ngã không chiếu qua kẻ nào còn bước qua các con đường bùn lầy của cõi trần, nhưng có một số người mà ánh sáng đang tỏa chiếu qua họ đủ để soi tỏ chỗ tối tăm và giúp chúng ta thấy được nơi nào để đặt chân. Tốt hơn là phải cảm ơn và tôn vinh những người này, hân hoan đón nhận họ hơn là đánh giá thấp họ, vì họ chưa hoàn toàn thánh thiện, bởi vì một chút ít nhược điểm của con người vẫn còn vướng nơi chân họ. Phúc thay cho những ai có được trong người bản chất anh hùng và do đó nhận biết được bậc huynh trưởng của họ, cánh cổng rộng mở đưa đến các tầm mức cao siêu đang chờ họ, họ càng thương

317 yêu, càng tôn vinh, thì họ càng mau tiến tới cái cổng đó. Không có nhân quả nào tốt hơn là cái nhân quả đưa con người đến chỗ tìm được một thần tượng, để vị này có thể mang y làm bạn đồng hành tiến vào cửa đạo. Không có một nhân quả nào tệ hại hơn là thấy được thần tượng, trong một lúc giác ngộ, rồi lại bỏ đi, vì bị mù quáng trước sự bất toàn mà thần tượng đó đang chán bỏ.

## Chương VI

### Ý Chí

318

#### 1- Ý Chí Dành Lại Tự Do Cổ Hũu

Giờ đây chúng ta trở lại nghiên cứu về quyền năng trong con người mà chúng ta đã bắt đầu lúc trước: Ý chí(will). Đạo sinh hãy nhớ lại đoạn trước có nói rằng chính Ý Chí của Chân Ngã, của Bản Ngã đã biệt ngã hóa (individualized Self) – dù đã biệt ngã hóa, nhưng cho đến nay vẫn không biết gì về việc biệt lập ngã tính của mình – đã đưa Chân Ngã vào biểu lộ. Không do sự bắt buộc, không do nhu cầu bên ngoài, không do bất cứ gì đối kháng với Chân Ngã từ bên ngoài, mà là do Ý Chí vĩ đại trong đó Ý Chí riêng của Chân Ngã chiếm một phần – Ý Chí của Chân Ngã được biệt ngã hóa giống như một trung tâm nhưng chưa tách rời bằng chu vi vật chất – đang đập nhịp nơi y giống như giòng máu mang sự sống của người mẹ đang chảy trong đứa bé chưa ra đời, Chân Ngã trên đường biểu lộ, cũng lò mò mong muốn có được cái rung động phong phú của sự sống còn ẩn khuất bên trong vật chất, mong muốn tập lấy các khả năng khao khát hoạt động, khao khát có được kinh nghiệm trong thế giới đầy các hoạt động náo nhiệt này. Những gì mà Thượng Đế muốn một cách hữu thức – Thượng Đế muốn lâm phạm trong một vũ trụ – thì tất cả các trung tâm sự sống được biệt ngã hoá bên trong Ngài cũng muốn như thế, mặc dầu dường như là còn mù mò và dò dẫm, nhưng đều hướng về một sự sống sung mãn hơn. Đó là

Ý muốn linh hoạt, muốn hiểu biết và Ý Chí tách ly (forthgoing Will) đó bắt đầu biểu lộ.

Chúng ta đã thấy rằng Ý Chí này, tức Quyền Năng của Chân Ngã, trở thành cái mà chúng ta gọi là Dục Vọng trên cõi vật chất trọng trực, và do vật chất làm cho mù quáng nên không thể thấy được con đường của mình, mà chỉ theo hướng định đoạt của các lực hút và đẩy từ các đối tượng bên ngoài tác động lên nó. Do đó ở giai đoạn này chúng ta không thể nói rằng Chân Ngã tự điều khiển, mà Chân Ngã bị điều khiển bởi các lực hút và đẩy tác động tới nó ở ngoại biên. Chúng ta đã thấy thêm rằng khi Dục Vọng giao tiếp được với Trí Tuệ, và khi cả hai trạng thái này của Chân Ngã tác động lên nhau, thì các xúc động nảy sinh, cho thấy các dấu vết về cội nguồn của chúng, tức là Mẹ-Dục-Vọng (Desire-mother) và Cha-Trí Tuệ (Intelligence-father) của chúng.

Chúng ta đã nghiên cứu các phương pháp mà theo đó xúc động có thể được kiểm chế, sử dụng nó vào các việc chính đáng và như thế làm cho nó thành hữu dụng thay vì thành nguy hại cho sự tiến hóa của nhân loại.

Bây giờ chúng ta phải nghiên cứu xem làm cách nào mà Ý Chí này (tức là Năng Lực ẩn tàng, luôn luôn thôi thúc hoạt động, mặc dầu hoạt động đó chưa được kiểm soát) từ từ giành lại được tự do, nghĩa là giành được sự tự định đoạt (self-determination). Ngay sau đây chúng ta sẽ xem xem từ ngữ "tự do" ("freedom") có nghĩa là gì.

Về mặt bản thể và về căn bản thì cội nguồn của Ý Chí dưới hình thức Quyền Năng của Chân Ngã chính là tự do, sau đó Ý Chí trở nên bị ràng buộc và bị hạn chế trong các cố gắng của nó để chế ngự vật chất mà Chân Ngã đã tiến nhập vào.

Chúng ta không cần phải ngại ngùng khi nói rằng vật chất chi phối Chân Ngã chứ không nói Chân Ngã chi phối vật chất, và sở dĩ vật chất làm được điều này là do bởi Chân Ngã xem vật chất như là chính nó, tự đồng hóa chính nó với vật chất. Vì Chân Ngã mong muốn xuyên qua vật chất, tưởng nghĩ xuyên qua vật chất, hành động cũng xuyên qua vật chất, nên đối với Chân Ngã, vật chất trở thành đích thực là chính Chân Ngã, và dù bị lừa dối, Chân Ngã cũng kêu lên: “Tôi là thế này!”, và trong khi vật chất hạn chế và trói buộc Chân Ngã, vì tưởng vật chất là chính mình, Chân Ngã lại kêu lên: “Tôi tự do”. Tuy nhiên việc Chân Ngã bị vật chất chế ngự chỉ là điều tạm thời, vì vật chất bao giờ cũng thay đổi, đến rồi đi, vô thường, luôn luôn bị nhào nặn và bị lôi cuốn vòng quanh một cách vô ý thức và bị loại bỏ bởi các mãnh lực phát triển của Chân Ngã, tức là cái thường tồn giữa cái vô thường (impermanent).

Chúng ta hãy đi đến giai đoạn tiến hóa của nhân loại trong đó, ký ức phát triển mạnh hơn là bản năng hướng ngoại (instinctive outgonig) để tìm vui và bản năng thối lui lại trước đau khổ. Trong giai đoạn này Trí Tuệ chi phối Dục Vọng và lý trí thắng được và thôi thúc. Kết quả của sự tiến hóa dài lâu này hẳn phải gặt hái được và một phần của kết quả đó là sự tự do.

Trong khi Ý Chí tự biểu lộ dưới hình thức Dục Vọng và chiều hướng của nó được định đoạt bởi các lực hút bên ngoài, hiển nhiên là nó không được tự do, mà bị ràng buộc một cách rất rõ ràng. Y hệt như bất cứ sinh vật nào có thể bị kéo lê bởi một mãnh lực lớn hơn là chính sức mạnh của nó theo một hướng không được nó chọn lựa, thì cũng thế Ý Chí bị lôi kéo bởi sức hút của các đối tượng, bị kéo lê theo con đường hứa hẹn đưa tới lạc thú, tức con đường dễ đi theo. Nó không tác

động như một mãnh lực tự định đoạt, mà trái lại Chân Ngã bị lôi kéo đi xa bởi một sức hút ở bên ngoài và có sức thuyết phục.

Dưới các hoàn cảnh này, không một minh hoạ nào về Chân Ngã có thể được đưa ra một cách sống động hơn là minh hoạ được trích dẫn trước đây trong một Cổ Kinh của Ấn Giáo, trong đó Chân Ngã được mô tả như là người đánh xe, còn các giác quan, bị các đối tượng mang lại vui thích thu hút, là những con ngựa bất trị đang kéo cái xe tượng trưng cho xác thân và người đánh xe bất lực ở trong xe. Mặc dầu Ý Chí chính là Quyền Năng của Chân Ngã, song chừng nào mà Chân Ngã còn bị những con ngựa bất trị này lôi đi, thì Chân Ngã còn bị ràng buộc mạnh mẽ chớ không có tự do. Thật là vô ích khi nói đến tự do Ý Chí nơi một người trong khi người này còn là nô lệ cho các đối tượng quanh y. Bao giờ người này cũng bị ràng buộc, y không thể chọn lựa được. Mặc dầu chúng ta có thể nghĩ là một người như thế đang chọn đi theo con đường đang lôi cuốn y, thực ra không có sự chọn lựa nào mà cũng không có ý tưởng chọn lựa nào. Bao giờ mà các lực hút và đẩy còn định đoạt con đường, có nói đến tự do chỉ là điều trống rỗng và đại dột. Thậm chí dù một người nào đó cảm thấy mình hình như đã chọn được đối tượng ưa thích đi nữa, thì cái cảm tưởng tự do đó chỉ là ảo tưởng, vì người ấy bị kéo lê bởi sức thu hút của đối tượng và bởi nỗi khát khao tìm vui thích nơi chính y. Dù ít dù nhiều đi nữa, người này cũng được tự do, giống như sắt được tự do di chuyển đến đá nam châm. Chuyển động này được định đoạt bằng sức mạnh của nam châm còn bản chất của sắt đang đáp ứng với sức hút của nam châm đó.

Muốn hiểu được tự do của Ý Chí là gì, chúng ta phải xua tan cái khó khăn mở đầu mà chúng ta gặp phải trong từ

ngữ “chọn lựa” (“choice”). Khi chúng ta thấy dường như có tự do lựa chọn, thì cái được gọi là tự do lựa chọn (freedom of choice) đó có phải là tự do Ý Chí (freedom of will) hay không? Hoặc là có đúng không khi nói rằng tự do lựa chọn chỉ có nghĩa là không có ngoại lực nào buộc chúng ta phải chọn cái này hay cái khác? Nhưng câu hỏi quan trọng nằm đằng sau là: “Cái gì khiến chúng ta lựa chọn?” Câu nói “chúng ta tự do hành động khi chúng ta đã chọn” thật rất khác với câu “chúng ta được “tự do” để chọn”, hoặc câu “sự chọn lựa được định đoạt bởi một điều gì đó nằm đằng sau”.

Thường khi chúng ta nghe câu nói như là một bằng chứng của tự do Ý Chí sau đây: “Tôi được tự do chọn rời khỏi phòng này hay không. Tôi được tự do chọn xem coi tôi có bỏ xuống quả cân này hay không”. Nhưng cách biện luận như thế nằm ngoài câu hỏi. Không một người nào có quyền phủ nhận sức mạnh của một người khác, tức là không có việc ép buộc về mặt thể chất, để rời khỏi phòng hoặc ở lại trong phòng, để bỏ rơi quả cân hoặc giữ lại. Vấn đề lý thú là: “Tại sao tôi chọn lựa?” Khi phân tích việc chọn, chúng ta thấy rằng nó được định đoạt bởi động lực, và người có quyền định đoạt biện hộ: “Bắp thịt của bạn có thể giữ lại hoặc buông rơi quả cân, nhưng nếu có một đồ vật có giá trị và dễ hỏng ở bên dưới, thì bạn sẽ không chọn cách buông quả cân xuống. Cái có quyền quyết định việc bạn chọn cách không để rơi quả cân xuống chính là sự hiện hữu của món đồ dễ vỡ đó. Việc chọn lựa của bạn được định đoạt bằng các động lực và động lực mạnh nhất chi phối việc chọn đó”. Vấn đề không phải là: “Tôi có tự do để hành động hay không?”, mà là: “Tôi có tự do theo ý muốn không?” (“Am I free to will”) và chúng ta thấy rõ rằng Ý Chí được động cơ (motive) mạnh nhất định đoạt, và, ở



chừng mực nào đó, người theo quyết- định- thuyết (determinist, người theo tất định thuyết) đã có lý.

Thực ra, dù sao chăng nữa Ý Chí (Ý muốn) được định đoạt bởi động cơ mạnh nhất vẫn là nền tảng của mọi xã hội có tổ chức, mọi luật pháp, mọi hình phạt, mọi trách nhiệm, mọi nền giáo dục. Người nào mà ý chí không được định đoạt như thế là người thiếu trách nhiệm, người điên rồ. Đó là người không thể thu phục được, không thể bàn đến lẽ phải được, không thể trông cậy được, một người không có lý trí, không biết lý luận hay trí nhớ, không có các thuộc tính của con người. Theo luật pháp, một người được xem như là vô trách nhiệm khi không có động lực nào lay chuyển được y, khi không có một lẽ phải thông thường nào có ảnh hưởng đến y; ấy là người mất trí và không thể xử theo hình phạt của luật pháp được. Một ý chí vốn là một năng lượng nhắm về bất cứ hướng nào thúc đẩy tới hành động mà không cần động lực, không cần lý lẽ, không cần ý thức, thì có thể được gọi là Ý Chí “tự do” (“free”), còn “sự tự do của Ý Chí” (“freedom of the will”) thì không mang ý nghĩa như thế. Ý Chí đó được định đoạt bằng động lực mạnh nhất phải được coi như là đúng trong bất cứ cuộc bàn thảo lành mạnh nào về sự tự do của Ý Chí.

324

Vậy thì ý nghĩa của tự do Ý Chí là gì? Bất quá nó chỉ có thể là một sự tự do có điều kiện và có tính tương đối, vì Bản Ngã tách rời<sup>(1)</sup> là một thành phần của một Tổng Thể, và cái Tổng Thể đó hẳn phải vĩ đại hơn, phải chế ngự tất cả các thành phần của nó. Và điều này cũng đúng đối với Chân Ngã

---

<sup>1</sup> Bản Ngã tách rời: Separated Self. Chữ “tách rời” hàm ý rời khỏi Từ Phụ hay Đại Ngã. (ND)

và các thể mà Chân Ngã được bao bọc bên trong. Điều chắc chắn là các thể này ở trong lãnh vực của thiên luật và hoạt động trong thiên luật, chỉ có thể hoạt động theo thiên luật, còn cái tự do hoạt động mà các thể đó có được chỉ có liên quan với nhau và nhờ sự tương tác của vô số các lực vốn không ngừng quân bình lẫn nhau theo cách thức khác nhau, trong cái đa dạng và vô hạn này hiện ra vô số khả năng và như vậy có sự tự do hoạt động bên trong cái bó buộc khắt khe. Chân Ngã cũng ở trong phạm vi thiên luật, hơn thế chính Chân Ngã là chính thiên luật, vì là thành phần của bản thể đó vốn là Đấng (Being) sinh ra muôn loài (all beings). Không có Bản Ngã tách rời nào có thể thoát (escape) ra khỏi Đại Ngã được, và tuy Bản Ngã này có thể tự do hoạt động với các Bản Ngã tách rời khác, nó vẫn không thể hoạt động bên ngoài Sự Sống đang làm linh hoạt nó, Sự Sống đó vốn là bản thể và là luật của nó, trong đó nó sống và hoạt động. Các thành phần này không có quyền chế ngự các thành phần khác, các Chân Ngã tách rời không thể chế ngự được các Chân Ngã tách rời khác. Nhưng Tổng Thể chế ngự và kiểm soát được các thành phần, Đại Ngã (Self) chế ngự và kiểm soát được các Chân Ngã (Selves). Tuy nhiên ngay cả ở đây, vì các Chân Ngã vốn thuộc về Đại Ngã, nên cái tự do bắt đầu từ giữa cái bó buộc hiển nhiên, và “không còn một bó buộc nào khác nữa”.

325 Tự Do này là tự do của một phần tử đối với các phần tử khác trong khi vẫn ở trong cảnh ràng buộc vào tổng thể, có thể được nhận thấy một cách rõ rệt trong bản chất hồng trần (physical nature). Chúng ta là những phần tử của một bầu thể giới đang xoay tròn (whirling) qua không gian, đồng thời cũng đang quay tròn trên chính trục của nó, bao giờ cũng quay về hướng Đông. Chúng ta không biết được việc này vì

chuyển động của nó mang chúng ta theo cùng với nó và tất cả đều đồng thời di chuyển cùng nhau và theo một hướng duy nhất. Chúng ta quay về hướng Đông cùng với bầu hành tinh của chúng ta và tuyệt nhiên chúng ta không thể làm gì để thay đổi hướng của chúng ta được. Tuy nhiên chúng ta có thể di chuyển tự do và thay đổi các vị trí tương đối của chúng ta so với những người khác và so với các vị trí chung quanh ta. Ví dụ, chúng ta có thể đi về phía Tây của một người hay một chỗ, mặc dầu cả chúng ta cùng với người đó hoặc chỗ đó đều không ngừng chuyển động thật nhanh về hướng Đông. Và tôi sẽ biết được sự chuyển động của một phần tử này so với một phần tử khác, dù cho sự chuyển động đó có nhỏ bé và chậm chạp thế nào đi nữa, trong khi đó đối với cái chuyển động vô cùng nhanh đang đưa mọi phần tử tiến về hướng Đông và mãi mãi về phía trước, tôi hoàn toàn không biết và sẽ nói theo sự dốt nát của tôi: “Hãy xem, tôi di chuyển về hướng Tây”. Còn các vị Thần Minh cao cả có thể cười khinh rẽ trước cái vô minh của sinh vật nhỏ bé kia đang nói về hướng chuyển động của mình, mà không biết rằng nhờ sự minh triết, các Ngài biết được các chuyển động (movements) bên trong sự chuyển động (motion) đồng thời biết được cái sự thực vốn vừa sai vừa đúng đó.

Và tuy thế một lần nữa chúng ta có thể thấy tại sao Thiên Ý vĩ đại cứ tiến tới một cách không lệch hướng theo con đường tiến hóa và bắt buộc vạn hữu đi theo con đường đó và vẫn để cho mỗi cá nhân chọn lựa phương pháp tiến tới của mình và cách hoạt động thiếu hiểu biết của mình. Muốn 326 xúc tiến điều đó, Thiên Ý cần mọi cách thức hoạt động, mọi phương pháp tiến hành, sử dụng và tận dụng tất cả. Một người tự un đúc cho mình một tính chất cao thượng, nuôi dưỡng các đạo tâm cao siêu, luôn luôn tìm cách phụng sự

đồng loại của mình một cách trung kiên và thành tâm, thế thì người ấy sẽ được sinh vào nơi rất thuận tiện, rất cần đến những người phụng sự như thế, Thiên Ý sẽ được hạng người này phụng hành trong một quốc gia cần sự giúp đỡ như thế, và y sẽ làm tròn vai trò của một vị anh hùng. Đấng Đại Tác Gia (Great Author) đã soạn thảo các vai diễn, còn việc có thể hoàn thành chính là do khả năng con người.

Còn đây là trường hợp một người chịu thua trước mọi cám dỗ và thường hay có khuynh hướng làm điều không tốt lành. Trong cuộc sống hằng ngày, y luôn dùng khả năng xấu xa đó, không đếm xỉa đến lòng nhân từ, lẽ công bằng và công lý trong các chuyện nhỏ nhỏ. Thế thì người này sẽ được sinh vào nơi nào cần có sự áp bức, cần sự hung bạo và đường lối sai trái, Thiên Ý sẽ được y thể hiện ra cũng trong một quốc gia đang trang trải các hậu quả của một quá khứ xấu xa, và người ấy sẽ ở trong số những kẻ bạc nhược đang dùng cách cai trị tàn bạo độc ác và đê tiện, bôi nhọ quốc gia đang cuu mang họ. Một lần nữa vai trò đã được vị Đại Tác Gia soạn thảo, còn việc có thể hoàn thành chính là do khả năng con người. Như thế là các tiểu Ý Chí hoạt động trong Đại Thiên Ý.

Kế đó, nhờ thấy rằng Ý Chí được định đoạt bởi động lực bị chi phối bằng các giới hạn của vật chất đang che bọc Chân -Ngã-tách-rời và bởi Chân Ngã nằm trong bọc vật chất như thế nên Chân Ngã chỉ vận dụng được một phần Ý Chí mà  
 327  
 thôi – vậy thì chúng ta muốn hàm ý điều gì khi nói đến tự do Ý Chí? Chắc chắn rằng chúng ta muốn nói là tự do phải được định đoạt từ bên trong, còn sự nô lệ bị định đoạt từ bên ngoài. Ý Chí được tự do khi Chân Ngã, do muốn hoạt động, nên rút động lực của nó dành cho ý muốn đó từ các cội nguồn nằm trong chính nó, chứ không phải động lực tác động lên nó từ các cội nguồn ở bên ngoài.

Và đây là tự do đích thực, vì Đại Ngã mà Chân Ngã đang hoạt động trong đó vốn là một với Chân Ngã, nói: “Ta là Cái Đó” (“I am That”). Còn cái Đại Ngã Bao La (vaster Self) mà Đại Ngã (greater Self) đang hoạt động trong đó vốn là một với Đại Ngã bao la hơn nữa, cũng nói: “Ta là Cái Đó”, cứ thế tiếp diễn, ngày càng lớn thêm nếu kể đến các hệ thống thế giới và các hệ thống vũ trụ. Tuy nhiên có thể nói cái “Ngã” thấp nhất (lowliest “I”) biết được rằng chính mình quay vào bên trong chớ không hướng ra ngoài và biết chính mình là một với Nội Ngã (Inner Self), tức Pratygatma, Đấng Duy Nhất, và do đó thực sự tự do. Nhìn ra ngoài, Nội Ngã đó bao giờ cũng thấy ràng buộc, mặc dầu các giới hạn của sự nô lệ của Ngài lùi xa vô tận, vô giới hạn. Nhìn vào trong, Nội Ngã đó bao giờ cũng tự do, vì Ngài là Brahman, Đấng Vĩnh Hằng (Eternal).

Khi một người được Chân Ngã định đoạt (Self-determined), lúc đó, chúng ta có thể nói rằng người ấy được tự do theo đủ mọi ý nghĩa mà từ ngữ “tự do” này có thể hàm chứa, và sự định đoạt bằng Chân Ngã (Self-determination) của người này không phải là sự trói buộc theo ý nghĩa gây bực bội của từ ngữ đó. Tôi muốn làm những gì ở tận thâm tâm tôi, những gì mà không có ai khác ép buộc tôi, những gì mang dấu vết phân biệt giữa tự do với ép buộc (bound). Vậy thì theo ý nghĩa này của chữ tự do, ta có thể nói rằng Ý Chí của chúng ta có được tự do hay không? Vì hầu như chỉ một ít người trong chúng ta có thể đòi hỏi cái tự do này một phần nhỏ mà thôi. Ngoài sự trói buộc đã nói ở trước đối với các mãnh lực hút và đẩy ra, chúng ta còn bị trói buộc bên trong các con kênh (channels) được tạo ra bởi các suy tưởng đã qua của chúng ta, bởi các thói quen của chúng ta – hầu hết là các thói quen của tư tưởng – do các đặc tính đã có và không có

được đưa lại từ tiền kiếp, do các điểm mạnh và điểm yếu bẩm sinh của chúng ta, do trình độ giáo dục của chúng ta và môi trường chung quanh ta, do các thúc đẩy nguy hại thuộc giai đoạn tiến hóa của chúng ta, do sự di truyền thể chất và các truyền thống chủng tộc và quốc gia của chúng ta.. Như vậy, chỉ còn một con đường hẹp mà Ý Chí chúng ta có thể đi qua thôi, bao giờ con đường đó cũng va vào dĩ vãng vì dĩ vãng hiện ra như những bức tường trong hiện tại.

Gần như là Ý Chí của chúng ta không có tự do. Nó chỉ ở trong tiến trình trở nên tự do. Ý Chí chỉ sẽ được tự do khi Chân Ngã đã hoàn toàn chế ngự được các hiện thể và dùng các hiện thể đó cho các mục tiêu riêng của nó, khi mọi hiện thể trở thành một hiện thể duy nhất, hoàn toàn đáp ứng với mọi xung lực của Chân Ngã, không còn là một con thú đang vật lộn, bị thương tích, với các dục vọng riêng của nó<sup>(1)</sup>. Khi Chân Ngã đã vượt qua được sự vô minh, đánh bại được các thói quen vốn là các dấu vết của sự vô minh trước kia, bấy giờ Chân Ngã mới được tự do, và bấy giờ người ta mới hiểu được ý nghĩa của câu nói nghịch lý này: “Trong khi phụng sự kẻ khác ta mới có được tự do hoàn toàn” (“in whose service is perfect freedom”). Vì lúc bấy giờ người ta mới nhận thức được rằng không có sự chia cách nào cả, không có Ý Chí tách rời nào cả, mà do Thiên Tính (Divinity) có sẵn của chúng ta, Ý Chí của chúng ta là một phần của Ý Chí Thiên Linh, và, chính Ý Chí Thiên Linh này đã ban cho chúng ta sức mạnh

---

<sup>1</sup> Điều này chỉ có thể làm được khi sự sống của Chân Ngã làm linh hoạt vật chất của các hiện thể của Chân Ngã, thay vì để cho loài tinh chất hành khí đang nỗ lực đi xuống (downward-striving elemental essence) làm cho linh hoạt, nghĩa là, khi định luật Tinh Thần của Sự Sống thay thế luật tội lỗi và tử vong.

trong suốt cuộc tiến hóa dài của chúng ta để xúc tiến cơ tiến hóa đó, và, hiểu được sự hợp nhất của Ý Chí là hiểu được sự tự do.

Chính nhờ theo các đường lối suy tư này mà một số người mới tìm được cách kết thúc cuộc tranh luận lâu đời giữa “sự tự do” của Ý Chí với thuyết định-mệnh (determinism, quyết-định-thuyết) và trong khi nhận ra được sự thật được thuyết định mệnh bênh vực, những người này cũng đã bảo tồn và bào chữa cho cái cảm giác cố hữu này: “Tôi được tự do, tôi không bị trói buộc gì cả”. Ý tưởng về nghị lực ngẫu phát đó, về mãnh lực tuôn tràn ra từ các ngõ ngách bên trong của bản thể chúng ta đó, được dựa trên chính cái bản chất của tâm thức, dựa trên cái “Ngã” (“I”) vốn là Chân Ngã (Self), mà Chân Ngã đó vốn thiêng liêng nên mới có tự do.

## 2- Lý do có quá nhiều đấu tranh.

Khi chúng ta nghiên cứu con đường tiến hóa lâu dài, tức diễn trình phát triển chậm chạp của Ý Chí, thì trong trí tất nhiên nảy sinh các câu hỏi: “Tại sao có mọi sự đấu tranh và khó khăn này? Tại sao có quá nhiều lỗi lầm và quá nhiều thất bại? Tại sao có sự nô lệ lâu dài này trước khi có thể đạt đến tự do?”

330 Trước khi trả lời các câu hỏi này, cần phải đưa ra một lập trường tổng quát. Đó là, để trả lời cho bất cứ câu hỏi nào, các giới hạn của câu hỏi đó phải được ghi nhớ, và câu trả lời đừng nên vội bị cho là không thích hợp chỉ vì nó không giải đáp được cho một câu hỏi khác lúc nào cũng có sẵn ở sau. Một câu trả lời cho một câu hỏi có thể là thích hợp nhưng không phải là câu trả lời cuối cùng cho mọi câu hỏi, đồng thời sự thích hợp của nó không được đánh giá đúng nếu nó

bị gạt sang một bên giống như là không trả lời cho một câu hỏi kế tiếp có thể được đưa ra. Hết phần nửa sự không hài lòng của nhiều đạo sinh là do sự bồn chồn thiếu nhẫn nại mà lại không có liên quan gì đến các câu hỏi theo bất cứ loại trật tự nào đang đến tới tập trong trí, mà chỉ đòi hỏi rằng tất cả các câu hỏi đó cần được trả lời ngay, và câu trả lời cho một câu hỏi phải bao hàm luôn tất cả các câu hỏi khác. Sự thích hợp của các phương tiện phải được phán đoán dựa theo cứu cánh mà các phương tiện này được phác thảo để mang lại. Trong mọi trường hợp, câu trả lời phải được xét đoán bằng sự thích hợp của nó đối với câu hỏi được nêu ra, chớ không phải bằng việc trả lời không của nó đối với một số câu hỏi hữu quan khác nằm ở hậu trí. Như vậy sự thích đáng của bất cứ phương tiện nào hiện có trong một vũ trụ phải được định đoạt bằng một cứu cánh xét thấy là phải được nhắm tới trong vũ trụ đó, và chúng đừng nên được phán đoán như thể chỉ được trình bày dưới hình thức một câu trả lời cho câu hỏi sau đây: “Tại sao có vũ trụ?” Câu hỏi này thực ra có thể được hỏi và trả lời, nhưng bằng chứng về sự thích hợp của một

331 phương tiện trong một vũ trụ đưa tới một mục đích, được thấy là cần phải nhắm tới trong vũ trụ đó, sẽ không phải là câu trả lời đó. Và không có bằng chứng nào cho thấy là câu trả lời cho câu hỏi ban đầu đó là không thích đáng, nếu người hỏi trả lời: “Vâng, nhưng tại sao phải có một vũ trụ?” Khi trả lời cho câu hỏi này: “Tại sao có các lỗi lầm và sa đoạ khi bước lên con đường tiến hóa?”, thì chúng ta phải xem vũ trụ như là có thực, như là một sự kiện mà ta phải bắt đầu và phải nghiên cứu nó ngõ hầu khám phá ra mục tiêu, hay là, ít nhất là một trong các mục tiêu mà việc nghiên cứu đang hướng tới. Tại sao nó có khuynh hướng về phía đó, như đã nói, là một câu hỏi tiếp theo và một trong các câu hỏi đáng quan tâm



nhiều nhất, nhưng chính là với mục tiêu được khám phá này mà chúng ta phải phán đoán các phương tiện được dùng để đạt tới nó.

Thậm chí nếu nghiên cứu qua loa về phân vũ trụ của chính chúng ta, ta cũng nhận thấy rằng, ít nhất, một trong các mục tiêu của nó – nếu không nói là mục tiêu của nó – là để sản xuất ra các sinh linh có trình độ trí tuệ cao siêu và có ý chí mạnh mẽ, có khả năng đóng một vai trò tích cực trong việc xúc tiến và hướng dẫn các hoạt động của Thiên Nhiên, và hợp tác trong hệ thống tiến hóa chung. Về sau việc nghiên cứu được xúc tiến nhờ khai mở được các đặc tính bên trong và dựa vào các kinh sách cổ xưa, chúng ta biết được rằng thế giới này không phải có một mình, mà chỉ là một trong hàng loạt thế giới khác nhau, nhân loại thuộc thế giới này đã được trợ giúp trong việc tiến hóa nhờ bởi những con người đã tiến hóa trước, và thế giới này phải sản xuất ra những con người phát triển cao của riêng nó để trợ giúp cho các thế giới non trẻ hơn hầy còn chưa ra đời. Hơn nữa, việc nghiên cứu đó cũng cho thấy rằng có một huyền giai rộng lớn, gồm các Đấng siêu nhân loại, đang hướng dẫn và dẫn dắt sự tiến hóa, và Thượng Đế Ba Ngôi, tức Đấng Cai Quản (Ruler) và là Đấng Chủ Tế của Thái Dương Hệ của Ngài, giữ vai trò là trung tâm vũ trụ của Ngài. Việc nghiên cứu cũng cho thấy rằng thành quả của một Thái Dương Hệ không những chỉ có một huyền giai vĩ đại các Đấng Thông Tuệ Đại Hùng, với các đẳng cấp huy hoàng từ trên xuống dưới trải rộng bên dưới các Ngài, mà còn có sự hoàn thiện tối cao của một Thượng Đế giống như cái vương miện của mọi sinh linh. Việc nghiên cứu này cũng mở ra hết viễn tượng này đến viễn tượng khác ngày càng huy hoàng hơn, còn các vũ trụ của mỗi Thái Dương Hệ chỉ là một thế giới và cứ như thế, trải ra một dãy luôn luôn

mở rộng với cái toàn vẹn huy hoàng vô giới hạn của sự sống vô tận. Và bây giờ nảy sinh câu hỏi: “Các Đấng Đại Hùng này tiến hóa bằng cách nào, các Ngài leo lên từ hạt bụi đến các ngôi sao, và từ các ngôi sao này (vốn là hạt bụi của các hệ thống còn lớn hơn) đến các ngôi sao, mà so với các hệ thống đó, các sao này giống như là hạt bùn của chúng ta so với mặt trời chúng ta?”

Cứ nghiên cứu như thế, đến lúc trí tưởng tượng cũng không tìm được con đường mà theo đó các Đấng tự quân bình (Self-poised), tự quyết (Self-determined) này có thể đạt đến sự thăng bằng hoàn hảo và sự chính xác vững chãi của minh triết, con đường đó làm cho các Ngài thích hợp để trở thành “mãnh lực thiên nhiên” (“nature”) của một hệ thống tiến hóa (system), quả thực chỉ có con đường đấu tranh và con đường kinh nghiệm đó mà ngày nay chúng ta đang cố gắng bước theo.

333 Nếu có thể có một Thượng Đế ngoại vũ trụ (extra-cosmic God) với bản chất nào khác hơn là bản chất của Chân Ngã mà chúng ta thấy đang khai mở chung quanh chúng ta trong sự chắc chắn hài hòa của một trình tự có liên kết, nếu có một Thượng Đế với bản chất bất thường và có con (irregular and fitful), hay thay đổi và độc đoán, không thể lường trước được, thì bây giờ từ trong cái hỗn mang đó có thể nảy ra một thực thể được gọi là “hoàn hảo”, nhưng thực ra bất toàn nhất, vì bị hạn chế nhất, thực thể này không có chút kinh nghiệm nào đằng sau y; do đó không có lý trí và không biết xét đoán, có thể giống như một cái máy hoạt động “một cách chính xác” trong (nghĩa là phù hợp với) bất cứ hệ thống đã định nào của các sự vật và phát ra, như một cái máy, đúng theo trình tự chuyển động đã được sắp xếp cho nó. Nhưng một thực thể như thế chỉ thích hợp với hệ thống vũ trụ của riêng

y, ngoài vũ trụ đó ra y sẽ trở nên vô dụng, vô năng. Ở đây cũng không có sự sống nào, vốn là sự tự thích ứng bằng cách thay đổi theo các tình trạng đổi thay mà không có sự mất mát, sự tan rã đối với trung tâm của nó. Nhờ con đường đây trở ngại mà chúng ta đang leo lên này, chúng ta đang chuẩn bị cho mọi trường hợp cấp thiết trong vũ trụ vị lai mà chúng ta có liên quan tới và đó là kết quả xứng đáng với các thử thách mà chúng ta được đặt vào.

Ở đây chúng ta đừng quên rằng bởi vì chúng ta đã quyết chí khai mở các quyền năng của chúng ta qua các kinh nghiệm của sự sống trên các cõi thấp; đừng quên rằng số phận (lot) của chúng ta là do ta tự chọn (self-chosen) chứ không phải bị áp đặt (not imposed); đừng quên rằng chúng ta đang ở tại cõi này là thể theo kết quả của “Ý-Muốn-Linh-Hoạt” (“Will-to-Live”) của chính chúng ta (của chính Chân Thần chúng ta-ND), đừng quên rằng nếu Ý-Muốn đó bị thay đổi – mặc dù trong thực tế nó không có khả năng thay đổi như thế – thì chúng ta sẽ chấm dứt việc sống ở cõi này và trở lại chốn An Bình (the Peace), không thu lượm được kết quả nào mà vì muốn có kết quả đó, ta mới đến cõi này, “Không một ai khác bản thân ta ép buộc được ta” (“None else compels”).

### 3- Quyền năng của Ý Chí.

Trong Huyền Linh Học (Occultism) người ta đã từng nhận biết huyền năng này dưới hình thức năng lượng tinh thần (spiritual energy) trong con người, nó cùng loại với năng lượng đang xạ ra, đang nâng đỡ và đang tạo ra các thế giới mà hiện nay thế giới bên ngoài đang dò dẫm tìm kiếm và đang được nhiều người sử dụng gần như một cách vô ý thức dưới hình thức một phương tiện mang lại các kết quả không

thể đạt được bằng cách nào khác. Các trường phái của Khoa Học Cơ Đốc (Christian Science), Khoa Tâm Thần Học (Mental Science), Chữa Trị Tâm Thần (Mind-Cure) v.v.. tất cả có được kết quả đều nhờ dựa vào quyền năng lưu xuất (the outflowing power) của Ý Chí này. Nhiều bệnh tật đều lui bước trước dòng năng lượng đó, và do đó không phải chỉ là các xáo trộn thần kinh như một số người tưởng lầm. Các xáo trộn thần kinh lui bước dễ dàng nhất, bởi vì hệ thần kinh được tạo ra để cho các quyền năng tâm linh biểu hiện trên cõi trần. Kết quả sẽ đạt được nhanh nhất khi nào hệ thần kinh giao cảm được tác động trước tiên, vì đó là hệ thống có liên quan trực tiếp với trạng thái Ý Chí dưới hình thức Dục Vọng, trong khi hệ thần kinh não tủy có liên hệ trực tiếp hơn với các trạng thái Nhận Thức (Cognition) và trạng thái Ý Chí thuần túy. Việc làm tan các cục bướu (tumours), các ung thư (cancers) v.v.. và trừ căn các bệnh đó, chữa trị các vết thương và các chỗ gãy xương, hầu hết đều hàm ý có sự hiểu biết đáng kể về phía người chữa trị. Tôi nói “hầu hết” (“for the most part”) bởi vì có thể là Ý Chí được dẫn dắt từ cõi cao, thậm chí ở nơi mà kiến thức ở cõi trần không có được như

335 trong trường hợp của một nhà giải phẫu ở trình độ tiến hóa cao. Khi có được sự hiểu biết đó thì phương pháp chữa trị sẽ như sau: nhà giải phẫu dùng trí tạo ra một hình ảnh hoàn toàn khỏe mạnh của cơ quan cần chữa trị bằng năng lực tưởng tượng, y tạo ra phần đó bằng chất trí, kể đó y đắp thêm chất cảm dục vào hình ảnh đó, nhờ thế làm cho hình ảnh dày đặc hơn, rồi kể đó dùng từ lực làm cô đặc thêm nữa bằng chất dĩ thái, đắp các chất liệu trọng trọc hơn như các chất khí, lỏng và đặc vào cái khuôn này bằng cách dùng các chất liệu có sẵn trong thể xác và từ bên ngoài đắp thêm bất cứ chỗ khiếm khuyết nào. Trong mọi việc này, Ý Chí là năng lượng

hướng dẫn, còn việc vận dụng chất liệu như thế chỉ là một vấn đề hiểu biết, dù cho ở cõi này hay trên các cõi cao. Không hề có nguy hiểm nào trong các chữa trị được tiến hành theo phương pháp này, do chỗ chỉ tác động trên hệ thần kinh giao cảm đã nói ở trên.

Trong một số phương pháp được phổ cập hiện nay, hành giả được khuyên tập trung tư tưởng vào bí huyết nhật tùng (solar plexus, bí huyết đơn điền) (1) và “sống dưới sự kiểm soát của bí huyết này”. Hệ thần kinh giao cảm chi phối các tiến trình sự sống – như việc hoạt động của tim, phổi, bộ máy tiêu hóa – và nhật tùng tạo thành bí huyết quan trọng nhất của hệ giao cảm. Như đã giải thích ở trước (Phần I, ch.X, 1) việc hoạt động của các tiến trình sự sống này được đặt 336 dưới sự kiểm soát của hệ thần kinh giao cảm theo tiến trình tiến hóa hiện nay, trong khi hệ thần kinh não tủy trở nên ngày càng quan trọng hơn. Việc phục hồi sự kiểm soát của hệ giao cảm bằng Ý Chí, bằng tiến trình tập trung tư tưởng vào đó, là một thoái bộ chớ không phải là một bước tiến, cho dầu nó thường mang lại một mức độ nhần thông nào đó. Như đã nói, phương pháp này được nhiều người ở Ấn Độ trong hệ phái được gọi là Hatha Yoga, đi theo, khi đó, hành giả học cách kiểm soát sự hoạt động của tim, phổi và bộ máy tiêu hóa. Như vậy hành giả có thể ngăn không cho tim đập, phổi ngưng thở, có thể đảo ngược nhu động (2) (peristaltic action) vv... Khi làm được điều này, một câu hỏi nảy sinh: Với sự

---

1 Tùng (plexus): đám rối, tức là hệ thống mô sợi hay mạch máu.

Solar plexus: Mạng lưới thần kinh (đám rối) ở bụng, dưới rốn độ mười phân.(ND)

2 Nhu động: hoạt động co thắt của ruột, giống hình con sâu (nhu) đang di chuyển, để loại bỏ chất ra ngoài cơ thể. (ND)

thành công đó, bạn thu lượm được gì? Một lần nữa, bạn đưa vào, dưới sự kiểm soát của Ý Chí, một hệ thống mà trong diễn trình tiến hóa, hệ thống đó đã được làm cho trở thành tự động, đem lại tiện lợi rất nhiều cho người chủ của các chức năng thấp kém này, và như thế là bị tụt hậu trong cơ tiến hóa. Khi làm được điều này có nghĩa là cuối cùng sẽ thất bại, cho dù có thể tạm thời có một kết quả rõ rệt để phô trương.

Hơn nữa, việc tập trung tư tưởng vào một trung tâm của hệ thần kinh giao cảm, và nhất là, vào bí huyết nhật tùng, có nghĩa là tạo ra một nguy hiểm trọng đại cho thể xác, trừ phi hành giả được đặt dưới sự theo dõi trực tiếp của sư phụ y, hoặc là hành giả có thể nhận được và đưa qua bộ óc xác thịt các giáo huấn từ cõi cao được ban xuống cho y. Việc định trí vào bí huyết nhật tùng có khuynh hướng gây ra bệnh tật thuộc loại khó trị. Bệnh phát ra dưới hình thức ưu-tư cùng cực (profound melancholy) hầu như không thể hóa giải dưới hình thức những cơn trầm cảm khủng khiếp (terrible depression) và đôi khi ở dưới hình thức gây tê liệt (paralysis). Một hành giả nghiêm túc không nên đi theo các đường lối này để có được sự hiểu biết về Chân Ngã. Khi có được sự hiểu biết đó thì xác thân trở thành khí cụ mà Chân Ngã có thể tác động lên, tất cả những gì cần làm khi đó là thanh luyện và thanh lọc xác thân, sao cho xác thân đó có thể hòa hợp được với các thể cao và được sửa soạn để rung động nhịp nhàng với các thể cao đó. Như thế bộ óc sẽ được làm cho dễ đáp ứng hơn, và nhờ việc suy tư cần mẫn và thực hành thiền định – không dựa trên bộ óc, mà là dựa trên các ý tưởng cao siêu – bộ óc sẽ dần dần được cải thiện. Bộ óc trở thành một cơ quan hoàn hảo hơn khi nó được luyện tập và nó đang ở trên đường tiến hóa. Trái lại, tác động trực tiếp trên mạng lưới thần kinh của hệ giao cảm là ở trên con đường thoái hóa (retrogression).

Nhiều người đến, nài xin được cứu ra khỏi các hậu quả của cách thực hành này, và người ta chỉ có thể trả lời một cách buồn bã: “Phải mất nhiều năm mới xóa bỏ được hậu quả đau buồn này”. Có thể đạt được kết quả mau lẹ bằng cách đi về phía sau, nhưng tốt hơn là tìm hướng đi lên, và tiếp theo là vận dụng cái khí cụ hồng trần từ bên trên, chớ không phải từ bên dưới.

338 Trong việc chữa trị bệnh tật bằng Ý Chí, có một vấn đề khác cần được xem xét, đó là trong khi đuổi bệnh ra khỏi thể xác, có thể gặp nguy hiểm là đưa bệnh tật vào một thể cao hơn. Thường thường bệnh tật là kết thúc cuối cùng của một điều tệ hại (evil) vốn có từ trước trên các cõi cao và bấy giờ cách tốt hơn hết là để cho nó kết thúc như thế hơn là ngăn trở nó bằng sức mạnh và ném nó trở lại vào thể tinh anh hơn. Đó là cái kết thúc sau cùng của một ham muốn tệ hại hay tư tưởng xấu xa, và trong trường hợp này, việc dùng phương tiện chữa trị bằng vật chất lại an toàn hơn là dùng phương tiện trí não, vì cách trước không thể ném bệnh tật trở lại các cõi cao, trong khi cách sau có thể làm được như thế. Chữa trị bằng từ điển không lâm vào cái nguy hiểm này vì nó thuộc về cõi trần. Bất cứ người nào có đời sống, tư tưởng và ham muốn trong sạch đều có thể sử dụng phương pháp này. Nhưng vào lúc mà các mãnh lực của Ý Chí được tuôn đổ vào cõi trần, thì có một mối nguy hiểm của sự phản ứng và của việc đẩy bệnh tật trở lại các thể tinh anh mà từ đó nó xuất phát.

Nếu việc chữa trị bằng trí được thi hành bằng cách thanh lọc tư tưởng và dục vọng, thì sự tác động yên tĩnh tự nhiên của các tư tưởng và dục vọng đã được thanh lọc lên thể xác không thể gây ra hậu quả tai hại nào. Phục hồi sự hài hòa cho thể xác bằng cách tạo hài hòa cho thể trí và thể cảm dục là

một phương pháp đúng để chữa trị bằng trí, nhưng nó không nhanh như cách chữa trị bằng Ý Chí và khó hơn nhiều. Thể trí có trong sạch thì thể xác mới lành mạnh và chính ý tưởng này – trí được trong sạch, xác mới được lành mạnh – đã đưa nhiều người đến chỗ chấp nhận các phương pháp chữa trị bằng trí này.

339 Người nào có tâm trí hoàn toàn trong sạch (pure) và hoàn toàn quân bình (balanced), sẽ không làm nảy sinh (generate) bệnh hoạn mới trong thể xác, mặc dầu người ấy có thể có nghiệp quả chưa cạn kiệt nào đó cần được trang trải, hoặc là người đó có thể thu nhận vào chính mình một số các bất hài hòa do kẻ khác gây ra. Trong sạch và khỏe mạnh quả thật đi đôi với nhau.

Khi có trường hợp một vị thánh nào đó chịu đau đớn về xác thân, thì đó là trường hợp hoặc là vị này đang thanh toán hậu quả của tư tưởng thiếu tốt lành trong quá khứ, hoặc là đang mang trong chính ngài cái bất hài hòa của thế gian, chuyển qua cho chính ngài các mãnh lực bất hài hòa đó, làm cho chúng thành hài hòa trong chính các hiện thể của ngài và phóng chúng ra lại dưới hình thức các luồng sức mạnh an bình thiện chí. Nhiều người lấy làm khó hiểu khi thấy có người rất cao thượng và rất trong sạch lại bị đau khổ cả về tâm trí lẫn xác thân. Họ đau khổ vì người khác chớ không phải vì chính họ, và họ thực sự là các nhà Huyền linh học (White Magicians), bằng sự siêu chuyên tinh thần trong các lò luyện bằng xác thân gánh chịu đau khổ của mình, các Ngài chuyển hóa các kim loại tầm thường tức là các đam mê của con người thành vàng ròng tức là bác ái và an bình.

Ngoài câu hỏi về cách tác động lên xác thân bằng Ý Chí, một câu hỏi khác nảy sinh trong đầu óc biết suy tư: Có nên dùng Ý Chí theo cách này để tự giúp chính mình không? Phải



340 chẳng không có việc giảm giá trị khi dùng quyền năng cao siêu nhất của Đấng Thánh Linh (Divine) bên trong chúng ta vào việc phụng sự xác thân chúng ta để mang lại chỉ một tình trạng sức khỏe tốt đẹp mà thôi? Có tốt đẹp chẳng khi Đức Thánh Linh phải đổi đá thành bánh mì để rồi thất bại dưới chính sự cám dỗ mà Đức Christ đã chống lại? Câu chuyện này có thể được xem là có thật hay là huyền thoại đều không thành vấn đề. Nó có chứa một chân lý tâm linh sâu xa và một trường hợp tuân theo một định luật huyền linh. Câu trả lời của kẻ bị thử thách vẫn đúng: “Con người không phải chỉ sống bằng bánh mì, mà còn bằng mọi lời nói phát ra từ miệng của Đức Chúa Trời” (“Man does not live by bread alone, but by every word that proceedeth out of the mouth of God”). Giáo điều (ethic) này dường như thuộc về cõi cao siêu hơn là cõi đang ràng buộc Thánh Linh vào việc phụng sự thể xác. Một trong các nguy hại của thời nay là tôn thờ xác thân, đặt xác thân lên tận đỉnh cao – đây là một phản ứng lại việc khổ hạnh thái quá. Khi dùng Ý Chí phụng sự xác thân là chúng ta biến Ý Chí thành nô lệ cho xác thân. Và khi lúc nào cũng dùng Ý Chí để xua đi những cái đau nho nhỏ, thì vô tình làm mất đi tính chất cao siêu của việc chịu đựng. Người nào hành động như thế thường thì hay nổi nóng vì những cái khó chịu nhỏ ở xác thân mà Ý Chí không thể xua đi được, và cái quyền năng cao siêu của Ý Chí vốn có thể kiểm soát xác thân và nâng đỡ nó trong công việc ngay cả trong lúc nó bị đau khổ, lại bị xói mòn đi. Việc do dự khi dùng quyền năng của Ý Chí để làm giảm nhẹ nhu cầu xác thân không xuất phát từ bất cứ sự nghi ngờ nào đối với sự lành mạnh của tư tưởng, tính chất thực tế của thiên luật mà hành động như thế dựa vào, mà là xuất phát từ sự e ngại rằng con người có thể rơi vào sự cám dỗ để dùng những gì có thể nâng họ lên đến các lĩnh vực tâm

linh dưới hình thức kẻ chăm sóc thể xác, và như vậy có thể  
 341 trở thành những kẻ nô lệ của xác thân, và trở nên trợ trợ khi  
 mà xác thân không giúp họ được trong lúc cần thiết.

Có một định luật huyền linh ràng buộc mọi Đệ Tử được  
 Điểm Đạo ấy là vị Đạo Đồ không được phép dùng quyền  
 năng thần bí (occult power) để tự giúp riêng mình; nếu làm  
 thế vị Đạo Đồ sẽ mất đi năng lực giúp đỡ kẻ khác, và thật là  
 không đáng chút nào khi mất đi cái lớn mà chỉ lấy được cái  
 nhỏ. Câu chuyện thường được nói đến về sự cám dỗ của Đức  
 Christ có một ý nghĩa cao xa hơn là hầu hết người ta hiểu.  
 Nếu Ngài đã dùng năng lực huyền bí của Ngài để biến đá  
 thành bánh mì hầu giúp cho Ngài qua cơn đói, thay vì dùng  
 nghị lực kiên nhẫn chờ thực phẩm do các Thiên Thần  
 (Shining Ones) mang lại, thì sau này Ngài sẽ không có khả  
 năng chịu đựng được sự hy sinh huyền bí trên Thập Giá. Bởi  
 đó, lời châm chọc được hướng vào Ngài có chứa đựng một  
 chân lý huyền linh: “Ngài cứu được kẻ khác, mà không thể  
 cứu được chính Ngài”. Ngài không thể dùng cái quyền năng  
 đã làm sáng mắt người mù và chữa lành người hủi để tránh  
 cho chính Ngài sự đau khổ được. Những ai muốn tự cứu  
 mình thì phải từ bỏ cái sứ mệnh thiêng liêng (divine mission)  
 trở thành Đấng Cứu Thế (Saviours of the world). Họ phải  
 chọn giữa nhiệm vụ này với nhiệm vụ kia khi họ tiến tới. Nếu  
 trong lúc tiến hóa, họ chọn nhiệm vụ thấp và dùng các quyền  
 năng to tát mà họ đã đạt được để phụng sự cho chính họ và  
 cho xác thân họ, thì bây giờ họ phải từ bỏ nhiệm vụ cao cả  
 hơn là dùng các quyền năng đó cứu độ nhân loại. Hiện nay  
 có một hoạt động trí tuệ rộng lớn đến nỗi cần dồn hết mọi  
 năng lực của hoạt động đó vào các mục đích cao siêu nhất.

#### 4- Huyền linh thuật và Hắc thuật.

Huyền thuật (magic) là việc sử dụng Ý Chí để hướng dẫn các mãnh lực của thiên nhiên bên ngoài, và đúng như tên gọi của nó, đây là một khoa học vĩ đại. Ý chí con người, vốn là sức mạnh của Đấng Thánh Linh trong con người, có thể khuất phục và kiểm soát các sức mạnh thấp kém (inferior energies) và như vậy mang lại các kết quả mong muốn. Sự dị biệt giữa Huyền Linh Thuật (White Magic) với Hắc Thuật (Black Magic) nằm trong động lực (motive) vốn định đoạt Ý Chí. Khi Ý Chí đó được đề ra để đem lại lợi ích cho nhiều kẻ khác, để trợ giúp và mang đến phúc lạc cho tất cả những ai đến trong phạm vi của Ý Chí đó, thì bấy giờ ta có Nhà Huyền Linh thuật (White Magician), còn kết quả mà người này mang lại bằng việc thực hành Ý Chí được huấn luyện của mình sẽ đem lại lợi ích đồng thời giúp vào dòng tiến hóa của nhân loại. Nhờ thực hành như thế, nhà huyền linh thuật bao giờ cũng rộng mở, trở nên ngày càng ít tách rời đồng loại của mình, và trở thành một trung tâm cứu trợ rộng lớn.

Nhưng khi Ý Chí được dùng cho cái lợi của phạm ngã, dùng vào các mục đích cá nhân, thì bấy giờ đó là Nhà Hắc Thuật, một mối nguy cho nhân loại, các kết quả của y chỉ gây cản trở và trì hoãn sự tiến hóa của nhân loại. Do hành động như thế, y luôn luôn thu hẹp lại và ngày càng tách khỏi đồng loại của y, tự nhốt kín trong cái vỏ, làm cho y bị cô lập và cái vỏ này trở nên ngày càng dày đặc và trọng trực hơn theo cùng với việc tập luyện quyền năng. Ý Chí của Nhà Pháp Thuật (Magician) bao giờ cũng mạnh, nhưng Ý Chí của Nhà Huyền Linh Thuật thì mạnh theo cùng với sức mạnh của sự sống, uyển chuyển khi cần, cứng rắn khi cần, nhưng bao giờ cũng đồng hóa với Ý Chí vĩ đại, với Thiên Luật của vũ trụ. Ý

Chí của Nhà Hắc Thuật có được sức mạnh sắt đá, bao giờ cũng hướng về mục đích cá nhân, chống lại với Thiên Ý, không sớm thì muộn cũng tự vỡ tan thành từng mảnh trước Thiên Ý. Chính vì cái nguy hại của Hắc Thuật mà đạo sinh Huyền linh học được Thiên luật bảo vệ để chống lại Hắc Thuật, Thiên Luật ngăn cấm đạo sinh dùng các quyền năng thần bí của mình cho chính mình, vì không một ai trở thành Nhà Hắc Thuật nếu kẻ đó không cố tâm lấy Ý Chí cá nhân của mình chống lại Thiên Luật, ai cũng nên biết rõ cái bản chất của Hắc Thuật và nên ngăn chặn từ chính lúc bắt đầu sự ác.

Như đã nói ở trên, vị thánh là người đem lại hài hòa cho các mãnh lực bất hài hòa trong chính Ngai, thực sự đó là Nhà Huyền Linh Thuật, còn nếu vị này dùng tất cả các sức mạnh có được nhờ hiểu biết, đưa chúng vào việc phụng sự cho tính chất chia rẽ của riêng mình, làm tăng thêm sự bất hài hòa của thế gian bằng sự tham lam ích kỷ của mình, trong khi tìm cách bảo toàn sự hài hòa trong các hiện thể riêng của mình, thì đó là Nhà Hắc Thuật.

### 3- Tiến vào cõi an bình.

344 Khi Chân Ngã đã phát triển đến mức nó đứng dừng trước các hiện thể mà Chân Ngã trú ngụ trong đó để cho rung động của các hiện thể đó không còn tác động đến Chân Ngã nữa. Khi Chân Ngã có thể dùng các hiện thể này vào bất cứ mục tiêu nào; khi cái thấy của Chân Ngã trở nên thấu suốt hoàn toàn; khi các hiện thể không còn tỏ ra đối kháng nữa vì sự sống hành khí (elemental life) đã rời khỏi chúng rồi và chỉ có sự sống đang tuôn tràn từ chính Chân Ngã làm sinh động các hiện thể, thì lúc bấy giờ sự an bình (Peace) mới bao phủ Chân Ngã và mục tiêu đấu tranh có từ lâu nay mới được đạt

tới. Nhờ được an trụ vào Chân Ngã (Self-centred), một người như thế mới không còn lằm lộn chính mình với các hiện thể của mình nữa. Các hiện thể đó giờ đây trở thành các dụng cụ để cho Chân Ngã tùy ý hoạt động và sử dụng. Lúc đó con người mới hiểu được sự an bình của Chân Sư (Master), tức là Đấng hoàn toàn làm chủ (master) các hiện thể của Ngài, do đó làm chủ được sự sống và cái chết. Một người như thế có khả năng thu nhận vào các hiện thể của mình sự xáo trộn của thế gian và có khả năng đưa sự xáo trộn đó vào hài hoà. Một người như thế có khả năng cảm nhận xuyên qua các hiện thể của mình, những nỗi đau của kẻ khác mà chính mình không bị đau khổ nhờ đã tách mình ra khỏi mọi phong ba. Tuy nhiên, bao giờ người này cũng có thể cúi xuống đi vào con bão để nhắc kẻ khác lên mà không mất đi chỗ bám của chính mình trên tảng đá của Đấng Thánh Linh, nhờ biết rõ chính mình là chính Đấng Thánh Linh. Thật sự đó là các Chân Sư, và sự an bình của các Ngài đôi khi được cảm nhận, ít nhất trong một lúc, bởi những người đang cố gắng bước lên cùng con đường, tuy những người này chưa đạt đến cùng tảng đá của Đấng Thánh Linh bằng Chân Ngã thức (Self-conscious Divine).

Sự hợp nhất đó của Ý Chí riêng rẽ với Ý Chí duy nhất để giúp đỡ thế gian là mục tiêu dường như đáng đạt đến hơn là bất cứ điều gì có thể có được ở thế gian. Đừng gây chia rẽ giữa con người, mà hãy hợp nhất với họ, đừng tranh đoạt sự an bình và phúc lạc một mình, mà hãy nói như Đấng Ban Phúc của Trung Hoa (Chinese Blessed One): “Không bao giờ Ta vào chốn an bình một mình, mà luôn luôn và bất cứ nơi nào Ta sẽ chịu đau khổ và cố gắng cho đến khi mọi người cùng được an bình như ta” – đó là cái vương miện của con người. Trong sự cân xứng chúng ta có thể hiểu được rằng cái

đau khổ và nỗ lực càng hữu hiệu hơn khi chúng ta đau khổ vì cái đau của kẻ khác chứ không cảm thấy đau cho chính chúng ta, thì chúng ta sẽ càng gần với Đấng Thánh Linh, sẽ bước lên “con đường đạo mỏng như dao cạo” (“razor path”) mà các Đấng Cao Cả đã từng bước lên và sẽ thấy rằng Ý Chí (vốn đã dẫn dắt chúng ta theo con đường đó và hiểu được chính nó trong khi bước trên con đường đó) đã đủ mạnh để tĩnh lặng trước đau khổ và trước cố gắng, cho đến khi sự đau khổ và chiến đấu cho mọi người đã chấm dứt và mọi người đều tiến vào chốn An Bình./.

## NGUYỆN CẦU VẠN VẬT THÁI BÌNH

**(Peace To All Beings)**